HIỆN TƯỢNG
NGUYỄN HỮU LIÊM

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU HAY MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ MÔI TRƯỜNG TRIẾT HỌC TẠI VIỆT NAM 5
Một số điểm đáng lưu ý trong bài viết 9

HIỆN TƯỢNG NGUYỄN HỮU LIÊM 11

A. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM 12
I. Trình độ hiểu từ Hán-Việt của GS NHL 13
1. Long Thụ 龍樹 là con rồng già? 13
2. Chữ 'chính' 政 trong 'chính trị' 政治 là 'chính đáng' 正當, 'chính nghĩa' 正義 ? 13
3. Phân biệt Trí Tuệ và Trí Huệ? 14
II. Trình độ tiếng Đức của GS NHL 16
III. Kết luận về trình độ ngoại ngữ của GS NHL 20

B. CƠ SỞ KIẾN THỨC CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM 22
I. Thế nào là làm việc một cách khoa học trong triết học? 22
II. Cơ sở kiến thức của GS NHL 25
1. Cách sử dụng thuật ngữ triết học của GS NHL 25
a. GS NHL và từ Geist 25
b. Thuật ngữ do GS NHL tạo ra 29
2. Dịch sai các đoạn văn trích từ các triết gia khác nhau 35
a. Các trích dẫn từ các tác giả và triết gia không phải Hegel 35
b. Cách GS NHL hiểu những đoạn văn của Hegel 48
3. GS NHL và khoa học tự nhiên 65
III. Kết luận cho phần B 83

C. GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM VÀ HỌC THUYẾT LIÊMISM 86
I. Học thuyết Lịch sử của Hegel qua lời kể của GS Nguyễn Hữu Liêm 86
II. Học thuyết 'Thời Quán' của giáo sư NHL 99

III. Học thuyết Xa Luân Việt Nam của giáo sư NHL 105
IV. Vài góc nhìn về văn hoá Việt Nam của GS NHL 111
1. Văn chương Việt Nam của cái nhìn của GS NHL 111
2. Âm nhạc Việt Nam qua cái nhìn của GS NHL 115
V. Kết luận 124

D. GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM VIẾT VỀ KANT 125
I. Khả năng đọc Kant bằng ngoại ngữ của GS NHL 125
II. GS NHL phê phán luân lí học của Kant 130
III. Kant và vai trò của ngôn ngữ trong tư duy 134
IV. Sử tính trong triết học Kant 138
V. Học thuyết chính trị của Kant 142
VI. Kết luận cho bài phản biện Kant của GS NHL 146

E. TỔNG KẾT 147
Vài lời cuối đến độc giả 152

TÀI LIỆU THAM KHẢO 154
Các tác phẩm của ông Nguyễn Hữu Liêm 154
Các tác phẩm của Hegel 154
Các tác phẩm khác 155

PHỤ LỤC 156
Giáo sư Nguyễn Hữu Liêm: Trưởng khoa triết học Đại học San José? 156
Về bằng tiến sĩ 'Triết học' của GS NHL 158
Luận án Tiến Sĩ của ông NHL 165
Kiều và chúa Jesus: Một vài trích đoạn từ các tác phẩm của ông NHL 169
Kiều và Chúa Jesus 169
Chữ 'Being' và phê bình ngôn ngữ của ông NHL 172
Sự trình diễn của các chữ 'Thời' 172
So sánh một số đoạn dịch tiếng Anh của ông NHL 174
1. Các trích dẫn từ các tác giả và triết gia không phải Hegel 174
2. Cách GS NHL hiểu những đoạn văn của Hegel 178
3. Những trích dẫn của Kant 184

LỜI NÓI ĐẦU HAY MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ MÔI TRƯỜNG TRIẾT HỌC TẠI VIỆT NAM

In primisque hominis est propria veri inquisitio atque investigatio.
Cicero (106 – 43 BC)

Sau một số bài viết gần đây trên trang Bảo Tích và trước một bài viết như thế này, chúng tôi nghĩ rằng một lời nói đầu như ở đây là cần thiết. Trong phần này, chúng tôi muốn nêu lên mục đích của mình khi viết những bài viết như thế này và cùng với đó nêu ra một vài quan sát và suy nghĩ của riêng chúng tôi về môi trường triết học tại Việt Nam.

Chúng tôi cần phải nói rõ tất cả những điều này là bởi e rằng những bài viết như thế này sẽ bị quy kết vào một 'động cơ không trong sáng', như người ta thường gọi, hay một thuyết âm mưu nào đó. Nhìn nhận một cách rõ ràng và khách quan, chúng tôi không được lợi ích gì khi thực hiện những bài viết này. Ngược lại, ngoài việc phải đầu tư thời gian và công sức để đọc những thứ không có giá trị gì cả và viết về chúng, chúng tôi cũng ý thức rõ ràng rằng những bài viết giống như thế này sẽ làm phật lòng, gây khó chịu đến những người liên đới và mạng lưới quan hệ của họ, tức sẽ khiến chúng tôi càng nhận được thêm nhiều sự ganh ghét, căm thù hơn. Vậy thì tại sao chúng tôi vẫn quyết định làm những điều như thế này? Câu trả lời ở đây đơn giản là chúng tôi coi những việc này là những việc nên làm.

Độc giả hẳn đã quen thuộc với suy nghĩ mà John Stuart Mill từng trình bày trong một bài diễn thuyết: 'Để thực hiện được những mục đích của mình, kẻ ác chẳng cần gì khác ngoài việc những người tốt đứng nhìn và không làm gì cả'. Tất nhiên, tự gọi mình là 'người tốt' là một sự ngạo mạn. Nhưng chúng tôi không thể im lặng về những sự sai trái, gian dối đang hoành hành mà chúng tôi có bằng chứng rõ ràng. Chúng tôi tự hỏi, nếu

những người có kiến thức không nêu lên tiếng nói cho điều mình đã thấy thì vai trò cho xã hội của họ là gì.

Chúng tôi nghĩ không ai thích cảm giác bị lừa, và gian dối là một trong những điều mà con người ta căm ghét nhất. Song đôi lúc, chúng tôi không khỏi cảm thấy phản ứng của người Việt đối với sự gian dối có gì đó không nhất quán, người ta có thể giận dữ, phẫn nộ trước sự giả dối trong kinh doanh hay quảng cáo sai sự thật, nhưng hoàn toàn dửng dưng trước sự giả dối trong sách vở, học thuật, loại 'thức ăn tinh thần' mà chúng tôi nghĩ là quan trọng không kém gì thức ăn vật chất. Cùng với sự phát triển của các công cụ dịch thuật tự động như Google Dịch hay các công cụ AI như ChatGPT thì có lẽ tình trạng hỗn loạn trong thị trường sách vở triết học tại Việt Nam có lẽ sẽ chỉ trầm trọng hơn. Trong một bài viết gần đây, chúng tôi đã cho thấy rằng có một dịch giả, tương đối nổi tiếng trong lĩnh vực dịch sách triết học, thực ra hoàn toàn không có kiến thức gì về tác giả mình đang dịch và chỉ sử dụng Google Translate, với những lỗi sai nghiêm trọng nhất của công cụ này; kèm theo đó là một sự gian trá rõ ràng khi người này dịch văn bản tiếng Anh (bằng Google Translate) nhưng lại nói rằng mình dịch từ tiếng Đức. Độc giả yêu triết học của Việt Nam không đáng phải chịu đựng tất cả những sự giả dối này.

Nếu như một giải pháp đối thoại mềm mỏng nếu có thể giải quyết được vấn đề thì đây đã chẳng còn là những điều đáng nói. Nhưng như chúng ta có thể thấy, sự cần thiết của việc thu hồi những chất độc đã lan tỏa trong hệ thống mạch máu tri thức tại Việt Nam còn là điều mà người ta không dễ dàng công nhận (không (cần) thu hồi những bản dịch kém chất lượng, không (cần) đính chính những sai sót trong sách dịch, không (cần) kiểm định chất lượng bản dịch v.v). Trong bối cảnh này, chúng tôi nghĩ rằng việc viết góp ý đơn thuần hay đối thoại mềm mỏng không còn có tác dụng gì nữa. Đó là còn chưa kể, những kẻ đã đầu độc cái môi trường này không bao giờ nghĩ gì đến hậu quả và tác động của những việc mà mình đã làm. Chừng nào chưa bị phát hiện thì những người kia sẽ không thay đổi thủ đoạn và hành vi của mình, và nếu bị phát hiện thì họ cũng không cần quan tâm đến

việc xử lí hậu quả đã xảy ra, đơn giản là vì những người này chưa từng nghĩ tới độc giả đọc những sản phẩm do mình đã viết, đã dịch.

Xem xét tới tất cả những điều trên, một bài viết như thế này phải được viết ra. Những hậu quả đã được gây ra là lớn, nhưng vẫn còn là vô cùng nhỏ nếu nghĩ đến các thế hệ tương lai. Chúng tôi không trầm trọng hóa vấn đề. Sự thật là trong khi tất cả mọi người có thể vui vẻ hài lòng với những gì đang có, người cần danh được danh, người cần lợi được lợi, người vô tri yên lòng với sự vô tri, người hoài nghi có thể luôn luôn trì hoãn phán đoán của mình, thì thứ bị tổn thương duy nhất chính là thế hệ tương lai. Thế hệ tương lai, những người sinh trưởng từ, trong, hoặc bằng tiếng Việt, sẽ lãng phí thời gian và hao mòn trí lực khi phải vẫy vùng, ngụp lặn trong mớ ngụy học thuật được gán nhãn thần tượng và dân tộc. Với tình trạng chất lượng sách vở không được kiểm soát như vậy, độc giả không có kiến thức triết học sẽ đọc những thứ được dán mác là 'Kant', 'Hegel' và 'Wittgenstein' và tưởng đây thực sự là kiến thức về những triết gia này, trong khi thực sự thì những gì viết trong đó toàn là bịa đặt, là những điều hoàn toàn không liên quan đến những triết gia này. Ai may mắn không lấy sở tri làm sở chấp, đến khi đủ can đảm thừa nhận rằng mình đã bị lừa, sẽ lại phải tốn chừng ấy thời gian, có khi hơn, để tẩy trừ những tập khí cũ và sau đó thì phải bắt đầu lại từ đầu, nếu như họ vẫn còn muốn học. Nhưng nếu những người này dám cả gan khuyên ai đó đừng theo lối mòn sai lầm bị dựng nên bởi những nguỵ thánh ấy thì sẽ ngay lập tức bị vùi dập bởi những kẻ tôn vinh cái giờ đây đã là truyền thống và huyền thoại. Viễn cảnh này có thể được lặp lại đến mãi mãi trong một cái vòng xoáy ác nghiệt. Như đã nói, những gì ta mắc nợ là thế hệ tương lai.

Một nền triết học luôn có lịch sử, có truyền thừa hàn lâm minh bạch, có tiêu chuẩn khoa học rõ ràng; không có gì xuất phát từ hư không. Khi người ta gọi mọi thứ thượng vàng hạ cám là 'triết học', chỉ để xoa dịu một nỗi tủi thân hay mặc cảm tự ti là mình không có 'triết học', thì khi đó 'triết học' đánh mất ngay cái giá trị và tôn nghiêm mà người ta muốn gán cho nó. Khi trong một lớp học mà tất cả học sinh đều là 'học sinh giỏi' hoặc 'học sinh

xuất sắc' thì những danh hiệu này cũng dần mất đi giá trị của chúng. Nếu mọi thứ, bất chấp phi lí hay vớ vẩn đến mức nào, được gọi là 'triết học', khi đó sẽ chẳng có gì là triết học nữa. Trong bối cảnh mà các công cụ AI phát triển như bây giờ thì tình trạng 'vàng thau lẫn lộn' có lẽ sẽ chỉ ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Không thể phủ nhận rằng có một số công việc đặc thù mà những công cụ AI có thể hỗ trợ người học. Song sẽ là thật là sai lầm nếu người ta tin rằng những công cụ này có thể thay thế việc đào tạo theo tiêu chuẩn hàn lâm, học thuật thực sự. Trên đường dài, việc sử dụng các công cụ AI khi không hề có kiến thức chuyên môn là lợi bất cập hại, không những không ngăn chặn được sự lan truyền của những thông tin không chính xác mà còn làm cho ranh giới thật-giả càng khó phân biệt hơn.

Làm thế nào để thoát khỏi tình trạng này? Chúng tôi nghĩ cách tốt nhất là mỗi người hãy nỗ lực, kiên trì, quyết tâm truy cầu cái đúng, không phải là cái mà mình tin hay là cái mà mình muốn tin. Và đặc biệt, nếu muốn theo đuổi triết học đến cùng, hãy kiên trì học ngoại ngữ, độc giả sẽ thấy ngoại ngữ quan trọng đến mức nào trong khi tìm hiểu triết học sau khi đã đọc hết bài viết này. Không có ngoại ngữ tốt, người ta có thể đọc triết học hàng chục năm mà không tiến bộ gì cả. Người Đức có câu 'von Nichts kommt Nichts', nếu như không nỗ lực, cố gắng thì sẽ không thể đạt được bất cứ thứ gì. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng không muốn và không thể đóng vai 'cảnh sát' để chỉ điểm tất cả những hiện tượng tiêu cực đang xuất hiện trong môi trường triết học tại Việt Nam, song qua những hiện tượng lớn mà chúng tôi đã phân tích và trình bày chi tiết, chúng tôi hi vọng rằng độc giả qua đó có thể phát triển được một khả năng phán đoán, một 'la bàn' để dẫn lối mình trên con đường tìm hiểu triết học.

Chúng tôi muốn khép lại phần này bằng trích dẫn của Cicero mà chúng tôi đã trích ngay phần đầu: *In primisque hominis est propria veri inquisitio atque investigatio*. – 'Đặc điểm đặc trưng của con người, trên tất cả, là tìm kiếm và theo đuổi chân lí.'

MỘT SỐ ĐIỂM ĐÁNG LƯU Ý TRONG BÀI VIẾT

Bài viết này tương đối dài, kích cỡ của bài viết giống với một quyển sách hơn là một bài luận đơn thuần. Bài viết được chia thành nhiều phần liên quan đến nhau song tương đối độc lập, mỗi phần đều có mở đầu và kết luận tương ứng. Độc giả có thể chọn phần mà mình quan tâm trong mục lục để đọc. Trong một chương, nội dung của các chương khác nếu có liên quan sẽ được nhắc lại để độc giả lưu ý, dù điều này có làm một số chủ đề xuất hiện nhiều lần; độc giả nếu đã đọc các phần này thì có thể bỏ qua. Gợi ý của người viết bài là độc giả đọc bài này theo đúng thứ tự các phần vì sự sắp xếp các phần là một lựa chọn có chủ ý của tác giả.

Các thông tin được tác giả cố gắng trình bày một xác chuẩn xác, khoa học và khách quan; trừ một số phần trong mục B và D có đòi hỏi cao về mặt ngôn ngữ và kiến thức tổng quát, các phần khác tương đối dễ đọc và ai cũng có thể đọc hiểu được. Các dẫn chứng liên quan cũng được trình bày rõ ràng và đầy đủ để cho độc giả có thể tự đọc, tra cứu và đưa ra đánh giá về những gì được viết tại đó. Một số đoạn văn thú vị nằm trong các tác phẩm ít được biết đến của Kant hay Hegel cũng đã được dịch để làm dẫn chứng.

Các trích dẫn từ các bài viết và tài liệu sẽ được giữ nguyên cách viết chính tả của bài viết gốc. Điều này cũng áp dụng với các đoạn trích bằng tiếng Anh và tiếng Đức. Các tài liệu tham khảo được liệt kê ở cuối bài viết. Đa số các tài liệu được trích dẫn đã được số hoá và có thể dễ dàng tra cứu trên Internet. Những đường link thường được đặt trong những chữ như ‘tại đây’ hoặc tương tự, độc giả nên xem phiên bản pdf có thể click vào những đường link này để xem tài liệu tương ứng.

Một số đoạn dịch nếu không được ghi đặc biệt là ai dịch chính là được Bảo Tích dịch. Một vài thông tin liên quan đến nhân vật được đề cập trong bài viết sẽ được đặt trong phần phụ lục.

HIỆN TƯỢNG NGUYỄN HỮU LIÊM

Bảo Tích[1]

Giáo sư Nguyễn Hữu Liêm (sau đây được viết ngắn gọn là NHL) có lẽ là một gương mặt quen thuộc cho những người quan tâm đến triết học tại Việt Nam.[2] Ông xuất bản một số cuốn sách có chủ đề liên quan tới triết học và lịch sử như *Dân chủ Pháp trị* (1991), *Tự do và Đạo lý* (1996), *Sử tính và Ý thức* (2018), *Thời tính, Hữu thể và Ý chí* (2018) và *Phác thảo một Triết học cho Lịch sử Thế giới* (2019). Ông NHL cũng đảm nhiệm vai trò Tổng chủ biên của *Tạp chí Triết học và Tư tưởng* (trước kia là *Tập san Triết học và Tư tưởng*). Ngoài ra, ông NHL cũng được biết đến qua những bài giảng được đăng công khai trên Youtube và các nền tảng khác.

Sau khi xem qua một số tác phẩm do ông NHL viết và những bài giảng công khai của ông trên Youtube, chúng tôi hết sức ngạc nhiên vì chúng chứa đựng rất nhiều sai lầm nghiêm trọng ở trình độ hết sức cơ bản. Trong rất nhiều trường hợp, những sai sót này xuất phát từ việc ông NHL không biết gì về chủ đề mình đang nói nhưng vẫn muốn bàn luận về chủ đề này. Học thuyết Liêmism, học thuyết triết học mà ông NHL đề xuất, cùng với những điều mà ông NHL nói về văn hoá Việt Nam cũng chứa đựng rất nhiều những mâu thuẫn, những giải thích phản khoa học và nguỵ biện.

Bài viết này được viết nhằm chỉ ra một vài trong những số sai sót vừa nhắc đến, giúp độc giả quan tâm đến triết học ở Việt Nam được tiếp cận với những thông tin chính xác hơn về chủ đề này, biết thêm về những tiêu chuẩn khoa học, hàn lâm, học thuật trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả sau khi đọc bài viết này cũng sẽ biết thêm một số cách đặt câu hỏi phê phán (*critical*) đối với những thông tin được truyền đạt, và sẽ cảnh giác hơn trước những hiện tượng tương tự trong tương lai.

---

1 Đỗ Quốc-Bảo, Nguyễn Huy-Đăng, Nguyễn Đình Hưng, Nguyễn Quốc Bình.

2 Học hàm 'Giáo sư' của ông Nguyễn Hữu Liêm, một cách có hoặc không có chủ ý, dễ gây ra nhiều hiểu lầm nơi độc giả. Xin đọc phần Phụ lục để biết thêm thông tin chi tiết.

A. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM

Cũng giống như những bài phê bình trước của Bảo Tích, chúng ta sẽ phân tích khả năng ngôn ngữ của ông NHL trước tiên, vì ngôn ngữ là cơ sở *par excellence* của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, trong đó có triết học. Không có kiến thức ngôn ngữ tốt, người học sẽ không thể đọc được các tài liệu khoa học bằng các ngôn ngữ khác nhau, nhất là các tài liệu chủ yếu (*primary source*). Như đã chỉ ra trong các bài viết trước đây, chúng tôi xem khả năng ngôn ngữ là một trong những thước đo đáng tin cậy nhất cho trình độ của một người làm việc trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

Như phần phân tích sau đây cho thấy, ông NHL không biết nghĩa của các thành tố Hán-Việt và không có kiến thức gì về tiếng Đức, hai công cụ rất cần thiết cho những người Việt Nam muốn tìm hiểu triết học, vì kiến thức về các thành tố Hán-Việt giúp người ta biết được chính xác nghĩa của các thuật ngữ triết học (thường là Hán-Việt), còn tiếng Đức là cần thiết để đọc được nguyên tác các tác phẩm triết học Đức. Việc ông NHL không biết hai điều trên thực ra cũng không đáng nhắc đến nếu như ông NHL ý thức về giới hạn kiến thức của mình và không giảng giải những chủ đề mà mình không biết. Tuy nhiên, trong các bài giảng và các tác phẩm của mình, ông NHL lại thường đi phân tích thành phần từ Hán-Việt và tạo ra những 'thuật ngữ' mới, dẫn đến việc mắc những lỗi sai hiển nhiên. Cũng tương tự là việc ông NHL trích và nói tiếng Đức. Giờ thì chúng ta đi đến phần phân tích chi tiết.

I. TRÌNH ĐỘ HIỂU TỪ HÁN-VIỆT CỦA GS NHL

1. LONG THỤ 龍樹 LÀ CON RỒNG GIÀ?

Trong bài giảng *Suy niệm về khổ và an lạc trong đạo Phật*, ông NHL trong lúc nhắc đến tên ngài Nāgārjuna (Long Thụ/Long Thọ) đã giải thích tên của vị này như sau:[3]

> Rồi là ông Na-ga-ju-ra-na tức là Long Thọ, Long là rồng, Thọ là già đó, con rồng già này là đời sống tình dục cũng mạnh lắm (...)

Những người biết Hán-Việt một chút sẽ ngay lập tức biết rằng, chữ 'thọ' trong tên Long Thọ (một cách đọc khác của chữ 'thụ' 樹) hoàn toàn không liên quan gì đến 'già' cả. Chữ 'thụ' 樹 ở đây có nghĩa cái cây, không hề liên quan gì đến chữ 'thọ' 壽 mà ông NHL lầm tưởng.

Long Thụ là cách dịch ý của người Trung Quốc cho cái tên 'Nāgārjuna' trong tiếng Phạm. Tên này nguyên là một phức hợp từ Phạm ngữ, được cấu thành từ *nāga*, tức là 'rồng (/rắn)' hoặc 'voi' và *arjuna*, 'màu trắng,' hoặc tên của vị hoàng tử thứ ba của dòng tộc Pāṇḍava[4], hoặc là tên của một loại cây có tên khoa học là *Terminalia arjuna* (họ Trâm bầu). Như vậy, cái tên Nāgārjuna hoàn toàn không hề có nghĩa là 'rồng già' như ông NHL nghĩ và liên tưởng sau đó, 'con rồng già này là đời sống tình dục cũng mạnh lắm'. Đây cũng là một khiếm khuyết học thức của GS Liêm, không phân biệt được từ 'thụ' 樹 trong tên Long Thụ 龍樹 là chỉ một loại cây. 'Thụ' 樹 cũng được đọc là 'thọ' ở miền Nam, và như vậy, đồng âm với từ 'thọ' 壽 trong thọ mệnh 壽命, 'tuổi thọ', nên bị NHL hiểu sai lệch là 'rồng già'.

2. CHỮ 'CHÍNH' 政 TRONG 'CHÍNH TRỊ' 政治 LÀ 'CHÍNH ĐÁNG' 正當, 'CHÍNH NGHĨA' 正義 ?

Trong bài giảng *Thành công và thất bại của triết học chính trị Tây phương*, ông NHL phân tích từ 'chính trị' như sau:[5]

---

3 Xin xem tại đây, 41:27.

4 Chính là nhân vật xuất hiện trong tác phẩm *Chí Tôn Ca* (*Bhagavadgītā*).

5 Xin xem tại đây, 2:18.

> ‘Chính’ là ‘chính nghĩa’, hay là ‘chính đáng’, hay là ‘chính thống’, tất nhiên là ‘đúng’, ‘Trị’ là ‘cai quản’, ‘cai trị’, ‘trị quốc’ đó.

Đây lại là một lỗi chữ Tác đánh chữ Tộ khác của ông NHL. Chữ ‘chính’ 政 trong ‘chính trị’ 政治 là một chữ ‘chính’ khác với chữ ‘chính’ 正 ‘đúng, phải, ngay thẳng, không lấn lộn’ trong ‘chính nghĩa’ 正義 hay ‘chính thống/tông’ 正統/宗. Chữ ‘chính’ trong ‘chính trị’ có nghĩa là ‘làm cho ngay thẳng, sắp đặt công việc’ (do ráp hai chữ ‘chính’ 正 và ‘phộc’ 攴[攵] ‘đánh khẽ’ với nhau). Chiết tự chữ ‘chính’ như ông NHL sẽ gây ra một loạt những vấn đề khác liên quan đến những từ ghép có chữ 政. Nếu hiểu chữ này có nghĩa là ‘đúng’, ‘chính đáng’, chẳng lẽ ‘bưu chính’ 郵政 có nghĩa là ‘gửi thư đúng, chính đáng’, ‘chính thể’ 政體 là ‘cái thể đúng đắn’, ‘chấp chính’ 執政 có nghĩa là ‘nắm lấy đúng, chính đáng’?

Nếu như ông NHL không biết Hán văn và không hiểu đúng ý nghĩa của các thành tố Hán-Việt thì phân tích những thuật ngữ Hán-Việt làm gì để rồi lại mắc những lỗi sai sơ đẳng như vậy?

3. PHÂN BIỆT TRÍ TUỆ VÀ TRÍ HUỆ?

Trong chương 9, trang 139 cuốn *Phác thảo một triết học cho lịch sử thế giới* (sau đây gọi tắt là cuốn *Phác thảo*), trang ông NHL viết:

> Nếu đạo Phật là con đường Trí tuệ khi mang Ý chí Tự do từ con đường chuyển hóa từ Tri kiến đến Trí Huệ – *Transcendental Enlightenment* – thì văn minh Lý tính của Hi Lạp chỉ muốn dừng lại ở Trí tuệ – *Wisdom* – để giải quyết ván bài khó khăn ở thế gian mà thôi.

Tạm gạt vấn đề nội dung đoạn văn sang một bên[6], có một vấn đề lớn hơn nhiều đang xuất hiện ở đây. Ai biết tiếng Hán một chút sẽ đều biết rằng ‘tuệ’ và ‘huệ’ chỉ là hai cách đọc khác nhau của cùng một Hán tự là 慧 (hoặc chữ ít gặp hơn là 惠), giống như ‘thọ’ và ‘thụ’ chỉ là hai cách đọc khác nhau của Hán tự 樹.

6 Chúng tôi sẽ phân tích điểm này kĩ hơn trong phần B.

Hay bởi 'trí huệ' là một từ liên quan đến Phật giáo nên ở đây được phép phân biệt với 'trí tuệ'? Câu trả lời là không có lí do gì để đưa ra sự phân biệt này ở đây, vì trong những đoạn văn trước đó thì ông NHL viết văn với lối 'tổng hợp', 'đồng hoá' tất cả những khái niệm với nhau. Chẳng hạn, tại trang 25, ông NHL viết:

> Khi Ta đản sinh, chính là lúc Ta bước vào bình diện hiện tượng để quy luật của Pháp tính (*Logos*) nắm lấy nhân duyên tác thành và hủy diệt cho cái Ta nay đã thành Ngã thể.

Như đã thấy trong đoạn văn trên, ông NHL đã coi Pháp tính 法性 (*dharmatā*)[7], một khái niệm trong Phật giáo, đồng nghĩa với *Logos*, một khái niệm trong tư duy Hi-lạp cổ đại. Nếu như hai khái niệm thuộc về hai hệ thống tư tưởng riêng biệt như vậy còn được coi như đồng nghĩa thì không có lí do gì để phân biệt hai cách phát âm gần gũi của cùng một từ. Mặt khác thì trong Phật giáo thì chữ 慧 vẫn có thể được đọc là 'tuệ' mà không phải 'huệ', chẳng hạn như 'trí tuệ ba-la-mật-đa' (*prajñāpāramitā*). Tuy nhiên, ông NHL hoàn toàn không biết những kiến thức này mà lại coi 'huệ' và 'tuệ' là hai từ khác hẳn nhau và rồi viết được câu văn như vừa trích dẫn.

Vài lỗi sai trên đây đã đủ để kết luận là ông NHL không có đủ kiến thức về các từ Hán-Việt để có thể hiểu và viết văn triết học tiếng Việt. Điều đáng nói hơn là tuy ông NHL không hiểu rõ các thành tố chữ Hán đứng sau âm Hán-Việt, ông lại thường có thói quen tạo ra những từ 'Hán-Việt' khi viết triết học, và tất nhiên là rất nhiều từ ông tạo ra là vô nghĩa và chính ông đôi khi cũng không rõ là mình đang dùng từ gì với nghĩa gì.[8] Thêm vào đó, ông

---

7 Trích *Phật Quang Đại Từ Điển* (bản Hán văn, Bảo Tích dịch), mục từ Pháp tính 法性: [Thuật ngữ Pháp tính] chỉ đến thể tính chân thực của các pháp. Có nghĩa là bản tính chân thực bất biến của tất cả pháp/hiện tượng trong vũ trụ. Cũng được gọi là 'chân như pháp tính,' 'chân pháp tính,' 'chân tính.' Cũng là cách gọi khác của 'chân như' (*tathatā*). Pháp tính là căn bản của vạn pháp nên cũng được gọi là Pháp bản. Đại trí độ luận (quyển 32) nói rằng: tổng tướng và biệt tướng của tất cả các pháp đều quay về Pháp tính, nghĩa là các pháp đều có tướng sai biệt (tức là các tướng sai biệt của các hiện tượng) và thực tướng [...].

8 Xin xem phần B.I của bài viết.

NHL, chính mình không biết những từ Hán-Việt thực sự có nghĩa gì, lại không hiếm khi phê bình khả năng đọc Hán-Việt của người Việt Nam:[9]

> Mà con người thời nay là con người nó rất là hời hợt, không có những suy nghĩ có chiều sâu về những cái từ Hán-Việt. Bây giờ chúng ta phần lớn, 99% người Việt Nam chúng ta, đọc chữ Hán không hiểu là gì.

Nên nhớ rằng, những lỗi đọc nhầm từ của ông NHL là những lỗi rất căn bản, một người có thể tránh được tất cả những sai sót này nếu chủ động tra từ điển để học hỏi thêm. Việc tìm hiểu vấn đề cho rõ ràng để biết cái gì đúng là một yêu cầu tối thiểu đối với những ai muốn đứng lên giảng bài cho người khác. Việc ông NHL, tự nhận mình là giáo sư, quả quyết rất tự tin về những gì mình không biết và đưa cho thính giả những thông tin sai lệch là một việc không thể chấp nhận được trong khoa học.

II. TRÌNH ĐỘ TIẾNG ĐỨC CỦA GS NHL

Ông NHL không đọc được tiếng Đức, điều này thì ông tự nhận và ông cũng nói là không muốn tạo ra ấn tượng rằng mình biết tiếng Đức. Tuy nhiên, cũng giống với việc thích phân tích các từ Hán-Việt như vừa kể trên, ông NHL trong những bài viết hoặc bài giảng của mình cũng thỉnh thoảng đọc hoặc trích tiếng Đức. Qua cách ông NHL nói về tiếng Đức và cách ông trích thuật ngữ tiếng Đức thì người ta được phép kết luận là ông hoàn toàn không biết gì về ngôn ngữ này, dù là những khái niệm cơ bản nhất về nó, thứ mà người ta được phép kì vọng từ một 'giáo sư triết học'. Chẳng hạn, trong bài giảng 'Triết học Hegel: Hiện tượng luận trí năng', ông nói:[10]

> Geist là G-E-I-S-T, Hegel chữ Đức thì nó có thêm chữ -es của đằng sau nữa.

Nếu như ông NHL đã muốn giải thích tiếng Đức thì nên giải thích cặn kẽ. Chữ Geist trong nhan đề 'Phänomenologie des Geistes' có thêm đuôi '-es' vì đây là dạng sở hữu cách (*Genitiv*) của danh từ này. Còn nếu nói 'Hegel

9 Xin xem tại đây, 8:03.

10 Xin xem tại đây, 11:15.

chữ Đức' nên nó có thêm cái đuôi -es đằng sau nữa thì không chính xác và khá hàm hồ. Chẳng lẽ chữ tiếng Đức nào cũng có thêm cái đuôi -es đằng sau? Sau đó, ông NHL có nhắc đến một số khái niệm trong triết học Đức:[11]

> Chữ Geist ở đây, trong cái sự chuyển động của nó, thì Hegel dùng chữ Reason, tất nhiên là Vơ-mânt, là Hegel phải dịch khác với chữ Vơ-đen, của Understanding nữa, hai ba chữ...

Nếu như không nghe ông đọc nói đến Reason và Understanding thì những người biết tiếng Đức ở đây không thể nghĩ ra được là ông đang muốn nhắc đến hai chữ 'Vernunft' và 'Verstand' ở đây. Độc giả có thể xem video này để biết cách đọc đúng của hai chữ này là gì và qua đó thấy rõ hơn cách phát âm tiếng Đức khá kì lạ của ông NHL ở đây. Trước đó, ông NHL có nói:[12]

> Tôi thì không có đọc được tiếng Đức, mặc dù tôi viết luận án tiến sĩ tôi có dùng cũng khá tiếng Đức, nhưng mà tôi đọc tiếng Đức là lõm bõm vậy thôi...

Điều mâu thuẫn lớn nhất ở câu này này là, nếu như ông NHL không đọc được tiếng Đức, thì làm sao ông có thể 'dùng khá tiếng Đức' được? Và 'dùng khá tiếng Đức' có nghĩa là gì nếu như không đọc được tài liệu bằng ngôn ngữ này? Vì vậy, chúng tôi đã tìm và xem qua những chỗ trích tiếng Đức trong luận án tiến sĩ của ông NHL.[13] Đa số những chỗ ông trích tiếng Đức là những từ đơn giản trong ngôn ngữ này như 'Gegenstand', 'Geist' v.v., có chỗ ông trích tiếng Đức vẫn còn lỗi sai chính tả, chẳng hạn như trong phần Endnotes, trang 291:

11 Xem tại đây, 12:34.

12 Xem tại đây, 9:05.

13 Được lấy xuống từ trên thư viện ProQuest.

[3] In *Phenomenology of Spirit,* Hegel writes in the last paragraph, "Das Ziel, das absolute Wissen, oder ser sich als Geist wissende Geist" (591). *Das Ziel* can be translated as "the end" or "the goal." Both of the Hegel translators Miller and Baillie use the latter. In the Hegelian scheme and thorughout his texts *Das Ziel* should be understood as the "final end" or the "ultimate purpose,[]" and not as an empirical endpoint in time.

Chữ 'ser' đúng ra phải là 'der'. Ngoài ra, có một chỗ trích tiếng Đức khác cho thấy ông NHL hoàn toàn không biết chữ tiếng Đức được trích có nghĩa gì; tại trang 101, ông viết:

the rising of desire is an indicator of evolving consciousness. As such,

McDowell elaborates:

> "Desire *Uberhaup*" functions as a figure for the general idea of negating otherness by appropriating or consuming, incorporating into oneself, what at first figures as merely other. That is, schematically, what self-consciousness has to do to the first moment in its double object. There is no suggestion here of anything as specific as a mode of consciousness that has objects in view only in so far as they can be seen as conductive or obstructive to its purposes. (38)

In other words, the relational value of the recognition that comes from

Chữ 'Uberhaup' viết đúng phải là 'überhaupt', nhưng việc ông NHL viết hoa chữ này mới là điều đáng nói. Từ 'überhaupt' trong tiếng Đức chỉ là một trạng từ có nghĩa 'nói chung', 'nhìn tổng quát' v.v, gần giống như cụm 'at all' trong tiếng Anh; từ này không có lí do gì để được viết hoa cả, nhất là khi viết hoa là dấu hiệu của danh từ trong tiếng Đức. Có lẽ ở đây ông NHL nghĩ rằng 'überhaupt' là một tên riêng chăng? Lỗi này hoàn toàn không xuất hiện trong văn bản gốc mà ông NHL trích:

understand those schematic descriptions of the movement of self-consciousness. "Desire *überhaupt*" functions as a figure for the general idea of negating otherness by appropriating or consuming, incorporating into oneself, what at first figures as merely other. That is, schematically, what self-consciousness has to do to the first moment in its doubled object. There is no suggestion here of anything as specific as a mode of consciousness that has objects in view only in so far as they can be seen as conducive or obstructive to its purposes.[20]

Không biết phiên bản luận án tiến sĩ được đăng trên trang ProQuest đã phải là phiên bản cuối cùng mà ông NHL đã nộp hay không, nhưng có vẻ đây là một phiên bản hoàn thiện vì có trang 'Certificate of Approval'.[14] Về việc tại sao trong một luận án tiến sĩ mà vẫn còn những lỗi sai vụng về như lỗi 'Uberhaup' kể trên thì chúng tôi không đưa ra giải thích gì mà chỉ cung cấp thêm một số thông tin trong phần phụ lục.

Tất nhiên là vì không biết tiếng Đức nhưng vẫn muốn ghi tiếng Đức nên những gì ông NHL viết ra thường xuyên có sai sót. Ở đây chúng tôi chỉ nêu ra một trong số những lỗi hài hước nhất của ông NHL, trích từ trang 45 trong cuốn *Thời tính, Hữu thể và Ý chí*:

> 68. Mỗi bước chân đi tới của Thời Thể là mỗi "Gottadamerung," "twigh-light of the gods," cái Khi/Lúc mà Chân Lý có thể Hữu/Vô. Chân lý chỉ có thể hiện thân trong chuyển động. Trong đơn vị thuần nhất của Thời Thể là một đơn cực điểm - *singularity* - mà Quá Khứ, Hiện Tại, Tương Lai là một. Khi Thời Thể hiện thân là lúc Quá Khứ và Tương Lai cùng xuất hiện và biến mất. Thần tính (god) của Thời Thể là năng thức xuất hiện và chuyển hóa chính mình cho một khả tính Thời Thể

Nếu độc giả định đọc để cố gắng hiểu nội dung đoạn trích trên thì chúng tôi xin cung cấp thêm một thông tin là 'Thời Thể', một từ do ông NHL chế ra, có nghĩa là 'The Shape of the Time'[15] hoặc 'Time-form'[16]. Còn việc tại sao thời gian ('the Time') lại có hình dáng ('the Shape') hoặc hình dạng, mô thức ('form') thì chúng tôi chưa rõ. Nhưng điều đáng chú ý nhất nằm ở câu đầu tiên trong đoạn trích, 'Gottadamerung' *là gì*? Từ cần được trích dẫn phải là 'Götterdämmerung', 'Götter' là số phức của Gott (thần linh,

14 Dù không chắc chắn tuyệt đối, rất có khả năng đây đã là phiên bản cuối cùng của luận án của ông NHL, xin đọc thêm phần Phụ lục.

15 Trích từ trang 13, cuốn *Sử tính và Ý thức: Một triết học cho sử Việt* của ông NHL, 2016. (sau đây cuốn này sẽ được gọi tắt là *Sử tính*)

16 Trích từ trang 22, cuốn *Thời tính, Hữu thể và Ý chí* (sau đây cuốn này sẽ được gọi tắt là *Thời tính*).

thượng đế v.v.), 'Dämmerung' là 'buổi hoàng hôn'[17], 'Götterdämmerung' là 'hoàng hôn của những vị thần', đây là thuật ngữ tiếng Đức dùng để dịch chữ 'Ragnarök' xuất hiện trong thần thoại Bắc Âu. Nếu như ông NHL không biết tiếng Đức thì ghi tiếng Anh hoặc tiếng Việt là được, đâu cần phải trích tiếng Đức để rồi lại sai như vậy?

Tổng kết cho phần này chỉ đơn giản là dù thỉnh thoảng ông NHL có nói hoặc trích tiếng Đức với những mục đích khác nhau, ông thực ra hoàn toàn không có kiến thức gì về ngôn ngữ này.

III. KẾT LUẬN VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA GS NHL

Như đã chỉ ra trong phần trên, ông NHL hoàn toàn không biết chữ Hán của các thành tố Hán-Việt và tiếng Đức. Điều này tự nó không có gì đáng nói nếu như ông NHL không tự nhận mình là một giáo sư, trưởng khoa triết học rồi sau đó giảng dạy triết học cho mọi người. Chính sự chênh lệch quá lớn giữa danh xưng 'giáo sư triết học' và những lỗi sai sơ đẳng như 'Long Thọ là con rồng già' mới là điều đáng nói ở đây. Thêm vào đó, những cái sai này ngay từ đầu lẽ ra đã không xuất hiện nếu như ông NHL không phát biểu về những chủ đề mình không biết một cách chắc chắn thái quá như vậy.

Việc ông NHL không biết tiếng Đức là một điều đáng nói đến vì ông NHL thường xuyên viết sách phân tích, 'khai giải' Hegel. Hegel là một triết gia Đức, nếu như không biết tiếng Đức thì làm sao ông NHL có thể đọc nguyên tác và nghiên cứu Hegel một cách khoa học được? Bản dịch tiếng Anh cho cuốn *Phänomenologie des Geistes* mà ông NHL sử dụng nhiều nhất là bản dịch tiếng Anh của Miller.[18] Nhưng một bản dịch luôn có những hạn chế tất yếu của nó và khi không biết tiếng Đức thì làm sao ông NHL có thể đọc và đối chiếu nguyên tác và bản dịch với nhau? Một vấn đề

17 Sau này, phần phim *The Matrix Revolutions* đã chơi chữ bằng cách đặt tên một bản nhạc trong phim là *Neodämmerung*, với thành phần đầu Neo- vừa có nghĩa là 'mới', vừa là tên của nhân vật chính trong bộ ba phim này.

18 Như ông nói tại đây, 9:27.

cũng quan trọng không kém là không phải tác phẩm nào của Hegel và về Hegel cũng đã được dịch ra tiếng Anh, và nếu không đọc được tiếng Đức thì một người không thể tiếp cận với những tài liệu đôi khi rất quan trọng này. Chẳng hạn, Rosenkranz là một học trò của Hegel và đã viết nhiều tác phẩm phân tích những tư tưởng và bài giảng của thầy mình; song đại đa số những tác phẩm này vẫn chưa được dịch ra tiếng Anh. Việc nghiên cứu triết học một cách khoa học không diễn ra trong một môi trường 'chân không' học thuật, tức bỏ qua tất cả những nghiên cứu, những tài liệu khoa học trước đó để tự mình giải thích hay phân tích suy diễn một tác phẩm nào đó. Đấy là còn chưa kể những văn bản mà ông NHL đọc được còn không phải là bản gốc mà chỉ là một bản dịch tiếng Anh.

Chỉ riêng việc ông NHL không biết tiếng Đức đã đủ để loại ông ra khỏi giới học thuật nghiên cứu triết học Hegel, bởi không có một học giả nghiêm túc nào lại không biết tiếng Đức khi nghiên cứu triết học Đức cả. Chẳng lẽ tiếng Đức còn khó học hơn triết học viết bằng tiếng Đức? Hay là tiếng Đức không giúp ích gì khi nghiên cứu triết học Đức? Ngoài ra, việc ông NHL không biết chữ Hán nhưng lại thường xuyên phân tích, chiết tự và tạo từ 'Hán-Việt' mới cũng để lại hậu quả là ông mắc những lỗi sai rõ ràng như chỉ ra bên trên. Với khả năng ngôn ngữ yếu kém như vậy, cả tiếng Việt lẫn ngoại ngữ, thì không có gì đáng ngạc nhiên khi việc diễn giải triết học và lập triết thuyết của ông NHL có nhiều sai sót, mâu thuẫn và mang đậm màu sắc nguỵ khoa học (*pseudoscience*). Chúng ta sẽ xem xét kĩ hơn điều này trong phần tới.

B. CƠ SỞ KIẾN THỨC CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM

Trong phần trước, chúng ta đã được thấy trình độ ngôn ngữ không chắc chắn của ông NHL. Một điều tất nhiên là với trình độ ngôn ngữ thấp như vậy thì ông NHL không thể tìm hiểu và nghiên cứu triết học theo đúng tiêu chuẩn học thuật, vì ông không đọc được ngôn ngữ gốc của tác phẩm và không hiểu chính xác nghĩa của các từ mình đang sử dụng. Phần này sẽ phân tích rõ hơn những gì ông NHL đã viết để cho thấy trình độ kiến thức nói chung của ông NHL rất yếu kém, cả trong lĩnh vực triết học, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội-nhân văn. Những triết thuyết mà ông NHL lập ra cũng chứa không ít mâu thuẫn và những sắc thái phản khoa học. Dẫn chứng trong phần này chủ yếu được lấy từ cuốn *Phác thảo*, tác phẩm mới nhất của ông NHL. Song bên cạnh đó, chúng tôi cũng lấy ra những trích đoạn khác từ các tác phẩm khác của ông NHL như *Dân chủ Pháp trị*, *Thời Tính và Sử Tính*, để cho thấy những lỗi sai của ông NHL là những lỗi sai có hệ thống và xuất hiện xuyên suốt các tác phẩm của ông. Một nguồn tư liệu khác cho phần này là các bài viết của ông NHL về triết học, được đăng trên *Tạp chí Triết học và Tư tưởng*, nơi ông hiện đang là chủ biên.

I. THẾ NÀO LÀ LÀM VIỆC MỘT CÁCH KHOA HỌC TRONG TRIẾT HỌC?

Triết học hiện nay được xếp vào một trong những bộ môn khoa học xã hội và nhân văn, với những tiêu chuẩn học thuật rõ ràng. Rõ ràng, triết học không phải là kể chuyện 'trên trời dưới biển', phát ngôn không tuân theo một chuẩn mực gì, hay liên tục nói ra những điều không thể kiểm chứng được bằng bất cứ hình thức nào. Các tiêu chuẩn khoa học khi học và nghiên cứu triết học là những điều mà hầu như mọi sinh viên được đào tạo bài bản về môn học này đều phải biết. Dưới đây là một số tiêu chuẩn cụ thể tạo nên tính khoa học khi làm việc với triết học nói riêng và các ngành khoa học nói

chung, trích từ tài liệu của khoa Khoa học nhân văn (Humanwissenschaftliche Fakultät) tại Đại học Köln:[19]

1. Hoạt động tư duy độc lập: Biện luận cường độ cao (*intensiv*) với những tài sản tư tưởng (*Gedankengut*) không phải của chính mình: thiết lập những mối quan hệ, thảo luận về tính khái niệm (*Begrifflichkeit*) và các định nghĩa, phê phán các cách lập luận, phát triển và giải thích những quan điểm của bản thân.
2. Quy trình làm việc có định hướng và được kiểm soát về mặt phương pháp: Cấu trúc và cách chia đoạn tuân theo một trình tự logic nội tại, thứ được tác giả nêu ra và giải thích.
3. Tính hữu hiệu phổ quát (*Allgemeingültigkeit*): — Tính khách quan (*Objektivität*): Các kết quả thu được là độc lập với cá nhân (*Person*) của người làm việc khoa học; — Tính hữu hiệu (*Validität*): Một công trình (*Arbeit*) là hữu hiệu, khi nó nghiên cứu hoặc định lượng chính xác thứ mà nó tuyên bố sẽ nghiên cứu hoặc định lượng; — Tính đáng tin cậy (*Reliabilität*): Quy trình được thực hiện dưới những điều kiện giống nhau sẽ cho ra những kết quả giống nhau.
4. Đặt cơ sở cho những phát biểu (*Fundierung der Aussagen*): Những chuỗi lập luận (*Argumentationsstränge*) là chi tiết và có chiều sâu.
5. Cách hành văn: Cách hành văn là có thể hiểu được (*verständlich*) và chính xác.
6. Tính minh xác về mặt khái niệm (*Begriffsklarheit*): Những khái niệm cơ bản được giải thích tường tận và thảo luận.
7. Các khía cạnh hình thức và kĩ thuật: Trích dẫn, *paraphrase*...
8. Tính trung thực: Tất cả những tài sản tư tưởng không phải của chính mình phải được ghi rõ.

Có nhiều cách trình bày khác để trình bày các tiêu chuẩn khoa học này, nhưng nội dung cốt lõi của chúng về bản chất là không khác nhau. Những tiêu chuẩn này được ghi rõ ràng ở đây để cung cấp thông tin cho một số độc giả không quen thuộc với lĩnh vực này. Chính ông NHL cũng thường liên

19 Xin tham khảo tại đây.

tục nhấn mạnh tính khoa học và hàn lâm của triết học. Chẳng hạn, trong *Tạp chí Triết* số 5, ông NHL viết:

> Triết học thuộc về lãnh vực chuyên ngành, mang tính học thuật cao, đòi hỏi trình độ và phẩm chất hàn lâm – và người tham dự phải đã được huấn luyện theo tiêu chuẩn khoa học. Triết không như văn chương hay thi ca vốn tràn ngập các diễn đàn tiếng Việt từ trong nước đến hải ngoại bấy lâu nay. Ai trong người Việt cũng có thể viết truyện ngắn, bút ký, sáng tác thơ – nhưng nếu không được huấn luyện chuyên môn trong ngành Triết thì không thể hiểu Triết hay viết Triết. (...) Triết là một khoa học như các nghành khoa học Tây phương khác vốn đặt cơ sở trên lý luận, logic, và theo quy tắc và nguyên lý học thuật mà truyền thống Triết học thế giới đã xây dựng từ hằng ngàn năm qua.[20]

Hoặc ông NHL viết như sau trong *Tạp chí triết* số 7:

> Triết học, lần nữa, không phải là thi ca, văn chương mà chữ viết thường được dùng như là những vòng hoa trang điểm cá nhân. Mà hơn nữa. Triết học là nỗi thao thức trong tinh thần nghiêm chỉnh theo chuẩn mực học thuật về những vấn đề rất thực tế mà kẻ trí phải tìm cách khai mở bằng lý tính và phương pháp luận cũng như diễn đạt đúng tiêu chỉ[sic].

Khi ông NHL nhấn mạnh những đặc điểm 'đặt cơ sở trên lý luận, logic, và theo quy tắc và nguyên lý học thuật' hay 'nghiêm chỉnh theo chuẩn mực học thuật", 'phương pháp luận', người ta được phép kì vọng rằng những tác phẩm và bài viết về chủ đề triết học của ông NHL cũng phải đạt những tiêu chuẩn này. Đáng tiếc, tính khoa học là một thứ không thể được tìm thấy trong tác phẩm và các bài viết của ông NHL.

Như đã nói, sự rõ ràng của các thuật ngữ được sử dụng, giải thích chính xác các khái niệm, diễn giải đúng những tài liệu được trích dẫn là các yếu tố cơ bản của khoa học. Ngược lại, trong những tác phẩm của ông NHL, người ta sẽ thấy một sự thiếu nhất quán của các thuật ngữ, có những thuật ngữ do ông NHL tạo ra mà ông cũng không biết từ đó có nghĩa gì, những

20 Trích từ 'Từ bàn viết chủ nhiệm', *Tạp chí Triết* số 5.

khái niệm khoa học bị bóp méo và giải thích sai, nguồn gốc những dẫn chứng được ông NHL đưa ra cũng không tuân theo một quy tắc và tiêu chuẩn nào. Những 'triết thuyết' mà ông NHL đưa ra đôi khi không là gì khác ngoài một sự tưởng tượng hoặc liên tưởng không có cơ sở. Chúng ta sẽ phân tích những điều này trong các phần sắp tới.

II. CƠ SỞ KIẾN THỨC CỦA GS NHL

Phần này sẽ phân tích những tác phẩm mà ông NHL đã viết, đặc biệt là các tác phẩm được ông công bố trong thời gian gần đây. Độc giả nếu như đã từng đọc một tác phẩm nào đó của ông NHL thì sẽ bắt gặp ngay một hệ thống các thuật ngữ 'Hán-Việt' dày đặc và không kém phần lạ lùng của tác giả. Phần đầu tiên của chương này sẽ đề cập đến vấn đề sử dụng thuật ngữ của ông NHL; tính từ nhẹ nhàng nhất để miêu tả hệ thống thuật ngữ của ông NHL có lẽ sẽ là tính từ 'lộn xộn'. Sau đó, cơ sở kiến thức của ông NHL sẽ được xem xét, thông qua việc xem xét cách ông NHL đọc hiểu những văn bản của các nhà triết học khác nhau. Cuối cùng, cách ông NHL đọc hiểu và phân tích các chủ đề liên quan đến khoa học tự nhiên sẽ được bàn luận.

1. CÁCH SỬ DỤNG THUẬT NGỮ TRIẾT HỌC CỦA GS NHL

a. GS NHL và từ Geist

Trong triết học, việc sử dụng những thuật ngữ một cách rõ ràng và nhất quán là một điều kiện tiên quyết để người đọc có thể hiểu được nội dung văn bản. Dưới đây là một số thuật ngữ triết học quen đã thuộc đối với độc giả học triết học và là những thuật ngữ trung tâm trong triết học duy tâm Đức.

Thuật ngữ tiếng Đức	Thuật ngữ được dịch trong tiếng Anh	Thuật ngữ được dịch trong tiếng Việt
Geist	Spirit, Mind	Tinh thần
Vernunft	Reason	Lí tính
Verstand	Understanding	Giác tính, Lí trí

Trong lúc dịch văn bản triết học, không biết tại sao mà ông NHL đã không dịch thống nhất những thuật ngữ này. Chẳng hạn, ông NHL đã viết trong trang 92, cuốn *Phác thảo*:

> Tuy nhiên, Ấn và Hoa chưa phải là nơi mà năng lực Lý tính – *rationality* – của Trí năng – *Mind* – xuất hiện – mà là ở một Không gian khác, cùng Thời quán của Trục. Nơi đó là Athens của Văn minh Hi Lạp

Như vậy thì ông NHL đã chọn dịch *Vernunft* (*Reason*, *Rationality*) là 'lí tính', còn *Geist* (*Mind*) là 'trí năng', đây cũng là cách dùng thuật ngữ của ông trong bài giảng 'Hiện tượng luận trí năng' (*Phänomenologie des Geistes*) đã nhắc đến ở trên.

Tuy nhiên, khi nhắc đến cụm từ 'the cunning of Reason', thì ông NHL lại dịch thuật ngữ này là 'tính giảo hoạt của trí năng' (tr. 446, *Phác thảo*) hoặc 'phức tạp' hơn nữa thì thành 'sự giảo hoạt của Trí năng Tạo hoá' (tr. 460, *Phác thảo*). 'The cunning of Reason' là cách dịch tiếng Anh của thuật ngữ 'List der Vernunft' trong tiếng Đức, có nghĩa là 'thủ đoạn của lí tính'. Nhưng vì sao chữ *Vernunft* hoặc *Reason* đã được dịch là 'lý tính' nhưng ở đây lại thành 'Trí năng'?

Thêm vào đó, chữ 'Trí năng' vẫn được sử dụng để dịch 'Mind' trong tiếng Anh hoặc 'Geist' trong tiếng Đức. Chẳng hạn như 'philosophy of mind' hay 'Philosophie des Geistes' (thường được dịch là 'triết học tinh thần' ở Việt Nam) được ông NHL dịch là 'Triết học Trí năng' (tr. 350, *Phác thảo*). Vậy cuối cùng thì 'trí năng' là *Geist* (tinh thần) hay *Vernunft* (lí tính), hay là cả hai? Và vì sao cùng một chữ 'Reason' mà lúc là 'Trí năng', lúc là 'Trí năng Tạo hoá'?

Chữ *Geist* trong tiếng Đức hay *Mind* trong tiếng Anh cũng là nơi mà ông NHL thường cho thấy những liên tưởng của mình nhất. Chẳng hạn, ông NHL viết tại trang 460–1:

> Đạo lý được dùng ở đây là từ Việt cho Geist của Hegel. Geist là Chân Tâm, là Tinh Thần, là Thượng đế, mà thuộc tính của Geist là Lý tính – Reason – và Khái niệm – Concept.

Trước đó, ông NHL còn gọi 'Intuitive Mind' là 'Trí Huệ' (một từ mà ông NHL nghĩ là khác với 'Trí Tuệ') như sau (tr. 368, *Phác thảo*):

> Khi Trí Huệ – *Intuitive Mind* – đi xuống cõi Trí Tuệ – *Individual Wisdom* – và tiếp theo là Kiến thức – *Knowledge* – đến xuống cấp hơn là Tin tức – *Information.*

Theo sau là một đoạn văn theo lối 'tổng hợp' điển hình của ông:

> Tức là, quy trình bước xuống cõi Hiện tượng Vật chất là một sự Dấn thân của Chân Tâm – *Logos* – trở nên Thân xác nhằm khôi phục cõi Vô cơ đã coi như là Chết được Sống lại với năng lực Tự-Ý thức nguyên thủy.

Như vậy thì từ *Logos*, trước kia được ông NHL cho là đồng nghĩa với Pháp tính, nay lại được ông cho là đồng nghĩa với Chân Tâm. Nhưng Chân Tâm cũng lại đồng thời là *Geist* như ông viết ở trang 460. Vậy là *Logos*, Pháp tính, Chân tâm, Đạo, Thượng đế, Trí năng, Lí tính v.v. tất cả đều là một và là *Geist* trong tác phẩm của ông NHL? Phương pháp 'tổng hợp', 'đồng hoá' các khái niệm triết học có vẻ đã đi hơi quá xa ở đây.

Phải nói thêm, việc ông NHL so sánh một loạt các thuật ngữ với nhau như kể trên không phải là biểu hiện của một chuyên môn triết học xuất sắc, mà đôi khi chỉ là dấu hiệu của việc ông NHL không thể phân biệt được nghĩa của các thuật ngữ khác nhau và trộn lẫn tất cả với nhau. Ông NHL giảng trong bài 'Suy niệm về khổ và an lạc trong đạo Phật':[21]

> Thành ra khi thánh Augustine ở bên Thiên Chúa giáo là ông đạt được khoảng mấy giây cái gọi là satori, bên Phật giáo mình gọi là samadhi, tất nhiên là Định á. Một phút giây Định đó thôi thì ông biết là tất cả các khoái lạc trên đời này chỉ là rơm rác.

Khái niệm đầu tiên mà ông NHL nhắc tới là *satori* (tiếng Nhật: 悟り) tức là 'ngộ', còn *samādhi* có gốc Phạm văn, dịch ý là 'Định' 定 (dịch âm là Tam-ma-địa 三摩地) làm sao mà ông NHL có thể coi 'Ngộ' và 'Định' đồng

21 Xin xem tại đây, 39:20.

nghĩa với nhau? 'Giới, Định, Tuệ' là phương tiện, (Giác) ngộ là mục đích, đây là hai phạm trù khác hẳn nhau. Việc ông NHL hoá đồng 'Ngộ' và 'Định' là một điều không thể chấp nhận được. Việc gộp các khái niệm hoàn toàn khác nhau thành một như ở đây chỉ cho thấy một điều là ông NHL không biết những khái niệm mình đang nhắc đến là gì hoặc mình đang giảng giải chủ đề gì.

Quay trở lại chữ *Geist*, trong một đoạn văn sau đó, ông NHL lại viết:

> Chân lý là trò chơi giảo hoạt của Trí năng mà Đạo lý con người chính là bản sắc chính trị Công dân.

Đạo lý ở đây chắc là *Geist*, *Mind* hay Tinh thần (như ông viết trong đoạn văn được trích dẫn ở trên), còn Trí năng ở đây chắc là chữ 'Reason' hay 'lí tính', nhưng trước đó thì Trí năng lại cũng có nghĩa là *Geist*. (!?) Tại sao chỉ có mỗi mấy thuật ngữ đơn giản này thôi mà cũng không thể thống nhất và sử dụng nhất quán trong toàn bộ tác phẩm? Và nếu như không chắc chắn về những gì mình đang viết thì cứ dùng theo quy ước thông dụng ở Việt Nam (*Geist* là Tinh thần, *Vernunft* là Lí tính, *Verstand* là Giác tính), đâu cần phải tạo ra chữ mới rồi không biết là mình đang dùng chữ gì với nghĩa gì?

Sau này thì ông NHL còn dịch 'the Mind' thành 'tri thức' khi viết về Freud. (!)[22] Nhưng 'tri thức' là 'Những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội (nói khái quát)', tức 'knowledge' trong tiếng Anh, đâu liên quan gì đến 'the Mind'?

Geist là một thuật ngữ trung tâm của Hegel, việc ông dịch và sử dụng thuật ngữ này một cách không nhất quán có lẽ đã cho thấy rằng ông NHL không kiểm soát được rằng mình đang viết thứ gì. Có lẽ là ban đầu ông định dịch *Mind* thành 'trí năng', nhưng đến nửa chừng thì ông quên mất mình đã viết gì và lại coi 'trí năng' đồng nghĩa với *Reason* chăng? Dù câu trả lời có là gì, việc dịch từ 'Geist' thành nhiều thuật ngữ không liên quan như ông NHL làm cho thấy ông không thể kiểm soát được ngôn ngữ mà mình đã

22 Xin xem tại đây.

sử dụng. Nhưng sự lộn xộn này sẽ còn trở nên tệ hơn nữa khi nhắc đến những thuật ngữ do ông NHL tạo ra.

B. THUẬT NGỮ DO GS NHL TẠO RA

Để trình bày triết học của mình, ông NHL đưa ra một hệ thống thuật ngữ có chữ Thời như sau, được lấy từ trang 13 cuốn *Sử tính* của ông:

Thuật ngữ tiếng Việt	**Thuật ngữ tiếng Anh**
Thời	Time
Thời Lý	The Logic of Time
Thời Ý	The Will / Spirit of the Time
Thời tính	The Meaning/substance of the Time
Thời lượng	The Quantity-Time
Thời thể	The Shape of the Time

Như chúng tôi đã nói ở trên, thuật ngữ tiếng Anh tương ứng với chữ 'Thời thể' trong cuốn Thời tính là 'Time-Form', nhưng trong cuốn *Sử tính* thì lại là 'The Shape of the Time', tuy nhiên điều cũng có thể được giải thích là do hai chữ này còn có nét nghĩa giống nhau. Nhưng có một thuật ngữ mà ông NHL thường xuyên sử dụng nhưng hình như chưa bao giờ định nghĩa cho rõ ràng, đó là chữ Thời Quán. Câu hỏi cần phải được đặt ra ở đây là chữ Quán này là chữ Quán gì? Đây là chữ Quán 慣 trong 'tập quán', 'quán tính', hay là chữ Quán (quan) 觀 trong 'quán 觀 chiếu', 'nội quán 觀', chữ Quán 館 trong 'hội quán 館', 'đại sứ quán 館', hay là chữ Quán 貫 trong 'quán 貫 triệt', 'quán 貫 xuyến' ...?

Chúng tôi không biết chữ Quán nào có thể được sử dụng ở đây để phù hợp với nét nghĩa mà ông NHL gán cho chữ này. Trong cuốn *Thời tính*, ông NHL viết (tr. 26):

> Triết học thắp sáng không gian Hiện Hữu bằng giá trị Thời Tính: sự chuyển đạt chân lý trên chiều dài Thời Thể như là những Thời Quán, *Moments*.

Như vậy thì 'Thời Quán' có nghĩa là 'sự chuyển đạt chân lí trên chiều dài Thời Thể', và được coi là đồng nghĩa là 'moment'; như vậy có thể mang hai

nghĩa, một là 'mô-men' (vật lí), hoặc là 'khoảnh khắc', 'chốc lát'. Sau đó, ông NHL viết:

> Mỗi đời người là một Thời Quán ý chí trong Thời Ý mà nấc thang tiến hoá được xây đắp bằng nội dung Ý Thức về Thời tính. (tr. 28)
> Mỗi con người là một Thời Quán Pháp tính trong năng thức của Thời Tính – sự vật lộn giữa những bản năng sinh vật theo nhu cầu nghiệm thể đối với mệnh lệnh nguyên tắc Thời Ý. (tr. 36)

Như vậy thì mỗi đời người là một Thời quán? Vậy là vào mỗi thời điểm trên thế giới thì sẽ có khoảng 8 tỉ Thời quán khác nhau? Đời người là 'Thời Quán ý chí', còn con người là 'Thời quán Pháp tính', hai 'Thời Quán' là một hay là hai thứ khác nhau? Nếu hai thời quán là một thì Ý chí là Pháp tính, còn nếu đây là hai Thời quán khác nhau thì thế giới vào mỗi thời điểm sẽ có 16 tỉ Thời quán khác nhau? Thời quán theo một định nghĩa của ông NHL là 'sự chuyển đạt chân lý trên chiều dài Thời Thể', nhưng sau đó thì các nấc thang Thời Quán 'được xây đắp bằng nội dung Ý Thức về Thời tính'?

Chúng tôi sẽ dừng lại tại đây để không làm độc giả bị choáng váng với những chữ Thời của ông NHL. Ta sẽ sang một tác phẩm gần đây hơn của ông NHL là *Phác thảo về một triết học cho lịch sử thế giới*.

Lúc này, chữ 'thời quán' có vẻ dễ nắm bắt hơn một chút qua sơ đồ mà ông NHL phác thảo:

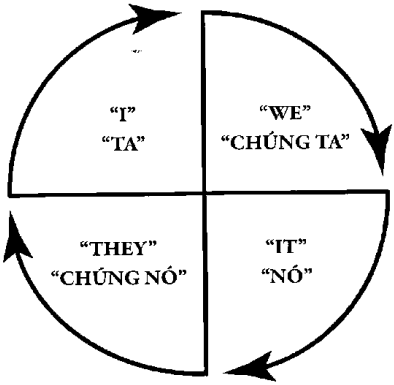

Như vậy thì có bốn Thời quán là 'Ta', 'Chúng ta', 'Nó' và 'Chúng nó' (tr. 15–17, *Phác thảo*). Nhưng nếu vậy thì những định nghĩa 'Thời quán' cũ như 'sự chuyển đạt chân lý trên chiều dài Thời Thể', 'Thời Quán ý chí trong Thời Ý mà nấc thang tiến hoá được xây đắp bằng nội dung Ý Thức về Thời tính' và 'Thời Quán Pháp tính trong năng thức của Thời Tính – sự vật lộn giữa những bản năng sinh vật theo nhu cầu nghiệm thể đối với mệnh lệnh nguyên tắc Thời Ý' hay 'đời người' thì liên quan gì đến định nghĩa mới này?

Người ta có thể lập luận rằng, Thời quán có hai mặt, một mặt là thời quán chủ quan, tức 'đời người', ngoài ra thì có thời quán khách quan, tức là mô hình bốn thời quán mà ông NHL trình bày. Nhưng ngay cả mô hình thời quán khách quan này cũng không nhất quán. Trong các trang 15–17, ông NHL trình bày bốn thời quán là:

— Thời quán khởi động của Tự-Ý thức về Ta ('I') bắt đầu với Đức Phật, cách đây hơn 2500 năm.

— Thời quán Chúng ta ('WE'), bắt đầu vào năm 1 Công nguyên.

— Thời quán của Nó ('IT'), bắt đầu với Copernicus và kết thúc với Einstein.

— Thời quán của Chúng Nó ('THEY'), bắt đầu với Hobbes và kết thúc bởi Karl Marx.[23]

Nhưng trong Thư Toà Soạn *Tạp chí Triết* số 12, ông NHL viết:[24]

> Lịch sử nhân loại qua thời quán Khai sáng mà Kant đã sống vẫn còn đang bị ngự trị bởi ý chí quyền năng mà văn minh Tây Âu – dù đã thừa kế di sản triết học lý tính Hy Lạp – vẫn chỉ là một giai thời bình minh ló dạng cho các nguyên lý về tự do cá thể, khoa học kỹ thuật (...)

23 Lí thuyết của ông NHL sẽ được phân tích kĩ hơn trong phần C.II của bài viết.

24 Dù đề là Ban Biên Tập, người đọc đọc qua văn bản này cũng sẽ xác định ngay tác giả văn bản này chính là ông NHL, nhất là thông qua chữ 'thời quán', một phát minh của ông.

Vậy thì bây giờ lại có thêm cả thời quán 'Khai sáng' (*Enlightenment* hay *Aufklärung*)[25] nữa? Hoặc ngay trong cuốn *Phác thảo*, tại trang 126, ông NHL viết:

> Cho đến khi Thời quán Lý tính xuất hiện, mọi năng lực Tự ý thức đều phát xuất từ ý chí Ái dục – và Tự-Ý thức chính là Ái dục, điều mà chúng ta đã giải thích.

Rồi ở trang 127:

> Đây là lúc mà cái ta bước vào Thời quán Khổ đau mới. Khái niệm từ võng lưới Ngôn ngữ nay trở nên là một lớp cảm nhận mới từ cơ năng Ngã thức đến với thế gian chồng chất bên trên tầng cảm giác lục căn của thân xác.

Giờ thì thêm cả Thời quán Lý tính với Thời quán Khổ đau. Vậy cuối cùng là có bao nhiêu thời quán và thời quán *thực sự có nghĩa là gì*?

Một thời gian dài, chúng tôi không thể hiểu được nghĩa mà ông NHL muốn nhắc đến khi sử dụng chữ Thời Quán, cho đến khi chúng tôi tìm ra được thuật ngữ tiếng Anh tương ứng với từ 'thời quán' bí ẩn này. Tại trang 147, ông NHL viết:

> 'Với sự gia tăng giàu có và quyền lực, Rome đi vào *Thời quán* thứ hai, bước lên sân khấu thế giới vốn bao quanh người dân Rome như một quang cảnh rộng lớn bao gồm cả Địa Trung Hải. Với sự đánh bại quân của Carthage, Rome đã trở nên nàng quận chúa cho cả vùng biển này lẫn tất cả lãnh thổ chung quanh nó'.

Đoạn trích nguyên gốc tiếng Anh là:

> With its increasing wealth and power, Rome entered into a second *period*, into a world theater that lies around the Romans like a panorama, the entire perimeter of the Mediterranean Sea. With its defeat of Carthage, Rome became mistress of the Mediterranean and all the lands around it. (tr. 119, Shapes of Freedom)

25 Dù phổ biến, song cách dịch này không chính xác, xin xem bài này, tr. 3.

Vậy là 'thời quán' là chữ mà ông NHL dùng để dịch chữ 'period' trong tiếng Anh, tức 'giai đoạn' hay 'thời kì'. Nhưng 'period' ở đây là một từ tiếng Anh bình thường, không có ý nghĩa triết học gì, tại sao tự nhiên lại được dịch thành 'Thời quán', nhất là lại còn được viết hoa? Không biết tổng cộng Rome có bao nhiêu thời quán và từ đâu lại có con số đó? Bên cạnh đó, bây giờ thì thành phố (như ở đây là Rome), không chỉ 'con người', cũng có 'thời quán'? Vậy thì thời quán thực sự áp dụng cho đối tượng nào, con người hay khu vực địa lí? Hơn nữa, trước kia thì 'thời quán' có nghĩa là 'moment', bây giờ 'thời quán' lại là 'period', nếu như ông NHL đổi ý liên tục mà không đưa ra lí do thì làm sao độc giả hiểu được ông đang định trình bày điều gì? (nếu quả thực những gì ông NHL viết là có nghĩa).

Khái niệm Thời quán của ông NHL, lúc thì áp dụng cho 'con người', lúc thì áp dụng cho 'đời người', lúc thì là 'ý chí' và Thời Ý, lúc thì là 'Pháp tính' và Thời Tính, có lúc thì Châu Âu là một thời quán, có lúc thì thành phố là một thời quán, có lúc thì cả thế giới ở trong một thời quán, lúc thì chủ quan, lúc thì khách quan, vậy cuối cùng thì khái niệm này có nghĩa là gì? Hình như ông chưa từng giải thích rõ ràng khái niệm này. Mặt khác, số lượng của các thời quán cũng là một điều rất khó hiểu, ông NHL liệt kê tên gọi bốn thời quán là Ta, Chúng Ta, Nó, Chúng Nó, nhưng một lúc sau thì có thêm các loại thời quán khác là Khai sáng, Lí Tính, Khổ Đau?

Nếu như đọc thêm một chút nữa thì người đọc sẽ thấy vô số các loại Thời quán khác bắt đầu thi nhau xuất hiện, chẳng hạn như Thời quán Chia cắt (tr. 150, *Phác thảo*), Thời quán Ngã mạn (tr. 168), Thời quán Hi Lạp-La-mã (tr. 170), Thời quán Đại thể La-mã (tr. 177), Thời quán Đế quốc La-mã (tr. 224), Thời quán Chính trị quốc thể (tr. 142), Thời quán đồng quy (tr. 271), Thời quán Luther (tr. 274), Thời quán Giác ngộ (tr. 282), Thời quán Hiện đại (tr. 335), Thời quán Chân lý (tr. 343), Thời quán Không-còn-là (tr. 350), Thời quán Kỹ thuật và Máy móc (tr. 371)... Lúc thì chữ Thời quán được gắn với trạng thái của ý thức như 'Ngã mạn', 'Giác ngộ', lúc thì lại được gắn với tên nền văn minh, lúc thì với giai đoạn lịch sử, lúc thì với thể chế chính trị, lúc thì với tên người, lúc thì với tên hành động v.v.

không biết là lấy tiêu chuẩn nào để ông NHL xác định các thời quán, ngoài việc là ông lấy bất kì một khoảng thời gian nào đó rồi bắt đầu đặt một cái tên tuỳ ý nào đó? Đấy là còn chưa kể ngay trong cùng một quyển sách mà ông NHL cũng dùng chữ Thời quán này một cách không nhất quán, có lúc thì ông dùng nó với nghĩa 'giai đoạn', 'thời kì' (*period*), có chỗ ông lại dùng nó với nghĩa của 'moment' (?), chẳng hạn ông viết trong cuốn *Phác thảo*:

> Cuộc đời hành Đạo và cái chết của Chúa Jesus trên Thánh giá là một Thời quán Thực tại – *the Moment of Actuality* – của Chân Tâm diễn ra trên bình diện hiện tượng và biến cố. (tr. 196)

Nếu như tác giả NHL còn không biết là mình đang dùng từ gì với nghĩa gì (*moment* hay *period*) thì làm sao người đọc hiểu được nội dung mà ông đang muốn trình bày?

Trên đây chỉ là hai ví dụ cho rất nhiều những thuật ngữ khác mà ông NHL chế ra. Đọc các văn bản do ông NHL, người ta không khỏi thấy được một sự lộn xộn trong các thuật ngữ được ông sử dụng. Các thuật ngữ được sử dụng rất không nhất quán, cùng một thuật ngữ gốc nhưng khi dịch ra tiếng Việt thì thành năm bảy thuật ngữ Đông-Tây không liên quan với nhau, nội hàm của cùng một thuật ngữ tiếng Việt cũng bị thay đổi liên tục, hơn nữa thì rất nhiều trong số đó là những từ do ông NHL (một người không hiểu thật rõ các thành tố Hán-Việt như phần I đã cho thấy) tạo ra, tức không ai biết nghĩa chính xác của những từ này trừ chính ông (mà có thể là ông NHL cũng không biết rõ nghĩa của những từ mà mình đã tạo ra nốt). Một sự lộn xộn (và cẩu thả) về mặt các thuật ngữ như ở đây là không thể chấp nhận trong khoa học.

2. DỊCH SAI CÁC ĐOẠN VĂN TRÍCH TỪ CÁC TRIẾT GIA KHÁC NHAU

A. CÁC TRÍCH DẪN TỪ CÁC TÁC GIẢ VÀ TRIẾT GIA KHÔNG PHẢI HEGEL

Có một vấn đề rất lớn trong số những đoạn văn mà ông NHL trích dẫn để ủng hộ cho học thuyết Liêmism của mình, bên cạnh vấn đề là ông trích dẫn không đúng quy tắc và tiêu chuẩn khoa học, khiến cho việc tìm ra văn bản gốc là rất khó khăn (hay đây cũng là một chủ ý của ông NHL?). Trong khoa học nghiêm túc, những dẫn chứng đáng ra phải được trình bày một cách khách quan, tức không phụ thuộc vào tác giả bài viết. Nhưng ở đây, những trích dẫn được ông NHL trích đã bị ông cắt xén, bóp méo, không giống gì với nguyên bản. Hai lí do chính cho hành động này thì khá rõ ràng, một là ông NHL cố tình bóp méo các dẫn chứng để làm cho học thuyết Liêmism của mình thuyết phục hơn, và hai là trình độ tiếng Anh của ông NHL không đủ để có thể dịch đúng được những dẫn chứng này.

Để thấy rõ phương thức làm việc phản khoa học của ông NHL, chúng ta sẽ xem xét đoạn trích về Rome đã được nhắc đến bên trên, tại trang 147, ông NHL dịch một đoạn trong cuốn *The Shapes of Freedom* như sau:

> Julius Caesar xuất hiện như là một hình ảnh cho chủ đích của Rome, một con người không muốn gì hơn là trở nên một nhà cai trị không được kiềm chế bởi luân thường. Ông đã chịu chung số phận với những vĩ nhân **vốn** giẫm chân lên những gì mà ông ta đã sống cho...

Đoạn này trong nguyên tác tiếng Anh là:

> Julius Caesar emerged as the consummate image of Roman purposiveness, a man who wished nothing other than to be the ruler, undeterred by ethical constraints. He suffered the fate of all such great individuals, having to trample underfoot what he lived for. After making inroads into Gaul and Germania, he turned against the republic, cleansed Rome of base interests, and established the emperor as the one person whose will dominated all.

Trong câu đầu tiên, 'purposiveness' là tính có chủ đích/mục đích (tương tự Zweckmäßigkeit') trong tiếng Đức, không chỉ là 'chủ đích' (*purpose*/*Zweck*). Nhưng cái sai nghiêm trọng hơn nằm ở câu thứ hai, câu này phải được dịch là:

> 'Ông chịu cùng số phận của những con người vĩ đại như vậy, **đó là phải** dấm chân lên những gì mà mình từng sống vì nó'.

không phải 'chịu chung số phận với những vĩ nhân vốn giẫm chân lên những gì mà ông ta đã sống cho'. Caesar qua đời do bị ám sát, nhưng đấy đâu phải số phận của 'những vĩ nhân vốn giẫm chân lên những gì mà [người đó] đã sống cho' (độc giả có thể liên tưởng đến Napoleon, người từng đấu tranh cho lí tưởng cách mạng, lật đổ chế độ quân chủ, nhưng sau này lại lên ngôi Hoàng đế nước Pháp). Trong nguyên tác tiếng Anh, câu văn tiếp theo giải thích rõ hơn, Caesar đã chống lại nền cộng hoà La-mã mà ông từng tranh đấu và thiết lập vị trí hoàng đế là người cai trị duy nhất.

Ông NHL dịch đoạn tiếp theo như sau:

> Hegel diễn tả nguyên lý này rằng, "(Từ Caesar), tinh thần hoàn tất năng lực khách thể hóa, cái duy chủ ý, năng thức hữu hạn không bị giới hạn."

Đoạn trích trong bản tiếng Anh:

> 'Hegel describes this principle as that of "spirit's complete coming-out-of-itself, the utter, intentional, deliberate finitude that is without constraint."

Chúng ta sẽ xem xét cách ông NHL diễn giải Hegel ở đây, nhất là khi một trong những biệt danh của ông NHL là 'Hegel của Việt Nam'[26], nguyên văn đoạn trích tiếng Đức là:

> 'Die Imperatoren, diese Kaiser, drücken das völlige Außersichgekommensein des Geistes aus, die vollendete, wissende und wollende Endlichkeit, die unbeschränkt ist'.[27]

---

26 Chúng tôi sẽ bàn thêm về biệt danh này trong phần E.

27 Trang 417, *Vorlesungen über die Philosophie der Weltgeschichte: Berlin 1822*.

Câu này có nghĩa là:

> 'Những thống soái, những hoàng đế này, biểu đạt cái Đã-đi-ra-ngoài-chính-mình (*Außersichgekommensein*) hoàn toàn của tinh thần, tính hữu hạn (*Endlichkeit*) đã được hoàn tất, có tri thức và mong muốn, thứ [tính hữu hạn] không bị giới hạn'.

Đoạn tiếng Anh trích từ chỗ 'cái Đã-đi-ra-ngoài-chính-mình' đến cuối câu. Nếu so sánh câu được dịch từ tiếng Đức và câu mà ông NHL đã dịch, người ta dễ dàng thấy rằng câu mà ông NHL gần như không liên quan gì đến nguyên tác cả, đặc biệt là ông NHL còn bịa thêm vài từ như 'duy chủ ý', 'năng thức hữu hạn':

> 'tinh thần hoàn tất năng lực khách thể hóa, cái duy chủ ý, năng thức hữu hạn không bị giới hạn'.

Xin lưu ý, lỗi này nằm hoàn toàn ở cách ông NHL 'khai giải' Hegel, vì bản gốc tiếng Anh dịch khá sát với nguyên tác tiếng Đức.

Sang đến câu tiếp theo thì khả năng tưởng tượng của ông NHL còn lớn hơn nữa:

> Nguyên lý này đạt đỉnh cao ở Caesar Augustus, và trong sự đối nghịch với ông nhằm đánh lại tình trạng vi phạm nghiêm trọng nguyên lý tinh thần, để mà cái đối trọng phải xuất hiện, tức là tính Vô hạn – *infinity* – một Vô hạn không phủ định hữu hạn mà bao dung nó."

Nguyên văn tiếng Anh là:

> This principle reached its consummation in Caesar Augustus, and in opposition to him, to this "great breach" in spirit, there appeared its opposite, namely infinity—an infinity that did not negate finitude but encompassed it (L 442–7).

Đoạn tiếng Anh này có thể được dịch là:

> Nguyên lí này đạt tới đỉnh cao của nó ở Caesar Augustus, và đối nghịch với ông ta, đối nghịch với 'sự đứt gãy lớn' trong tinh thần này, cái đối lập của nó đã xuất hiện, cụ thể là tính vô hạn – một tính vô hạn không phủ định cái hữu tận mà bao chứa nó.

Không biết làm thế nào mà ông NHL dịch ra được câu 'và trong sự đối nghịch với ông nhằm đánh lại tình trạng vi phạm nghiêm trọng nguyên lý tinh thần'. Đoạn văn nguyên tác tiếng Đức đang được nhắc đến ở đây là:

> 'Der Geist ist schlechthin außer sich, und dieser Geist regiert die Welt, zu dieser Ordnung ist der absolute Grund geworden, gegeben. Indem also die ganze Welt die eine Willkür beherrschte , wurde damit der große Bruch herbeigeführt'.[28]

Tạm dịch:

> 'Tinh thần hoàn toàn ở bên ngoài chính mình, và tinh thần này cai trị thế giới, cơ sở (/lí do) tuyệt đối (*der absolute Grund*) cho trật tự này đã trở thành, đã được đưa ra (/đã tồn tại). Bởi một sự chuyên chế (*Willkür*) duy nhất thống trị thế giới, một sự đứt gãy/đột phá lớn (*der große Bruch*) đã được dẫn khởi (*herbeigeführt*, sát nghĩa 'được chiêu trí')'.

'The great breach' hay 'der große Bruch' là 'một sự đứt gãy/đột phá lớn', không phải là 'tình trạng vi phạm nghiêm trọng nguyên lý tinh thần' (rồi được ông NHL bịa thêm 'nhằm đánh lại tình trạng'). Đoạn văn này rõ ràng được ông NHL dịch một cẩu thả và không hề trung thực với nguyên tác. Qua ví dụ này, người ta cũng có thể thấy là ông NHL không hề có kiến thức khoa học gì về Hegel vì dịch sai từ tiếng Anh những đoạn tương đối dễ như được trích ở trên. Điều này càng cho thấy rõ hơn rằng, không có nguyên ngữ, như ở đây là tiếng Đức, thì một người không thể học triết học một cách chính xác và hàn lâm được.

Những đoạn văn được dịch một cách tuỳ tiện như trên của ông NHL nằm rải rác trong cuốn sách, thậm chí, tìm được một đoạn văn mà ông dịch chính xác nguyên tác còn khó hơn tìm được một đoạn văn mà ông NHL dịch sai lệch. Chúng tôi ở đây chỉ lấy ra một số ví dụ được trích từ các vị trí khác nhau trong cuốn sách. Tại trang 37, ông NHL dịch Jaspers như sau:

> 'Hoán chuyển lớn nhất của nhân loại (ở Thời Trục khi Phật xuất hiện) là năng thức tinh thần hóa (*spiritualisation*). Thái độ vô tư chấp nhận

28 Trang 428, *Vorlesungen über die Philosophie der Weltgeschichte: Berlin 1822*.

gánh nặng cuộc đời được nới lỏng, tính yên bình của cực tính (*polarities*) nay trở nên phản khắc và đối nghịch. Con người không còn đóng cửa trong chủ quan tính. Hắn hết chắc mãn về chính mình và từ đó mở ra những khả thể mới và vô hạn. Hắn bắt đầu nghe và hiểu được những gì mà chưa ai nghe nói tới. Cái chưa từng nghe tới nay đã hiện ra. Hắn cùng với Ý thức chủ quan và thế gian, Hữu Thể (*Being*) nay được cảm nhận, nhưng chưa có câu trả lời tối hậu. Câu hỏi lớn vẫn còn đó.

Nguyên tác tiếng Anh là:[29]

This overall modification of humanity may be termed spiritualisation. The unquestioned grasp on life is loosened, the calm of polarities becomes the disquiet of opposites and antinomies. Man is no longer enclosed within himself. He becomes uncertain of himself and thereby open to new and boundless possibilities. He can hear and understand what no one had hitherto asked or proclaimed. The unheard-of becomes manifest. Together with his world and his own self, Being becomes sensible to man, but not with finality: the question remains.

Tạm dịch:

Sự biến đổi tổng quát này của nhân loại có thể được gọi là 'tinh thần hoá' (*spritualisation*, *Vergeistigung*). Sự nắm bắt cuộc đời một cách không nghi ngờ được nới lỏng, sự yên bình của những đối cực trở thành sự bất an của những cặp đối lập và nhị luật bội phản 二律背反 (*antinomies*). Con người không còn đóng kín trong chính mình nữa. Người đó trở nên hết chắc chắn về chính mình và cởi mở trước những khả năng mới và vô hạn. Người đó có thể nghe và hiểu những điều trước đây không ai từng hỏi hoặc từng tuyên bố. Cái chưa từng được nghe tới giờ hiển hiện. Cùng với thế giới của mình và chính mình, con người giờ có thể cảm nhận được sự tồn tại (*Being*), nhưng không phải với quyết định tính: câu hỏi vẫn còn đó.

29 Trang 3, *The Origin And Goal of History*, Karl Jaspers.

Câu văn đầu tiên được ông NHL xuyên tạc thành 'Hoán chuyển lớn nhất của nhân loại', trong khi Jaspers viết khiêm tốn hơn rất nhiều, 'sự biến đổi tổng quát' hoặc 'die gesamte Veränderung des Menschseins' trong bản gốc tiếng Đức. Câu thứ hai được ông cắt bỏ chữ 'disquiet' (*Unruhe*) khi dịch và tự thêm vào 'gánh nặng cuộc đời'. Câu thứ ba thì ông NHL tự nhiên cho thêm chữ 'chủ quan tính' (*subjectivity*) vào, một từ không hề xuất hiện trong cả bản tiếng Anh và tiếng Đức.[30] Sang đến câu thứ năm thì cụm 'what no one had hitherto asked or proclaimed' được dịch thành 'những gì chưa ai nghe nói tới'? Đoạn văn theo sau cũng được ông NHL vừa dịch vừa 'sáng tạo' giống như trên:

> Lần đầu tiên trong Lịch sử nhân loại, triết gia xuất hiện. Con người dám tự lực vào chính mình trên cơ bản cá nhân. Từ các đạo nhân cô độc lãng tử ở Trung Hoa, đến các nhà tu khổ hạnh ở Ấn Độ, hay là triết gia ở Hy Lạp, các đấng tiên tri ở Do Thái, tất cả đều mang một nội dung tâm thức chung, dù bao khác biệt và đa dạng, nhưng tư tưởng và lý tưởng của họ cùng của một mẫu số chung. Ở đó, con người bắt đầu soi chiếu chính mình ra với vũ trụ để tìm ra được nguyên ủy mà từ đó hắn có thể vực dậy tự chính mình và với thế gian'

Nguyên tác tiếng Anh:

> For the first time philosophers appeared. Human beings dared to rely on themselves as individuals. Hermits and wandering thinkers in China, ascetics in India, philosophers in Greece and prophets in Israel all belong together, however much they may differ from each other in their beliefs, the contents of their thought and their inner dispositions. Man proved capable of contrasting himself inwardly with the entire universe. He discovered within himself the origin from which to raise himself above his own self and the world.

Tạm dịch:

30 Nguyên văn: *Der Mensch ist nicht mehr in sich geschlossen*.

> Lần đầu tiên, các triết gia xuất hiện. Con người đã dám dựa vào chính mình như là các cá nhân. Những ẩn sĩ và những tư tưởng gia chu du ở Trung Quốc, những nhà tu khổ hạnh ở Ấn Độ, những triết gia ở Hi Lạp và những nhà dự ngôn ở Israel thuộc cùng vào một nhóm (*belong together*), dù họ có khác nhau nhiều đến thế nào trong những niềm tin của họ, nội dung tư tưởng của họ và khuynh hướng nội tại của họ. Con người cho thấy khả năng có thể, một cách nội tại, đặt mình tương phản với toàn bộ vũ trụ. Người ta đã tìm thấy trong chính mình nguồn gốc mà từ đó người ta có thể tự nâng mình lên cao hơn chính mình và thế giới.

Câu thứ hai 'Từ các đạo nhân ... mẫu số chung' trong đoạn văn được ông NHL dịch hoàn toàn không giống gì với nguyên tác tiếng Anh. Hai câu cuối cũng được ông NHL dịch tuỳ tiện và xuyên tạc không kém với những từ như 'soi chiếu chính mình', 'vực dậy tự chính mình' và 'với thế gian'? Đương nhiên là bản dịch của ông NHL cũng không giống gì với nguyên tác tiếng Đức.

Dưới đây là một đoạn văn khác mà ông NHL dịch tác giả Jaspers, ở đây là nói về Socrates, tại trang 93:

> Tuy nhiên, theo Jaspers, thì Socrates 'cảm thấy mình mang một sứ mệnh linh thiêng. Như là một nhà tiên tri, ông rất chắc mãn về công việc của mình, nhưng không như các tiên tri khác, ông không có gì để tuyên ngôn. Không có Thượng đế nào chọn ông và bảo ông phải rao giảng điều gì. Hành trạng của ông chỉ là đi tìm tình thân hữu với con người, mà ông là một. Đặt câu hỏi không ngừng nghỉ, khai mở tất cả những nơi che giấu, ông đòi hỏi không ở ai và không ở chính ông, nhưng chỉ nhất quyết nhấn mạnh đến suy tưởng, vấn hỏi, thử nghiệm, và nhắc từng cá nhân hãy tham chiếu về chính mình. (*The Great Philosophers*)

Việc liệt kê tài liệu tham khảo của ông NHL có cũng như không vì ông không nêu tên người dịch, nhà xuất bản, năm xuất bản cũng như vị trí của đoạn trích dẫn. Nguyên văn tiếng Anh đoạn trích này là như sau:[31]

> 'But he was filled with an awareness of his vocation of a divine mission. Like the Prophets, he was certain of his calling; unlike them, he had nothing to proclaim. No God had chosen him to tell men what He commanded. His mission was only to search in the company of men, himself a man among men. To question unrelentingly, to expose every hiding place. To demand no faith in anything or in himself, but to demand thought, questioning, testing, and so refer man to his own self.

Tạm dịch:

> 'Nhưng ông [Socrates] chứa đầy sự ý thức về lời gọi cho một sứ mệnh linh thiêng. Giống như những nhà tiên tri, ông chắc chắn về lời thiên triệu; không giống họ, ông không quả quyết điều gì cả. Chẳng có Thượng đế nào đã chọn ông để nói cho con người điều mà Ngài ra lệnh. Sứ mệnh của ông là đi tìm kiếm cùng với con người, chính ông cũng là một con người. Là không ngừng đặt câu hỏi, để phơi bày mỗi chỗ ẩn giấu. Không đòi hỏi phải tin vào một điều gì hay tin vào ông, nhưng đòi hỏi tư tưởng, nghi vấn, kiểm tra, và theo cách này thì một người quy chiếu lại chính mình.

Nguyên tác tiếng Đức cho phần này là:[32]

> 'Aber er wurde ergriffen von dem Bewußtsein seines Berufes, eines göttlichen Auftrags. Dieses Berufes gewiß, wie die Propheten, hatte er doch nichts zu verkünden wie sie. Kein Gott hat ihn beauftragt, den Menschen zu sagen, was er ihm befahl. Er hatte nichts als den Auftrag, zu suchen mit den Menschen, selber ein Mensch. Er soll unerbittlich fragen, aus jedem Versteck aufscheuchen. Er soll keinen Glauben verlangen an irgend etwas oder an ihn selbst, aber er soll Denken

31 Trích từ trang 15, *The Great Philosophers*, Jaspers, 1962 (xem tại đây).

32 Xin xem tại đây (trang 12).

verlangen, Fragen und Prüfen, er soll den Menschen damit auf sich selbst stellen'.

Đoạn văn mà ông NHL dịch đã dịch không chính xác chữ 'calling' (lời gọi, thiên triệu) thành 'công việc', dịch 'sứ mệnh' (*misssion*) thành 'hành trạng'. Nhiệm vụ của ông không phải là 'đi tìm tình thân hữu với con người, mà ông là một' mà là 'đi tìm kiếm cùng với con người', tức 'to search *in* the company of men' chứ không phải 'to search the company of men'. Trong nguyên văn tiếng Đức thì rất rõ ràng: 'zu suchen mit den Menschen, selber ein Mensch'. Những câu sau đó cũng đã bị dịch thiếu và dịch lệch nghĩa rất nhiều. Một cách dịch thiếu chính xác như vậy là không thể chấp nhận được trong khi làm việc khoa học.

Lời của Socrates, mà Plato viết trong tác phẩm *Cộng hoà*, cũng được ông NHL dịch sai khá nhiều. Tại trang 94, ông NHL viết:

> Khi mà mạch máu của cá nhân là trung hòa và khoẻ mạnh, và trước khi đi ngủ hắn đã đánh thức khả năng Lý tính dể nuôi dưỡng nó bằng tư duy cao đẹp và suy tưởng, tự soi chiếu tâm thức bằng Thiền định; sau khi không ăn uống quá nhiều hay quá ít, nhưng chỉ vừa đủ để có thể ngủ được, nhằm ngăn cản không nhu cầu cơ thể khuấy phá vào các Nguyên lý cao hơn – để hắn đi vào cõi đơn độc thuần trừu tượng, tự do để tư duy và ước vọng đến tri kiến về cõi bất khả tư nghị từ quá khứ, đến hiện tại hay tương lai. (...)

Nguyên tác tiếng Anh ở đây là:[33]

> But when a man's pulse is healthy and temperate, and when before going to sleep he has awakened his rational powers, and fed them on noble thoughts and enquiries, collecting himself in meditation; after having first indulged his appetites neither too much nor too little, but just enough to lay them to sleep, and prevent them and their enjoyments and pains from interfering with the higher principle–which he leaves in the

33 Xin xem tại đây.

> solitude of pure abstraction, free to contemplate and aspire to the knowledge of the unknown, whether in past, present, or future. (...)

Tạm dịch:

> Khi mạch đập của một người là khoẻ mạnh và điều độ, và trước khi đi ngủ người này đã đánh thức những sức mạnh lí trí của mình, nuôi dưỡng chúng bằng những suy nghĩ cao thượng và những tham vấn, làm tâm mình an bình trong suy tưởng; sau khi không chiều chuộng những ham muốn của mình quá nhiều hoặc quá ít, mà chỉ đủ để đưa chúng [những ham muốn] vào giấc ngủ, và ngăn cản chúng, sự vui thú và đau đớn của chúng khỏi ảnh hưởng đến nguyên lí cao hơn-thứ [nguyên lí cao hơn] mà anh ta để trong cái cô độc của sự trừu tượng tuyệt đối, tự do để suy tưởng và khát khao tri thức cái chưa được biết đến, dù là trong quá khứ, hiện tại, hay tương lai. (...)

Phải chỉ ra ở đây rằng mặc dù 'meditation' dễ khiến người ta liên tưởng đến phương pháp 'thiền', nhất là trong bối cảnh liên quan đến Phật giáo, từ này ở đây hoàn toàn không có nghĩa như vậy. 'Meditation' xuất phát từ động từ La-tinh *meditāri* (*meditor*, Hi-lạp μέδομαι), và từ đó danh từ *meditatio* phái sinh, mang nghĩa là 'suy tưởng, tư duy'. Chỉ sau này thì từ này mới được dùng để dịch khái niệm Thiền trong các văn bản liên quan đến Ấn-độ và Phật giáo. Tựa đề của một tác phẩm nổi tiếng của Descartes là *Meditationes de prima philosophia*, có nghĩa là 'Những suy tưởng về triết học đầu tiên'[34], không hề liên quan đến 'thiền định' như nghĩa mà người ta hay liên tưởng khi nhắc tới chữ 'meditation'. Đoạn sau đó bị ông NHL dịch sai khá nhiều, chẳng hạn như 'them' trong 'lay them to sleep' là 'những ham muốn' (*appetites*, số phức), và cụm từ này có nghĩa là 'khiến cho những ham muốn im lặng' hay 'đưa chúng vào giấc ngủ', song lại được ông NHL dịch sai rất nghiêm trọng là 'để [người đó] có thể ngủ được' (!). Cụm 'which he leaves

34 Tên đầy đủ của tác phẩm này là *Meditationes de prima philosophia, in qua Dei existentia et animae immortalitas demonstratur*, 'Những suy tưởng về triết học đầu tiên, mà trong nó sự tồn tại của Thượng đế và sự Bất tử của linh hồn được cho thấy.'

in the solitude of pure abstraction' thì 'which' chỉ đến 'nguyên lí cao hơn' (ở đây chỉ có *một* nguyên lí cao hơn với mạo từ xác định 'the' và 'principle' đứng ở dạng số đơn), nhưng chỗ này bị ông NHL bỏ qua và dịch thành 'để hắn đi vào cõi đơn độc thuần trừu tượng' (?).

Chúng tôi chọn những đoạn văn trên vì chúng là những đoạn văn của các triết gia nổi tiếng như Jaspers, Hegel hay Plato và triết học có thể nói là 'chuyên môn' của ông NHL. Nếu như ông NHL có khả năng đọc và hiểu đúng những văn bản gốc thì không có lí do gì để ông dịch sai những trích dẫn như được chỉ ra ở đây, mặt khác thì những lỗi sai mà ông mắc phải cũng không hề là những lỗi sai nhỏ (đặc biệt là trong đoạn văn ông NHL dịch Plato). Thêm vào đó, bản dịch của ông NHL có nhiều chỗ tự ý thay đổi rõ ràng nguyên tác (như ở trích đoạn Jaspers). Từ đây, người ta được phép kết luận là cách trình bày những dẫn chứng của ông NHL không khách quan và do vậy hoàn toàn không có tính khoa học. Ông có vẻ như cũng không có đủ kiến thức tiếng Anh để có thể đọc được các văn bản triết học (xin xem lại cách ông NHL dịch trích đoạn của Plato).

Ngoài những văn bản triết học, ông NHL còn dịch rất nhiều các loại văn bản khác trong tác phẩm *Phác thảo*, từ *Kinh Lăng-già, Kinh Thánh Tân Ước* hoặc các tài liệu thứ yếu (*secondary literature*) khác. Để tránh dài dòng, chúng tôi sẽ không đi vào chi tiết tại đây, chỉ cần nói rằng rất nhiều những đoạn mà ông NHL dịch đều không chính xác, bị pha trộn hoặc bị bóp méo như vừa nhắc đến ở trên. Vì ông NHL dịch sai ngay cả những văn bản triết học bằng tiếng Anh, tạm coi là sở trường của ông, nên việc ông dịch sai những văn bản thuộc các chủ đề khác là điều không có gì lấy làm ngạc nhiên. Những ví dụ mà chúng tôi trình bày chỉ là một vài ví dụ ngẫu nhiên được lấy từ những trang khác nhau rải rác trong cuốn *Phác thảo*. Sự phổ biến của những đoạn văn được dịch không chính xác cho thấy đây là một lỗi hệ thống và liên quan đến phương pháp làm việc của ông NHL.

Cũng phải nhắc đến ở đây rằng những sai sót giống như trên xuất hiện xuyên suốt các tác phẩm khác nhau của ông NHL chứ không chỉ riêng cuốn *Phác thảo*. Chúng tôi chỉ phân tích kĩ một ví dụ tại đây, đồng thời chỉ ra

rằng kiến thức ngoại ngữ là không thể bị coi thường trong khi học triết học, trong cuốn *Dân chủ pháp trị*, tác phẩm được xuất bản trước cuốn Phác thảo khoảng 30 năm, ông NHL cũng ghi lại một trích dẫn của Jaspers (tại trang 56) và dịch trích dẫn này:

> Freedom is the overcoming the external and which coerces me... But freedom is also the overcoming of one's own arbitrariness. Freedom coincides with the inwardly present necessity of the true... The demand upon liberty is, therefore, to act neither from caprice nor from blind obedience, but from judgement.

Bản dịch của ông NHL:

> Tự do là sự vượt thắng chướng ngại khách quan và những gì trói buộc... Nhưng tự do còn có nghĩa là sự vượt thắng chính mình. Tự do đồng nghĩa với sự thiết yếu của đời sống nội tâm... Do đó, cái yêu cầu của tự do là sự tác động, không từ phóng túng hay phục tùng mù quáng, mà phải có từ phán đoán.

Đây là một trích dẫn mà ông NHL đã dịch lệch gần như hoàn toàn so với phiên bản tiếng Anh. Tạm dịch:

> 'Tự do là sự vượt qua thứ ở bên ngoài cưỡng ép tôi... Nhưng tự do cũng là sự vượt qua sự tuỳ ý/sự chuyên chế của chính mình. Tự do trùng hợp với sự tất yếu của cái đúng tồn tại bên trong... Yêu cầu cho tự do, do đó, là hành động không phải từ sự thất thường hay từ sự phục tùng mù quáng, mà là từ phán đoán'.

Dễ thấy, ông NHL bỏ qua 'arbitrariness' không dịch, trong khi đây là chỗ rất quan trọng. Câu sau đó bị ông NHL dịch lệch hoàn toàn vì ở đây không hề nhắc đến sự 'thiết yếu của đời sống nội tâm'. Và ở câu cuối cùng thì 'to act' trong nguyên tác có nghĩa là hành động (mang nghĩa chủ động cho chủ thể), không biết tại sao lại được ông NHL dịch thành 'tác động' (tức có tính bị động cho chủ thể). Đoạn văn này trong nguyên tác tiếng Đức là:[35]

35 Karl Jaspers, Gesamtausgabe, Band I, tr. 146. Xem tại đây.

> Freiheit ist *Überwindung des Äußeren*, das mich doch bezwingt. (...) Freiheit ist aber auch Überwindung *der eigenen Willkür*. Freiheit fällt zusammen mit der innerlich gegenwärtigen Notwendigkeit des Wahren. [Bin ich frei, so will ich nicht, weil ich so will, sondern weil ich mich vom Rechten überzeugt habe.] Der Anspruch an die Freiheit ist daher, weder aus Willkür noch aus blindem Gehorsam zu handeln, sondern aus Einsicht.

Tạm dịch:

> 'Tự do là sự vượt qua thứ bên ngoài cưỡng ép tôi. (...) Nhưng tự do cũng là sự vượt qua sự chuyên chế của chính mình. Tự do trùng hợp với sự tất yếu của cái chân thật đang hiện hữu bên trong. [Nếu như tôi tự do, tôi không muốn một điều vì tôi muốn điều đó, mà là vì tôi đã tự thuyết phục mình về tính đúng đắn của điều này.] Yêu cầu đối với tự do, vì thế, là hành động không phải từ sự chuyên chế hay sự phục tùng mù quáng, mà là từ nhận thức sâu sắc'.

Chúng tôi trích thêm một câu không có trong bản dịch của ông NHL vì câu này giúp giải thích rõ ràng hơn quan điểm về 'tự do' của Jaspers và cho thấy việc ông NHL bỏ qua 'arbitrariness' là một lỗi rất nặng. Một điểm đáng chú ý khi so sánh nguyên tác tiếng Đức và bản dịch tiếng Anh là, câu cuối trong đoạn trích sử dụng từ 'Einsicht', giống với 'insight' hơn là 'judgement' (*Urteil* trong tiếng Đức). Nếu như chỉ sử dụng tiếng Anh, một người không thể biết đến sự khác biệt này và do vậy không thể tránh được việc hiểu nhầm ý của Jaspers, dù từ 'judgement' dùng để dịch 'Einsicht' ở đây không sai hoàn toàn.

Một trong những trọng tâm của các tác phẩm của ông NHL là triết học Hegel. Ông NHL đã viết nhiều sách 'khai giải', phân tích triết học Hegel ở nhiều khía cạnh khác nhau trong một thời gian dài, có người đã gán cho ông danh hiệu là 'Hegel của Việt Nam' mà sau này ông có trích dẫn lại. Người ta sẽ kì vọng rằng ông NHL có thể đọc hiểu và dịch đúng được những đoạn văn của Hegel, vì đây là một trong những cơ sở cho hệ thống triết học của ông. Trong phần tới, chúng ta sẽ xem cách ông NHL đọc hiểu

triết gia người Đức này như thế nào, dù độc giả khi đọc đến đây cũng đã đoán được kết quả của sự xem xét này.

B. CÁCH GS NHL HIỂU NHỮNG ĐOẠN VĂN CỦA HEGEL

Ông NHL đã viết nhiều sách 'khai giải', 'phiên giải', 'áp dụng' triết học Hegel từ gần ba mươi năm nay, giờ đây chúng ta sẽ xem ông NHL đọc và hiểu triết gia này (bằng bản dịch tiếng Anh) như thế nào. Để xứng đáng với sự nghiệp gần 30 năm diễn giải Hegel, phần này sẽ tương đối dài vì trích dẫn nhiều dẫn chứng. Trong phần này, phần dịch tiếng Việt của ông NHL sẽ được so sánh với nguyên tác tiếng Đức của Hegel chứ không thông qua trung gian là bản dịch tiếng Anh như một số ví dụ nói trên. Bản dịch tiếng Anh sẽ được trích dẫn chỉ để đối chiếu và sẽ không được dịch.

Ông NHL mở đầu đoạn trích Hegel với câu sau tại trang 62, *Phác thảo*:

> Hegel diễn tả ngoạn mục về tâm thức cái ta cá nhân trong văn minh Ấn giáo

Bây giờ, chúng ta sẽ xem xét phần dịch tiếng Việt cũng ngoạn mục không kém của ông NHL:

> Quan điểm của người Ấn về mọi vật là chủ nghĩa Universal Pantheism (Thần vật phổ quát) mà trong đó, nội dung của nó là năng lực Tưởng tượng, chứ không là Lý tính. Chỉ có một bản chất thấm nhập vào Tổng thể vạn vật, và tất cả những cá thể tính đều được sinh động hóa trực tiếp vào những năng lực đặc thù.

Bản dịch tiếng Anh:

> The Indian view of things is a Universal Pantheism, a Pantheism, however, of Imagination, not of Thought. One substance pervades the Whole of things, and all individualizations are directly vitalized and animated into particular Powers.

Nguyên tác tiếng Đức:[36]

36 Trang 74, Hegel, *Vorlesungen über die Philosophie der Geschichte*, Reclam Verlag, 1924. Xem tại đây.

> Die indische Anschauung ist ganz allgemeiner Pantheismus, und zwar ein Pantheismus der Einbildungskraft, nicht des Gedankens. Es ist eine Substanz, und alle Individualisierungen sind unmittelbar belebt und beseelt zu eigentümlichen Mächten.

Tạm dịch:

> Thế giới quan của người Ấn-độ hoàn toàn là một thứ phiếm thần luận phổ quát (*allgemeiner Pantheismus*), song là một phiếm thần luận của lực tưởng tượng, chứ không phải của tư tưởng (*Gedanken*). Chỉ có một thực chất (*Substanz*) duy nhất, và tất cả những sự cá thể hoá (*Individualisierung*) đều được trực tiếp ban sức sống (*belebt*) và ban linh hồn (*beseelt*) thành những quyền lực đặc thù.

Đoạn 'nội dung của nó là năng lực Tưởng tượng, chứ không là Lý tính' là do ông NHL tự thêm vào, ngay cả bản dịch tiếng Anh cũng chỉ viết, 'a Pantheism, however, of Imagination, not of Thought'. Mặt khác, *Thought* hay *Gedanken* trong tiếng Đức là 'tư tưởng', 'tư duy', không phải 'lí tính' (*Reason* hay *Vernunft*) như ông NHL dịch. Từ 'Individualisierung' trong nguyên tác hay 'individualization', có nghĩa là 'sự cá thể hoá', được ông NHL dịch thành 'cá thể tính' (?).

Liên quan đến cụm từ 'cá thể tính' này, ngay ở đầu cuốn sách, ông NHL chú thích 'individuality' là 'cá thể tính'. Nhưng sau này, ông NHL lại dùng cụm 'cá thể tính' để dịch một thuật ngữ khác hoàn toàn là 'personality', như đoạn trích từ trang 202 dưới đây. Đây lại là một bằng chứng nữa cho thấy sự thiếu nhất quán trong thuật ngữ hiện diện xuyên suốt các tác phẩm của ông NHL:

> Đây là Cơ đồ phát huy và trưởng thành cho Ngã thể mà Jung gọi là Nhân thức hóa – *individuation* – là sự phát triển Ngã thức qua Cá thể tính – *personality* – mà trong đó bao gồm các bình diện của năng lực Tinh thần.

Tại câu cuối cùng, 'all individualizations are directly vitalized and animated into particular Powers', ông NHL dịch thiếu 'animated' (được ban hồn,

beseelt), 'sinh động hoá' mới chỉ dịch được 'vitalized' hay 'belebt' trong nguyên tác.

Tiếp tục với trích đoạn của Hegel được ông NHL dịch:

> Những gì được cảm nhận bởi giác quan được đón tiếp và đưa chúng vào Tổng thể chung vô hạn. Nó không phải là một trạng tính mà trong đó hình thái thẩm mỹ cá thể được giải phóng ra khỏi tổng thể chung để trở nên cá thể đặc thù, nhưng chúng chỉ được phóng tác vào cõi vô hạn và bất định, để từ đó tính thể Linh thiêng hiện thân ra một cách kỳ quặc lạ lùng, mơ hồ, không rõ rệt.

Bản dịch tiếng Anh:

> The sensuous matter and content are in each case simply and in the rough taken up, and carried over into the sphere of the Universal and Immeasurable. It is not liberated by the free power of Spirit into a beautiful form, and idealized in the Spirit, so that the sensuous might be a merely subservient and compliant expression of the spiritual; but [the sensuous object itself] is expanded into the immeasurable and undefined, and the Divine is thereby made bizarre, confused, and ridiculous.

Nguyên tác:

> Der sinnliche Stoff und Inhalt ist in das Allgemeine und Unermeßliche nur aufgenommen und roh hineingetragen und nicht durch die freie Kraft des Geistes zur schönen Gestalt befreit und im Geiste idealisiert, so daß das Sinnliche nur dienend und sich anschmiegender Ausdruck des Geistigen wäre; sondern es ist zum Unermeßlichen und Maßlosen erweitert und das Göttliche dadurch bizarr, verworren und läppisch gemacht.

Tạm dịch:

> Chất liệu và nội dung của cảm giác chỉ bị tiếp thụ vào trong cái phổ biến và cái bất khả lượng (*das Unermeßliche*) và bị mang vào một cách thô sơ, không được giải phóng thành hình thái đẹp thông qua năng lực tự do

> của tinh thần và không được lí tưởng hoá trong tinh thần; để cho cái cảm giác được (*das Sinnliche*) đã có thể có tính phục vụ (*dienend*) và là một biểu đạt của tinh thần tự uốn mình thuận theo (*sich anschmiegend*); thay vào đó, nó [cái cảm giác] bị khuếch trương thành cái bất khả lượng và cái cực độ (*das Maßlose*) và cái linh thiêng bởi vậy mà trở nên kì lạ, rắc rối và lố bịch.

Đây là một đoạn văn mà ông NHL lại dịch sai và hoàn toàn tuỳ tiện. Tại câu đầu tiên, bản tiếng Anh ghi tách biệt rõ 'the Universal and Immeasurable', nhưng ông NHL lại hợp nhất thành 'Tổng thể chung vô hạn' (bỏ qua 'and'). Câu văn thứ hai bị ông NHL đọc sai và dịch sai lệch hoàn toàn so với bản dịch tiếng Anh (và nguyên tác), mặt khác thì ông cũng tự tiện cắt đi một đoạn khá dài của chính Hegel. Câu văn cuối cùng cũng bị ông NHL dịch sai ở nhiều chỗ giống như hai câu trước đó.

Tiếp đến:

> Đây là những giấc mơ không mang tính biểu ngôn (fables) – một màn kịch mà trí tưởng tượng đưa linh hồn vào cơn say đùa cợt, phóng đãng: tất cả đều bị đánh mất vào hình thái bất định, bị xô đẩy ngang dọc bởi những cơn mơ được coi như là sự thật của một thực tại nghiêm trang. Nó bị giao hoán vào những vật thể hữu hạn và được tôn vinh như là Thần đế và ngôi Chúa. Mọi thứ, do đó, – từ mặt Trời, Trăng, ngôi Sao, sông Hằng, sông Indus, thú dữ, hoa dại – mỗi cái là một Thiên chúa.

Tiếng Anh

> These dreams are not mere fables — a play of the imagination, in which the soul only revelled in fantastic gambols: it is lost in them; hurried to and fro by these reveries, as by something that exists really and seriously for it. It is delivered over to these limited objects as to its Lords and Gods. Everything, therefore — Sun, Moon, Stars, the Ganges, the Indus, Beasts, Flowers — everything is a God to it.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Diese Träume sind nicht leere Märchen, ein Spiel der Einbildungskraft, so daß der Geist darin nur umhergaukelte, sondern er ist darin verloren und von diesen Träumereien als von seiner Realität und seinem Ernste hin und her geworfen, er ist diesen Endlichkeiten preisgegeben als seinen Herren und Göttern. So ist also alles, Sonne, Mond, Steine, der Ganges, Indus, Tiere, Blumen, alles ist ihm ein Gott (...)

Tạm dịch:

> Những giấc mơ này không phải là những câu chuyện cổ tích trống rỗng, một màn kịch/trò chơi của lực tưởng tượng để mà trong đó tinh thần lộng hành, trái lại, tinh thần thất lạc (mình) ở trong đó và bị quăng quật tới lui bởi những mộng tưởng này, như thể bị quăng tới lui bởi hiện thực và sự nghiêm túc của nó [tinh thần]. Tinh thần bị phó thác cho những thứ có tính hữu hạn này như là những ông chủ và thần linh của nó. Vì vậy mà mọi thứ, mặt trời, mặt trăng, những hòn đá, sông Hằng, sông Ấn, thú vật, hoa lá, tất cả đều là thần linh cho nó.

Câu đầu tiên bị ông NHL dịch sai thành 'những giấc mơ không mang tính biểu ngôn'. Đoạn sau đó thì ông NHL vừa dịch vừa xuyên tạc như những lần trước đó. Ngay cả những câu văn đơn giản như 'everything is a God to it' cũng bị ông NHL dịch thiếu ('mỗi cái là một Thiên chúa'), cụm 'to it' (cho nó, tức cho tinh thần) đã bị ông NHL bỏ qua không dịch.

Đi tiếp tới một đoạn sau đó, ông NHL dịch:

> Trong việc thần linh hóa mọi sự, mọi vật, mà hệ quả là sự giáng cấp cho cái Linh thiêng, ý niệm về Theanthropy (Thần nhân nhất thể), sự tái sanh của Thượng đế, chưa được nâng lên thành một ý niệm quan yếu. Con chim sáo, con bò, khỉ, chẳng hạn, là hiện thân Thượng đế, nhưng vẫn không vươn cao hơn ra khỏi bản chất thú vật của chúng. Cái Linh thiêng không là một tính thể chủ quan được cá thể hóa, như là một thực tại Tinh thần, mà chỉ là sự thoái hóa xuống cấp độ dung tục và vô nghĩa.

Bản dịch tiếng Anh:

> In this universal deification of all finite existence, and consequent degradation of the Divine, the idea of Theanthropy, the incarnation of God, is not a particularly important conception. The parrot, the cow, the ape, etc., are likewise incarnations of God, yet are not therefore elevated above their nature. The Divine is not individualized to a subject, to concrete Spirit, but degraded to vulgarity and senselessness.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Bei dieser allgemeinen Vergöttlichung alles Endlichen und ebendamit Herabwürdigung des Göttlichen ist die Vorstellung der Menschwerdung, der Inkarnation Gottes nicht ein besonders wichtiger Gedanke. Der Papagei, die Kuh, der Affe usf. sind ebenfalls Inkarnationen Gottes und nicht erhoben über ihr Wesen. Das Göttliche ist nicht zum Subjekte, zum konkreten Geist individualisiert, sondern zur Gemeinheit und Sinnlosigkeit herabgewürdigt.

Tạm dịch:

> Trong sự thần linh hoá phổ quát đối với mọi thứ hữu hạn này, mà cùng với đó là một sự hạ nhục cái linh thiêng, thì ý tưởng về một sự nhập thể làm người (*Menschwerdung*), hoá thân của Thượng đế, không phải là một tư tưởng quan trọng. Con vẹt, con bò, con khỉ v.v do đó cũng đều là những hoá thân của Thượng đế và không được nâng cao lên khỏi bản chất của chúng. Cái linh thiêng không được cá thể hoá thành chủ thể, thành tinh thần cụ thể, mà bị hạ nhục thành sự xấu xa và sự vô nghĩa.

Vẫn giống những lần trước, khi dịch câu văn đầu tiên trong đoạn này của Hegel thì ông NHL bịa thêm 'chưa được nâng lên thành'. Điểm buồn cười của đoạn dịch này là 'the parrot' (*Papagei*) rõ ràng là con vẹt, không biết tại sao ông NHL lại dịch thành 'con chim sáo'? Ông NHL dịch sai hoàn toàn 'the incarnation of God' thành 'sự tái sinh của Thượng đế', trong khi cụm từ này có nghĩa là 'hoá thân của Thượng đế' và được lặp lại ở ngay câu sau. '**Re**incarnation' hay 'Resurrection' mới là 'tái sinh'. Trong câu cuối cùng, 'concrete Spirit', tức 'tinh thần cụ thể', được ông NHL dịch thành 'thực tại Tinh thần'?

Chúng ta sẽ đến với câu cuối cùng trong đoạn này:

> Vạn vật đều bị cướp mất cái hữu lý, cái tồn hữu hợp lý và đồng nhất trong quy luật nhân quả – (bởi vì chúng ta phải ý thức rằng) con người là của một năng lực mang ý chí tinh tấn từ cơ sở cá thể độc lập, của bản sắc cá tính, và của tự do.

Bản dịch tiếng Anh:

> Things are as much stripped of rationality, of finite consistent stability of cause and effect, as man is of the steadfastness of free individuality, of personality, and freedom.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Die Dinge entbehren ebenso des Verstandes, des endlichen zusammenhängenden Bestehens von Ursache und Wirkung, als der Mensch der Festigkeit des freien Fürsichseins, der Persönlichkeit und der Freiheit.

Tạm dịch:

> Cũng như vậy, sự vật khuyết thiếu lí trí (*Verstand*), sự tồn tại hữu hạn có tính tương quan của nguyên nhân và kết quả, giống như con người khuyết thiếu tính kiên cố (*Festigkeit*) của sự tồn tại tự do cho chính mình (*freies Fürsichsein*), của cá tính và tự do.

Phải nói rằng câu văn này đã cho thấy kiến thức tiếng Anh cực kì kém của ông NHL. Ông không nhận ra rằng bản tiếng Anh khi viết 'as man is of the steadfastness of free individuality' thì đã tỉnh lược từ 'stripped' (trong cụm 'stripped of' của vế câu trước), chỉ để lại giới từ 'of', mặt khác thì đây là câu so sánh với tiểu từ 'as'. Nhưng ông NHL lại đọc nhầm 'as' là 'bởi vì' rồi bịa ra đoạn đằng sau '(bởi vì chúng ta phải ý thức rằng) con người là của một năng lực mang ý chí tinh tấn'. Đến đây thực ra có thể kết luận là ông NHL hoàn toàn không đọc và hiểu đúng được các văn bản tiếng Anh triết học và cũng không hiểu là mình đang dịch cái gì, vì tất cả những câu của ông rời rạc và không liên quan gì đến nhau. Đấy là còn chưa kể, dù không hiểu được bản Anh ngữ đang nói gì nhưng ông lại thường thêm những khái niệm

không liên quan đến văn bản như 'Ngôi Chúa', 'tinh tấn', 'nhân quả' v.v. vào đoạn văn được dịch.

Chứng kiến khả năng tiếng Anh của ông NHL qua ví dụ trên (ông NHL dịch sai hầu như không sót câu nào trong đoạn trích) thực ra đã đủ để kết luận là ông không hiểu gì về Hegel và cũng không thể đọc được Hegel bằng tiếng Anh (hay đọc bất cứ văn bản triết học nào bằng tiếng Anh nói chung). Song để làm rõ và chắn chắn hơn điều này thì chúng tôi sẽ lấy thêm một vài đoạn văn khác mà trong đó ông NHL đã dịch Hegel. Tại trang 505–6, ông NHL dịch một trích đoạn khác của triết gia này:

> Khi ý thức đã đánh mất sự chắc mãn về chính mình và tất cả những gì về nó, ngay cả về sự công nhận cho điều mất mát này, hay là về cảm nhận trong năng thức tự-Ngã – cả về tinh hoa cũng như là về chính mình, và điều đó là niềm đau cay đắng cho Ngã thức được biểu hiện trong câu nói, "Chúa Trời đã chết."

Bản tiếng Anh:[37]

> It is the consciousness of the loss of all essential being in this certainty of itself, and of the loss even of this knowledge about itself – the loss of substance as well as of the Self, it is the grief which expresses itself in the hard saying that 'God is dead'.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Es ist das Bewusstsein des Verlustes aller *Wesenheit* in *dieser Gewissheit* seiner und des Verlustes eben dieses Wissens von sich der Substanz wie des Selbsts, es ist der Schmerz, der sich als das harte Wort ausspricht, *dass Gott gestorben ist*.

Tạm dịch:

> Đây là ý thức về sự mất mát tất cả tính bản chất (*Wesenheit*) trong xác tín của chính nó, [ý thức] về sự mất mát của ngay cái biết này về chính

37 Trang 455, bản dịch *Phenomenology of Spirit* .

> nó, về sự mất mát của thực chất (*Substanz*) cũng như của bản ngã, đây là nỗi đau mà đã phải thốt lên lời nói khắc nghiệt *rằng Chúa đã chết*.

Ông NHL đã dịch bừa toàn bộ đoạn văn này, cộng thêm tự tiện cắt xén một số chỗ, đoạn văn của ông NHL không hề giống bản dịch tiếng Anh hay nguyên tác tiếng Đức. Đây lại là một bằng chứng cho thấy có thể ông NHL không đọc được các văn bản triết học bằng tiếng Anh. Ngay đoạn đầu tiên 'It is the consciousness of the loss of ...'. ('Đây là ý thức về sự mất mát của ...') được ông NHL dịch bừa thành: 'Khi ý thức đã đánh mất...', trong khi cụm từ 'to be conscious of' rất thông dụng trong tiếng Anh. Ông NHL sau đó cũng tự thêm những đoạn không có trong nguyên tác như 'cảm nhận trong năng thức tự-Ngã' vào đoạn dịch này. Hình như không có trích dẫn của Hegel nào được ông NHL dịch mà không tự thêm một vài từ do chính mình chế ra. Tiếp đến:

> Trong điều kiện quyền hạn và luật pháp, từ đó, thế giới luân thường đã bị tiêu vong, và thể loại tôn giáo này đã được bước qua trong tâm trạng Bi hài – Comedy. Tâm thức bất hạnh này, một linh hồn tuyệt vọng, chỉ là một sự công nhận về sự thể mất mát này. Nó đã đánh mất cả giá trị thế gian với những gì trân quý trên tư cách pháp nhân và trong thể tính tư duy của một kẻ tránh đời. Niềm tin vào quy luật vĩnh hằng từ chúa Trời nay đã im lắng, cũng như các nhà tiên tri cũng trở thành ngu muội – nhưng vẫn giả bộ biết về biến cố thế gian.

Bản dịch tiếng Anh:

> In the condition of right or law, then, the ethical world and the religion of that world are submerged and lost in the comic consciousness, and the Unhappy Consciousness is the knowledge of this total loss. It has lost both the worth it attached to its immediate personality and the worth attached to its personality as mediated, as thought. Trust in the eternal laws of the gods has vanished, and the Oracles, which pronounced on particular questions, are dumb.

Nguyên tác tiếng Đức:

> In dem Rechtszustande ist also die sittliche Welt und die Religion derselben in dem komischen Bewusstsein versunken, und das unglueckliche das Wissen dieses ganzen Verlusts. Sowohl der Selbstwert seiner unmittelbaren Persoenlichkeit ist ihm verloren, als seiner vermittelten, der gedachten. Ebenso ist das Vertrauen in die ewigen Gesetze der Goetter, wie die Orakel, die das Besondre zu wissen taten, verstummt.

Tạm dịch:

> Như vậy, trong trạng thái pháp luật (*Rechtszustand*), thế giới đạo đức và tôn giáo của chính nó đã chìm vào trong ý thức hài kịch (*komisch*), và ý thức bất hạnh là cái biết về toàn bộ sự mất mát này. Nó đã đánh mất cả giá trị tự thân của cá tính (*Persönlichkeit*) trực tiếp, cũng như của cá tính được trung giới, tức được suy tưởng. Niềm tin vào những quy luật vĩnh hằng của thần linh, như những lời sấm truyền, thứ tuyên bố rằng đã biết cái đặc biệt, đã im bặt.

Vẫn như những lần trước, ông NHL dịch sai hầu như toàn bộ đoạn văn. Đáng chú ý là bản tiếng Anh xuyên suốt trích đoạn này của Hegel chỉ dùng từ 'Consciousness' (Ý thức, Bewusstsein), nhưng ông NHL dịch từ này ở câu đầu tiên là 'tâm trạng', sang câu thứ hai thì là 'tâm thức', dù trước đó ông dịch từ này là 'ý thức'; vẫn là sự lộn xộn trong thuật ngữ thường thấy. Do vốn tiếng Anh hạn chế, ông NHL dịch bừa 'the worth attached to its personality as mediated, as thought' thành 'trong thể tính tư duy của một kẻ tránh đời' (?). Khi gặp những cấu trúc câu phức tạp, hình như ông NHL chỉ có thể đọc được các chữ tiếng Anh rời rạc như 'mediated', 'thought', 'worth' rồi bắt đầu tưởng tượng, 'xào nấu' chúng để dịch ra một câu tiếng Việt? Tại câu cuối cùng, 'oracle' trong tiếng Anh vừa có nghĩa là 'nhà dự ngôn/tiên tri', vừa có nghĩa là 'sấm ngôn', 'lời tiên tri', ở đây thì 'oracle' mang nghĩa sau, như được xác nhận trong nguyên tác tiếng Đức, nhưng ông NHL đã đọc sai nghĩa của từ này ở đây và sau đó bịa ra thêm phần 'ngu muội ... biến cố thế gian'.

> Những tượng đài hoành tráng nay là những xác chết đá tảng khi mà linh thiêng của chúng đã biến mất, cùng lúc mà lời kinh cầu chỉ còn là ngôn

> từ mà chẳng còn ai tin vào. Bàn tiệc thần linh nay không còn thức ăn, đồ uống tinh thần, và từ nơi lễ hội hay trò chơi con người không còn nhận được niềm vui hoan lạc trong cảm thức thống hợp với Chân thể uyên nguyên.

Bản dịch tiếng Anh:

> The statues are now only stones from which the living soul has flown, just as the hymns are words from which belief has gone. The tables of the gods provide no spiritual food and drink, and in his games and festivals man no longer recovers the joyful consciousness of his unity with the divine.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Die Bildsäulen sind nun Leichname, denen die belebende Seele, so wie die Hymne Worte, deren Glauben entflohen ist; die Tische der Goetter ohne geistige Speise und Trank, und aus seinen Spielen und Festen kommt dem Bewusstsein nicht die freudige Einheit seiner mit dem [göttlichen] Wesen[38] zurück.

Tạm dịch:

> Những bức tượng giờ chỉ là xác chết vì linh hồn làm (chúng) sống đã rời khỏi chúng, cũng như bài tán ca giờ chỉ là những lời nói mà đức tin đã rời khỏi chúng. Những bàn ăn của thần linh không có thức ăn và thức uống tinh thần, và từ những trò chơi và lễ hội thì sự hợp nhất hân hoan giữa ý thức và bản chất thần linh (*[göttliche] Wesen*) cũng không quay về (cho ý thức) nữa.

Đoạn cuối cùng này thì ông NHL dịch sai ít hơn hai đoạn vừa nhắc đến, nhưng ông vẫn dịch sai và tự thêm thắt khá nhiều khi dịch. Chẳng hạn như dịch 'living soul' thành 'linh thiêng' hay 'the joyful consciousness of his unity with the divine' (ý thức vui mừng về sự hợp nhất của nó với cái thần

38 Trong bối cảnh của tiết 'Die offenbare Religion' ('Tôn giáo mặc khải') này thì có thể dễ dàng bổ sung tính từ 'göttlich' ('thần linh') ở vị trí này, vì Hegel đang phân tích về 'das göttliche Wesen' trong tiết này.

linh) thành 'niềm vui hoan lạc trong cảm thức thống hợp với Chân thể uyên nguyên'.

Sau khi 'dịch' xong đoạn văn trên, trích từ cuốn *Phänomenologie des Geistes*, ông NHL bình luận 'Đó là giọng văn điêu luyện của Hegel'. Phải nói là ông NHL hoàn toàn không có cơ sở gì để đưa ra nhận định này, vì 1) ông không đọc được nguyên tác tiếng Đức để biết giọng văn thực sự của Hegel là như thế nào, và 2) ông cũng không đọc hiểu được bản dịch tiếng Anh của đoạn này, vì ông sai đủ thứ lỗi khác nhau trong lúc dịch và đoạn văn ông 'dịch' có nội dung không hề liên quan đến bản gốc. Rất nhiều chỗ trong bản dịch của ông NHL thực ra là những bịa đặt và xuyên tạc của chính ông chứ không liên quan gì đến Hegel.

Giờ thì chúng ta thử đến với một trích đoạn khác mà ông NHL dịch Hegel:

> Thông hiểu bản chất của Sự thể là công tác Triết học, bởi vì tất cả mọi sự xảy ra đều là của Trí năng...

Bản dịch tiếng Anh:

> To apprehend what is is the task of philosophy, because what is is reason.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Das was ist zu begreifen, ist die Aufgabe der Philosophie, denn das, was ist, ist die Vernunft.[39]

Tạm dịch:

> Nắm bắt [bằng khái niệm, begreifen → Begriff] cái đang diễn ra là nhiệm vụ của triết học, bởi vì cái đang diễn ra chính là lí tính.

Như đã nhắc đến trong phần trước, 'trí năng' là từ mà ông NHL thường sử dụng để dịch chữ Geist (*Spirit*, Tinh thần), đến đây thì ông lại dùng từ này để dịch chữ 'Vernunft' (*Reason*, Lí tính). Những từ như 'sự thể' (một từ do ông NHl chế ra) hay 'công tác' rất lạc ý so với câu văn gốc của Hegel. Sau đó ông NHL viết:

39 Tr. 15, *Grundlinien*, Hegel

> Khi công nhận Trí năng là đóa hoa Hồng trên Thánh giá của Hiện tại để mà hoan hỷ trong Hiện tại – Trực kiến Lý tính này chính là sự Hòa giải với Thực tại, vốn là điều mà Triết học ban cho những ai đi theo tiếng gọi Nội tâm nhằm thấu hiểu.

Bản dịch tiếng Anh:

> To recognize reason as the rose in the cross of the present, and to find delight in it, is a rational insight which implies reconciliation with reality. This reconciliation philosophy grants to those who have felt the inward demand to conceive clearly, to preserve subjective freedom while present in substantive reality, and yet though possessing this freedom to stand not upon the particular and contingent, but upon what is self-originated and self-completed.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Die Vernunft als die Rose im Kreuze der Gegenwart zu erkennen und damit dieser sich zu erfreuen, diese vernünftige Einsicht ist die Versöhnung mit der Wirklichkeit, welche die Philosophie denen gewährt, an die einmal die innere Anforderung ergangen ist, zu begreifen und in dem, was substantiell ist, ebenso die subjektive Freiheit zu erhalten sowie mit der subjektiven Freiheit nicht in einem Besonderen und Zufälligen, sondern in dem, was an und für sich ist, zu stehen.

Tạm dịch:

> Nhận ra lí tính như là bông hồng trên thánh giá của hiện tại và vì thế mà vui mừng về điều này, nhận thức hợp lí tính này là sự hoà giải với hiện thực (*Wirklichkeit*), là thứ mà triết học ban cho những ai đã một lần đón nhận yêu cầu nội tại là lĩnh hội [bằng khái niệm], và cũng như thế, bảo tồn sự tự do chủ quan trong cái thực chất, cũng như phải đứng với sự tự do chủ quan không phải trong một [mối quan hệ] đặc thù và ngẫu nhiên, mà là ngay trong cái tồn tại tự nó và cho nó (*an sich* và *für sich*).

Ở đây thì ông NHL vẫn dịch Reason (*Vernunft*) là 'trí năng', nhưng 'rational' (*vernünftig*) lại được ông dịch là 'lí tính'? Câu văn gốc của Hegel còn

một đoạn dài đằng sau, nhưng ông NHL đã cắt bỏ (có thể là vì ông không đọc và hiểu được câu này) mà không đánh dấu gì để thông báo cho độc giả. Trước đó, ông NHL dịch một trích đoạn khác của Hegel:

> Đó là một tiến trình Trở nên tự hữu, một vòng tròn mà Chung cuộc là Chủ đích, và Chung cuộc cũng là sự Bắt đầu; nó trở nên Thực hữu và Hiện thực chỉ khi nào được hành hoạt về một chủ đích mà nó dấn thân vào.

Bản dịch tiếng Anh (ông NHL không chú thích trong ví dụ này là ông sử dụng bản dịch tiếng Anh nào nên chúng tôi sẽ lấy bản dịch tiếng Anh của Miller như các ví dụ trước.)

> It is the process of its own becoming, the circle that presupposes its end as its goal, having its end also as its beginning ; and only by being worked out to its end, is it actual.[40]

Nguyên tác tiếng Đức:[41]

> Es ist das Werden seiner selbst, der Kreis, der sein Ende als seinen Zweck voraussetzt und zum Anfange hat, und nur durch die Ausführung und sein Ende wirklich ist.

Tạm dịch:

> Đó là sự Trở-thành (*Werden*) của chính nó, vòng tròn, thứ tiền giả định kết thúc (*Ende*) của nó là mục đích (*Zweck*) của nó và có kết thúc của nó là khởi điểm, và chỉ thông qua sự thực hiện (*Ausführung*) và kết thúc này mà nó có thực (*wirklich*).

Chúng tôi sẽ để cho độc giả tự đánh giá cách hiểu Hegel của ông NHL tại đây.

Nếu như độc giả qua những ví dụ trên nghĩ rằng đã được chứng kiến hết khả năng xuyên tạc, 'xào nấu' của ông NHL thì độc giả đã lầm. Chúng

40 Tr. 10, bản dịch *Phenomenology of Spirit*.

41 Tr. 8, *Phänomenologie des Geistes*.

ta sẽ đi đến ví dụ cuối cùng trong phần này. Tại trang 195, cuốn *Phác thảo*, ông NHL dịch:

> Lịch sử Thế giới, với tất cả những thay đổi qua bao thiên niên kỷ, là một quá trình Tiến hóa và thực tại hóa cho Tinh thần – đây là tinh yếu của Theodicaea – biện minh từ Chân Tâm trong Sử tính. Chỉ từ trong Trí tuệ thông hiểu này chúng ta mới thấy được sự hóa giải giữa TA và ta, giữa phủ định và xác định, giữa Sử ký với Sử lý – rằng những gì đã xảy ra không phải chỉ là tình cờ, vô nghĩa, nhưng mà tất cả đều nằm trong cơ Trời từ Chân thức.

Bản dịch tiếng Anh, (*Philosophy of History*, 437):

> That the History of the World, with all the changing scenes which its annals present, is this process of development and the realization of Spirit — this is the true Theodicaea, the justification of God in History. Only this insight can reconcile Spirit with the History of the World — viz., that what has happened, and is happening every day, is not only not 'without God,' but is essentially His Work.

Nguyên tác tiếng Đức:

> Daß die Weltgeschichte dieser Entwicklungsgang und das wirkliche Werden des Geistes ist, unter dem wechselnden Schauspiele ihrer Geschichten, – dies ist die wahrhafte Theodicee, die Rechtfertigung Gottes in der Geschichte. Nur die Einsicht kann den Geist mit der Weltgeschichte und der Wirklichkeit versöhnen, daß das, was geschehen ist und alle Tage geschieht, nicht nur nicht ohne Gott, sondern wesentlich das Werk seiner selbst ist.

Tạm dịch:

> Rằng bên dưới màn kịch biến chuyển của những lịch sử/câu chuyện, lịch sử thế giới là quá trình phát triển và sự Trở thành (*das Werden*) thực sự của tinh thần, đó chính là Thần chính luận (*Theodicee*) thực sự, tức sự biện minh chính đáng cho Thượng đế trong lịch sử. Chỉ có cái nhìn sâu sắc/nhận thức (*Einsicht*) này mới có thể hoà giải tinh thần với

lịch sử thế giới và hiện thực, đó là, thứ đã xảy ra và đang xảy ra hằng ngày không những không vắng mặt Thượng đế, mà về bản chất là tác phẩm của chính Ngài.

Có lẽ ông NHL có thể nên ghi ở đây là 'theo Hữu Liêm' chứ không phải 'theo Hegel' vì ông vừa sáng tác một đoạn văn mới chứ không hề trích lại Hegel. Chữ 'History' thì được ông dịch thành 'Sử tính' (tức Substance hoặc Spirit of History như ông chú thích trong cuốn 'Sử tính'), chữ 'God' được ông bịa thành Chân tâm (?), 'tác phẩm của Thượng đế được ông NHL bịa ra thành 'cơ Trời từ Chân thức' (??), vậy thì 'Chân tâm' và 'Chân thức' giống nhau? Sau đó ông NHL nhét luôn những tưởng tượng của chính mình vào miệng Hegel: 'sự hoá giải giữa TA và ta, giữa phủ định và xác định, giữa Sử ký và Sử lý' (???). Đây có lẽ là một trường hợp của 'treo đầu dê, bán thịt chó', ông NHL mượn lấy cái tên Hegel, nhưng nội dung bên trong hoá ra lại toàn là sáng chế của chính ông.

Cách ông NHL dịch các đoạn văn của các triết gia lớn như Jaspers hay Plato khiến chúng tôi không thể tin vào mắt mình, bởi ông NHL dịch sai quá nhiều và trong số đó có rất nhiều lỗi sai căn bản về tiếng Anh. Chỉ qua bản dịch tiếng Việt thì người ta mới thực sự đánh giá được trình độ hiểu tiếng Anh của ông NHL, vì khi viết bằng tiếng Anh (như luận án tiến sĩ của ông) thì ông NHL có thể trích nguyên đoạn văn bằng tiếng Anh mà không cần giải thích gì thêm, do vậy mà người đọc không biết là ông có thực sự hiểu đoạn văn này hay không. Triết học có thể tạm coi là sở trường của ông NHL, nhưng ông NHL dịch những đoạn văn của các triết gia nổi tiếng như Jaspers hay Plato vẫn còn sai rất nhiều và đây là những lỗi sai sơ đẳng. Chúng tôi không trình bày ở đây nhưng ông NHL dịch Kinh Thánh, Kinh Phật hay những văn bản khác cũng sai không kém gì những chỗ đã được chỉ ra ở đây.

Vốn tiếng Anh không tốt cộng thêm với trí tưởng tượng quá lớn khiến những đoạn văn được ông dịch không khác gì một trò đùa cho những người biết ngoại ngữ và có kiến thức triết học. Những trích dẫn mà ông NHL trình bày để ủng hộ cho học thuyết Liêmism của mình hoàn toàn

không có giá trị gì cả, vì chúng là những trích dẫn không khách quan, đã bị bóp méo, xuyên tạc bởi ông NHL. Thậm chí có thể nói là ông NHL không đọc hiểu được văn bản triết học bằng tiếng Anh chứ đừng nói đến việc diễn giải chúng.

Ông NHL nói và viết nhiều về Hegel, ông cũng đã chấp nhận cái biệt danh 'Hegel của Việt Nam' mà có người đã gọi ông. Song có lẽ là ông NHL cũng không hề có kiến thức khoa học nào về triết gia này. Những đoạn văn ông dịch Hegel hầu như không có đoạn văn nào có nghĩa, các câu văn trong cùng một đoạn văn còn không ăn khớp với nhau. Nội dung bản dịch của ông NHL không liên quan gì đến nguyên tác hoặc bản dịch tiếng Anh, có nhiều chỗ thì ông chỉ đọc được một vài chữ tiếng Anh rồi bắt đầu xào nấu, tưởng tượng ra một câu trong tiếng Việt. Bên cạnh đó thì ông NHL nhiều lúc cũng đưa luôn những suy nghĩ của chính ông vào ngay trong văn bản của Hegel. Có lẽ chỉ có thể giải thích hiện tượng này là ông NHL muốn mượn danh Hegel để đánh bóng những suy nghĩ của chính mình. Lối viết 'mập mờ đánh lận con đen' này là không thể chấp nhận trong khoa học.

Phải nhớ ở đây rằng cuốn *Phác thảo về một triết học cho lịch sử thế giới* được viết năm 2020, tức là cuốn sách gần đây nhất của ông NHL, sau khi ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm 'diễn giải' triết gia Hegel. Nếu như cuốn sách này vẫn còn những lỗi sai tày trời như vừa được chỉ ra bên trên thì chắc người ta không thể tưởng tượng được là trước kia khi viết về Hegel thì ông NHL còn có thể 'sáng chế' ra được những gì. Có lẽ chỉ cần kết luận ngắn gọn ở đây, đó là ông NHL chưa bao giờ có một kiến thức đàng hoàng nào về Hegel cả, thậm chí là về triết học phương Tây nói chung vì ông NHL không đọc hiểu được các văn bản triết học được viết/dịch sang tiếng Anh.

Bây giờ, chúng ta sẽ tạm rời khỏi lĩnh vực khoa học xã hội-nhân văn để sang một lĩnh vực khác mà ông NHL thỉnh thoảng có nhắc đến trong các bài giảng của mình, đó là lĩnh vực khoa học tự nhiên. Chúng ta sẽ xem cách ông NHL hiểu và diễn giải các khái niệm của khoa học tự nhiên như thế nào trong phần sắp tới.

3. GS NHL VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Giới hạn giấy viết không cho phép chúng tôi phân tích hết những phát biểu của ông NHL về khoa học tự nhiên. Chúng tôi sẽ phân tích hai chủ đề được ông NHL nhắc lại nhiều lần trong các tác phẩm của mình là 'tiến hoá' và 'chiêm tinh thuật' (*astrology*). Dưới đây là một đoạn văn mà trong đó ông NHL giải thích khái niệm tiến hoá theo học thuyết Tân Darwin (*Neo-Darwinism*). Đây có thể coi là một đoạn văn điển hình cho cách mà ông NHL 'giải thích' các khái niệm trong khoa học tự nhiên. Tại trang 122, cuốn *Thời tính, Hữu thể và Ý chí*, ông NHL giải thích khái niệm 'tiến hoá' theo học thuyết Darwin và Tân-Darwin như sau:

> Thuyết tiến hóa, theo Darwinism, chủ trương rằng sự biến đổi theo Thời thể cho sinh thái hữu thể, nhất là trên cõi sống của sinh vật, tuỳ thuộc vào năng động phản ứng của sinh thể đối với nhu cầu tồn tại khách quan.

Chỉ riêng câu này đã đủ để kết luận rằng ông NHL không biết mình đang viết cái gì. Học thuyết Darwin nào chủ trương rằng sự biến đổi của sinh vật theo thời gian tuỳ thuộc vào khả năng phản ứng của sinh vật đối với nhu cầu tồn tại khách quan? (Chúng tôi tạm dịch ngôn ngữ NHL thành ngôn ngữ bình thường tại đây.) Học thuyết mà ông NHL đang có trong đầu cùng lắm là học thuyết của Lamarck chứ không phải Darwin. Một cách trình bày điển hình cho học thuyết tiến hoá của Lamarck là:

Các loài sinh vật khác nhau vì chúng có những nhu cầu khác nhau, và do vậy mà chúng sử dụng các cơ quan theo những cách khác nhau để thích ứng với môi trường. Cơ quan được sử dụng nhiều thì sẽ phát triển, cơ quan nào không được sử dụng thì sẽ dần tiêu biến. Những thay đổi hình thành do sự tương tác của sinh vật với môi trường này, những thứ thu được (hay 'tập nhiễm', 'acquired') trong đời sống của một cá thể, sẽ được truyền lại cho thế hệ sau.[42]

42 Tham khảo Futuyma, J. D., & Kirkpatrick, M. (2017). *Evolution* (4th Ed.). Sinauer, Sunderland, MA: Sinauer Associatesm, tr. 18.

Như đã thấy, quan điểm cho rằng tiến hoá xuất phát từ 'sinh vật chủ động phản ứng với môi trường' là đặc trưng của học thuyết Lamarck, được ông minh hoạ qua ví dụ con hươu cao cổ có chiếc cổ dài là do đã vươn cổ dài ra để ăn được lá ở trên cao và đặc điểm này được truyền lại cho thế hệ sau. Các hiểu biết về di truyền học hiện đại nhìn chung đã bác bỏ quan điểm rằng các tính trạng tập nhiễm (*acquired traits*) có thể được truyền lại như của Lamarck đã nghĩ.[43] Dù vẫn còn nhận được sự quan tâm nhất định, thuyết tiến hoá của Lamarck hiện nay hầu như không còn được chấp nhận như một lí thuyết giải thích quá trình tiến hoá trong giới nghiên cứu sinh học.

Những khái niệm trung tâm của học thuyết tiến hoá của Darwin là 'hậu duệ với những biến đổi' (*descent with modifications*), 'đấu tranh sinh tồn' (*struggle for existence*, một thuật ngữ đã tồn tại trước Darwin) và nhất là 'chọn lọc tự nhiên' (*natural selection*). Sự phản ứng chủ động của cá thể trước điều kiện ngoại cảnh (tức 'sự biến đổi theo Thời thể cho sinh thái hữu thể', 'năng động phản ứng của sinh thể đối với nhu cầu tồn tại khách quan' trong ngôn ngữ Liêmism) không phải là nội dung của học thuyết Darwin như ông NHL viết.

Sau đó, ông NHL, không có kiến thức khoa học nào về học thuyết tiến hoá của Darwin như vừa chỉ ra, lại bắt đầu giải thích thuyết tiến hoá một cách tuỳ tiện (tr. 125, *Thời tính*):

> Vì vậy, các trường phái Neo-Darwinism đã phải từ bỏ một số những tiền đề giả định về thuyết tiến hóa mà cả trăm năm nay vẫn được nuôi dưỡng. Ngày nay khoa học không còn cho rằng cái cổ của con hươu cao cổ đã được biến hóa dài ra theo Thời thể vì nó, như là sự kiện khách quan của thân xác, đã bao lần với cổ dài ra để ăn được lá những cành cây cao hơn.

43 Một số nghiên cứu liên quan đến di truyền ngoại gene (hoặc di truyền biểu sinh, *epigenetics*) cho thấy học thuyết Lamarck có thể có giá trị trong một phạm vi nhất định, song tương đối hạn chế. Các biến đổi ngoại gene đóng vai trò đến mức độ nào trong quá trình tiến hoá là một vấn đề hiện vẫn đang được tranh cãi.

Không biết 'những tiền đề giả định về thuyết tiến hoá mà cả trăm năm nay vẫn được nuôi dưỡng' mà ông NHL đang nhắc đến ở đây là gì. Nếu tiền đề giả định mà ông NHL nhắc đến là 'cái cổ của con hươu cao cổ đã dài ra theo thời gian vì nó với cổ dài ra để ăn lá' thì tiền đề này đã được tranh cãi và bác bỏ từ lâu, đâu phải 'cả trăm năm nay vẫn được nuôi dưỡng'? Mặt khác, như đã nói đến ở trên, tiền đề giả định này là đặc điểm của học thuyết tiến hoá Lamarck, liên quan gì đến 'các trường phái Neo-Darwinism'?

Đoạn văn tiếp theo mà ông NHL viết còn có vẻ thú vị hơn:

> Thực ra, cái cổ loài hươu nầy là hệ quả của **một năng ý Khát sống đối đầu với khả thể tính của tồn hữu** trên căn bản sinh vật – đến một mức độ mà sự kiện cái cổ ngắn đối với năng lực khao khát chủ quan muốn vươn lên cành cây cao đã tạo nên một bàn cờ xác suất mới để cho ý chí tồn hữu của con hươu lại phải tung mình vào bàn cờ xác suất mới nầy để kiến tạo Thời Vận mới cho mình; nó như là của một sự đổi thay của khả năng nòi giống trên một nội dung Thời tính mới được thành đạt trên dạng thể thân xác – tức là cái cổ loài hươu nắm đến Thời Vận để nó được dài ra. Vì vậy, **tiến hóa** của loài hươu nầy **khởi đi từ ý chí chủ quan**, như là một **sự bực dọc với chính mình** vì năng lực nội tại đang bị thử thách tối đa và tột cùng khả năng của nó cho đến khi Cơ Thời mới phải đến trong cửa ngõ Thời Vận mới: **cấu trúc của genes trong thân xác con hươu thay đổi** để hoàn tất thể trạng của bản thể Thời Ý đã được hiện thân. Sự kiện thiết yếu để tác thành cái cổ con hươu dài ra không phải là nhu cầu tranh sống khách quan mà là **năng ý nội tại** đã chọn lựa một sự vượt thắng thể trạng Đang Là đề cho Thời Vận chuyển hóa thân xác có thể được hiện thành. (nhấn mạnh của người viết bài)

Như vậy, ông NHL cho rằng cái cổ của hươu cao cổ dài ra là vì nó khát khao muốn sống. Sự tiến hoá của loài hươu cao cổ này xuất phát từ ý chí chủ quan của chính nó, khiến cho cấu trúc gene của nó thay đổi. Theo cách giải thích này, quá trình tiến hoá không bắt nguồn từ sự cạnh tranh sinh

tồn khách quan mà là từ 'năng ý nội tại' (không rõ từ này có nghĩa gì) của một sinh vật.

Đến đây thì đoạn văn này đang trình bày học thuyết Liêm về tiến hoá, không phải là Lamarck hay Darwin nữa. Dù ông NHL trước đó viết: 'Ngày nay khoa học không còn cho rằng cái cổ của con hươu cao cổ đã được biến hóa dài ra theo Thời thế vì nó, như là sự kiện khách quan của thân xác, đã bao lần với cổ dài ra để ăn được lá những cành cây cao hơn' nhưng học thuyết của ông thực ra *vẫn* sử dụng ngay tiền đề đã bị bác bỏ này, chỉ khác là thay vì cái cổ con hươu dài ra do nó với cổ cao hơn như trong thuyết Lamarck, thì ông NHL cho rằng cổ con hươu dài ra do 'năng ý Khát sống' chủ quan.

Bây giờ thì chúng ta đến với phần thú vị trong thuyết tiến hoá Liêmism. Theo ông NHL, sự tiến hoá như vậy phải bắt nguồn từ 'ý chí chủ quan' chứ không phải là do 'nhu cầu tranh sống khách quan'. Như được chấp nhận trong giới nghiên cứu khoa học, sự đa dạng của thế giới sống là kết quả của quá trình tiến hoá. Dễ thấy, thế giới sự sống xung quanh chúng ta không chỉ bao gồm các loài động vật mà còn cả các loài thực vật, nấm, vi sinh vật các loại. Nếu theo ông NHL giải thích thì tất cả những thứ trên đều có 'ý chí chủ quan', bởi vì đây mới là nguồn gốc thực sự của tiến hoá. Vậy thì cây táo, cây lê, rau muống, rau ngổ, mồng tơi, cà rốt, mùi tây, tía tô, hành lá v.v, tất cả đều có 'ý chí chủ quan'? Làm thế nào để nhận ra ý chí này, và làm sao để ý chí này có thể tồn tại khi thực vật nhìn chung được chấp nhận là không có hệ thần kinh và không có ý thức?[44] Lưu ý rằng ông NHL đang viết đoạn văn này trong thảo luận về thuyết tiến hoá, tức những câu văn của ông NHL được hiểu theo nghĩa miêu tả khoa học chứ không phải là theo các ẩn dụ hay so sánh như thường xuất hiện trong văn học.

Sự tiến hoá của vi sinh vật (các loại vi khuẩn, cổ khuẩn, vi tảo, vi nấm v.v) là điều hầu như đã được chấp thuận trong giới nghiên cứu sinh học

44 Có một số nghiên cứu tuyên bố thực vật có ý thức, dù không phải là 'ý thức'như cách ta thường hiểu, song những lập luận này đa phần có tính chất phỏng đoán và không có cơ sở khoa học vững chắc. Xin xem thêm ở đây.

(chẳng hạn như sự tiến hoá của các chủng vi khuẩn kháng kháng sinh). Nếu theo thuyết Liêmism thì sự tiến hoá này cũng xuất phát từ 'ý chí chủ quan'? Nhưng làm sao mà vi khuẩn lại có 'ý thức chủ quan' được? Lưu ý, những nghiên cứu về những hành vi *giống như* có ý thức (*conscious-like*) hoặc trao đổi thông tin giữa các tế bào trong một quần thể hoặc quần xã vi khuẩn không hề tuyên bố rằng các tế bào này *thực sự* có ý thức.[45] Nhưng đối với ông NHL thì vi khuẩn không những có ý thức mà còn có là một ý thức loại cao, vì chúng ý thức được bản thân ('ý chí chủ quan') và có khát khao muốn sống ('ý năng khát sống'), vì nếu không có thứ này thì chúng không tiến hoá được. Nhưng vi khuẩn có ý thức kiểu gì khi chúng là sinh vật đơn bào (chỉ có một tế bào duy nhất) và không có bất cứ đặc điểm gì của một hệ thống truyền thông tin tương tự hệ thần kinh? Nếu như bỏ qua hệ thần kinh mà chỉ coi khả năng tiếp nhận và xử lí thông tin (như phản ứng với môi trường) đã đủ để tạo nên 'ý thức' thì người ta phải đi đến kết luận là cái bút bi hay cái lò vi sóng cũng có ý thức, vì chúng phản ứng với các tác động của môi trường, thường là của con người (chẳng hạn như khi bấm bút bi hay bật lò vi sóng). Không biết trong học thuyết Liêmism thì 'bút bi' và 'lò vi sóng' có 'năng ý khát sống' và 'ý chí chủ quan' hay không?

Tạm bỏ qua thuật ngữ 'năng ý khát sống' và 'ý chí chủ quan' tương đối khó hiểu và không thể kiểm chứng bằng khoa học, chúng ta đi đến phát biểu 'Sự kiện thiết yếu đề tác thành cái cổ con hươu dài ra không phải là nhu cầu tranh sống khách quan mà là năng ý nội tại (...)'. Nhưng chẳng phải ở mấy dòng trên thì ông NHL vừa viết 'Thực ra, cái cổ loài hươu nầy là hệ quả của một năng ý Khát sống đối đầu với khả thể tính của tồn hữu trên căn bản sinh vật'? Và 'năng ý khát sống' nếu không dẫn đến 'nhu cầu tranh sống khách quan' thì dẫn đến điều gì? Hay là sinh vật chỉ 'khát sống' trong 'ý năng' còn ở ngoài thiên nhiên khách quan thì không 'khát sống'? Tức là cuộc cạnh tranh để có thể sinh sản, cạnh tranh giành thức ăn, giành

45 Độc giả có thể tìm đọc thêm với từ khoá 'microbial intelligence' ở những cơ sở dữ liệu đáng tin cậy.

nơi sống không phải là nhân tố tác động đến tiến hoá vì chỉ là 'nhu cầu tranh sống khách quan', trong khi thứ quan trọng phải là 'năng ý khát sống'?

Nhưng đoạn văn sau còn đáng chú ý hơn nữa:

> Vì vậy, **tiến hóa của loài hươu nầy khởi đi từ ý chí chủ quan**, như là một **sự bực dọc với chính mình** vì năng lực nội tại đang bị thử thách tối đa và tột cùng khả năng của nó cho đến khi Cơ Thời mới phải đến trong cửa ngõ Thời Vận mới: **cấu trúc của genes trong thân xác con hươu thay đổi** để hoàn tất thể trạng của bản thể Thời Ý đã được hiện thân.

Như vậy thì ông NHL cho rằng 'ý chí chủ quan' và 'sự bực dọc với chính mình' sẽ làm thay đổi cấu trúc gene của sinh vật, để 'hoàn tất thể trạng của bản thể Thời Ý đã được hiện thân'. Nhưng chẳng hạn trong trường hợp của con hươu cao cổ, đang 'bực dọc' vì không ăn được lá cây trên cao, tại sao 'bản thể Thời ý' không hiện thân thành một con hươu có cánh, con hươu có cái lưỡi dài như con ếch, hoặc con hươu có chân dài khoảng 5 mét mà lại hiện thân là một con hươu có cái cổ cao? Mặt khác, như vậy thì con hươu đã biết trước mình sẽ hiện thân thành cái gì để rồi chỉ cần bực dọc là 'cấu trúc genes' của nó sẽ thay đổi cho nó biến thành con vật đó. Vậy thì giá mà con ngựa cũng 'bực dọc' với 'năng lực nội tại' của chính mình là không có sừng nhọn hay không có cánh bay để chúng 'tiến hoá' thành 'kì lân' (*unicorn*) và 'thiên mã' (như Pegasus). Và nếu sự 'bực dọc với chính mình' là nguồn gốc của 'tiến hoá' thì một con báo hoa mai, nếu nó bằng một cách nào đó bị lạc vào một đồng cỏ không có con mồi để ăn thịt, sẽ 'bực dọc với chính mình' và tiến hoá trở thành con 'báo ăn chay' để ăn cỏ, giúp nó sống sót tốt hơn trong môi trường mới?

Mặt khác thì làm sao 'ý chí chủ quan' và 'sự bực dọc với chính mình' lại thay đổi được cấu trúc gene của sinh vật? Chúng ta sẽ đến với con người, sinh vật mà chúng ta biết chắc chắn là không thiếu 'ý chí chủ quan' và 'sự bực dọc với chính mình'. Bệnh mù màu (*color blindness*), phổ biến nhất là mù màu đỏ lục, là một căn bệnh do sai hỏng trên gene gây ra; bệnh này thường gặp ở nam giới hơn nữ giới vì những gene liên quan đến bệnh này

liên kết với nhiễm sắc thể X. Người gặp bệnh mù màu chắc chắn sẽ gặp không ít khó khăn với cuộc sống của mình vì những bất tiện mà căn bệnh này gây ra (ví dụ như khó khăn khi quan sát màu đèn giao thông), vậy thì chỉ cần những người này 'bực dọc với chính mình' thì cái gene lỗi sẽ được sửa lại và người ta sẽ khỏi bệnh, tức đã 'tiến hoá'? Một số hội chứng ở con người xuất phát từ việc đột biến số lượng nhiễm sắc thể (NST) như hội chứng Down (thừa một NST số 21), hội chứng Klinefelter (thường là thừa một NST X ở nam giới) hay Turner (thiếu một NST X ở nữ giới). Chỉ cần những người này có 'ý chí chủ quan', 'ý năng khát sống' và 'bực dọc với chính mình' thì bộ NST của họ sẽ bình thường trở lại?

Nói vui một chút, nếu như ông NHL chứng minh được học thuyết của mình bằng các thí nghiệm đúng tiêu chuẩn khoa học thì chắc chắn giải Nobel Sinh lí học và Y học sẽ về tay ông trong một ngày gần nhất, và khi đó thì các phòng thí nghiệm khắp nơi sẽ không cần phải bỏ tiền và công sức để nghiên cứu về các biện pháp chỉnh sửa gene hoặc các liệu pháp gene nữa, vì chỉ cần có đủ 'ý chí chủ quan', 'ý năng khát sống' và 'bực dọc với chính mình' thì gene của con người sẽ được sửa lại và con người sẽ 'tiến hoá', 'để hoàn tất thể trạng của bản thể Thời Ý đã được hiện thân'.

Nghiêm túc trở lại, việc phân tích ví dụ trên đã là đủ để cho thấy ông NHL không có kiến thức khoa học cơ bản nào cả. Nhưng điều kì lạ là tác giả này, như đã một vài lần chỉ ra ở trên, rất thích nói về những chủ đề mà mình không biết. Chắc chắn là ông NHL chưa từng đọc và hiểu đúng được một tài liệu khoa học về chủ đề tiến hoá, vì ông mắc phải một lỗi cơ bản đến độ không phân biệt được học thuyết tiến hoá của Lamarck và Darwin. Sau đó thì ông bắt đầu trình bày học thuyết Liêmism với 'ý chí chủ quan', 'năng ý khát sống' và một vài khái niệm 'bí hiểm' khác do ông NHL nghĩ ra (Thời thể, Thời vận, Thời Ý, Cơ Thời v.v.). Dù không có chuyên môn về chủ đề mình đang viết, ông NHL vẫn quả quyết:

> Những khoa học gia trong truyền thống thuyết *Darwinism* như Richard Dawkins, Jacques Monod, hay Daniel Dennett, chẳng hạn, là

> hiện thân của lề lối suy nghĩ thuần duy Sinh hóa, tức là suy nghĩ từ cõi Thấp mà không thể suy ra cái Cao hơn. (tr. 335, *Phác thảo*)

Kiến thức của ông NHL về Darwinism như thế nào thì không cần phải nhắc lại, song ông lại dùng vốn kiến thức đầy lỗ hổng của mình để đi phê bình những nhà khoa học thực sự (Jacques Monod được nhận giải Nobel Sinh lí học và Y khoa năm 1965). Có lẽ là họ không nhìn thấy cái Cao hơn thật, chẳng hạn như cái 'năng ý Khát sống', 'ý chí chủ quan' hay cách biến đổi gene bằng 'sự bực dọc với chính mình', những thứ này thì xem ra chỉ có ông NHL mới suy nghĩ và nhận ra được. Chỉ có một câu hỏi là sao ông NHL không viết một bài nghiên cứu chi tiết về chủ đề này và đăng lên những tạp chí khoa học quốc tế để toàn bộ giới khoa học biết rằng họ chỉ suy nghĩ từ cõi Thấp mà không suy ra được cái Cao hơn, thứ mà chỉ có ông NHL may mắn đã phát hiện ra và giờ đang đi khải thị cho nhân loại.

Nhân tiện, trong cùng trang này, ông NHL tuyên bố các nhà khoa học không thể giải thích tại sao lại xuất hiện 'ung thư':

> Sự chuyển hóa từ Lượng sang Phẩm, ví dụ, được coi là một bước đi Biện chứng – nhưng các nhà Duy vật hay Khoa học không thể giải thích tại sao phát triển có thể chuyển lượng thành phẩm, hay ung thư, mà chỉ nêu lên kết quả để biện minh cho sự thiếu vắng về quy luật Nhân-Quả ở nơi chuyển hóa.

Thực sự là không hiểu ông NHL đang viết cái gì ở đây, cái gì gọi là 'thiếu vắng về quy luật Nhân-Quả ở nơi chuyển hoá'? Trong chuyển hoá (*metabolism*), chẳng hạn, một phân tử glucose sau khi đi qua con đường đường phân (*glycolysis*) phổ biến nhất sẽ được tách thành hai phân tử nhỏ hơn; tất cả các enzyme, các chất phản ứng, và các sản phẩm chuyển hoá của con đường này đã được thống kê và nghiên cứu rõ ràng. Nếu như cơ thể bị trúng chất độc cyanide thì chất này sẽ làm gián đoạn quá trình hô hấp tế bào và gây hậu quả nghiêm trọng, đây là lí do của sự ngộ độc cyanide. Nếu uống cyanide (nguyên nhân), thì quá trình chuyển hoá cơ thể bị biến đổi và nạn nhân thường sẽ tử vong (hậu quả), đây là một điều có lẽ không ai phủ

nhận. Dù vậy nhưng ông NHL cho rằng nơi chuyển hoá 'thiếu vắng quy luật Nhân-Quả'?

Thế giới có thể vẫn chưa tìm ra cách để điều trị dứt điểm ung thư, nhưng quá trình nghiên cứu về căn bệnh này đã dần làm sáng tỏ những yếu tố rủi ro như các tác nhân gây ung thư (*carcinogen*), bức xạ, các loại virus gây ung thư v.v. Các gene liên quan đến quá trình phát sinh khối u như các gene sinh ung thư (*oncogene*) và các gene chống lại ung thư như các gene ức chế khối u (*tumor suppressor gene*) cũng ngày càng được biết đến nhiều hơn. Dựa vào những kiến thức này mà người ta phát triển những phương pháp điều trị ung thư như hoá trị, xạ trị, liệu pháp miễn dịch v.v., cũng như đưa ra các khuyến nghị để phòng ngừa khả năng bị mắc ung thư. Không biết là ông NHL đang học sinh học và y học bằng tài liệu nào (nếu quả thực ông có học về chủ đề này) để có thể phát biểu rằng 'các nhà Duy vật và Khoa học không thể giải thích tại sao phát triển lại có thể chuyển thành (...) ung thư'?

Như phần trước, đến đây người ta có thể nói ngắn gọn rằng ông NHL không có một kiến thức đàng hoàng nào về các lĩnh vực khoa học tự nhiên mà ông nhắc đến cả. Song vẫn là cái tật nói mà không biết mình đang nói cái gì, ông NHL rút ra thứ mà ông nghĩ là công cụ tối tân nhất trong việc chỉ ra giới hạn của khoa học tự nhiên: các định lí bất toàn (hoặc bất hoàn bị) của Gödel (*Gödel's incompleteness theorems*). Ông NHL giải thích định lí này là 'cái khả năng mà kiến lập một cái hệ thống lí thuyết toàn hảo, bao gồm để mà diễn tả thực tại, thì cái chuyện đó không có, không thể làm được'.[46] Chúng tôi sẽ không giải thích các định lí bất hoàn bị của Gödel ở đây vì để hiểu được những định lí này thì một người phải có một lượng kiến thức nhất định về số học và logic hình thức. Chỉ xin được lưu ý ở đây là, Gödel không chỉ đưa ra các định lí bất hoàn bị, Gödel còn có một định lí *hoàn bị* (*Gödel's* ***completeness*** *theorem*). Vậy thì, giải thích theo cách của ông NHL, theo định lí này thì khoa học có thể 'kiến lập một hệ thống lí thuyết toàn hảo, bao gồm để diễn tả thực tại'? Những chỗ kiểu như thế này

46 Xin nghe tại đây, 40:07.

cho thấy ông NHL không hề đọc (được) các văn bản khoa học thực sự mà chỉ đọc những thứ gì trôi nổi trên Internet rồi cứ tưởng thứ mình đọc là đúng, là mình đã biết hết về khoa học, trong khi thực ra thì ông không có kiến thức gì cả.

Cũng phải nói thêm là ông NHL sử dụng khoa học tự nhiên theo một cách rất tiện lợi và đầy tính cơ hội (*opportunistic*) cho triết học của chính mình. Đối với học thuyết mà ông NHL không thích thì ông dùng 'khoa học thực nghiệm' để phản biện, bác bỏ. Đối với những học thuyết mà ông NHL tin nhưng khoa học thực nghiệm không công nhận thì ông nói 'khoa học thực nghiệm' không nhìn được 'cõi Cao hơn'.

Trong bài viết được đăng trên *Tạp chí Triết* tháng 12, 2024, ông NHL viết bài phê phán Freud, trong đó có mục 'Một loại khoa học tiếm danh?'. Ông phê bình thuyết Freud bằng khoa học như sau:

> Có phải Freud và đứa con phân tâm học của ông chỉ là một thứ khoa học tiếm danh (*pseudo-science*)?
>
> Freud đã hiểu lầm và trộn lẫn giữa hai phạm trù bằng chứng: giữa minh chứng lý tính (*rational proofs*) đối với chứng cớ thực nghiệm (*empirical evidence*). Minh chứng lý tính chỉ biện minh được tính hợp lý từ góc độ logic (*logical validity*), chứ không phải là cơ sở biện minh cho liên hệ nhân-quả giữa hai định thể tách biệt.
>
> (...) Nhưng tất cả chỉ là những giả định thuần lý thuyết, mang bản chất văn chương hoang tưởng, hơn là có cơ sở khoa học có giá trị thực nghiệm.
>
> Đây chính là điều mà Sebastiano Timpanaro, dựa theo Karl Popper, có nói, "Cái thực chất phản khoa học của một lý thuyết nằm ở chỗ nó có khả năng trốn tránh – bằng nguỵ biện – tất cả mọi khả năng chứng minh sai lầm."

Ông NHL cũng viết thêm về 'xảo thuật' và 'gian lận về bằng chứng' cho lí thuyết Freud trong phần phụ chú. Vậy là ông NHL dùng lí thuyết của Karl Popper và bằng chứng của khoa học thực nghiệm để bác bỏ lí thuyết Freud. Song trong cuốn *Phác thảo* và những bài giảng của mình, ông NHL lại coi

'chiêm tinh thuật' (*astrology*) là một khoa học thực sự, và những nhà nghiên cứu thiên văn học (*astronomy*) không lĩnh hội được bộ môn bí truyền này. Ông viết tại trang 574, Phác thảo:

> Ví dụ về vấn đề Thiên văn – *astronomy* – và Chiêm tinh học – *astrology* – là một trường hợp biểu trưng. (...) Vì thế, khi không tìm ra được sự liên đới giữa hai bình diện Trời và Người, thì các Khoa học gia phủ nhận giá trị của chiêm tinh học vì những gì mà giới chiêm tinh khẳng định – *astrological truth claims* – không thể bị chứng minh là Sai hay có thể minh xác là Đúng – *non-falsifiability and non-verifiability*. Theo tiêu chuẩn Thực nghiệm như thế, các chiêm tinh gia cũng không thể chứng minh là những điều họ khẳng định là Đúng được. (...)

Nhưng đây chẳng phải là cái phi khoa học thực sự (*actual non-scientificity*) mà ông NHL vừa mới nhắc đến ở trên xong? Những bằng chứng và nghiên cứu cho thấy chiêm tinh thuật là một nguỵ khoa học (*pseudo-science*) là không hề thiếu, nhưng bộ môn này có thể trốn tránh tất cả sự chứng minh sai lầm (*falsification*) bằng cách nói rằng chiêm tinh thuật 'cao hơn', 'bí ẩn hơn', là 'Mật giáo' nên khoa học không thể phản bác được, như ông NHL đã làm. Theo trích dẫn của Timparano mà chính ông NHL trích thì đây chẳng phải là một nguỵ khoa học đích thực?

Trong một bài thuyết trình, ông NHL bảo vệ chiêm tinh thuật là một khoa học như sau:[47]

> Astrology, theo ông thầy của tôi Richard Tarnas, mới là khoa học, thành ra tôi mới học với ông. (...) Và khi chiến tranh xảy ra, không phải là vì ý chí cá nhân của một cá nhân, quốc gia, thời đại nào đó phải chịu trách nhiệm. Theo cái lí thuyết này thì không phải là do ông Putin sai lầm hay này nọ, Tây phương, NATO, mà vì cái alignment, cái vị thế của các hành tinh nó tạo ra những cái năng động vô thức (cho) con người trên thế giới. Tất nhiên là relation between planetary alignment and human of here (?) là rất intimate, rất là chặt chẽ.

47 Xem ở đây, 54:30 và 55:28.

Cần phải chỉ ra là có một sự không khách quan rất đáng ngờ ở đây. Ông Richard Tarnas, người hướng dẫn luận án tiến sĩ cho ông NHL, là một người thực hiện chiêm tinh thuật. Không có gì đáng ngạc nhiên khi một nhà chiêm tinh thuật coi môn học của mình đích thực là khoa học. Phát biểu của người này này do vậy không nói lên được điều gì cả, giống như một người nói: 'Trái đất phẳng, theo như ông thầy tôi, mới là khoa học, và vì tôi cũng tin là Trái đất phẳng nên tôi mới học với ông'. Sau đó thì hình như ông NHL trình bày một loại quyết định luận (*determinism*) chiêm tinh thuật gì đó, mà theo học thuyết này thì sự kiện trên Trái đất xảy ra là do sự sắp đặt của những vì sao. Không biết là theo như quan điểm này thì hiện giờ con người cần phải làm gì để giải quyết khủng hoảng ở Ukraine? Chờ cho vị trí những chòm sao thay đổi thì vấn đề này sẽ biến mất? Ông NHL giải thích điều này là do 'năng động vô thức' của các hành tinh (?). Nếu nhắc đến 'vô thức' thì có lẽ người ta mặc định sẽ nghĩ đến Freud, nhưng chẳng phải ông NHL gọi lí thuyết của Freud là 'khoa học tiếm danh', là 'sai lầm vĩ đại', là 'trò dẫu cợt sâu sắc và quyến rủ' đã 'dãy chết từ lâu"? Vẫn trong bài thuyết trình trên, ông NHL nói tiếp:[48]

> Thì có 100 nhà khoa học gia viết một lá thư gửi lên Academy of Science phản đối là nói rằng (...) thứ này [chiêm tinh thuật] là pseudoscience, pseudo- là giả hiệu, cái này gọi là khoa học giả hiệu, khoa học nhảm. Nhưng thật sự thì nếu ai hiểu thì mới biết đây mới là khoa học, nhưng mà rất ít người hiểu. (...)
>
> Thì có một nhà triết gia, như lần trước tôi đứng ở đây thuyết trình về triết học về khoa học, triết gia tên là Feyerabend, Paul Feyerabend. Ông này là một cái nhà phản biện về khoa học thực nghiệm. Ông phản đối 100 nhà khoa học mà nói cái này là khoa học giả hiệu, các nhà khoa học này, khoa học thực nghiệm bây giờ khẳng định những điều mà mình không biết. 'The most ignorance usually affirms the most ignorance' – 'tất nhiên là cái gì không biết thì thường thường mình khẳng định là

48 Xem tại đây, 56:05 và 57:47.

> mình biết'. Đó là những lỗi sai của khoa học gia bây giờ, thực ra biết rất ít những bí mật của vũ trụ, không biết thân phận con người là cái gì...

Ông NHL lặp lại quan điểm cho rằng chiêm tinh thuật là khoa học mà không đưa ra thêm bằng chứng gì, ngoại trừ những câu bí hiểm ám chỉ rằng ai không đồng ý với ông thì vô minh, không hiểu gì về thế giới cả ('nhưng mà rất ít người hiểu' v.v.).

Việc ông NHL sử dụng Feyerabend để biện minh cho chiêm tinh thuật là một việc rất thú vị. Sự kiện mà ông NHL đang kể đến ở đây là bài viết *The Strange Case of Astrology* của Feyerabend chống lại bài viết *Objections to Astrology: a Statement by 186 Leading Scientists*. Việc Feyerabend bảo vệ chiêm tinh học là một sự kiện tương đối nổi tiếng khi bàn về triết học khoa học. Nhưng cần phải chỉ ra ở đây rằng việc Feyerabend chống lại đặc thù bài viết *Objections to Astrology không* đồng nghĩa rằng ông phản bác toàn bộ khoa học thực nghiệm nói chung. Thêm vào đó, việc Feyerabend 'bảo vệ' chiêm tinh thuật (ngoài ra ông còn 'bảo vệ' phép thuật voodoo, ma thuật [witchcraft] v.v) cũng *không* đồng nghĩa với việc ông coi những điều này là đúng (vì vậy mà chúng tôi đặt chữ 'bảo vệ' trong ngoặc kép, xin xem thêm đoạn dưới).[49] Việc Feyerabend chọn ví dụ chiêm tinh thuật này chỉ vì ông thấy tiện lợi chứ không phải vì ông tin hay muốn bảo vệ bộ môn này.[50]

Chính xác thì Feyerabend chỉ trích điều gì trong bài viết của mình? Ông chỉ trích rằng trong bài *Objections to Astrology*, các nhà khoa học thay vì đưa ra những bằng chứng lập luận chống lại chiêm tinh thuật, thứ có sẵn rất phong phú, lại dựa vào thẩm quyền của mình để thuyết phục công chúng. Trong sự kiện này, cũng đáng lưu ý ở đây là Carl Sagan, một nhà thiên văn học nổi tiếng, người coi chiêm tinh thuật là trò vô nghĩa dở hơi ('baloney'),

---

49 Xin đọc thêm Kidd, Ian James (2016). *Why did Feyerabend Defend Astrology? Integrity, Virtue, and the Authority of Science. Social Epistemology,* (4), *1–19.* doi:10.1080/02691728.2015.1031851

50 Như ông sau này viết: 'Bây giờ, tôi có những ví dụ tốt hơn nhiều về những giới hạn của cách tiếp cận khoa học hơn là những ví dụ tôi quen sử dụng (chiêm tinh thuật, voodoo, một chút y học)'. Paul Feyerabend (1987). *Farewell to Reason*. London: Verso. tr. 318.

cũng *không* kí tên ủng hộ cho bài viết *Objections to Astrology* vì 'giọng điệu mang tính thẩm quyền' (*authoritarian tone*) của bài viết này, thứ mà ông cho rằng sẽ không bao giờ thuyết phục được những người đang tin vào nguỵ khoa học, mà chỉ củng cố niềm tin của họ rằng khoa học cứng nhắc, bảo thủ. Feyerabend hay Carl Sagan do vậy chỉ trích *cách phê bình* của bài *Objections* chứ không chỉ trích việc những nhà khoa học này phản bác chiêm tinh học.

Thêm vào đó, hình như ông NHL cũng chưa đọc hết bài *The Strange Case of Astrology* của Feyerabend (hoặc đọc rồi mà không hiểu) vì Feyerabend viết rõ ngay trong bài viết này rằng:[51]

> Những ghi chú này **không nên** được diễn giải là một nỗ lực nhằm bảo vệ chiêm tinh thuật *như nó đang được thực hiện bây giờ* bởi đại đa số những nhà chiêm tinh. **Chiêm tinh thuật hiện đại**, trong nhiều khía cạnh, giống với thiên văn học thời trung cổ: nó tiếp nhận những ý tưởng thú vị và sâu sắc, nhưng nó **bóp méo chúng**, và **thay thế chúng bằng những bức biếm hoạ thích hợp hơn với hiểu biết hạn chế của người thực hành nó**. Những bức biếm hoạ này không được dùng để nghiên cứu; không có nỗ lực nào để tiến triển trong những lĩnh vực mới và mở rộng kiến thức của chúng ta về ảnh hưởng ngoài Trái đất; chúng đơn giản chỉ đóng vai trò là một **kho tàng những luật lệ và cụm từ ngây thơ** (*naive*) **phù hợp để gây ấn tượng với kẻ không biết gì**'. (in đậm của người dịch, in nghiêng của Feyerabend).

Có lẽ ông NHL nên bổ sung Feyerabend vào danh sách những người không hiểu gì về cõi Cao hơn và không nên dùng người này để biện hộ cho lòng tin của mình vào chiêm tinh thuật nữa. Trích dẫn Feyerabend không giúp gì trong việc bảo vệ chiêm tinh thuật như ông NHL muốn làm, trái lại, càng cho thấy trình độ đọc hiểu kém cỏi của ông. Trong một tài liệu khác mà ông NHL trích dẫn để bảo vệ chiêm tinh thuật (*Philosophy of Science and the Occult*, xem tại đây), thì ngay trong mục *Introduction* phần *Astrology*

51 Xin xem tại đây, trong đoạn văn cuối cùng của bài viết.

cũng đã viết rõ rằng: 'Feyerabend is careful to note that he is not attempting to defend the practice of most contemporary astrologers' (tr. 11), không biết tại sao mà ông NHL có thể bỏ qua. Là ông NHL không biết đọc tiếng Anh hay đọc nhưng không hiểu (hoặc không muốn hiểu) mà cứ lúc nào nhắc đến chiêm tinh thuật là ông lại lấy ngay Feyerabend ra để bảo vệ bộ môn này?

Mặt khác, người ta không thể không nhận ra một cách kể chuyện đầy tính thao túng tâm lí của ông NHL khi nhắc đến chiêm tinh thuật ('rất ít người hiểu được', 100 nhà khoa học đã bị phản bác, khoa học gia thực ra là không biết gì); ông trích dẫn Feyerabend mà cũng không biết Feyerabend thực sự đã chỉ trích khía cạnh nào của khoa học và người này đã nói gì về chiêm tinh thuật, 'một kho tàng các luật lệ và cụm từ ngây thơ phù hợp để gây ấn tượng với kẻ không biết gì'.

Ông NHL cũng dùng một lối lập luận hết sức buồn cười khác để bảo vệ chiêm tinh thuật:

> Những phong trào, xung đột dân sự, hay quân sự, chủng tộc, tàn sát đều có nguyên nhân từ ngoài không gian. Điều này cũng được chia sẻ bởi Carl Jung, Paul Feyeraband[sic!], Richrad[sic!] Tarnas và nhiều lý thuyết gia nghiêm chỉnh và uy tín khác. (tr. 370, *Phác thảo*)

'Feyeraband' (tức Feyerabend), như chúng tôi vừa chỉ ra ở trên, coi chiêm tinh học là lí thuyết thiên văn học bị bóp méo, được dùng để gây ấn tượng với người không có kiến thức. 'Richrad Tarnas' (tức Richard Tarnas) là một người thực hành chiêm tinh học, tất nhiên là ông phải đánh giá cao thứ mà ông đang thực hành. Carl Jung thì là một nhà phân tâm học, khái niệm 'synchronicity' do ông đề xuất là một khái niệm gây tranh cãi và hiện được coi là nguỵ khoa học vì nó không thể được kiểm chứng hoặc bác bỏ bằng các thí nghiệm khách quan. Song điều thực sự đáng nói ở đây là, khi những nhà triết học, khoa học nghiêm chỉnh và uy tín (chẳng hạn, Karl Popper, Thomas Kuhn, Stephen Hawkings, Carl Sagan, Richard Dawkins v.v.) coi chiêm tinh thuật là nguỵ khoa học thì ông NHL nói các nhà khoa học không biết mình đang nói cái gì, 'không nhìn được cõi Cao hơn'.

Nhưng chỉ cần nêu tên một vài 'lý thuyết gia nghiêm chỉnh và uy tín' như ông NHL làm ở đây thì đã chứng minh được tính khoa học của 'chiêm tinh thuật'? Ông NHL có để ý là ông đang dùng lối lập luận từ thẩm quyền (*argumentum ad verucundiam*) mà chính Feyerabend đã phê phán?

Ông NHL thích chiêm tinh thuật cũng được, nhưng không rõ vì sao ông NHL rất coi thường thiên văn học và miêu tả bộ môn này là sự 'suy thoái' của chiêm tinh thuật, 'một thể loại Vũ trụ học hạ đẳng' (tr. 339, *Phác thảo*), môn học nghiên cứu 'một tập hợp Vật chất hoàn toàn vô nghĩa' (tr. 515, *Phác thảo*). Nhưng không có các nhà thiên văn học đo đạc, thu thập số liệu thì lấy đâu ra số đo, dữ kiện chính xác về vị trí các chòm sao để mà 'chiêm tinh'? Ngoài ra, nếu độc giả thắc mắc về kiến thức thiên văn học của ông NHL thì dữ kiện sau đây có lẽ sẽ giúp ích: ông NHL cho rằng ánh sáng đi với tốc độ 'gần 200 dặm một giờ, tức là 300 km một giờ'.[52] (*sic*)

Lầm tưởng rằng Feyerabend về phe mình, ông tiến tới phê phán tất cả các nhà khoa học nói chung:

> Đó là những lỗi sai của khoa học gia bây giờ, thực ra biết rất ít những bí mật của vũ trụ, không biết thân phận con người là cái gì...

Chúng tôi sẽ tiết lộ cho độc giả biết một trong những bí mật của vũ trụ mà ông NHL đã phát hiện ra:

> Tuy nhiên, chúng ta đừng nên quên rằng sự vận hành của vũ trụ mà khoa học đã nắm được một khối nguyên tắc không phải là một cõi hiện diện tuyệt đối khách quan. **Vũ trụ nầy chuyển động theo trình độ tâm thức Thời Ý của nhân loại mà thôi** bởi vì con vi trùng trong cơ thể chúng ta cũng có một vũ trụ riêng của nó mà quy luật khách quan mà nó nắm được phải khác hơn là của chúng ta. (tr. 92, *Thời tính*)

52 Xin nghe tại đây. Chúng tôi cũng thấy khó hiểu là ông NHL không sửa lại phát biểu của mình khi sau đó ông miêu tả ánh sáng 'bay từ đây [Mĩ] về Việt Nam rồi trở lại đây là chưa tới một second, một giây.'

Ông NHL có lẽ đang ứng dụng triết học Kant (một cách sai lầm) ở đây.[53] Chữ 'hiện diện tuyệt đối khách quan' gợi nhắc đến khái niệm 'vật tự thể' (*Ding-an-sich*) trong triết học Kant, nhưng Kant chưa bao giờ phản đối sự tồn tại của thế giới khách quan cũng như các quy luật vật lí. Người ta sẽ nhận ra được sự khách quan của trọng lực nếu chẳng may đánh rơi cái iPhone 16 từ ban công tầng ba xuống dưới mặt đất. Hoặc chỉ cần lấy đà rồi phi đầu vào tường là người ta sẽ cảm nhận được sự khách quan của Định luật Newton thứ III. Ở đoạn sau, một con vi trùng, theo ông NHL, không những có ý thức (dù không có tế bào thần kinh), mà còn có thể nắm bắt được các quy luật khách quan của vũ trụ; phần này chúng tôi đã viết ở trên nên không cần viết lại ở đây nữa.

Nhưng phát biểu: 'Vũ trụ nầy chuyển động theo trình độ tâm thức Thời Ý của nhân loại mà thôi' mới là đáng nói hơn cả. Nguồn gốc của vũ trụ là một câu hỏi chưa được trả lời dứt điểm, nhưng điều này không có nghĩa là con người không biết gì về Vũ trụ. Tuổi của Vũ trụ bây giờ được ước lượng là 13.7 tỉ năm với sai số vào khoảng 200 triệu năm. Tuổi của Trái đất được ước tính là khoảng 4.6 tỉ năm. Hoá thạch sớm nhất thuộc chi *Homo* (chi Người) có tuổi khoảng 3 triệu năm, loài *Homo sapiens* xuất hiện ở châu Phi cách đây khoảng 300 000 năm. Tại sao 'tâm thức Thời ý' của một sinh vật mới phát triển cách đây 300 000 năm lại có thể điều khiển sự chuyển động của vũ trụ có tuổi đời hơn 13 tỉ năm? 'Tâm thức Thời ý của nhân loại' là một thứ còn xuất hiện trước khi cả Trái đất xuất hiện? Và 'tâm thức Thời Ý nhân loại' còn xuất hiện trước cả 'nhân loại'? Nhưng nếu 'tâm thức Thời Ý của nhân loại' xuất hiện mà không cần 'nhân loại' thì 'nhân loại' đóng vai trò gì, tại sao phải là 'nhân loại' mà không phải 'khủng long', 'bọ ba thuỳ' hay 'cá vây tay'? Song cũng không nên bàn tiếp nữa, đã gọi là 'bí mật của vũ trụ' thì không có người phàm nào hiểu được, trừ một số ít người có 'trí huệ' (khác với 'trí tuệ'), và nhìn được cõi Cao hơn như ông NHL. Ông nói, những điều như thế này, 'chỉ có thể được thông hiểu bởi một trình độ Trí

53 Xin xem thêm phần D để biết về cách ông NHL hiểu Kant.

Huệ cao hơn là Lý tính vốn tự giới hạn chính nó với những Quy trình Thực nghiệm (...)'. (*Phác thảo*, tr. 575).

Giống như phần trước, kết luận của phần này đơn giản là ông NHL không biết gì về những gì mình đang nói, ở đây là cho lĩnh vực khoa học tự nhiên. Ông không phân biệt được học thuyết tiến hoá Lamarck và học thuyết Darwin, ông 'phân tích' thuyết Lamarck nhưng cứ tưởng mình đang phân tích thuyết Darwin, song ngay cả cái 'phân tích' này cũng đầy những lỗi sai rất nghiêm trọng.

Việc ông NHL tin vào chiêm tinh thuật không có gì sai, không ai cấm được một người tin những điều mình muốn tin, chẳng hạn như có một tách trà bay quanh sao Hoả hay vũ trụ được tạo ra bởi một con quái vật Spaghetti v.v. Nhưng đứng lên bục giảng tuyên bố những gì mình tin là chân lí lại là một chuyện khác, không những thế, ông NHL còn chặn họng những người định phản bác chiêm tinh thuật luôn bằng việc nói rằng ai không tin giống ông thì là 'ngu muội', 'không biết gì'. Cùng một cách mà ông NHL bảo vệ chiêm tinh thuật, người ta có thể bảo vệ niềm tin vào Trái đất phẳng hay quái vật Spaghetti mà không gặp phải vấn đề gì cả (ví dụ, 'Ai không tin thế giới này do một con quái vật Spaghetti điều khiển thì chưa có Trí Huệ, chưa đủ tiến hoá Chân tâm để hiểu'). Có điều, ông NHL lại sai lầm khi lấy Feyerabend để bảo vệ chiêm tinh thuật. Hình như ông không biết là Feyerabend cũng coi chiêm tinh thuật là trò nhảm nhí, 'một kho tàng những quy luật và cụm từ ngây thơ phù hợp để gây ấn tượng với kẻ không biết gì'.

Ông NHL thích nhắc đến cõi 'Cao hơn', một cõi mà các nhà khoa học thực nghiệm không biết được vì chỉ nhìn được 'cõi Thấp'. Nhưng phải nói là giả như ông NHL 'nhận ra được cõi Cao hơn', có 'Trí Huệ', như ông tuyên bố, thì điều này không đồng nghĩa với việc ông NHL có kiến thức ở 'cõi Thấp hơn'. Hãy nhớ lại, ông NHL không biết nghĩa các từ Hán-Việt, không đọc được tiếng Đức (Vơ-mânt, Vơ-đen, Gottadamerung), câu phức tạp trong tiếng Anh cũng không đọc được, không biết thuyết tiến hoá là gì, cũng không hiểu Feyerabend đã nói gì nốt. Song ông vẫn quả quyết nói

khoa học không biết gì về chuyển hoá và nguyên nhân ung thư, rằng khoa học 'đang mò mẫm trên hành trình trở Về Chân Tâm' (?) (*Phác thảo*, tr. 573), rằng khoa học chỉ là 'một khe hở nhỏ', 'một khí cụ thô sơ' (tr. 574) để nắm bắt vũ trụ. Vấn đề là ngay cả cái 'khe hở nhỏ', 'khí cụ thô sơ' này thì ông NHL cũng đã hiểu được đâu? Nếu hiểu rồi thì tại sao vẫn còn viết sai rất nhiều như trên kia? Hình như 'cõi Cao hơn' của ông NHL cao quá nên ông không biết gì về thế giới nữa. Tổng hợp lại, ông NHL không có kiến thức gì về khoa học tự nhiên, những phân tích của ông đại đa phần chỉ là bịa đặt và tưởng tượng vô căn cứ.

III. KẾT LUẬN CHO PHẦN B

Phần B là phần dài nhất của bài viết này, song điều này cũng không có gì đáng ngạc nhiên bởi đây có lẽ là phần quan trọng nhất trong bài này. Ông NHL từ hơn 30 năm nay đã 'khai giải', 'phiên giải' Hegel, bên cạnh đó thì ông cũng bàn luận và phân tích đủ thứ chủ đề khác nhau nữa. Nhưng trước khi bay lên cõi Cao hơn thì sẽ rất có lợi nếu người ta nhìn lại xuống mặt đất mà mình đang đứng. Thực sự có cơ sở kiến thức nào nằm bên dưới những câu chữ phức tạp khó hiểu, bên dưới những khái niệm kì lạ mà ông NHL thường xuyên sử dụng hay không? Có vẻ như câu trả lời sẽ là không. Văn tiếng Việt của ông NHL là một sự hỗn loạn. Dù kiến thức Hán-Việt sai thậm tệ đến mức tưởng 'Long Thọ' là 'con rồng già', ông NHL vẫn rất tự tin 'chế' ra các thuật ngữ 'Hán-Việt' mới, không tuân theo một quy tắc nào cả. Có điều, chính ngay sự vô kỉ luật này lại là cái bẫy cho chính ông, vì ông cũng không thể dùng những từ mình chế ra một cách nhất quán, cùng một từ được ông dùng cho ba bốn nghĩa khác hẳn nhau, hoặc ông quên luôn là mình đã dùng từ gì với nghĩa gì. Nhưng đây là những từ do chính ông NHL chế ra, nếu như ông còn không biết điều này thì ai biết từ mà ông dùng thực sự có nghĩa gì. Điều này khiến cho các tác phẩm của ông không thể có tính khoa học (hay thậm chí là không có nghĩa gì cả), vì nó không thể được hiểu một cách rõ ràng, khách quan, theo những tiêu chuẩn khoa học đã tồn tại.

Phần phân tích những khái niệm triết học và khoa học của NHL thì tràn ngập những sai lầm, xuyên tạc, bịa đặt. Không những không biết Hán-Việt (điều cần thiết để có thể tạo và sử dụng thuật ngữ triết học cho đúng), không biết tiếng Đức (một điều cần thiết để có thể đọc được nguyên tác Hegel), ông NHL còn không có một trình độ tiếng Anh đủ để đọc những văn bản triết học hàn lâm, học thuật. Ông không thể dịch được những câu phức tạp trong tiếng Anh, dù đó là tài liệu tham khảo chủ yếu (*primary*) hay thứ yếu (*secondary*), liên quan đến Hegel hay là những triết gia khác. Nhưng không những không thể dịch chính xác những văn bản này, thứ mà ông NHL lấy làm dẫn chứng cho thuyết Liêmism, ông NHL còn thường xuyên bóp méo, xuyên tạc những văn bản này theo ý của mình. Nếu như được so sánh ở đây, tuỳ ý xuyên tạc, uốn nắn những dẫn chứng, tài liệu để phục vụ cho một mục đích cá nhân cũng không khác gì việc nói dối, nguỵ tạo chứng cứ trong một phiên toà. Một cách làm việc thiếu trình độ, cẩu thả, không trung thực như của ông NHL là không thể chấp nhận trong khoa học.

Thêm vào đó, cũng giống với sở thích phân tích từ dù không biết thành tố Hán-Việt, ông NHL cũng thích nói về những khái niệm khoa học mà mình không hề có kiến thức. Dù không biết mình đang viết về chủ đề gì, ông NHL quả quyết quy luôn 'khoa học thực nghiệm' thuộc về 'cõi Thấp', 'không biết gì về vũ trụ'. Điều đáng nói là ông NHL cũng sử dụng sai bằng chứng để ủng hộ cho quan điểm của mình, nhìn cách ông tưởng Feyerabend bảo vệ chiêm tinh thuật rồi liên tục trích dẫn người này để chỉ trích khoa học thì sẽ thấy rõ cái lố bịch của việc này. Việc 'nói lưỡi hai chiều' của ông NHL cũng rất cần lưu ý, nếu ông NHL không thích lí thuyết nào đó thì ông dùng lập luận của Popper và khoa học thực nghiệm để bác bỏ (như lí thuyết Freud), nhưng nếu khoa học thực nghiệm mâu thuẫn với niềm tin của ông NHL, ông sẽ bảo khoa học 'không biết gì', 'thuộc về cõi thấp'. Để nói rõ, chúng tôi không theo một học thuyết duy khoa học hoặc coi khoa học tự nhiên là tất cả kiến thức con người có thể biết được. Đã có nhiều nhà triết học và khoa học nhìn nhận một cách phê phán sự phát triển

của khoa học tự nhiên và tác động của sự phát triển này đến con người, có thể kể đến như Heidegger, Kuhn, Carl Friedrich von Weizsäcker, Konrad Lorenz và tất nhiên, Feyerabend. Song không ai trong số những nhà tư tưởng nghiêm túc này phân tích 'khoa học' một cách lệch lạc như ông NHL đã làm rồi tự cho mình là đúng, 'biết được cõi cao hơn', hạ miệt 'khoa học' là 'hạ đẳng', 'thuộc về cõi Thấp hơn'. Có nực cười không khi ông NHL phê phán, hạ miệt một thứ mà ông không biết gì về nó, dù đây chỉ là 'khe hở nhỏ', 'khí cụ thô sơ' như ông nói?

Sau tất cả, lời khuyên duy nhất mà người ta có thể dành cho ông NHL là 'Đừng nói về thứ gì mà mình không biết'. Hi vọng trong những tác phẩm sắp tới thì ông sẽ học và tìm hiểu kĩ hơn những gì mà mình định viết, giả như ông thực sự có khả năng tiếp thu thông tin một cách khách quan mà không bóp méo và xuyên tạc tất cả mọi thứ cho phù hợp với cái 'cõi Cao hơn' và 'Trí Huệ' của mình.

C. GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM VÀ HỌC THUYẾT LIÊMISM

Thực ra thì những phần sau phần B là không thực sự cần thiết vì những hai phần trên đã đủ để cho thấy rằng ông NHL không có bất cứ cơ sở kiến thức nào trong những lĩnh vực mà ông đề cập. Tuy nhiên, xem xét như vậy có phần không được công bằng lắm đối với những gì ông NHL đã viết. Bởi vậy, phần này sẽ tập trung phân tích những triết thuyết mà ông NHL sử dụng để phát triển học thuyết của riêng mình (tức 'Liêmism'). Một chủ đề khác cũng sẽ được bàn luận trong phần này là một số quan điểm của ông về văn hoá Việt Nam, vì đây cũng là một chủ đề mà ông thường nhắc đến.

Ông NHL viết và nói về rất nhiều chủ đề khác nhau, dù ông thường 'tẩu hoả nhập ma' với chính những thuật ngữ mà mình dùng và không biết gì về chủ đề mình đang nói cả (xem phần B). Để cô đọng, phần này sẽ tập trung phân tích và phê phán ngắn gọn học thuyết Liêm (*Liêmism*), mà ông NHL nói là triển khai từ học thuyết lịch sử thế giới của Hegel kết hợp với Ken Wilber. Sau đó, chúng tôi sẽ nhắc đến một số bài viết mà ông NHL đã viết về âm nhạc và văn chương Việt Nam, vì theo ông NHL thì 'văn hoá Việt Nam là một thứ phong hoá văn chương'.

I. HỌC THUYẾT LỊCH SỬ CỦA HEGEL QUA LỜI KỂ CỦA GS NGUYỄN HỮU LIÊM

Một trong những học thuyết mà ông NHL thường nhắc đến trong các bài giảng của mình là học thuyết sự phát triển của thế giới là theo chiều từ Đông sang Tây, giống như chuyển động biểu kiến của Mặt trời. Như ông NHL kể lại trong bài giảng 'Hiện tượng luận Trí năng' của ông như sau:[54]

54 Xin xem tại đây, 40:06 và 43:05.

Mà lịch sử là gì? Lịch sử là những cái bi kịch được tạo ra bởi những nhân vật lịch sử, con người lịch sử, historical person. Những con người lịch sử này tự họ là một cái tang thương, một cái bi kịch, mà cái bi kịch của họ là mong được công nhận, mong được thế gian công nhận. Các văn nghệ sĩ cũng vậy, mong được công nhận. Cái này nó trở thành một cái năng lực lịch sử.

Mà lịch sử nó đi từ phương diện quả địa cầu, không gian, nó đi từ phương Đông qua phương Tây. Lịch sử khởi đầu từ nước Nhật Bản, như là mặt trời lên, thành ra là cờ của Nhật Bản là có cái mặt trời, nền trắng.

Nó nhiễu động và nó đi vào cái thế giới của China, Trung Quốc, Trung Hoa đó, là như là một cái tập hợp nhiễu nhương và trong đó và trong đó có nhiều cái hết sức xuất sắc, nhưng phần lớn là hỗn độn và nhiễu nhương và ở tầng tiến hoá tương đối rất là thấp. Con người Trung Quốc, người Trung Hoa, người Tàu, là không có ý thức về tự do. Chỉ có, đối với Hegel, ở Trung Quốc chỉ có một người tự do mà thôi, đó là ông Hoàng đế, the Emperor. Người đó nhân danh thượng đế, tức là thiên tử xuống để cai trị thần dân. Ở văn minh Trung Quốc không có ý niệm về công dân mà chỉ có thần dân, nên xã hội và lịch sử Trung Quốc rất khó có được tự do theo được ý thức mà cái ý niệm xã hội công dân và trật tự chính trị công dân (...).

Cái năng lực của lịch sử, mà tinh thần thế giới, khi đi vào cái cõi của con người và lịch sử đó, cái World Spirit theo Hegel, thì đi tiếp về hướng Tây thì đi đi qua Ấn-độ. Cái văn minh Ấn-độ, Hindu á, là cái văn minh mơ mộng và ở đó là Thượng Đế, Thần Đế, Chúa, Vishnu cho đến Brahman cho đến này nọ, nghĩa là nhiều hơn là người Eskimo có tên gọi cho tuyết nữa, quý vị biết là người Eskimo ở phía Bắc có hàng ngàn tên gọi cho tuyết, giống như người Ấn-độ có hàng trăm tên gọi khác nhau cho Thượng Đế, cho Chúa. Thì cũng giống như bà già trầu chửi gà nhà quê, thì cái văn hoá nhà quê của mình chửi nhau thì có nhiều chữ lắm, là những cái chữ mà rất là nặng nề, thì nó phát huy rất là nhiều. Nhưng

những cái chữ cao đẹp, có mang nội dung về khái niệm, ý niệm, nó phát huy rất là ít. Là vì văn hoá của mình nó bị đắm chìm ở cái cõi làng xóm và cạnh tranh ở mức độ sống của một cái tập thể, cái năng lực tự ý thức nó tương đối còn khiêm tốn. Cho nên cái xã hội văn minh Ấn-độ nó vẫn là xã hội của những người nằm mê, nằm mơ (...)

[đến đây thì ông NHL giảng về Yoga và trình bày học thuyết 'chakra Việt Nam', từ phút 47:42]

Rồi cái Tinh thần Thế giới nó tiếp tục đi về phương Tây. Thì nó đi qua cái xứ Persia, tức là xứ Iran, xứ Trung Đông bây giờ á, nó cũng trở thành rất nhiễu loạn tiếp, nó trở thành radicalize, tất nhiên là nó trở thành cái gì rất là cực đoan. Và cái giai đoạn kế tiếp của Trung Đông là cái giai đoạn của Ai Cập, thì khi đó cái năng lực tự ý thức nó bắt đầu hiện lên, cái thân của con thú, mà cái đầu là của con người. (...) Nhưng mà cái tâm của cái xứ Trung Đông, ý thức á, tức là Tâm á, tức là citta, xứ Trung Đông, xứ Ai Cập, là cái xứ rất là vọng động, và khi qua văn minh Ai Cập là nguồn gốc của văn minh Tây phương, nên nhớ những nhà toán học như Pythogaras, và những ông thánh bên Thiên chúa Giáo như Augustine, và rất nhiều bằng chứng cho biết chúa Jesus cũng là người Ai Cập. (...)

Văn minh Hi-lạp là cái văn minh discovers the mind, là cái văn minh khám phá ra được trí, tư duy. Người Hi-lạp là cái văn minh đầu tiên mà đánh thức awaken cái Rationality, cái năng lực Lí tính của tinh thần thế giới đi từ Nhật Bản qua Trung Quốc, qua Ấn Độ, qua Trung Đông, qua Ai Cập, bây giờ đi tới Hi-lạp. À bây giờ cái Hi-lạp này á, nó bắt đầu là toán học, bắt đầu về hình học, bắt đầu về siêu hình học, bắt đầu ý niệm về dân chủ, những cái cuốn sách về dân chủ sau này mà tác giả mà tác giả viết từ 500 năm trước Công nguyên, cuốn sách mà mình đọc vô là có cảm tưởng giống như các founding fathers của nước Mĩ là vậy á. Tất nhiên là họ cái sự phát huy của trí tuệ Hi-lạp, là cái nôi của văn minh Tây phương, mà nếu không có cái sự thức dậy lí tính của văn minh Hi-lạp á, thì không có văn minh Tây phương. Nhưng theo Hegel thì văn

> minh Hi-lạp thì nó tạo ra một sự chấn động, sự chấn động này là sự phân chia giai cấp giữa chủ và nô, lord và bondage (...)
> [Đến đây thì ông NHL nói về quan hệ giữa chủ nhân và nô lệ, chiến tranh và một vài thứ khác]
> Khi cái năng lực tinh thần của Tây phương tiếp tục chuyển qua Tây Âu thì cái năng lực tinh thần đó, cái năng lực ý thức của Hi-lạp đó nó trở thành Self-Consciousness. Tức là con người awaken, bắt đầu tỉnh thức, tự cho mình 'ta tôn thờ Thượng đế, và Chúa Trời bây giờ đã hiện thân xuống như là một ý niệm, trở thành thân xác, và chính cái thân xác trở thành lại tinh, và chúng ta dần dần chúng ta phải có một món quà mà, tức là không phải mơ mộng thiên đường như là ở trên thiên đường như một ý niệm, cầu nguyện viển vông, mà là một cái điều, một cái mệnh lệnh trần gian là phải xây dựng trần gian này như là một thiên đường trong đó khả năng lí tính (Mind is divine), tất nhiên là khả năng, cái trí tuệ là linh thiêng, và cái khả năng trí tuệ linh thiêng phải có một cái nhiệm vụ thay vì cầu nguyện xin ân sủng từ Thượng đế, thì ta có nhiệm vụ nấu một ngón ăn ngon để dâng lên Thượng đế. Món ngon đó là Ý chí dân chủ, Ý chí cộng hoà. (...)

Ông NHL dành khoảng 30 phút / 90 phút bài giảng *Hiện tượng luận trí năng* tức *Phänomenologie des Geistes* để kể chuyện lịch sử nói trên. Đây hẳn là một câu chuyện mà ông rất thích vì ông đã dành một khoảng thời gian lớn để kể câu chuyện này mặc dù nó không hề nằm trong cuốn *Phänomenologie des Geistes* mà nằm trong bộ *Vorlesungen über die Philosophie der Geschichte* ('Những bài giảng về Triết học Lịch sử'), tập hợp những bài giảng của Hegel được công bố sau khi nhà triết học qua đời.

Chuyện mà ông NHL đang kể ở đây chủ yếu nằm trong phần Dẫn nhập hay Mở đầu của bộ *Những bài giảng về Triết học Lịch sử* (sau đây gọi tắt là 'triết học lịch sử'.) Có lẽ điều đầu tiên cần phải được nhắc đến ở đây là không ai ở thế kỉ 21, với những dữ liệu khoa học về các dân tộc, các nền văn minh không phải phương Tây phong phú hơn rất nhiều so với thời của Hegel, lại đi kể lại chuyện thời của Hegel như là một chân lí hiển nhiên như

là ông NHL đang làm ở đây. Người đọc chỉ cần đọc qua một vài đoạn văn Hegel viết về các dân tộc khác để thấy sự hiện diện rõ ràng của một chủ nghĩa chủng tộc (hay chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, *racism*), với chủng tộc thượng đẳng nhất, tiến hoá nhất tất nhiên là người da trắng ở Tây Âu. Cách nhìn của Hegel về các dân tộc khác, không chỉ 'khinh mạn' như ông NHL viết (tr. 66, *Phác thảo*), mà đơn giản là sai lệch, méo mó. Điều này không có gì khó hiểu vì Hegel cũng là một đứa con của thời đại của ông, cũng như nhiều nhà triết học khác, ông không tránh khỏi những thiên kiến của chủ nghĩa chủng tộc khi nói về những chủng tộc không phải người da trắng. Ngày nay, những khía cạnh này đều ít nhiều được làm thành chủ đề nghiên cứu, bàn luận, tất nhiên là không phải là để bôi nhọ, hạ thấp uy tín của các triết gia nói trên, mà là để có một cái nhìn đa chiều, khoa học, khách quan hơn về những triết gia này cũng như về những giới hạn thuộc về thời đại của họ. Không một nhà khoa học nghiêm túc nào bây giờ, gần 200 năm sau khi Hegel qua đời, lại vẫn đi lặp lại lời nói Hegel như là chân lí như ông NHL đang làm.

Cũng phải nói ở đây là học thuyết mà ông NHL kể, cũng như đã được nhắc tới ở trên, là một học thuyết đã bị ông 'xào nấu', 'biến đổi'. Hegel không hề nhắc đến tên đất nước Nhật Bản trong toàn bộ cuốn *Triết học lịch sử*. Mục đầu tiên của phần đầu tiên *Die orientalische Welt* ('Thế giới Đông phương') là Trung Quốc[55], Trung Quốc là điểm xuất phát cho quỹ đạo lịch sử thế giới như Hegel trình bày. Ông viết:

> Mit China und den Mongolen, dem Reiche der theokratischen Herrschaft, beginnt die Geschichte. (*Triết học lịch sử*, tr. 59)
>
> Với Trung Quốc và những người Mông Cổ, cái cõi của sự cai trị thần quyền, lịch sử bắt đầu.

Ông NHL có lẽ dự đoán được rằng nếu nói về chuyển động của Mặt trời mà không nhắc đến Nhật Bản thì sẽ bị nghi ngờ nên ông đã bổ sung ngay

55 Để đơn giản hoá, chúng tôi sẽ dùng biên giới và tên gọi hiện đại của những nước đang được đề cập đến ở đây, dù chắc chắn rằng đây là những yếu tố thay đổi xuyên suốt trong lịch sử.

tên nước này vào trong câu chuyện lịch sử của mình. Tuy nhiên việc này cũng không giúp gì lắm vì ông chỉ nêu tên chứ không kể chuyện gì về Nhật Bản cả, ông chỉ lặp lại lời của Hegel từ Trung Quốc trở đi.

Việc Hegel cho mình toàn quyền đâu là lịch sử thế giới cũng cho thấy cách nhìn nhận lịch sử đầy thiên kiến (*bias*), đậm màu chủ nghĩa chủng tộc của ông. Một trong những mục đầu tiên của cuốn *Lịch sử thế giới* là 'Cơ sở địa lí của Lịch sử thế giới' (*Geographische Grundlage der Weltgeschichte*), trong đó Hegel giải thích lí do vì sao ông loại bỏ một số đất nước và dân tộc ra khỏi 'lịch sử thế giới' (nói cách khác thì có một số quốc gia không thuộc vào 'thế giới'). Chẳng hạn, sự chuyển động của lịch sử thế giới không thể diễn ra ở những vùng nóng và vùng lạnh vì điều kiện ở đây là cực đoan, con người phải quan tâm quá nhiều đến thiên nhiên, như 'mặt trời thiêu đốt' hay 'cái lạnh băng giá'.[56] Hegel như vậy đã gạt bỏ xong các nước thuộc Hàn Đới và Nhiệt Đới ra khỏi 'lịch sử thế giới'. Sân khấu thực sự của lịch sử thế giới là khu vực ôn hoà, và phải là phần nằm ở trên Bắc Bán Cầu vì đây là lục địa và có hình dạng giống như cái ngực của thế giới, như Hegel trích dẫn câu nói của người Hi-lạp.[57] Thế các châu lục như châu Mĩ hay châu Đại dương thì sao? Hegel, không (thể) phủ định được tuổi địa chất và sự tồn tại của hai châu lục này, nói rằng hai châu lục này là 'non trẻ' về mặt 'đặc tính thể chất và tinh thần' (*physische und geistige Beschaffenheit*). Những quần đảo nằm giữa Nam Mĩ và châu Á thì cho thấy một sự 'thiếu trưởng thành

56 Nguyên văn: 'Zunächst ist hier nun auf die Natürlichkeiten Rücksicht zu nehmen, die ein für allemal von der weltgeschichtlichen Bewegung auszuschließen wären: in der kalten und in der heißen Zone kann der Boden weltgeschichtlicher Völker nicht sein (...) Aber in jenem Extrem der Zonen kann die Not wohl nie aufhören und niemals abgewendet werden, der Mensch ist beständig darauf angewiesen, seine Aufmerksamkeit auf die Natur zu richten, auf die glühenden Strahlen der Sonne und den eisigen Frost' (*Triết học lịch sử*, tr. 43).

57 'Der wahre Schauplatz für die Weltgeschichte ist daher die gemäßigte Zone, und zwar ist es der nördliche Teil derselben, weil die Erde sich hier kontinental verhält und eine breite Brust hat, wie die Griechen sagen' (*Triết học lịch sử*, tr. 43).

về mặt thể chất'.[58] Châu Úc cũng cho thấy một sự thiếu trưởng thành không kém. Nói chung, theo Hegel thì các dân tộc, các nền văn minh mà không nằm trong vùng ôn đới của lục địa Á-Âu thì kém cỏi hạ đẳng, ' không trưởng thành', 'non nớt', không phải chỗ cho 'lịch sử thế giới'.

Nếu đọc những gì Hegel viết về các dân tộc khác thì có lẽ người ta sẽ phải dựng tóc gáy vì mức độ phân biệt chủng tộc mà ông thể hiện. Để minh hoạ, chúng tôi sẽ chỉ trích dẫn ít điều mà Hegel đã nói về các thổ dân bản địa tại châu Mĩ:

> Châu Mĩ đã luôn và vẫn đang cho thấy một sự bất lực về mặt thể chất và tinh thần. Vì những thổ dân địa phương (*die Eingeborenen*), sau khi người châu Âu đặt chân lên châu Mĩ, đã dần dần tàn lụi trước hơi thở của hoạt động châu Âu (*europäische Tätigkeit*). Tại các quốc gia tự do Bắc Mĩ [tức Hợp chúng quốc Hoa Kì], tất cả những công dân đều là hậu duệ của người châu Âu, những người bản địa cũ đã không thể hoà nhập với họ, mà bị đẩy ngược ra ngoài. Nhưng thổ dân địa phương cũng đã tiếp thu từ người châu Âu một số loại nghệ thuật, trong số đó là nghệ thuật uống rượu Brandy, thứ đã gây ra một tác động phá huỷ đến bọn họ.[59]

---

58 'Die Welt wird in die Alte und Neue geteilt, und zwar ist der Namen der neuen daher gekommen, weil Amerika und Australien uns erst spät bekannt geworden sind. Aber diese Weltteile sind nicht nur relativ neu, sondern überhaupt neu, in Ansehung ihrer ganzen physischen und geistigen Beschaffenheit. Ihr geologisches Altertum geht uns nichts an. Ich will ihr die Ehre nicht absprechen, daß sie nicht auch gleich bei Erschaffung der Welt dem Meere enthoben worden sei. Doch zeigt das Inselmeer zwischen Südamerika und Asien eine physische Unreife.'

59 Nguyên văn: 'Physisch und geistig ohnmächtig hat sich Amerika immer gezeigt und zeigt sich noch so. Denn die Eingeborenen sind, nachdem die Europäer in Amerika landeten, allmählich an dem Hauche der europäischen Tätigkeit untergegangen. In den nordamerikanischen Freistaaten sind alle Bürger europäische Abkömmlinge, mit denen sich die alten Einwohner nicht vermischen konnten, sondern zurückgedrängt wurden. Einige Künste haben die Eingeborenen allerdings von den Europäern angenommen, unter andren die des Branntweintrinkens, die eine zerstörende Wirkung auf sie hervorbrachte' (*Triết học lịch sử*, tr. 44).

Nhưng đoạn văn trên vẫn chưa là gì so với những gì mà Hegel viết tiếp sau đó:

> Sự yếu đuối của thể trạng châu Mĩ là lí do chính của việc mang những người da đen (*Neger*) vào châu Mĩ, để thông qua sức lực của bọn họ mà những công việc có thể được hoàn thành, vì người da đen có khả năng tiếp thu văn minh châu Âu vượt xa người Anh-điêng (*Indianer*); một nhà chu du người Anh đã trích dẫn những ví dụ cho thấy rằng người da đen đã trở thành những giáo sĩ, y sĩ v.v thành thạo (người da đen trước hết đã khám phá ra việc sử dụng cây canh ki na), trong khi nhà chu du này chỉ biết đến một người thổ dân mà có đủ khả năng [trí tuệ] để có thể đi học, nhưng người này chẳng mấy chốc đã chết vì uống Brandy quá nhiều.[60]

Nếu như Hegel viết về thổ dân châu Mĩ với thái độ như trên thì độc giả chắc cũng hình dung ra được thái độ mà triết gia này có khi viết về các dân tộc châu Á như Trung Quốc, Ấn-độ v.v. Nhưng vấn đề không nằm ở Hegel vì ông, như đã nói, là đứa con của thời đại của mình. Vấn đề nằm ở chỗ ông NHL, gần hai thế kỉ sau khi Hegel qua đời, khi những dữ kiện khoa học về lịch sử, văn hoá về các dân tộc khác phong phú hơn gấp nhiều lần thời của Hegel, vẫn nhiều lần thao thao bất tuyệt lặp lại lời của triết gia này như là một chân lí, như thể chính ông NHL đã tận mắt chứng kiến sự tiến hoá của các dân tộc (mà dân tộc 'kém tiến hoá nhất', 'nhiễu nhương nhất' chính là dân tộc Trung Hoa).

---

60 Nguyên văn: 'Die Schwäche des amerikanischen Naturells war ein Hauptgrund dazu, die Neger nach Amerika zu bringen, um durch deren Kräfte die Arbeiten verrichten zu lassen; denn die Neger sind weit empfänglicher für europäische Kultur als die Indianer, und ein englischer Reisender hat Beispiele angeführt, daß Neger geschickte Geistliche, Ärzte usw. geworden sind (ein Neger hat zuerst die Anwendung der Chinarinde gefunden), während ihm nur ein einziger Eingeborner bekannt ist, der es dahin brachte, zu studieren, aber bald am Übergenusse des Branntweins gestorben war' (*Triết học lịch sử*, tr. 44).

Hiểu biết của Hegel về Ấn-độ cũng như nền văn hoá và triết học của đất nước này cũng đầy sai sót và phân biệt chủng tộc. Chẳng hạn, dưới đây là miêu tả của Hegel về hình tượng Đức Phật:

> Da das Eine als das Substantielle gefaßt wird, so liegt darin unmittelbar die Erhebung über die Begierde, den einzelnen Willen, die Wildheit, – das Versenken in diese Innerlichkeit, Einheit. Das Bild des Buddha ist in dieser denkenden Stellung, Füße und Arme übereinandergelegt, so daß ein Zehe in den Mund geht, – dies Zurückgehen in sich, dies An-sich-selbst-Saugen. (tr. 469, *Religion*).

Tạm dịch:

> Vì cái Một được nắm bắt như là cái có thực chất, do vậy, trực tiếp nằm trong đây là sự vượt qua khao khát, ý chí cá nhân, sự hoang dã, – sự đắm mình vào trong nội tâm, nhất thể. Hình ảnh của Đức Phật chính là trong tâm thái tư duy này, chân tay vắt chéo vào nhau để cho một ngón chân đi vào trong miệng, – đây là sự đi trở lại vào chính mình (*Zurückgehen in sich*), sự Tự-mút-chính-mình (*An-sich-selbst-Saugen*).

Phần lớn mọi người đều đồng ý rằng hình tượng mà Hegel đang miêu tả ở đây không phải là Đức Phật mà là một đạo sư Yoga. Nhưng ngay cả cách miêu tả tư thế của người mà Hegel tưởng là Đức Phật cũng rất đáng ngờ, qua những từ ngữ như 'một ngón chân đi vào trong miệng', hay 'sự Tự-mút-chính-mình'. Hegel có nhận xét về thiền ('Meditation') và Không tính (Hegel gọi là *das Nichts*) trong Phật giáo, song không cần nói thêm thì độc giả cũng biết là Hegel hiểu những khái niệm này với đầy thiên kiến và sai sót. Chẳng hạn, theo Hegel thì thiền là một sự 'làm việc với chính mình' ('Selbstbeschäftigung mit sich'), có lẽ không khác lắm với sự 'Tự-mút-chính-mình', trong đó thì trạng thái nội tâm (*Innerlichkeit*) có khả năng biến mọi tính khách quan thành cái tiêu cực ('alle Objektivität in ein Negatives zu verwandeln'), đây là một sự hư vinh, kiêu ngạo ('Eitelkeit'). Thiền, theo Hegel, tạo ra một sự tự do vô hạn, không phụ thuộc vào bất cứ ai khác và cũng không có ai được phép chen vào sự tự do này:

> 'Ý tưởng về sự bất tử nằm ở chỗ con người đang tư duy, đang trong sự tự do nơi chính mình; như thế thì hắn ta độc lập tuyệt đối, một thứ gì đó khác (*ein Anderes*) không thể xâm nhập vào tự do của hắn; hắn ta chỉ quan tâm đến chính mình, cái khác không thể có hiệu quả lên hắn.'[61]

Những kiến thức cơ bản nhất cho Phật giáo cũng cho biết rằng thiền trong Phật giáo hoàn toàn không liên quan đến 'chỉ quan tâm đến chính mình', hay thiền là để tạo ra một sự tự do cho riêng mình mà không thứ gì chen vào được. Không ai bây giờ lại đi tiếp tục rao giảng những quan điểm đầy sai lầm, thiên kiến và phân biệt chủng tộc của Hegel như ông NHL cả.[62] Hay là ông NHL chưa đọc những điều mà Hegel viết? Hoặc đọc rồi nhưng không hiểu? Thực ra thì hai điều này cũng không khác nhau lắm. Nếu độc giả muốn biết trình độ tiếng Anh của ông NHL thì có thể đọc phần B.II ở bên trên.

Thêm vào đó, nếu như ông NHL vẫn muốn kể chuyện cổ tích lịch sử như thể thế giới vẫn còn ở thời của Hegel thì có lẽ ông không nên so sánh khái niệm 'Geist' của Hegel với những khái niệm triết học của các dân tộc 'kém tiến hoá', 'không có tinh thần' như 'Đạo' của Trung Hoa .Vì theo Hegel thì:

> Đặc điểm của dân tộc Trung Hoa trong tất cả khía cạnh là thế này. Cái nổi bật của nó là, tất cả thứ gì thuộc về Tinh thần, như phẩm đức tự do (*freie Sittlichkeit*), đạo đức, tâm tình, tôn giáo nội tâm, khoa học và nghệ thuật thực sự, đều xa vời.[63]

---

61 Nguyên văn: 'Der Gedanke der Unsterblichkeit liegt darin, daß der Mensch denkend ist, in seiner Freiheit bei sich selbst; so ist er schlechthin unabhängig, ein Anderes kann nicht in seine Freiheit einbrechen; er *bezieht* sich nur auf sich selbst, ein Anderes kann sich nicht in ihm geltend machen' (*Religion*, tr. 574).

62 Về chủ đề Hegel và Phật giáo, xin tham khảo thêm bài: Han, Byung-Chul. 'HEGELS BUDDHISMUS' *Hegel-Jahrbuch*, vol. 2004, no. 1, 2004, pp. 298–302.

63 Nguyên văn: 'Dies ist der Charakter des chinesischen Volkes nach allen Seiten hin. Das Ausgezeichnete desselben ist, daß alles, was zum Geist gehört, freie Sittlichkeit, Moralität, Gemüt, innere Religion, Wissenschaft und eigentliche Kunst, entfernt ist' (Hegel: Band 12, S. 173 f.).

Chắc ông NHL sẽ nói là đấy là do Hegel chưa biết nhiều về người Trung Hoa nên mới nói vậy còn bây giờ chúng ta biết nhiều hơn thì ta sẽ thấy Đạo và Tinh thần thực ra cũng giống nhau. Nhưng nếu thế thì sao ông không nhận ra những điểm sai lầm trong cách hiểu của Hegel về lịch sử mà vẫn đi kể nguyên câu chuyện mà Hegel đã vẽ ra rồi coi điều này nghiễm nhiên là đúng?

Song ngay cả cách ông NHL kể lại câu chuyện này cũng không phải là không có mâu thuẫn. Trước bài giảng *Hiện tượng luận Trí năng*, ông NHL có một lần nữa kể về tiến trình lịch sử khi nói chuyện tại chùa Giác Ngộ (tháng 8.2022):[64]

> Cái nước Mĩ là nó, cái tiến hoá của nó đã có từ lâu rồi, nó đã có 200 năm, nó phát xuất từ một cái nền văn minh tiên tiến nhất của nhân loại, đó là Tây Âu. Ông Hegel nói là Mặt trời đi từ Nhật, từ Trung Quốc, đi qua xứ Ấn-độ là nhiễu loạn, thành ra người Ấn-độ và cái văn minh của nó là cái văn minh mê ngủ, mơ mơ hồ hồ vậy. Đi qua Trung Đông là khuấy động lên thành văn minh Hi-lạp, văn minh Hi-lạp rồi mới văn minh Thiên chúa giáo đi qua Tây Âu, rồi Tây Âu... Mặt trời mà, nó đi theo cái hướng đó, rồi đi đến nước Mĩ. Tất nhiên là thế kỉ thứ 17 là Bồ Đào Nha, thế kỉ thứ 18 là Tây Ban Nha và Ý, thế kỉ thứ 19 là Anh Quốc, 20 là Mĩ và 21 có thể là của Trung Quốc.

Một vài phút sau thì ông NHL nói rằng:[65]

> Tất nhiên là đạo Phật, đây là cái sự, cái bước kế tiếp của tiến hoá về tâm thức cho nhân loại.

Nhưng chẳng phải Phật giáo cũng phát sinh từ Ấn-độ, nơi mà ông NHL nói là 'văn minh mê ngủ', 'mơ mơ hồ hồ'?

64 Xin xem tại chỗ này, 1:00:45

65 Xin xem tại đây, 1:06:21

Song điều buồn cười nhất nằm ở câu cuối cùng khi ông NHL 'diễn giải' triết học lịch sử của Hegel, đi từ Bồ Đào Nha, đến Tây Ban Nha, đến Anh Quốc, rồi Mĩ. Nhưng ông NHL có nhận ra là Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha nằm ở phía Tây nước Anh chứ không phải ở phía Đông? (!) (chúng tôi không tính các thuộc địa của các nước này vì đây không phải 'sân khấu của lịch sử thế giới' như Hegel nói.) Chẳng lẽ Mặt trời bây giờ lại đi từ Tây sang Đông? Mặt khác thì tốc độ di chuyển của Mặt trời lịch sử cũng rất thú vị, trong thế kỉ 17, 18, 19 thì Mặt trời di chuyển được một quãng đường là khoảng 500 km (từ Lisbon sang Madrid) và 1300 km (từ Madrid đến London) theo hướng *từ Tây sang Đông* (như ông NHL nói). Nhưng đến thế kỉ 20 thì Mặt trời băng qua Đại Tây Dương, phóng thẳng đến châu Mĩ sau khi vượt qua quãng đường dài gần 6000 km. Rồi đến thế kỉ 21 (mới hết 1/4 thế kỉ khi chúng tôi viết bài này) thì Mặt trời lại lao sang Trung Quốc với tốc độ kỉ lục: khoảng 11000 km/ 25 năm hay 44000 km/thế kỉ. Tại sao Mặt trời lịch sử của ông NHL lại di chuyển với tốc độ thất thường như vậy? Mặt khác, nếu như không biết tốc độ di chuyển của 'Mặt trời lịch sử' thì

người ta sẽ không thể biết gì vì tiến trình lịch sử, vì 'Mặt trời' này có thể di chuyển nhanh chậm tuỳ ý, không theo quy tắc gì cả.

Có lẽ lời giải thích đơn giản nhất là ông NHL không biết mình đang nói cái gì, mà có lẽ là ông cũng không quan tâm đến việc điều mình nói có mâu thuẫn gì hay không. Hoặc cũng có thể là ngay từ đầu thì học thuyết lịch sử của Hegel đã chẳng phải là một chỗ dựa tốt để ông NHL bám vào. Chúng tôi sẽ trích một đoạn mà Bertrand Russell phê bình học thuyết lịch sử của Hegel:

> Tôi không thấy bất cứ sự biện hộ chính đáng nào, dựa trên cơ sở siêu hình học của ông ấy [Hegel], cho quan điểm rằng lịch sử thế giới lặp lại những sự chuyển tiếp của sự biện chứng (*dialectic*), nhưng đây lại là học thuyết mà ông đã phát triển trong cuốn Triết học Lịch sử. Đây là một học thuyết thú vị, đưa ra sự thống nhất và ý nghĩa cho các cuộc cách mạng của trạng huống sự vụ của con người. Giống như các học thuyết lịch sử khác, nó yêu cầu, nếu nó muốn tạo ra vẻ đáng tin, một sự bóp méo nào đó các sự thực và một sự vô minh đáng kể. Hegel, giống như Marx và Spengler sau ông, đều sở hữu những tiêu chuẩn này. Thật kì lạ khi một quá trình được trình bày là có tính vũ trụ lại hoàn toàn xảy ra trên hành tinh của chúng ta, và phần lớn nhất của nó xảy ra xung quanh Địa Trung Hải. Và cũng chẳng có lí do gì, nếu thực tại là vô thời (*timeless*), giải thích tại sao những phần muộn hơn của một quá trình sẽ thể hiện những phạm trù cao hơn so với những phần sớm hơn, trừ khi một người chấp nhận cái giả định báng bổ là Vũ trụ đang dần dần học triết học Hegel. [66]

Giờ chúng ta đi đến với học thuyết lịch sử thực sự của ông NHL, học thuyết 'Thời quán', dù ý nghĩa chính xác của từ này vẫn đang còn là một bí ẩn.

66 *The History of Western Philosophy*, trang 727.

II. HỌC THUYẾT 'THỜI QUÁN' CỦA GIÁO SƯ NHL

Trước hết sẽ cần phải nói rằng, ông NHL khi đề ra học thuyết lịch sử của riêng mình mà không hề trả lời những câu hỏi, những nghi ngờ đã được đặt ra cho thuyết sử luận của Hegel, giống như Russell (như trong đoạn văn trích bên trên, lấy từ cuốn *The History of Western Philosophy*) hay Popper (trong cuốn *The Poverty of Historicism*). Có lẽ kháng biện hay nhất mà ông NHL sẽ đưa ra là những triết gia này 'khoa học', 'không thấy được cõi Cao hơn' và 'không có Trí Huệ' để nhìn được sự biến đổi của lịch sử như ông NHL đã thấy.

Sơ đồ khái quát của học thuyết Thời quán của ông NHL được trình bày trong những trang đầu của cuốn Phác thảo. Sơ đồ biểu diễn quá trình lịch sử này là:

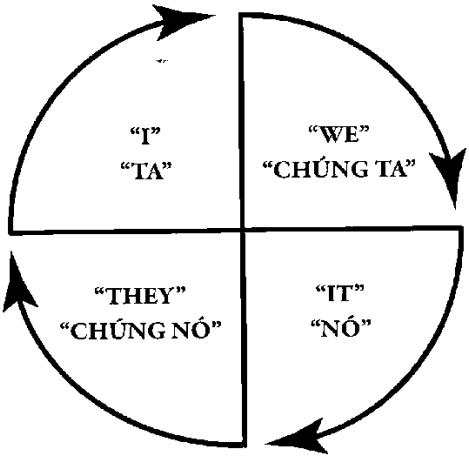

Ông NHL trình bày khung sườn học thuyết của mình như sau:

> Bổ sung vào mô hình "four quadrants" của Ken Wilber, đây là một Phác thảo tổng quan và vĩ mô về Lịch sử Thế giới vốn được khởi đi từ khi con người có Ý thức về Sử tính, ở "thời Trục" 2500 năm trước, theo vòng tròn chuyển động bốn góc của chữ Vạn – Swastica [Swastika] – như sau:

Bước thứ Nhất, góc trên bên trái, là Thời quán khởi động của Tự-Ý thức về Ta ("I") – mà đại diện cho năng lực này là Phật Thích Ca bằng tuyên ngôn "Thiên thượng địa hạ, duy Ngã độc tôn." "Minh tâm, kiến tánh – Hãy tự biết chính Ta" đã là châm ngôn cho Thời quán này. Socrates, Khổng Tử cũng đều rao giảng chân lý rằng "Cái Ta quyết định tất cả."
Bước thứ Nhì, góc trên bên phải, khi lịch Công nguyên bắt đầu, năm thứ 1, là sự trỗi dậy của năng lực "Chúng Ta" ("WE") – vốn đặt nền tảng cho văn hóa, tôn giáo và luân lý. Trong Thời quán này, Chân lý là tính liên đới, mà nhân vật biểu trưng là Chúa Jesus: "Ta với cha Ta là Một." Châm ngôn của Thời quán "Chúng Ta" là "Văn hóa/Đức tin là Định mệnh".
Bước thứ Ba, góc dưới bên phải, đến thế kỷ XV, năng lực Tự-Ý thức tiến bước bằng Ý chí khách thể hóa chính mình vào vũ trụ vật thể nhằm đặt để Chân lý vào góc độ Khoa học thực nghiệm. Đây là Thời quán của "Nó" ("IT") khi Ý thức con người ký thác chính mình vào khách thể tính, và vũ trụ vật thể là một hiện thực độc lập tách rời ra khỏi Ý chí và Ý thức cá nhân. Đây là lúc mà Ta và Chúng Ta trở nên xa lạ với chính mình. Nhân vật biểu trưng cho khởi đầu Thời quán khoa học thực nghiệm là Nicolaus Copernicus và kết thúc bởi Albert Einstein. Đây là giai Thời mà khẩu hiệu Chân lý được nắm đầu bởi khoa học gia, rằng, "Sinh học/Vật lý là định mệnh".
Bước thứ Tư, góc dưới bên trái, ở thế kỷ XVII, nhân loại đi tìm chính mình qua Ý thức hệ. Đây là Thời quán của "Chúng Nó" ("THEY") khi mà khẩu hiệu được nâng cao rằng "Chính trị là Định mệnh." Chân lý bị tha nhân cướp mất và trật tự thế gian phải được xây dựng bởi Ý chí Lịch sử. Biện minh cho trật tự không còn có từ huyền thoại tôn giáo, từ trên xuống, mà là Ý chí đồng thuận của cá thể, từ dưới lên. Thomas Hobbes khởi đầu, và Karl Marx kết thúc, cho năng lực hệ Ý thức này.
Bước vào Thời quán đương đại, thế kỷ XXI, trở về góc trái trên, Ý thức về Ta từ bỏ huyền thoại Tôn giáo, nghi ngờ Chân lý Khoa học thực nghiệm, chia tay tính cuồng nhiệt của Ý thức hệ, để tìm lại năng lực Tự-

> Ý thức ở một tầm mức Tiến hóa cao hơn. Toàn thể văn minh nhân loại – và từng cá nhân – đồng thời là thực tại vừa là biểu tượng cho Thời quán Ý thức mới này. Đây là lúc mà cái TA, vốn bị tha hóa vào Sử tính suốt 2.000 năm qua, bắt đầu đi tìm lại chính TA để khép lại vòng tròn Biện chứng Tự-Ý thức qua hành trình chuyển hóa đầy bi tráng của Lịch sử.

Xuyên suốt tác phẩm của mình, ông NHL trích dẫn Kinh Thánh, Kinh Phật, các trích đoạn của các triết gia như Jaspers, Plato hay Hegel để đưa ra bằng chứng cho học thuyết của mình. Nhưng như chúng tôi đã chỉ ra trong phần B, những trích dẫn được ông NHL sử dụng thường đã bị ông xuyên tạc, bóp méo đến độ không thể nhận ra được nữa. Điều này phần là vì ông NHL có trình độ ngoại ngữ quá thấp nên không thể đọc đúng được văn bản, phần là vì ông, vi phạm đạo đức học thuật, muốn bóp méo tất cả các dẫn chứng cho phù hợp với học thuyết mà mình đề ra. Tự điều này đã đủ để rút đi nền móng cho toàn bộ lí thuyết của ông NHL. Nhưng nếu bỏ qua điều này thì lí thuyết 'Thời quán' của ông không phải đã hết vấn đề.

Vấn đề lớn nhất đầu tiên nằm ở cách phân chia Thời quán của ông NHL. Nếu ông NHL đưa ra bốn thời quán như là bốn giai đoạn luân phiên chuyển tiếp nhau như các phần của một bánh xe như mô hình được vẽ thì các giai đoạn này phải tách rời và nối tiếp nhau, không trùng lấp lên nhau. Nhưng người ta dễ dàng nhìn ra điểm mâu thuẫn đầu tiên ở đây, thời quán thứ Ba ('Nó') bắt đầu từ Nicolaus Copernicus (1473-1543) và kết thúc ở Albert Einstein (1879-1955); nhưng thời quán thứ Tư ('Chúng nó') lại bắt đầu từ Hobbes (1588-1679) và kết thúc với Karl Marx (1818-1883). Vậy thì thời quán 'thứ tư' nằm gọn trong thời quán 'thứ ba', nhưng chưa hết thời quán 'thứ ba' thì làm sao đi đến thời quán 'thứ tư' được? Hay là đang ở thời quán thứ ba thì vọt lên thời quán thứ tư một đoạn, sau đó thì lại bị thụt lại thời quán thứ ba? Nhưng nếu thế thì bánh xe lịch sử của ông NHL có thể quay được cả hai chiều, như vậy thì làm sao biết được là bánh xe sẽ đi theo chiều tiến lên hay lùi xuống, xuất phát từ thời quán III, tại sao lại tiến lên thời quán IV mà không lùi lại thời quán II? Còn nếu ông NHL lúc nào

cũng có cả bốn thời quán hiện diện thì khi đó đâu còn xác định được chiều hướng của lịch sử qua các thời quán nữa?

Nếu đọc chi tiết phần này thì người ta sẽ còn thấy rối trí hơn. Ông NHL viết, thời quán 'NÓ' bắt đầu từ Corpernicus (tr. 308), sau đó ông bắt đầu 'phân tích' Hegel và *Kinh Lăng-già* (tr. 325), về thiên văn học và chiêm tinh thuật (xem mục B.III), rồi đến Apple ở California, Samsung ở Hàn Quốc (tr. 351), xong rồi chuyển sang kĩ thuật điện toán, công nghệ số và Internet (tr. 365), rồi ông nói về tiền bạc (tr. 381) và công nghệ thông tin (tr. 400). Xin lưu ý, rất nhiều thứ mà ông NHL nhắc đến, như Apple, Samsung hay Internet, xuất hiện khoảng 20 năm sau khi Einstein đã qua đời, nhân vật mà ông NHL chọn làm điểm kết thúc thời quán này. Mặt khác, khi viết đến Samsung, Apple hay Internet thì chúng ta đã ở thời hiện đại, làm sao để đi đến thời quán tiếp theo?

Đến chương 47, ông NHL mở đầu bằng việc miêu tả sự tha hoá của con người do công nghệ hiện đại: 'Sau khi tiêu hóa chính mình vào Thời quán NÓ, cái ta Ngã thể được kinh qua cõi thuần Vật chất, Khoa học Thực nghiệm và Kỹ thuật' (tr. 403). Sau đó ông NHL chuyển sang bàn về Tha nhân, Ngã Thể v.v rồi đùng một cái nhắc đến Napoleon nói về chính trị (tr. 409). Rồi ông NHL tua lại lịch sử khoảng 400 năm về thời của Hobbes, người 'mở đầu Ý thức Chính trị'. Ơ kìa, thời quán IV lẽ ra phải xuất hiện *sau khi* cái ta Ngã thể 'tiêu hoá chính mình vào thời quán Nó' qua vật chất, khoa học thực nghiệm, kĩ thuật (tức có cả Apple, Samsung và Internet). Tại sao nói chuyện loanh quanh một hồi thì giờ lại mọc ra Napoleon và Hobbes, những người chắc chắn không biết Internet và iPhone là gì? Sau đó thì ông NHL kể về sự phát triển của triết học chính trị từ Hobbes, đến Rousseau, Adam Smith, rồi Marx như thể chưa có chuyện gì xảy ra. Để phù hợp với lí thuyết 'Thời quán', ông NHL sẵn sàng 'tua lại' lịch sử theo ý muốn của mình.

Các cách chọn thời quán của ông NHL cũng đầy cảm tính, ngẫu nhiên và không có lí do gì cả. Chẳng hạn, ông NHL viết về thời quán đầu tiên:

> *Know Thyself* – Hãy minh tâm, kiến tánh. Đó là mệnh lệnh đạo lý của Phật, Khổng và Socrates từ thời Trục. (tr. 44, *Phác thảo*)

Nhưng Know Thyself rất có thể là một khẩu hiệu đã xuất hiện từ *trước* cả Socrates rồi. Chẳng hạn, nhà viết tiểu sử thời cổ đại là Diogenes Laertius gán câu nói này cho Thales vùng Miletus, một nhà triết học, khoa học sinh ra trước Socrates hơn một thế kỉ. Bên cạnh đó, những nhân vật như Đức Phật và Khổng Tử cũng không đột nhiên xuất hiện từ hư vô, họ xuất hiện trong bối cảnh lịch sử, triết học của họ. Việc chọn ra ba nhân vật này có lẽ xuất phát từ tác phẩm *Die großen Philosophen* của Karl Jaspers, trong đó nhà triết học gọi Socrates, Buddha, Khổng Tử và Jesus là những con người lập tiêu chuẩn (*die maßgebenden Menschen*). Ông NHL đã chọn ba người đầu tiên vào một thời quán rồi đưa Jesus sang thời quán khác.

Nhưng điều này cũng lại đặt ra những câu hỏi khác. Tại sao thời quán đầu tiên thì có Socrates ở Hi-lạp, Đức Phật ở Ấn-độ và Khổng Tử ở Trung Quốc, sang đến thời quán thứ hai thì ông NHL chỉ phân tích mỗi Thiên chúa giáo ở Tây Âu? Thời quán thứ hai này kéo dài từ năm 0 cho đến năm 1473, năm sinh của Copernicus, trong gần 1500 năm này thì chỉ có mỗi châu Âu có lịch sử, còn cả thế giới đứng im? Có lẽ ông NHL sẽ giải thích giống như Hegel, đó là những chỗ như Trung Quốc hay Ấn-độ nói chung là non nớt, nhiễu nhương, mơ mơ hồ hồ, không có tinh thần nên cũng không có lịch sử.

Ngoài ra, phải nói thêm là cuốn sách của ông NHL tràn ngập những câu mâu thuẫn lẫn nhau mà chính ông không nhận ra. Chẳng hạn, theo thuyết chiêm tinh thuật, được nhiều nhà lí thuyết 'nghiêm chỉnh và uy tín' ủng hộ, thì:

> 'Cũng theo Gurdjieff thì chiến tranh là kết quả của ảnh hưởng bởi hành tinh. *What is war? It is the result of planetary influences*. Từ trên không gian xa xăm bao la kia, quỹ đạo chuyển động và vị trí các hành tinh trong quan hệ tương tác lẫn nhau sẽ tạo ra những căng thẳng trên mặt đất và con người bắt đầu chém giết nhau. Đừng nghĩ rằng chiến tranh là do con người gây ra, từ chủ nghĩa này, vì quốc gia kia, bởi phe phái nọ,

> chính phủ kia. Những phong trào, xung đột dân sự, hay quân sự, chủng tộc, tàn sát đều có nguyên nhân từ ngoài không gian' (tr. 370, *Phác thảo*).

Như vậy thì chiến tranh xảy ra là do quỹ đạo chuyển động và vị trí các hành tinh (bởi vì chúng 'tương tác lẫn nhau' và 'tạo ra những căng thẳng trên mặt đất'), không phải do 'con người gây ra', không phải do 'chủ nghĩa', 'quốc gia', 'phe phái', 'chính phủ'. Vậy thì ai phải chịu trách nhiệm cho khủng bố, tội ác chiến tranh, thanh trừng, thảm sát, diệt chủng, sử dụng vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, bom nguyên tử? Theo ông NHL thì không ai cả, tất cả là tại trời hết, do các chòm sao 'ngoài không gian gây ra' chứ con người làm sao mà gây ra chiến tranh được. Một lúc sau thì ông lại viết:

> Hầu hết các cuộc chiến tranh tự căn nguyên sâu xa đều phát xuất từ mâu thuẫn Tôn giáo hay Văn hóa – tức là xung đột giữa các tầm mức Tiến hóa của Ngã thể, tức là giữa các khối khác biệt màu sắc theo liệt kê trên. (tr. 539, *Phác thảo*)

Vậy là chiến tranh 'tự căn nguyên sâu xa' là do mâu thuẫn tôn giáo hay văn hoá gây ra. Song mới ngay trước thì ông NHL nói là chiến tranh không do 'chủ nghĩa', 'quốc gia' hay 'phe phái' gì cả, mà chỉ do các chòm sao 'ngoài không gian' mà thôi. Vậy cái nào mới là cái nguyên nhân chiến tranh?

Cuốn sách của ông NHL còn nhiều điều thú vị hơn nhưng giới hạn giấy viết không cho phép chúng tôi viết thêm. Nói gọn, học thuyết của ông NHL không hơn gì một hỗn hợp của sự tưởng tượng không có cơ sở và một thiên kiến xác nhận (*confirmation bias*) ở dạng tệ nhất. Từ vô số nền văn minh của nhân loại (chẳng hạn văn minh Ấn-độ, Trung Quốc, Lưỡng Hà, Ai Cập, Hi-lạp, những nền văn minh ở Nam Mĩ, châu Phi v.v), ông NHL nhặt ra được một vài ví dụ phù hợp nhất với quan điểm của ông rồi bỏ đi phần còn lại, lịch sử thế giới cũng chỉ được tính từ khoảng 500 năm trước Công nguyên. Lẽ ra tên cuốn sách của ông NHL nên là 'Phác thảo về một triết học cho lịch sử thế giới, trong đó 'lịch sử' chỉ mới kéo dài 2500 năm, còn 'thế giới' thì chỉ bao gồm Ấn-độ, Trung Quốc và châu Âu, thỉnh thoảng Việt Nam cũng sẽ được nhắc đến'. Hơn nữa, học thuyết lịch sử của ông NHL sẽ kết hợp như thế nào với học thuyết lịch sử của Hegel mà ông

thường giảng cho mọi người? Trong thời quán đầu tiên, Mặt trời đi đến Ấn-độ (thời của Đức Phật), sau đó chạy về Trung Quốc (thời của Khổng Tử), rồi lại phi sang Hi-lạp (thời của Socrates)?

Rời khỏi thuyết lịch sử thế giới (tức lịch sử khoảng 2500 năm của lục địa Á-Âu mà chủ yếu là của châu Âu), chúng ta đến với chủ đề gần gũi hơn; đó là học thuyết mà ông NHL đã phác thảo cho Việt Nam dựa trên việc 'khai giải Hegel'. Chúng tôi đặt tên học thuyết này là thuyết Xa luân Việt Nam.

III. HỌC THUYẾT XA LUÂN VIỆT NAM CỦA GIÁO SƯ NHL

Trong bài giảng 'Hiện tượng luận trí năng', trong lúc kể chuyện lịch sử thế giới thì ông NHL đã áp dụng học thuyết lịch sử của Hegel vào bản đồ Việt Nam để tạo ra thuyết Xa luân 車輪[67] Việt Nam. Đây là kí âm của đoạn này:[68]

> Tuy nhiên, nói trong cái thân xác của người Hin-đu thì nó có bảy cái luân xa (tức là chakra). Ở dưới thấp nhất là dục. Cái thứ hai là ý chí, thành ra, cái lưng của con người khi mà có ý chí, mà trong quân đội, là đứng phải thẳng lưng, kỷ luật. Cái thanh niên Việt Nam có tướng đứng thường thường rất là cần phải sửa, là đứng cẳng thấp cẳng cao, cái bụng ưỡn ra đằng trước, thành ra cái lưng đằng sau nó cong vẹo, những con người đó là những con người rất là thiếu ý chí, khom lưng. [sau đó NHL kể về các luân xa còn lại] Thứ năm là trái tim, cho nên đạo Hồi giáo và đạo Hin-đu, và đạo Thiên chúa giáo, nhất là Catholic, là nó nhấn mạnh về đức tin qua cái trái tim rất là mạnh. Tôi đang nói qua về vấn đề của Hin-đu. Vì cái trái tim, bởi vậy, thế nên Chúa Jesus trong các biểu tượng là có cái hình của Chúa Jesus là cái trái tim nó sáng rực lên với hào quang,

67 Cách gọi 'luân xa' cho *cakra* (viết tả âm theo Anh văn *chakra*) như ông NHL dùng là là không chính xác dù đây là cách gọi phổ biến, *cakra* nên được gọi là 'xa luân' vì đây là cấu trúc Hán–Việt. *Cakra* cũng được gọi là mạch luân 脈輪 hoặc trung khu 中區 'khu vực trung tâm'.

68 Xin nghe tại đây, 46:05.

> trong khi Đức Phật là cái hào quang ở trên đầu, đó là chakra thứ sáu và thứ bảy.

Chúng tôi xin tạm dừng ở đây một chút. Tại điểm này, người ta lại được chứng kiến thiên kiến xác nhận và khả năng bóp méo tư liệu của ông NHL. Đúng là có các biểu tượng, linh ảnh của Chúa Jesus với trái tim sáng rực (Thánh Tâm Chúa Giêsu, Sacred Heart), nhưng hầu như lúc nào thì hình ảnh Chúa cũng xuất hiện với hào quang trên đỉnh đầu, tính cả những hình minh hoạ Chúa với Thánh Tâm. Đâu phải chỉ mỗi hình ảnh Đức Phật mới được khắc hoạ với hào quang trên đỉnh đầu đâu để ông NHL so sánh tuỳ tiện rồi liên tưởng đến sự khác biệt xa luân như vậy. Ở một khía cạnh khác, ông NHL nhầm xa luân trái tim từ thứ tư thành thứ năm, song điều này không đáng kể.

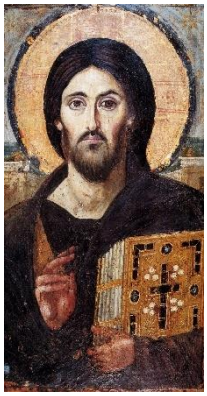
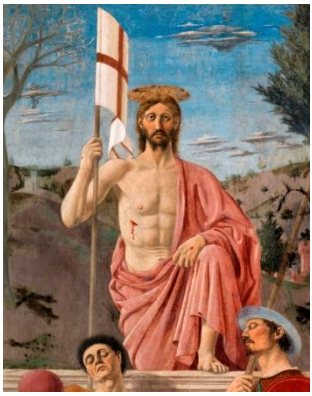

Từ trái qua phải: *Thánh Tâm Giêsu*, tranh minh hoạ Bồ Đào Nha (thế kỉ 19); *Christ Pantocrator*, tu viện Saint Catherine (thế kỉ 6), Trích đoạn tranh *Sự phục sinh*, Piero della Francesca, (thế kỉ 15).[69]

Sau đó, ông NHL bắt đầu nói về Việt Nam:[70]

> Thì cái dân tộc Việt Nam, tôi nói ra như là cái footnote, thì cái dân tộc Việt Nam mình thì nó có hình ảnh một cái thân thể con người đang ngồi, phía trên đội cái nón lá. Thành ra cái chakra ở dưới, thứ một, thứ

69 Nguồn hình ảnh tại: [1], [2], [3]

70 Xin nghe tại đây, 47:37.

hai là cái bụng dạ, là dục, là vùng đồng bằng sông Cửu Long, thành ra cái người miền Nam bụng dạ họ để ngoài da, họ rất là dễ thương, nhưng họ rất là nghèo ý chí và về tri thức họ cũng không có tham vọng, mặc dù họ rất là thông minh.

Cái người mà bắt đầu phát triển cái ý chí cao cấp mà làm đồ vệ [không rõ], là cái người ở khoảng Bình Định, tức là chakra thứ tư. Bình Định là đại diện cho Tây Sơn, Quang Trung ba anh em, Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ. Đó, khi mà vùng lên Tây Phương [tức Tây Sơn] thống nhất sơn hà, thì 1778, thì cái giai đoạn đó là sự rising của cái chakra thứ tư, tức là cái dân Quy Nhơn – Bình Định. Quy Nhơn, Bình Định và đã bao gồm Quảng Nam.

Thì cái chakra thứ năm là về tình cảm, là cái dân Huế, dân Bình-Trị-Thiên. Bởi vậy cho nên cái dân Huế nó rất là cảm tính, nó rất là u uất, mà quý vị nghe cái giọng nói người Huế không ạ? Nghe là cũng đã mệt rồi. Rồi cái nhạc Huế như là nhạc của Dương Thiệu Tước, nghe là muốn nhảy xuống sông Hương tự tử thôi, còn người Huế nó rất là đa cảm đa sầu.

Rồi đi đến người Thanh-Nghệ-Tĩnh là gần như cái chakra thứ năm nó biến hoá thành chakra thứ sáu. Cho nên dân Thanh-Nghệ-Tĩnh là cái dân mà nó rất là năng động. Ý thức về vấn đề cách mạng, về vấn đề văn học là họ năng động lắm, phần lớn tất cả người nổi tiếng về trí thức ở Hà Nội đều là gốc Thanh-Nghệ-Tĩnh cả.

Và khi đến người Hà Nội, đến miền Bắc là người ta phát triển cái tri thức. Thành ra miền Bắc là về cái đầu óc, về Huế, miền Trung, là về cái trái tim. về khoảng Bình Định, Đông Nam Phần là cái ý chí. Và về cái bụng dạ, bụng ruột thật thà là người Nam. (...)

Dĩ nhiên Hegel không bao giờ mà nói gì đến Việt Nam hết, cái đó là tôi phiên giải ra mà thôi.

Vậy là ông NHL đã phiên giải học thuyết lịch sử thế giới mang tính phân biệt chủng tộc của Hegel thành một học thuyết lịch sử Việt Nam mang tính phân biệt vùng miền. Để dễ hình dung, chúng tôi tạm minh hoạ học thuyết xa luân này bằng hình ảnh dưới đây.

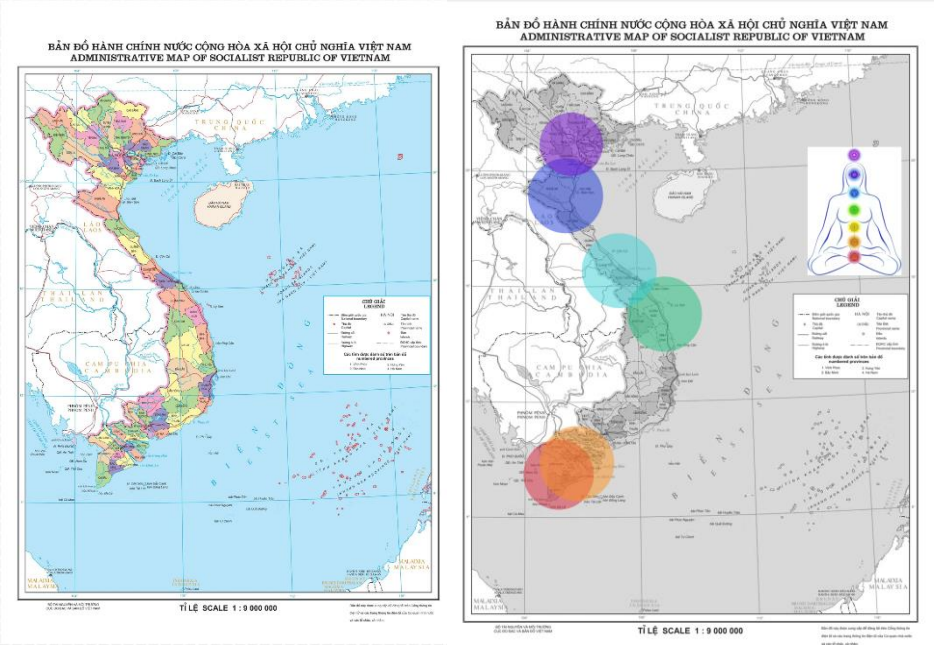

Ông NHL không nói vị trí xa luân thứ ba nằm đâu trên bản đồ Việt Nam nên chúng tôi không thể xác định được vị trí của xa luân này. Nhìn vào bản đồ xa luân mà ông NHL vạch ra cho Việt Nam thì người ta không khỏi thấy một sự tuỳ tiện, vô ý. Tại sao vùng đồng bằng sông Cửu Long thì là trung tâm của tận hai xa luân, trong khi có những vùng không có xa luân nào như Tây Nguyên hay khu vực trung du miền núi phía Bắc? Đối với trung du miền núi phía Bắc thì ông NHL chắc sẽ nói rằng khu vực này giống như cái 'nón lá' của đất nước Việt Nam, không phải 'thân thể con người', cho nên không có xa luân. Còn ông có thể nghĩ ra lí do gì để gạt khu vực Tây Nguyên ra khỏi bản đồ xa luân thì chúng tôi không rõ. Cũng không rõ là hai quần

đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc xa luân nào, có lẽ là thuộc cùng vào với khu vực hành chính có xa luân tương ứng (tức thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hoà), dù không chắc là xa luân có phải chịu ảnh hưởng của các yếu tố hành chính hay không.

Những miêu tả của ông NHL về con người ở từng xa luân thì toàn những lời nói không có cơ sở, những cliché và những thiên kiến mang tính phân biệt vùng miền. Chẳng hạn, người đồng bằng sông Cửu Long thì 'nghèo ý chí' và 'về tri thức thì cũng không có tham vọng', phải đến người Bình Định thì người ta thì mới phát triển 'ý chí cao cấp' (tức là người đồng bằng sông Cửu Long thì chỉ có 'ý chí hạ cấp'?). Dân Huế thì có cái giọng nói 'nghe cũng đã mệt', người dân thì 'cảm tính', 'u uất', nhạc Huế thì nghe xong 'chỉ muốn nhảy xuống sông Hương tự tử'. Toàn là những khuôn mẫu sáo rỗng, thô sơ, phân biệt vùng miền ('nghèo ý chí', 'u uất', 'nhảy xuống sông Hương' v.v.) mà ông NHL cứ nói liên hồi một cách rất tự tin, cũng lại như thể đây là những chân lí cho người Việt mà ông đã phát hiện ra do nhìn được cõi Cao hơn.

Nhưng cũng như những lần trước, ông lại tự mâu thuẫn với chính mình mà không biết. Giả như chấp nhận cái thuyết xa luân của ông NHL, thì nơi sinh ra của một người quyết định đặc tính 'luân xa vùng miền' của người đó, vì ông nói: 'phần lớn tất cả người nổi tiếng về trí thức ở Hà Nội đều là gốc Thanh-Nghệ-Tĩnh cả', do người Thanh-Nghệ-Tĩnh 'năng động về vấn đề cách mạng, văn học'. Nhưng nếu đã vậy thì Dương Thiệu Tước đâu phải là người Huế để mà ông nhắc đến khi nói đến Huế? Dương Thiệu Tước là quê ở làng Vân Đình, Hà Nội, sau này ông vào Huế rồi vào Sài Gòn, nhạc sĩ đáng ra phải thuộc về 'luân xa Hà Nội'.[71] Mặt khác thì các sáng tác của Dương Thiệu Tước rất đa dạng, đâu phải chỉ có các ca khúc liên quan đến Huế như *Đêm tàn bến Ngự*, *Thuyền mơ* hay *Tiếng xưa*. Người viết bài này khó tin được là ai nghe những bài hát khác như *Đêm ngắn tình dài*, *Bóng chiều xưa* hay *Chiều* lại muốn 'nhảy xuống sông Hương tự tử'. Đấy là chưa

71 Thêm một vài thông tin thú vị thì Dương Thiệu Tước là cháu nội nhà thơ Dương Khuê (*Khóc Dương Khuê*, Nguyễn Khuyến), có họ hàng với nhạc sĩ Dương Thụ.

kể việc bài hát gây ra ấn tượng gì nơi thính giả còn phụ thuộc rất nhiều vào ca sĩ và cách phối bản nhạc đó, thính giả có thể so sách hai phiên bản bài *Bóng chiều xưa* được thể hiện bởi Lê Dung (tại đây) và Anh Ngọc (tại đây), hay bài *Đêm tàn bến Ngự* được thể hiện bởi Ánh Tuyết (tại đây) và Minh Trang (tại đây).

Song đây vẫn chưa phải điểm đáng nói nhất trong học thuyết xa luân của ông NHL. Ông NHL có vẻ như cho rằng học thuyết xa luân là một quy luật lịch sử đã luôn tồn tại trên mảnh đất Việt Nam, vì ông nói 'Bình Định là đại diện cho Tây Sơn', khi mà ba anh em 'thống nhất sơn hà' thì đây là sự 'rising [trỗi dậy] của cái chakra thứ tư'. Nhưng ông NHL có để ý là lãnh biên giới, hình dạng lãnh thổ của Việt Nam có sự thay đổi qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, đâu phải lúc nào mà phần đất liền nước Việt Nam cũng có hình chữ S như bây giờ, hình dạng mà ông NHL miêu tả là giống 'thân thể con người đang ngồi, phía trên đội cái nón lá'. Vậy thì trước khi mở rộng về phía Nam thì những 'luân xa Việt Nam' sẽ rút ngắn lại để tương ứng với lãnh thổ hiện giờ? Hay ông NHL sẽ nói rằng một vùng đất cũng có 'luân xa Việt Nam' kể cả vào những thời điểm mà vùng đất này chưa thuộc về Việt Nam (chẳng hạn như Bình Định)? Hay là đến khi đất nước Việt Nam có hình dạng S như chúng ta biết ngày nay thì bỗng dưng các chakra xuất hiện?

Người ta có thể đề ra nhiều lí thuyết khác nhau để giải thích cho cùng một hiện tượng, nhưng có một số lí thuyết có cơ sở, có thể được kiểm chứng và hữu ích hơn các lí thuyết còn lại. Một người có thể dựa vào những yếu tố địa lí, thuỷ văn, nhiệt độ, độ ẩm, đặc điểm gió mùa v.v để giải thích lí do vì sao miền Trung thường gặp thiên tai, và từ những cơ sở trên thì con người có thể dự báo và nêu ra những biện pháp phòng, chống, ứng phó trước thiên tai. Còn nếu ai đó, chẳng hạn, giải thích lí do miền Trung hay gặp thiên tai là 'do xung đột năng lượng giữa xa luân thứ tư và thứ năm của Việt Nam, tức xung đột giữa ý chí cao cấp và tình cảm, khiến cho trường năng động vô thức bị nhiễu loạn' thì phát biểu như vậy là không thể kiểm

chứng được bằng bất cứ cách nào, và có lẽ cũng không mang lại ích lợi gì cả. Nếu gọi đây là nói nhảm thì cũng không quá đáng lắm.

Đến đây, chúng ta như vậy đã bàn qua về những học thuyết chính mà ông NHL đã phác thảo và trình bày. Bên cạnh triết học, ông NHL cũng thường nói về văn hoá Việt Nam, và đây là phần cuối trong chương này.

IV. VÀI GÓC NHÌN VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM CỦA GS NHL

Chúng tôi nói về văn hoá vì đây có vẻ cũng là mối quan tâm lớn của ông NHL. Trong một bài viết được đăng tải trên báo Dân Việt với tựa đề: 'Câu chuyện của GS Nguyễn Hữu Liêm: Từ chàng trai bốc gạch đến triết gia danh tiếng'[72], có một câu khá thú vị: 'Ông có những đóng góp quan trọng về triết học phương Tây, đặc biệt là văn hóa Việt Nam'. (?) Chúng tôi không biết nên hiểu câu này như thế nào, vậy thì 'văn hoá Việt Nam' là một phần của 'triết học phương Tây'? Dù sao thì chúng ta cũng sẽ xem và lắng nghe một số quan điểm của ông NHL về hai khía cạnh của văn hoá Việt Nam, đó là văn chương và âm nhạc.

Khác với những phần trước, chương này chủ yếu chỉ trình bày lại những trích đoạn mà ông NHL đã viết để độc giả tự đánh giá chứ không phân tích chi tiết. Song vẫn như những phần trước, những điểm mâu thuẫn trong quan điểm của ông NHL nếu xuất hiện thì sẽ được chỉ ra.

1. VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM CỦA CÁI NHÌN CỦA GS NHL

Một trong những bài viết của ông NHL về văn hoá Việt Nam cách đây khá lâu là: 'Cái Tật Văn Chương Tào Lao', đăng ngày 22.8.2003 (xin xem tại đây, chúng tôi khuyến khích độc giả đọc toàn bộ bài này). Sau đây là một vài trích đoạn:

> Văn hóa Việt Nam là một thứ phong hóa văn chương: một quá trình dàn dựng sự thể của sự kiện nhân sinh vào một mâm cỗ ngôn ngữ, cho thêm nhiều gia vị, và không được chuyển hóa. Người ăn mâm cổ văn

72 Xin đọc tại Dân Việt.

chương tiếng Việt phải chấp nhận cái tươi mát và sống sượng của cuộc đời làm thực phẩm cho mình. Và dù họ có nhận thấy sự giới hạn và nghèo nàn của thức ăn sống, họ cũng không có chọn lựa nào vì con người và văn chương Việt Nam chưa bước lên tới bình diện tư tưởng để chuyển hóa sự thể sống sượng của sự đời. (...)

Các tạp chí nhan nhản khắp nơi ở hải ngoại, kể cả các mạng điện tử, đều cũng chỉ có cái màn kịch – và trò chơi – văn học. (...)

Với cái tật văn chương, và là một hệ quả từ đó, con người trí thức Việt ở khắp nơi, mang một năng ý lạ: ý chí làm báo. Báo chí là một thứ văn chương: dọn các mâm cỗ chỉ có diễn tả sự kiện còn sống sượng. Tật làm báo cũng như tật viết văn, làm thơ – tham dự vào các trò bát nháo. (...)

Người Việt mình suy nghĩ cả năm mà còn chưa viết lên được một câu ra hồn; huống gì bây giờ họ viết lách theo tốc độ của điện.

Người Việt ở ngoài Bắc thì ưa viết văn, người Trung thì làm thơ, người Nam thì làm báo. Viết văn thì mang cái bệnh ểu, bệnh "sâu sắc" của diễn tả bóng gió, nói cay, nói đắng, lấy cái gia vị của ớt, của gừng làm cái ngon miệng – vì thức ăn chính thì chẳng có gì. Dân Bắc viết văn thì cũng giống như ăn một chén cơm gạo sống mà hai phần ba là gừng, là tỏi, là nghệ. Thế mà bà con cứ ào lên mà khen hay. Đọc Nguyễn Huy Thiệp, Nguyệt Dung, Phạm Thị Hoài, hay gần đây, Phạm Hải Anh, thì sẽ thấy điều đó.

Dân Trung thì đem cái máu thi ca vớ vẩn biến thành cuộc đời: ý chí đi làm cách mạng và đi tu. Xứ nào càng khổ thì càng nhiều thi sĩ. Các thi sĩ này biến thi ca thành ý chí hiện sinh: các tu sĩ và chính trị gia chỉ là các nhà thơ thất chí với cuộc đời. Dân gốc Quảng Trị, Quảng Nam bị cái bệnh thi ca này nhiều nhất vì không có cái xứ nào vừa nghèo, vừa đầy nhẳp các tu sĩ của các tôn giáo, và nhiều con người muốn hy sinh cuộc đời cho cách mạng và chính trị như vậy. Còn dân Nam thì ưa nhậu. Và khi nào xỉn xỉn lên là hay ca vọng cổ. Tôi đề nghị là Sài gòn nên đặt tên cho đúng bản chất của nó và con người ở đó: thành phố Nhậu. Khi nhậu

> say lên là dân Nam ta nói chuyện làm báo. Vì báo chí là một kiểu nhậu khác – nhậu văn chương.
>
> Nhưng dân Việt cả ba miền, viết văn, làm thơ, hay là làm báo, đều cũng chỉ là một loại: thứ mắc bệnh văn chương. Dân Bắc bây giờ bị đồng hóa bởi dân Nam qua cái bệnh nhậu, bệnh làm báo. Thử hỏi: nếu cái niềm vui duy nhất – và cao nhất – của dân Bắc bây giờ là ngồi bệt xuống chiếu bên bờ đê sông Hồng để ăn thịt chó và uống bia hay rượu đế, thì mần răng mà dân ta có tư tưởng cho được? Không những chỉ ở ngoài Bắc, mà là cả nước, đi đâu cũng là những bàn nhậu ồn ào, ăn tục nói phét, mà ở đó con người hành động thiếu tư cách, thiếu nhân phẩm, hạ cấp. (...)
>
> Hãy đứng lên và bước ra khỏi vũng bùn của sự kiện – cái văn chương tào lao – để bước đi.

Độc giả có thể quay lại những phần trước, đọc vài câu trong những tác phẩm triết học của ông NHL để biết về văn phong trong những tác phẩm của ông. Chỉ có điều, trước khi bước chân vào cánh cửa tâm thời cơ thức của triết học thời quán do ông NHL phác thảo, độc giả có thể sẽ phải nắm lấy thời vận dùng cái trí năng để vượt qua cái năng lực dục thức và lí trí tiểu thể đang gào thét, kêu rên quằn quại vì bị tra tấn bởi những cơn lũ thuật ngữ – *What is this, these are floods of terms!* – đang tuôn ra như vỡ đập từ những tác phẩm uyên nguyên, điêu luyện chứa đầy Ngã thể của ông NHL. Sau khi đọc các tác phẩm tuyệt vời này rồi, độc giả sẽ trực kiến được cái Trí năng Đại thể, tức cái Trí Huệ vượt qua cái Trí Tuệ bình thường, nhìn được cái cõi Cao hơn mà phàm nhân với ngã thức bình thường, kẻ vẫn đang bị hành hạ trong năng ý Khát sống trên con đường mò mẫm trở về Chân tâm Ngã thức, kẻ trong cơn say điên loạn nhất cũng không dám mơ về cái cõi Cao hơn kia. Lúc đó, độc giả sẽ được tiến hoá siêu nghiệm – *Transcendental Enlightenment* – thời quán của độc giả, một Thời Nhân, sẽ được hợp nhất với thời lý trong một thời ý tự phủ định chính mình qua một thời thức bốn chiều, một khoảnh khắc giác ngộ mà thời tính sẽ biến thành thời thể – *the Shape of the Time* – sau một thời lượng nhất định, tất cả chỉ cần độc giả sử

dụng thời gian và thời giờ của mình để đọc cái thời triết sâu sắc hơn nhiều lần tất cả các loại thời báo đã được xuất bản trong toàn thể Thời-Không, chính là học thuyết *Liêmism*.

....

Sau đây, chúng tôi xin được viết tiếp bằng tiếng Việt.

Quan điểm của ông NHL văn học Việt Nam này được ông duy trì một thời gian dài mà không hề thay đổi. Trong cuốn *Phác thảo* được ông xuất bản gần 20 năm sau đó, ông viết:

> Tức là giữa hai bờ của khả năng đang có đối với lý tưởng muốn có, cái ta văn chương tiếng Việt chỉ có thể vươn đến tầm mức viết truyện ngắn, làm thơ hay phiên dịch các tác phẩm ngoại ngữ. Vì thế, giấc mơ hay hoài bão cao nhất, và thịnh hành nhất, cho một khối khá đông Trí thức Việt là được làm nhà thơ, nhà văn, dịch giả. Cả nước đi ra đường là gặp chỉ có anh hùng và thi sĩ. (tr. 565)

Chúng tôi chỉ có một thắc mắc là nếu không được làm 'nhà thơ', 'nhà văn' để sáng tác, rồi cũng không được dịch các tác phẩm nước ngoài nốt thì người Việt Nam lấy đâu ra văn tiếng Việt để đọc? Đọc văn tiếng Việt ở cõi Cao hơn?

Nếu nói về tác phẩm văn học nổi tiếng nhất ở Việt Nam thì người ta hẳn sẽ nghĩ ngay đến *Truyện Kiều*. Để kết thúc, chúng ta sẽ nghe giáo sư NHL bình luận về tác phẩm này:[73]

> Mới đọc Truyện Kiều. Là nó ảnh hưởng một cái không khí tiêu cực. Tôi thấy cái Truyện Kiều là cái chuyện dở nhất.
>
> Trăm năm trong cõi người ta
> Chữ tài chữ mệnh ấy là ghét nhau.
>
> Cái câu đó là sai từ cơ bản. Tại sao tài thì phải thay đổi cái mệnh của mình chứ, tại sao lại 'ghét nhau' rồi chấp nhận? Nhất là mấy bà, cứ đọc Truyện Kiều rồi bị thất tình, rồi cha mẹ mắng là ôm gối khóc, rồi cứ đọc Truyện Kiều cứ thâm nhiễm thêm cái bi quan, tiêu cực. Cuối cùng cuộc

73 Xem tại đây, 43:43

đời là vì chữ Hiếu rồi đi lấy chồng, rồi cuối cùng là tung thân xuống sông Tiền Đường tự tử chết, rồi mới được nhà sư... cô... sư gì... cứu lên. Mà câu chuyện đó có gì là nguyên thuỷ đâu, câu chuyện của người Tàu kia mà.

Rồi thơ tôi thấy cũng không hay gì hết. Thơ thì lâu lâu được vài câu hay, còn:

> Thanh minh trong tiết tháng ba
> Nào là tử ngộ ấy là đạo tiên

Rồi:

> Sề sề ngọn cỏ ven đường
> [ngọn thì gì gì] chữ vàng chữ xanh

Thơ như thơ trung học vậy đó! Tại sao rồi cứ thi hào, rồi đại thi hào, rồi kỉ niệm, rồi hội thảo khoa học. Rồi kinh nhất là nhà Phật của mình tôn sùng ông Linh [không rõ là ai] như là một cái gì... mà tôi thấy... nếu cái đời sống tâm linh, tâm thức và tri thức của con người Việt Nam mà cứ lấy Truyện Kiều như là một cái tiêu chuẩn, nó trở thành văn học, bây giờ nhìn đâu cũng thấy là văn chương bi đát thôi...

2. ÂM NHẠC VIỆT NAM QUA CÁI NHÌN CỦA GS NHL

Ông NHL viết ít nhất hai bài bình luận về âm nhạc Việt Nam, đó là bài 'Cái âm điệu tủi thân bi đát' (7.2023) (xin đọc tại đây) và bài 'Từ Lệ Thu đến Hồng Nhung – ba lần chết của nhạc Việt' (18.1.2021) (xin đọc tại đây). Chúng tôi chỉ tóm tắt và ghi ra một vài trích đoạn. Trong bài 'Cái âm điệu tủi thân bi đát', ông NHL phê bình gay gắt nền âm nhạc người Việt ở hải ngoại, ông viết:

> Cái thứ tân nhạc được đem theo từ miền Nam trước 1975 qua đây và vẫn cứ tiếp tục là một dòng âm nhạc bi đát, yếu đuối, trống rỗng và băng hoại. (...)
>
> Mà "đi vô, đi ra cũng thằng cha khi nãy" – cũng chừng đó ca sĩ, chừng đó *emcees*, chừng đó bản nhạc, và nhất là vẫn chừng đó cái âm điệu ai oán, bi đát rẻ tiền của các cô cậu ca nhạc sĩ Việt Nam hải ngoại.

Để làm dẫn chứng cho lập luận của mình, ông NHL phê bình ba 'ca sĩ hàng đầu' của phái nữ là Khánh Hà, Khánh Ly và Ý Lan. Ông viết:

> Cũng một bài ca đó, mà khi Khánh Hà hát lên thì mức độ não nùng bi đát tăng lên gấp bội. Có những đoạn không đáng gì bi thảm, nhưng Khánh Hà cứ nức nở hóa một cách quá trớn, thành ra như tiếng khóc, trộn lẫn với một chất điệu yếu đuối, não nề. (...)
>
> Cũng một bản nhạc đó, mà khi Ý Lan hát lên thì thành ra tức tưởi, bi ai – và đặc biệt là tính đĩ. (...) tiếng hát của Ý Lan là của văn hóa Bolsa, đầy nhộn nhịp của bầy kiến nhiều thương tích, nhưng hoàn toàn trống rỗng và vô vị.
>
> Cũng một bài hát đó, của Trịnh Công Sơn chẳng hạn, nhưng khi Khánh Ly hát lên thì nó trở thành mê muội, lạc lõng. Cái giọng lè nhè của Khánh Ly không được cân bằng với một âm sức cao và mạnh để cứu lấy âm điệu cho toàn thể âm cảnh đã làm cho bản nhạc trở nên một sự đày đọa cho người nghe. Không ai phá nát nhạc Trịnh Công Sơn và làm mất âm hưởng của chúng hơn là Khánh Ly.

Những ca sĩ này là đặc điểm đại diện cho tâm thức của một cộng đồng người Việt, ông NHL viết:

> Nhưng bách tính thiên hạ của người Việt ở Mỹ rất được thoả mãn với các giọng ca này. Vì sao? Vì tâm chất họ được thể hiện qua các giọng ca đó. Quần chúng nào thì âm nhạc đó; tâm thức nào thì ca sĩ đó. Khánh Hà, Ý Lan và Khánh Ly là những biểu tượng âm thanh của một tập thể dân chúng muốn được ru mình bằng cái não nề, lẳng lơ, yếu đuối. Đây là những bài văn tế cho những tâm hồn mất quê hương và mất nước.

Ông NHL so sánh điều này với 'âm nhạc mất nước của dân tộc Chàm' đã thâm nhập vào Huế kể từ nhà Nguyễn.[74]

> Từ khi nhà Nguyễn thẩm nhập cái âm nhạc mất nước của dân tộc Chàm bằng những lời ca Huế thì triều đại này chỉ còn đi xuống dốc. Nghe nhạc Huế thì chỉ còn có muốn nhảy xuống sông Hương mà tự vận – cứ nghe

74 Đây là một chi tiết sai về mặt lịch sử, xin xem thêm bài này.

> thử nhạc của Dương Thiệu Tước thì biết. Một triều đại quyền lực, một trung tâm chính trị quốc gia lẫy lừng khi thống nhất đất nước mà từ khi bị nhiễm lấy cái vi khuẩn của loại nhạc "mất hồn" của dân Chàm thì chỉ cần một thời gian ngắn là cả hệ thống chính trị Việt Nam bị suy đồi từ tri thức cho đến ý chí, từ tình cảm cho đến nghệ thuật.

Sau đó ông NHL so sánh âm nhạc Việt Nam ở hải ngoại và âm nhạc trong nước:

> Tôi về Việt Nam và có dịp nghe các ca sĩ trong nước sau 1975 hát – như Mỹ Linh, Trần Thu Hà, như Hồng Ngọc, như Thu Phương. Cái khác hẳn là tính mạnh và sắc sảo của thế hệ âm nhạc mới này. Và vắng bóng hoàn toàn cái bi đát, não nùng. Có phải chăng các ca sĩ này biểu lộ được tâm thức và ý chí của những kẻ chiến thắng – từ vô thức tập thể? Dĩ nhiên, đây không phải là một chính sách văn hóa của chính quyền. Cái mạnh và tự tin của các lời ca mới đại diện cho cái *collective unconsciousness* của phe thắng cuộc.

Không thể thiếu được trong các bài viết của ông NHL là các khái niệm triết học Đông-Tây được sử dụng một cách tuỳ tiện (dù ông NHL không hiểu gì về chúng), nên trong đoạn kết, ông bắt đầu nói về Socrates, Khổng Tử, Nietzsche, 'logos của tâm thức', 'cõi hiện hữu', 'amor fati' ... Chúng tôi sẽ không trích lại đoạn này ở đây nữa.

Gần 20 năm sau, ông NHL lại bàn về tân nhạc Việt Nam trong bài 'Từ Lệ Thu đến Hồng Nhung – ba lần chết của nhạc Việt'. Cùng nói về một đối tượng (âm nhạc Việt Nam ở hải ngoại), lần này ý kiến của ông NHL quay ngoắt 180 độ.

Mở đầu, sau khi lấy hai câu Kiều, một tác phẩm 'thơ trung học' 'dở nhất', ông trích lời Nguyễn Ánh 9 phê bình một số ca sĩ, 'Hồng Nhung, hay Thanh Lam, Mỹ Linh, Bằng Kiều là những ca sĩ được đào tạo bài bản, nhưng chính kỹ năng của họ đã giết chết âm nhạc khi trình diễn' (có lẽ 'tính mạnh' và 'sắc sảo' của họ đã biến mất'). Giọng của Hồng Nhung, Bằng Kiều 'mang âm hưởng của cái gì đó không thật, nghe ra thì nông cạn – và nhất là cái âm sắc giả dối'.

Bây giờ, ông NHL bắt đầu khen nền tân nhạc miền Nam trước 75 là 'có nhiều nhạc sĩ ở tầm cao', như Phạm Duy, Lê Thương, Cung Tiến, Ngô Thuỵ Miên v.v. Nhưng chẳng phải chính ông NHL trước kia viết rằng: 'Cái thứ tân nhạc được đem theo từ miền Nam trước 1975 qua đây và *vẫn cứ tiếp tục* là một dòng âm nhạc bi đát, yếu đuối, trống rỗng và băng hoại'. Tại sao vẫn là dòng nhạc đó đang 'bi đát', 'băng hoại' giờ lại thành 'ở tầm cao'? Sau đó ông tuyên bố ở miền Nam Việt Nam trước kia chỉ có hai người xứng đáng là ca sĩ, '[đ]ó là Lệ Thu và Chế Linh'.

> Lệ Thu là biểu trưng một thể loại nhân cách, tầm mức ưu hạng từ tri thức đến giọng nói, của một tâm hồn miền Bắc trước 1954 di cư vào Nam; trong khi Chế Linh là một niềm rung cảm từ một văn minh đã bị diệt vong của miền Trung mà giọng ca ngọt ngào và chân tình bi đát của anh phản chiếu một âm hưởng bi hùng ở nơi một linh hồn vong quốc.

Nhưng không phải trước kia thì chính ông NHL viết rằng âm nhạc 'dân tộc Chàm' là 'âm nhạc mất nước', được ông so sánh như là một loại dịch bệnh truyền nhiễm, 'cái vi khuẩn [khuẩn] của loại nhạc "mất hồn" của dân Chàm', một loại bệnh ác tính đến độ làm cho cả hệ thống Việt Nam 'bị suy đồi từ tri thức cho đến ý chí, từ tình cảm cho đến nghệ thuật'. Tại sao bây giờ ông NHL lại ca tụng giọng ca của Chế Linh, liên quan đến dân tộc Chàm, là 'ngọt ngào', 'chân tình bi đát', một 'âm hưởng bi hùng'? Chúng tôi tưởng theo ông NHL thì 'âm nhạc Chàm' là một thứ virus làm huỷ diệt tất cả và là nguyên nhân khiến Việt Nam 'mất nước'?

Sau đó ông NHL viết:

> Trong khi đó, ở miền Bắc từ 1954, sau cái Thời của nhạc Tiền chiến và Văn Cao, khi mà năng lực quốc gia chỉ để dành cho chiến tranh, ta chỉ còn thấy một sa mạc hoang vu cho tân nhạc và ca sĩ.

Một là, cách phân chia giai đoạn âm nhạc của ông NHL rất kì lạ khi ông ghi 'Thời của nhạc Tiền chiến và Văn Cao'. Những người nghe nhạc Việt Nam có lẽ sẽ đồng tình là những sáng tác của Văn Cao có thể được chia làm hai nhóm, nhóm những ca khúc lãng mạn và nhóm những ca khúc liên quan đến phong trào nhân dân, cách mạng. Ở đây có thể ông NHL chỉ muốn nói

đến những ca khúc lãng mạn của Văn Cao (tức các ca khúc không liên quan gì đến chiến tranh), nhưng như vậy thì các ca khúc này đều thuộc về thời âm nhạc tiền chiến, như *Buồn tàn thu* (1939), *Thiên Thai* (1941), *Cung đàn xưa* (1942), *Trương Chi* (1942), *Bến xuân* (1942), *Suối mơ* (1943). Tại sao lại viết 'thời của nhạc Tiền chiến và Văn Cao'? Thêm vào đó, sau năm 1954, ở miền Bắc ít nhất vẫn còn một nhạc sĩ sáng tác ca khúc lãng mạn nổi tiếng là nhạc sĩ Đoàn Chuẩn và người bạn ông đề tên chung là Từ Linh. Một số ca khúc nổi tiếng của ông sau năm 1954 là *Lá đổ muôn chiều* (1954), *Tà áo xanh* (1955), *Vàng phai mấy lá* (1955), *Gửi người em gái miền Nam* (1957), nhiều trong số bài hát này được biểu diễn ở cả hai miền Nam-Bắc, dù phần lời thường bị thay đổi để phù hợp với các yếu tố chính trị.[75]

Sau đó, ông viết tiếp về nguồn gốc giọng hát của các ca sĩ mà ông đã một thời khen ngợi:

> Từ trong hoang mạc âm thanh đó, những Bằng Kiều, Hồng Nhung, Thanh Lam, Mỹ Linh phát sinh. (...) Cho dù Hồng Nhung, hay Thanh Lam, Mỹ Linh, có cố gắng bao nhiêu đi nữa thì họ cũng sẽ không khai mở và chuyên chở được giòng mạch ngầm linh cảm của nhạc Trịnh được.

Vậy là nghệ thuật của ca sĩ Mỹ Linh mọc lên từ một cái 'hoang mạc âm thanh'. Nhưng trước kia thì ông NHL đã viết về ca sĩ này là: 'Cái khác hẳn là tính mạnh và sắc sảo của thế hệ âm nhạc mới này. Và vắng bóng hoàn toàn cái bi đát, não nùng. Có phải chăng các ca sĩ này biểu lộ được tâm thức và ý chí của những kẻ chiến thắng – từ vô thức tập thể?' Vậy hoá ra 'tâm thức và ý chí của những kẻ chiến thắng' là 'hoang mạc âm thanh'?

---

75 Nhân nhắc đến hai gương mặt nhạc sĩ nổi bật ở miền Bắc này, có một sự trùng hợp thú vị là ngày mất của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn (15.11.2001) giống với ngày sinh của nhạc sĩ Văn Cao (15.11.1923). Nhạc sĩ Văn Cao mất năm 1995, trong băng VCD 'Buổi sáng có trong sự thật', thước phim tài liệu cuối cùng về ông, chúng ta có thể thấy hình ảnh nhạc sĩ Đoàn Chuẩn đang được dìu đến chỗ đặt linh cữu của Văn Cao. (Xem tại đây) Hiện giờ, chúng tôi chỉ biết đây là đoạn tư liệu ghi hình duy nhất cho tang lễ của nhạc sĩ Văn Cao.

Sau đó thì ông NHL viết tiếp về tình hình âm nhạc của Việt Nam như sau:

> Hằng đêm, khi ta đi vào bất cứ ngõ phố nào, làng quê nào, thì các loa karaoke inh ỏi cũng muốn bắt chước Hồng Nhung, Bằng Kiều để mà giết chết Chế Linh và Lệ Thu. Trong thao thức vì mất cơn ngủ bởi đám ca sĩ miệt vườn eo éo thâu đêm bên hàng dậu, ta mới cảm nhận được cái ý từ câu ca của nhà Trịnh, "Người chết (ba) lần thịt da nát tan."

Và kết bài ông viết:

> Cho nên khi nghe tin Lệ Thu vừa qua đời ở California, chúng ta phải cùng tiếc nuối. Bởi vì, cái chết của Chị là dấu ngoặc cho một Thời Quán âm nhạc Việt Nam đã đi qua và không bao giờ trở lại. Nhạc Việt đã bị giết chết từ lâu. Kể từ nay sẽ không còn một Lệ Thu, một Chế Linh nào cho chúng ta nghe và đồng cảm nữa.

Vậy là bài viết này ông NHL tôn vinh Lệ Thu và Chế Linh, hai ca sĩ duy nhất của một nền âm nhạc 'ở tầm cao' như ông NHL viết. Nhưng ông NHL có nhận ra là hai ca sĩ này cũng thuộc về cái 'thứ âm nhạc hải ngoại' mà ông từng nhận xét là 'bi đát, yếu đuối, trống rỗng và băng hoại'? Ba ca sĩ có giọng hát 'não nề', 'lẳng lơ', 'yếu đuối' từng được ông NHL nhắc đến là Khánh Hà, Ý Lan, Khánh Ly. Ca sĩ Lệ Thu (1943–2021) và Chế Linh (1942–) thuộc cùng vào với thế hệ của ca sĩ Khánh Ly (1945–), Ý Lan (1958–) và Khánh Hà (1953–) là hai ca sĩ của thế hệ sau. Tại sao trước kia khi viết về âm nhạc ở hải ngoại thì ông NHL chọn ra Khánh Hà, Ý Lan, Khánh Ly (với những giọng hát 'não nùng', 'tức tưởi', 'mê muội', 'lè nhè', 'vô vị') để phê phán, giờ thì ông lấy Lệ Thu và Chế Linh, cũng thuộc về nền âm nhạc đó, ra để chứng minh rằng đây là nền âm nhạc độc nhất vô nhị, không thể quay trở lại nữa?

Chúng tôi thấy khó hiểu về sự thay đổi quan điểm 180 độ cho cùng một chủ đề (âm nhạc miền Nam Việt Nam ở hải ngoại sau năm 1975). Chúng tôi không nghĩ rằng đây là biểu hiện của chứng mất trí nhớ, vì ông NHL vẫn giữ và không thay đổi quan điểm Việt Nam chỉ có một văn hoá 'văn chương tào lao' trong suốt 20 năm. Có lẽ sự thay đổi quan điểm này là biểu

hiện của một sự tráo trở thì đúng hơn. Có thể vào những năm 2000, để chuẩn bị trước cho những chuyến trở lại Việt Nam của mình, ông NHL viết bài phê bình nền âm nhạc èo uột, bèo bọt, não nề ở hải ngoại rồi tung hô các ca sĩ trong nội địa. Rồi sau này, có thể là vì không còn lợi ích gì ở Việt Nam nữa, ông 'quay xe', chuyển sang tâng bốc nền âm nhạc hải ngoại nói trên thành một nền âm nhạc tuyệt phẩm, 'độc nhất vô nhị', còn âm nhạc trong nước là hoang vu, khô cằn, đầy thứ 'âm sắc giả dối'.

Ở đây chúng tôi chưa bàn đến tuyên bố của ông NHL rằng nền âm nhạc miền Nam Việt Nam chỉ có hai ca sĩ là Lệ Thu và Chế Linh. Những người quan tâm đến tân nhạc Việt Nam đều biết ông NHL đã bỏ qua một loạt các ca sĩ nổi bật khác như Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, Hà Thanh, nam ca sĩ Anh Ngọc 'Tiếng hát trượng phu' và nhất là 'đệ nhất danh ca' Thái Thanh, người duy nhất mà ca sĩ Lệ Thu ngả mũ kính nể theo lời kể của chính bà. Ông NHL thích Lệ Thu và Chế Linh cũng được, nhưng ông không nên tuyên bố sở thích của mình như là một sự thật triết lí giống như trên.

Chưa kể, những ca sĩ mà ông NHL nhắc đến mới chỉ là một khía cạnh rất nhỏ của âm nhạc Việt Nam, ông NHL không có cơ sở gì để lấy một khía cạnh rất nhỏ (mà ông cũng chưa hiểu hết nốt) để đánh giá tâm thức của cả đất nước Việt Nam. Âm nhạc Việt Nam không phải chỉ có mỗi 'bolero', 'nhạc vàng', 'nhạc sến', như người ta thường gọi một cách nôm na, nền tân nhạc Việt Nam mà khởi đầu là âm nhạc tiền chiến là một nền âm nhạc đa dạng phong phú. Người ta cứ thử nghe các sáng tác trải dài trên đủ các thể loại khác nhau của nhạc sĩ Phạm Duy thì sẽ biết. Ngay cả các ca khúc hùng ca, âm nhạc cách mạng cũng có giá trị nghệ thuật của nó. Đó là mới chỉ là tân nhạc, Việt Nam còn có âm nhạc truyền thống, 'cổ nhạc', những làn điệu dân ca, những loại hình sân khấu cổ truyền. Không thể không nhắc đến là nhã nhạc cung đình Huế, một di sản văn hoá UNESCO. Những dân tộc không phải dân tộc Kinh cũng có âm nhạc của riêng họ, nổi bật nhất là những bản nhạc cho cồng, chiêng trong không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên hay nghệ thuật hát Then của các dân tộc miền núi phía Bắc,

hai vùng đất không tồn tại trong thuyết 'chakra Việt Nam' của ông NHL. Bên cạnh thanh nhạc (*vocal music*), âm nhạc Việt Nam cũng có cả khí nhạc (*instrumental music*), với các sáng tác của nhạc sĩ Hoàng Việt, Hoàng Dương, Trọng Bằng, Đàm Linh hay gần đây hơn là Đỗ Hồng Quân, Đặng Hữu Phúc v.v. Nền âm nhạc hiện đại Việt Nam, cả khí nhạc và tân nhạc, cũng rất đa dạng. Ông NHL có phân biệt được giữa 'những thứ mà ông biết' và 'những thứ thực sự đang tồn tại' hay không để mà lúc nào cũng khái quát hoá một khía cạnh rất nhỏ lên thành 'tâm thức', 'ngã thể' của người Việt nói chung? Chẳng lẽ một người tự nhận mình là 'giáo sư triết học' lại có thể phát biểu hồ đồ, hấp tấp và vô căn cứ như thế?

Để nói rõ, chúng tôi không nói là phải khen Việt Nam hết mình theo kiểu 'người Việt cao quý', cái gì của Việt Nam cũng là hay, âm nhạc Việt Nam là tuyệt hảo nhất thế giới v.v. Nền văn hoá nào cũng có cái được, cái chưa được, ai, thuộc về nền văn hoá nào, cùng đều cần nhìn nhận một cách phê phán (*critical*) đối với nền văn hoá mình thuộc về. Ngay cả đối với *Truyện Kiều*, các học giả đã tranh luận về giá trị của tác phẩm này từ lâu, như cuộc tranh luận giữa Phạm Quỳnh và Phan Khôi chẳng hạn. Song không có ai bàn về *Truyện Kiều* mà không biết nghĩa của từ Hán-Việt, trích được ba cặp câu Kiều sai hết cả ba rồi nói tác phẩm này là 'thơ trung học' như 'giáo sư' NHL. Chúng tôi cũng không chấp nhận một thứ chủ nghĩa quốc gia hay chủ nghĩa dân tộc méo mó, cực đoan, không chỉ riêng với Việt Nam mà là với tất cả các quốc gia trên thế giới. Như đã nói, chúng ta phải phân tích để nhìn nhận một cách phê phán đối với văn hoá Việt Nam, nhưng không phải theo cách phiến diện và ngớ ngẩn như là 'giáo sư triết học' NHL đang làm.

Nếu có thứ gì xuyên suốt các phát biểu của ông NHL về Việt Nam thì chắc đó là thái độ khinh người và một sự phân biệt vùng miền không lẫn đi đâu được. Người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long thì 'thiếu ý chí', 'không có tham vọng' tri thức, người dân Huế thì 'u uất', có cái giọng nói 'nghe đã thấy mệt', dân gốc Quảng Trị, Quảng Nam thì 'vừa nghèo', 'vừa đầy nhắp các tu sĩ của các tôn giáo'. Văn hoá duy nhất mà Việt Nam có là

một thứ 'văn chương tào lao'. Người miền Bắc hay viết văn thì 'mang cái bệnh đểu', 'nói cay, nói đắng', mà điển hình như là nhà văn Nguyễn Huy Thiệp. Người miền Trung thì có 'cái máu thi ca vớ vẩn', chắc điển hình là *Truyện Kiều*, thứ 'thơ trung học' thuộc loại 'dở nhất'. Dân miền Nam 'ưa nhậu' thì hay viết báo, vì báo chí là một kiểu 'nhậu văn chương'. Nói chung, 'cả nước, đi đâu cũng là những bàn nhậu ồn ào, ăn tục nói phét, mà ở đó con người hành động thiếu tư cách, thiếu nhân phẩm, hạ cấp'.

Lúc nào ông NHL nói về người Việt là ông sẽ sử dụng ngay mấy chữ 'làm thơ', với 'awaken'. Ví dụ, ông nói:[76]

> Bởi vậy học Triết là tôi dạy luôn cái logic và critical thinking. Con người Việt Nam mình chung chung là làm thơ, nói mơ mơ hồ hồ thì được thôi, chứ còn suy luận cho nó thấu đáo, cho nó logic, đến nơi đến chốn thì phải qua một cái quá trình awakening, thức tỉnh của tri thức, đầu óc u u mờ mờ ưa làm thơ, suốt ngày ước mơ lớn nhất là trở thành thi sĩ thì không bao giờ mình có khả năng để lí luận được.

Chúng tôi hi vọng là ông NHL sẽ làm gương cho người Việt với cái 'suy luận thấu đáo', 'đến nơi đến chốn' bằng cách học từ Hán-Việt để biết Long Thọ không phải con rồng già, *Verstand* không đọc là 'vơ-đen', xem bản đồ thế giới để biết Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha không nằm ở phía Đông nước Anh, trong *Truyện Kiều* không có câu 'nào là tử ngộ ấy là đạo tiên' hay Dương Thiệu Tước không phải người Huế. Mặt khác, ông cũng có thể biên soạn một quyển *Từ điển Nguyễn Hữu Liêm* để mọi người biết được 'thời quán', 'năng thức', 'năng ý', 'dục thức', 'trí năng' v.v thực sự có nghĩa là gì vì hiện giờ thì những từ này, do chính ông NHL chế ra, đang được sử dụng một cách rất lộn xộn. Ông NHL còn chưa 'thức tỉnh' thì người Việt Nam nào có thể 'thức tỉnh' được đây?

76 Xin nghe tại đây, 53:21

V. KẾT LUẬN

Trong phần này, chúng tôi đã trình bày và phân tích một số học thuyết triết học mà ông NHL đã đề xuất và giảng dạy. Ông NHL sử dụng học thuyết lịch sử của Hegel, thứ từ lâu đã bị phê phán trong giới khoa học cả về mặt lí thuyết lẫn tính chất phân biệt chủng tộc của nó, làm cơ sở cho thuyết Liêmism của mình. Song như đã được chỉ ra, thuyết Liêmism của ông cũng chứa đầy những mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn nổi bật nhất có lẽ là các xác định những 'thời quán', một khái niệm của ông NHL mà đến nay vẫn chưa được cắt nghĩa rõ ràng. Sau đó, ông NHL áp dụng học thuyết lịch sử của Hegel để tạo ra một học thuyết xa luân (*cakra*) có tính phân biệt vùng miền của chính mình, thứ một lần nữa cũng không có cơ sở gì cả. Chúng tôi cũng nhắc đến một số quan điểm của ông NHL về văn hoá, trong hai khía cạnh là văn chương và âm nhạc, cũng lại là hai lĩnh vực mà ông NHL không hề có kiến thức gì cho đàng hoàng. Dù vậy, ông lại rất mạnh miệng biến những ý kiến chủ quan của mình thành những sự thật triết học cho toàn bộ người dân Việt Nam, bằng cách trộn lẫn những quan điểm thuần tuý cá nhân của ông với các thuật ngữ triết học như logos, tinh thần, Socrates, Nietzsche v.v. Nhưng tất cả những điều trên đã được dự báo từ trước, vì như đã được chỉ ra trong phần B, ông NHL có một trình độ ngôn ngữ tệ hại đến độ không thể đọc hiểu được một văn bản đơn giản (như của Feyerabend), song lại có cái sở thích kì lạ là đi viết, đi phát biểu về những gì mình không hề biết.

Sau khi đã xem xét những gì ông sáng tác, tới đây chúng ta sẽ xem xét những gì ông NHL viết về các triết gia khác và qua đó đánh giá trình độ triết học thực sự của vị giáo sư này.

D. GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM VIẾT VỀ KANT

Nhân dịp kỉ niệm 300 năm ngày sinh của Kant, ông NHL cũng hạ bút viết một tiểu luận về triết gia này. Bài viết của ông NHL mang tựa đề 'Đọc và phản biện Kant: Sao sáng trên trời và quy luật đạo đức bên trong ta' có thể được đọc trên trang của *Tạp chí Triết*. Đây là một cơ hội tốt để xem ông NHL đọc hiểu và phê bình những triết gia kinh điển như thế nào. Như độc giả sẽ được chứng kiến trong phần này, ông NHL hầu như không có kiến thức cơ bản gì về Kant, ông không dịch được những trích dẫn của Kant, không biết các thuật ngữ mà Kant sử dụng hay không hiểu những khái niệm trung tâm trong học thuyết của Kant như 'kategorischer Imperativ' ('định ngôn lệnh thức', 'lệnh thức tuyệt đối') v.v. Tuy không biết gì về nhân vật mà mình đang nói đến, ông NHL lại phê bình rất tự tin triết gia này bằng những lập luận không hề có tính khoa học và những luận điểm không liên quan đến chủ đề. Tất nhiên, không thể thiếu được trong những bài viết của ông NHL là sự kết hợp tuỳ tiện các khái niệm triết học Đông-Tây và những mâu thuẫn trong những câu văn mà chính ông viết. Bây giờ, chúng ta sẽ xem xét kĩ hơn.

I. KHẢ NĂNG ĐỌC KANT BẰNG NGOẠI NGỮ CỦA GS NHL

Ông NHL mở đầu bài viết của mình bằng một trong những trích dẫn nổi tiếng nhất của Kant:

> Có hai điều luôn chất đầy mới lạ và ngưỡng mộ trong tâm trí tôi: bầu trời đầy sao phía trên và quy luật đạo đức bên trong (Kant: *Phê phán Lý tính Thực hành*).

Ông NHL ghi nguồn gốc của trích dẫn này là cuốn *Phê phán Lý tính Thực hành*. Nhưng tác phẩm của Kant hoàn toàn không có câu nào như vậy, vì đây là một trích dẫn đã bị ông NHL cắt xén khi dịch. Câu văn nguyên gốc là:

> Zwei Dinge erfüllen das Gemüt mit immer neuer und zunehmender Bewunderung und Ehrfurcht, je öfter und anhaltender sich das Nachdenken damit beschäftigt: der bestirnte Himmel über mir und das moralische Gesetz in mir.
>
> *Hai điều làm tràn đầy tâm tư với một sự thán phục và kính uý càng lúc càng mới và lớn hơn khi càng suy ngẫm thường xuyên và dài lâu về chúng: bầu trời đầy sao trên đầu tôi và quy luật đạo đức trong tôi.*

Bản dịch tiếng Anh của Beck dịch câu này là:

> Two things fill the mind with ever new and increasing admiration and awe, the oftener and more steadily we reflect on them: the starry heavens above me and the moral law within me.

Điều đáng ngạc nhiên là ông NHL dịch 'admiration and awe' thành 'mới lạ và ngưỡng mộ', ông cắt bỏ toàn bộ đoạn 'with ever new and increasing' và 'the oftener and more steadily we reflect on them' không dịch (!). Ông NHL thấy trích dẫn của Kant quá dài và phức tạp nên ông phải cắt bớt đi để cho trích dẫn này 'hay' và 'dễ hiểu' hơn chăng?

Sau đó ông NHL có trích dẫn một câu nữa từ trong một tác phẩm của Kant:

> Ta không thể thông hiểu bản sắc thực tế thiết yếu vô điều kiện của mệnh lệnh đạo đức; nhưng ta vẫn có thể suy thức cái không thể nhận thức được – vì đây là một triết học về lý tính với những giới hạn của nó.

Rất may là lần này ông NHL trích dẫn gần đúng quy cách để người đọc có thể tìm ra được vị trí trích dẫn gốc của ông. Nguồn gốc cho trích dẫn của ông NHL là 'Phê phán Lý tính Thực hành' Anh ngữ bởi L.W. Beck (Chicago, 1949), p. 117'. Nhưng đây là một lỗi cực kì cẩu thả và cho thấy là ông đã không hề đọc tài liệu tham khảo mà ông đang trích ở đây. Tên đầy đủ của tài liệu tham khảo mà ông NHL trích là *Critique of Practical Reason And Other Writings in Moral Philosophy*, trích dẫn mà ông NHL trích nằm trong quyển *Foundations of the Metaphysics of Morals* ('Những cơ sở cho siêu hình học về đạo đức') *không phải* nằm trong quyển *Phê phán Lí*

tính Thực hành (*Critique of Practical Reason*) như ông lầm tưởng. Chắc ông NHL nhìn qua tiêu đề của tài liệu tham khảo trên Internet Archive (xem tại đây) là 'Critique of Practical Reason' rồi tưởng là đây chỉ là cuốn *Phê phán* thứ hai của Kant, sau đó ghi luôn trích dẫn này vào. Chẳng lẽ một 'giáo sư triết học' có thể cẩu thả đến mức khi trích dẫn tài liệu thì không nhìn xem tên tài liệu là gì, trích dẫn nằm trong văn cảnh nào?

Đó vẫn chưa phải là điều tệ nhất ở trích dẫn này, câu văn trong bản dịch tiếng Anh là:

> And so we do not indeed comprehend the practical unconditional necessity of the moral imperative; yet we do comprehend its incomprehensibility, which is all that can be fairly demanded of a philosophy which in its principles strives to reach the limit of human reason.

Tạm dịch là:

> Và như vậy thì quả thực chúng ta không hiểu được tính tất yếu vô điều kiện có tính thực hành của những lệnh thức đạo đức; song chúng ta hiểu được tính không thể hiểu được của chúng, đó là tất cả những gì có thể được đòi hỏi một cách hợp lí ở một triết học mà những nguyên tắc nó nỗ lực đi đến giới hạn lí tính con người.

Ta có thể so sánh câu này với câu văn ông NHL dịch:

> Ta không thể thông hiểu bản sắc thực tế thiết yếu vô điều kiện của mệnh lệnh đạo đức; nhưng ta vẫn có thể suy thức cái không thể nhận thức được – vì đây là một triết học về lý tính với những giới hạn của nó.

Ông dịch 'practical unconditional necessity' là 'bản sắc thực tế thiết yếu' (?), chữ 'comprehend' (và từ phái sinh từ đó là 'incomprehensibility') có thể được dịch nhất quán là 'hiểu', 'nắm bắt' thì ông NHL dịch ở câu trước là 'thông hiểu', câu sau là 'suy thức', sau đó thì thành 'nhận thức'. Như đã nói bên trên, nằm bên dưới những bài viết triết học của ông NHL là một sự hỗn loạn thuật ngữ. (xem phần B.I) Đoạn 'which is all that can be fairly demanded of a philosophy' bị ông NHL cắt bỏ hoàn toàn không dịch. Nhưng chúng tôi thắc mắc, chẳng nhẽ ông NHL coi thường độc giả đến

độ nghĩ rằng sẽ không ai kiểm tra lại ông để ông dịch ra những câu cẩu thả như trên?

Một khái niệm quan trọng khác trong triết học Kant là 'định ngôn lệnh thức' hay 'lệnh thức tuyệt đối' (*kategorischer Imperativ*, *categorical imperative*). Ông NHL đã hiểu lệnh thức nổi tiếng của Kant như thế nào?

Ông viết:

> "Hãy luôn hành động trên nguyên tắc rằng ta muốn nó có thể trở nên là quy luật hoàn vũ." Kant gọi nguyên lý đạo đức nầy là Mệnh lệnh Tuyệt đối – Categorical Imperative.

Dạng phổ biến nhất của định ngôn lệnh thức của Kant là:

> Act only according to that maxim whereby you can at the same time will that it should become a universal law. (*Immanuel Kant, Groundwork of the Metaphysics of Morals*)
>
> Handle nur nach derjenigen Maxime, durch die du zugleich wollen kannst, dass sie ein allgemeines Gesetz werde'. (Immanuel Kant: AA IV, 421)

Tức:

> Hãy hành động theo phương châm *mà thông qua nó* bạn đồng thời có thể muốn rằng phương châm này trở thành một quy luật phổ quát.

Ông NHL bỏ qua đoạn 'mà thông qua nó' hay 'whereby' trong tiếng Anh không dịch, trong khi đây là một chi tiết rất quan trọng (xem phần 'Luân lý học của Kant' bên dưới). Điều này đã cho thấy là ông NHL không hề thực sự hiểu định ngôn lệnh thức của Kant. Nhưng đó cũng không phải vấn đề duy nhất. 'Maxime' trong tiếng Đức hay 'maxim' trong tiếng Anh nên/phải được dịch là 'phương châm', vì sao vậy? Bởi 'phương châm' (Maxime) được Kant so sánh với 'nguyên tắc của ý muốn' (*Prinzip des Wollens*, *principle of volition*), 'nguyên tắc của ý chí' (*Prinzip des Willens*, *principle of the will*, GMS, 18)[77]. Nếu dịch 'maxim' là 'nguyên tắc' thì 'principle' bây giờ sẽ được

77 Xem tại đây, tr. 60.

dịch là gì cho phù hợp với cách hiểu của Kant? Chẳng lẽ ông NHL không biết đến những điều này khi diễn giải lệnh thức tuyệt đối của Kant?

Sau đó, ông NHL trình bày một cách diễn đạt định ngôn lệnh thức khác của Kant:

> Hãy xét lại công thức đạo đức cơ bản của Kant: Hãy hành động trên nguyên tắc như thể rằng nó phải là đạo lý hoàn vũ.

Cách diễn đạt định ngôn lệnh thức có thể sử dụng cụm từ 'như thể' (*als ob*, *as if*) của Kant mà ông NHL có thể muốn nhắc đến ở đây là:

> Handle so, als ob die Maxime deiner Handlung durch deinen Willen zum allgemeinen Naturgesetze werden sollte. (AA IV, 421)
> Act as if the maxims of your action were to become through your will a universal law of nature.

Câu này có nghĩa là:

> *Hãy hành động như thể phương châm cho hành động của bạn thông qua ý chí của bạn [được giả định] nên trở thành một định luật tự nhiên phổ quát*.

Nếu như ông NHL nói: 'Hãy hành động trên nguyên tắc như thể rằng nó phải là đạo lý hoàn vũ' thì đây liệu có còn là định ngôn lệnh thức của Kant? Mặt khác thì cũng không rõ 'đạo lý hoàn vũ' mà ông NHL sử dụng ở đây có nghĩa là gì, nhất là trong hệ thống triết học của ông NHL thì từ 'đạo lý' có thể đồng nghĩa với 'Geist', tức, vẫn theo ông NHL, là 'Trí năng', 'Chân tâm', 'Pháp tính', 'Thượng Đế' v.v (xem mục B.I).

Qua cách đọc hiểu và dịch các trích dẫn của Kant của ông NHL thì một người có kiến thức triết học đã có thể đánh giá ngay được trình độ kiến thức về Kant của ông. Đó là chưa kể đến lỗi ông NHL trích một câu trong cuốn *Đặt cơ sở cho siêu hình học của đạo đức* mà tưởng mình đang trích dẫn từ cuốn *Phê phán lí tính thực hành*. Nhưng buồn cười là, dù không đọc và dịch được Kant, ông phê bình bản dịch của dịch giả Bùi Văn Nam Sơn là 'ngôn ngữ thuần chuyên triết, nặng Hán ngữ, chua theo tiếng Đức'. Dịch giả Bùi Văn Nam Sơn là người thạo chữ Hán, ông sử dụng các thuật ngữ

Hán-Việt một cách *nhất quán* xuyên suốt các dịch phẩm của mình và có giải thích rõ ràng cho cách dùng từ của mình. Nhưng về mặt 'nặng Hán ngữ' và 'chua theo tiếng Đức' thì các tác phẩm của NHL cũng đâu kém cạnh gì, chỉ có điều là ông hoàn toàn không có kiến thức gì về hai ngôn ngữ này cả.

Trong bảy mục phê phán Kant của ông NHL thì gần như không có mục nào có lí, bên cạnh đó thì nội dung các mục này cũng tự mâu thuẫn với nhau. Để tránh dài dòng không cần thiết, sau đây chỉ xin phân tích một điểm lớn nhất mà ông NHL đã phê phán Kant.

II. GS NHL PHÊ PHÁN LUÂN LÍ HỌC CỦA KANT

Không mấy bất ngờ khi ông NHL diễn giải luân lí học của Kant sai rất nhiều khi ông NHL dịch sai định ngôn lệnh thức, một trong những khái niệm nổi tiếng nhất trong triết học Kant. Ông NHL viết trong mục 5:

> Kant nhầm lẫn giữa con người toàn hảo về bình diện lý thuyết, vốn là một *Noumenon*, một nhân thể tự-chính-nó mà ta không thể thông hiểu, trái nghịch với con người hiện thân mà ta kinh nghiệm ở đời thường. Vậy thì mệnh lệnh đạo lý làm người sẽ áp dụng cho ai đây?

Mệnh lệnh thức (*Imperativ*) trong triết học Kant đã được ghi rõ là áp dụng đối với những sinh vật có lí tính (*Vernunftwesen*), bởi vì đối với một chủ thể toàn hảo (ví dụ như của Thượng đế) thì chủ thể này luôn luôn hành động đạo đức và do vậy lệnh thức không có ý nghĩa đối với những chủ thể này nữa. Trong *Đặt cơ sở* (GMS AA, 414–15), Kant viết:

> Daher gelten für den göttlichen und überhaupt für einen heiligen Willen keine Imperativen; das Sollen ist hier am unrechten Orte, weil das Wollen schon von selbst mit dem Gesetz notwendig einstimmig ist. Daher sind Imperativen nur Formeln, das Verhältnis objektiver Gesetze des Wollens überhaupt zu der subjektiven Unvollkommenheit des Willens dieses oder jenes vernünftigen Wesens, z.B. des menschlichen Willens, auszudrücken.

> Do vậy mà không mệnh lệnh thức nào có giá trị đối với ý chí thần linh, hay nói chung là đối với một ý chí linh thiêng; 'sự nên là' (*das Sollen*) đang đứng nhầm chỗ ở đây, vì 'sự muốn' (*das Wollen*) tự chính nó đã trùng hợp một cách tất yếu với quy luật. Do vậy mà các mệnh lệnh thức chỉ là những công thức biểu thị mối quan hệ giữa những quy luật khách quan của sự muốn (*das Wollen*) nói chung đến sự bất hoàn hảo chủ quan của ý chí của một sinh vật có lí tính này kia, ví dụ như ý chí con người.

Như vậy là Kant đã viết các lệnh thức chỉ áp dụng cho các sinh vật có lí tính hữu hạn, ví dụ như con người. Định ngôn lệnh thức không là gì khác ngoài khái niệm của đức hạnh (*Sittlichkeit*) trong điều kiện của những sinh vật hữu tận, có lí tính.[78] Kant phân biệt rõ ràng giữa 'ý chí thiện hảo hoàn hảo', 'ý chí thần linh' với 'ý chí con người', vì sao mà ông NHL có thể viết: 'Kant nhầm lẫn giữa con người toàn hảo về bình diện lý thuyết (...) trái nghịch với con người hiện thân mà ta kinh nghiệm ở đời thường' rồi đặt câu hỏi: 'Vậy thì mệnh lệnh đạo lý làm người sẽ áp dụng cho ai đây?'

Sau đó, ông NHL viết tiếp:

> Thử hỏi, một kẻ vô minh, đầy tham lam, vô đạo đức – vốn là đa số nhân loại – muốn áp dụng nguyên tắc hành động của mình cho thế gian thì hệ quả sẽ ra sao?

Nhưng đây đâu phải là nội dung định ngôn lệnh thức của Kant? Định ngôn lệnh thức của Kant đâu phải chỉ đơn giản là đặt ra một 'nguyên tắc' (đúng ra phải là 'phương châm') hành động cho mình rồi áp dụng đối với thế gian. Chúng ta sẽ xem lại định ngôn lệnh thức của Kant:

> Hãy hành động theo phương châm mà thông qua nó bạn đồng thời có thể muốn rằng phương châm này trở thành một quy luật phổ quát.

78 Höffe, Otfried (2007), *Immanuel Kant*, C. H. Beck Verlag, tr. 186

Nếu như 'một kẻ vô minh, đầy tham lam, vô đạo đức' đưa ra phương châm là 'vay được tiền rồi thì không cần trả lại', người đó, nếu có lí tính, sẽ không thể muốn phương châm này trở thành quy luật phổ quát vì khi đó, *thông qua chính phương châm này*, sự tin tưởng cần thiết cho việc vay nợ sẽ không tồn tại nữa, dẫn đến mâu thuẫn là việc vay tiền khi đó sẽ không thể thực hiện được. Mặt khác, ngay cả kẻ 'vô minh, đầy tham lam, vô đạo đức' cũng không muốn 'bị quỵt tiền', tức bị người khác vay tiền rồi không trả. Do vậy, phương châm nói trên này không thể phù hợp với định ngôn lệnh thức.

Định ngôn lệnh thức của Kant là một khái niệm không dễ diễn giải. Kant trong cuốn *Đặt cơ sở* có đưa ra một số ví dụ, không phải là không gây tranh cãi, về các phương châm không thể trở thành quy luật phổ quát. Chúng tôi sẽ nói thêm về một trong số những ví dụ này. Kant trình bày một ví dụ về một người hoàn toàn dửng dưng trước hoạn nạn của một người khác dù anh ta có thể giúp người này, lí do là bởi anh ta không có hứng can thiệp vào hạnh phúc (*Wohlbefinden*) của người khác. (GMS 423). Một xã hội mà phương châm này trở nên phổ quát là có thể *nghĩ ra được*, Kant viết một cách châm biếm:

> Bây giờ, nếu một phương cách tư duy như vậy có thể trở thành một quy luật tự nhiên phổ quát, thì loài người vẫn có thể tồn tại, và không nghi ngờ gì còn tốt hơn so với khi mỗi người tán dóc về sự cảm thông và sự thân thiện, thỉnh thoảng có hứng thú thực hiện điều này, nhưng mặt khác, người ta lừa gạt, bán đi pháp luật của con người hoặc gây tổn hại cho pháp luật khi có thể.[79]

Tuy vậy, một người có lí trí *không thể muốn* rằng cách hành xử này sẽ trở thành quy luật phổ quát, vì thường xuất hiện những trường hợp mà người đó cần đến sự quan tâm và cảm thông từ những người khác. Khi đó, nếu

79 Nguyên văn: 'Nun könnte allerdings, wenn eine solche Denkungsart ein allgemeines Naturgesetz würde, das menschliche Geschlecht gar wohl bestehen, und ohne Zweifel noch besser, als wenn jedermann Von Teilnehmung und Wohlwollen schwatzt, auch sich beeifert, gelegentlich dergleichen auszuüben, dagegen aber auch, wo er nur kann, betrügt, das Recht der Menschen verkauft, oder ihm sonst Abbruch tut' (GMS 423).

theo phương châm này thì không ai cần phải giúp người kia vì tất cả mọi người đều dửng dưng trước hoạn nạn của nhau. Một phương châm như vậy, theo Kant, là tự mâu thuẫn với chính nó.[80] Một người ích kỉ sẽ muốn một cuộc sống vô lo, vô nghĩ, nhưng chính người này sẽ không thể có cuộc sống vô lo kia nếu như tất cả mọi người đều hành xử theo đúng cái phương châm được đặt ra (người đó sẽ hết 'vô lo, vô nghĩ' nếu chính mình gặp hoạn nạn).

Ông NHL viết trong mục 5.:

> Có phải con người có thể có năng lực Tự do Ý chí, dù chỉ là lý thuyết? Kant trả lời theo thể xác định. Vì thế, Kant bỏ qua yếu tố nhân quả trong hành vi để đòi hỏi cá nhân tuân theo mệnh lệnh vô điều kiện.

Nhưng luân lí học của Kant không phải là 'tuân theo mệnh lệnh vô điều kiện'. Người ta có thể liên tưởng ngay đến những lời mà Hannah Arendt đã nói khi đề cập đến Otto Adolf Eichmann, một trong số những nhân vật chủ chốt của *Holocaust*, người cho rằng những điều mình làm chỉ là phục tùng mệnh lệnh, thực hiện nghĩa vụ giống như Kant đã giảng dạy. Hannah Arendt nói:

> Toàn bộ đạo đức của Kant đi đến điểm này, đó là mỗi người ở mỗi hành động đều phải suy ngẫm xem liệu phương châm hành động của mình có thể trở thành một quy luật phổ quát được không. [...] Có thể nói đây chính là cái đối lập nhất với sự phục tùng (*Gehorsam*)! Mỗi người là một người đưa ra luật lệ (*Gesetzgeber*). Theo Kant, không ai có quyền để phục tùng.[81]

Một người có thể đồng tình hoặc không đồng tình với cách lập luận của Kant, có thể thấy những ví dụ Kant đưa ra là thuyết phục hay không thuyết

80 Hübner, Dietmar (2024), *Einführung in die philosophische Ethik*, Vandenhoeck & Ruprecht Verlage, tr. 192.

81 Xin tham khảo thêm tại đây. Lưu ý rằng lời nói này được Arendt phát biểu trong mối tương quan trực tiếp với Eichmann và nền độc tài Quốc Xã. Trích dẫn này không nhắc đến sự phục tùng hay những nghĩa vụ nói chung, ví dụ như các nghĩa vụ của công dân trong các chế độ dân chủ.

phục; bởi vậy nên mới có những cuộc tranh luận triết học. Và triết học luân lí của Kant không phải là một nơi ít có những cuộc tranh luận. Nhưng nếu muốn phê phán luân lí học của Kant thì người ta cần phải trình bày học thuyết của ông một cách chính xác, khoa học, khách quan như có thể rồi mới lập luận phê bình, phản biện. Không ai lại đi bóp méo một lí thuyết (chẳng hạn như qua việc dịch sai khái niệm hoặc hiểu sai vấn đề) rồi lại đi phê phán cái lí thuyết *đã bị bóp méo* cả. Đáng tiếc, trong bài phản biện Kant, những phê bình của ông NHL dành cho luân lí học của Kant đều xuất phát từ một cách hiểu sai lệch luân lí học của triết gia này.

III. KANT VÀ VAI TRÒ CỦA NGÔN NGỮ TRONG TƯ DUY

Trong mục 3, ông NHL viết:

> Thiếu vắng một triết luận về vai trò ngôn ngữ. (...) Trong lý thuyết về sự kiến lập của tri kiến và kinh nghiệm, nhà Phật đã có thêm "pháp" (tư duy) tiếp theo sắc, thanh, hương, vị, xúc nhằm hoàn tất khả thể thực nghiệm. Cấu trúc tư duy tiên nghiệm và tiên thiên của Kant cũng chính là "pháp."

Chúng ta sẽ dừng lại ở đây một chút. Đọc qua đoạn văn này thì người ta có thể đánh giá ngay được trình độ triết học Phật giáo của ông NHL. 'Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp' là 'sáu trần' hay 'sáu ngoại xứ', còn 'sáu căn' hay 'sáu nội xứ' tương ứng là 'nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý'. 'Pháp' ở đây là cái đã được nghĩ, là các đối tượng của tư duy. Khái niệm 'Pháp' ở đây liên quan gì đến các cấu trúc tư duy tiên nghiệm của Kant? Mặt khác, cấu trúc tư duy tiên nghiệm của Kant thuộc về chủ thể (tạm gọi là 'nội xứ', nếu áp dụng cách so sánh của ông NHL), trong khi sáu trần mà ông NHL kể ra là các 'ngoại xứ', đâu thể so sánh được với nhau?

Bên cạnh đó, cụm từ 'tiên nghiệm và tiên thiên' tương đối khó hiểu vì hai từ này hoàn toàn đồng nghĩa trong triết học Kant, tức 'a priori'.

Ông NHL viết tiếp:

> Nhưng Kant bỏ quên rằng khái niệm vốn khai mở cho trực giác cần phải dựa trên ngôn từ. Công thức của Kant phải được cộng thêm, "Ngôn từ không khái niệm là vô nghĩa; Khái niệm thiếu ngôn từ là u tối." Từ Hy Lạp, Ấn độ, từ Phật Thích Ca, Thế Thân (Vasubandu[sic.]) đến Plato đều có bàn đến vai trò ngôn ngữ trong kinh nghiệm và tri thức. Kant hoàn toàn bỏ qua. Đây là lỗ hổng lớn kéo dài theo sau Kant cho đến gần đây thì phong trào triết học ngôn ngữ ở Anh Mỹ mới điền vào khoảng trống đó.

Vấn là phong cách văn tổng hợp pha trộn của ông NHL, liệt kê những gì hoàn toàn không liên quan đến nhau vào trong một câu. Nói vui một chút, nếu như ông NHL bổ sung thêm Công Tôn Long hay Huệ Thi thuộc phái Danh gia của Trung Quốc vào đây thì đoạn văn này của ông sẽ đủ 'cả Tây lẫn Tàu', mang tầm cỡ triết học toàn thế giới.

Nhưng phát biểu đáng nói nhất ở đây là câu 'Kant **hoàn toàn** bỏ qua [vai trò của ngôn ngữ]' (in đậm của người viết). Vấn đề là Kant *có bàn* về ngôn ngữ và vai trò của nó đối với việc tạo ra các khái niệm. Kant có thể không có một triết học ngôn ngữ được triển khai một cách chi tiết, công phu, nhưng điều đó không có nghĩa là ông không nói gì về ngôn ngữ. Kant viết trong tác phẩm *Anthropologie in pragmatischer Hinsicht* ('Nhân loại học trong khía cạnh thực dụng')[82]

> Hình dạng của đối tượng không được đưa ra bởi việc nghe, và những âm được phát ra không trực tiếp dẫn đến ý tưởng về đối tượng, nhưng chính vì vậy, và vì những âm được phát ra tự chúng không chỉ ra thứ gì cả – ít nhất là không phải các đối tượng, cùng lắm chỉ là những cảm xúc

82 Kant I., *Anthropologie in pragmatischer Hinsicht*, tr. 49. Nguyên văn: 'Die Gestalt des Gegenstandes wird durchs Gehör nicht gegeben, und die Sprachlaute führen nicht unmittelbar zur Vorstellung desselben, sind aber eben darum, und weil sie an sich nichts, wenigstens keine Objekte, sondern allenfalls nur innere Gefühle bedeuten, die geschicktesten Mittel der Bezeichnung der Begriffe, und Taubgeborene, die eben darum auch stumm (ohne Sprache) bleiben müssen, können nie zu etwas mehrerem als einem Analogon der Vernunft gelangen'. Xin xem tại đây.

> nội tại –, chúng là những phương tiện phù hợp nhất cho việc miêu tả những khái niệm; và những người điếc bẩm sinh, những người mà chính vì vậy cũng sẽ mãi bị câm (không có ngôn ngữ), sẽ không bao giờ có thể đạt được thứ gì hơn là một vật tương tự (*Analogon*) của lí tính.

Như vậy là Kant cũng đã để ý đến vai trò của từ ngữ trong việc diễn tả khái niệm và có đưa ra nhận xét, dù văn phong có phần hơi hạ miệt (cũng như Hegel, Kant là đứa con của thời đại của mình), rằng những người không được tiếp xúc với âm thanh của ngôn ngữ (ngôn từ) thì sẽ không thể đạt được lí tính thực sự (cùng lắm thì chỉ có thể đạt được một cái gần giống lí tính).

Hoặc một ví dụ khác trong số nhiều ví dụ mà Kant nói về vai trò của ngôn ngữ, ông lập luận trong một tác phẩm thời kì tiền Phê phán là *Untersuchung über die Deutlichkeit der Grundsätze der natürlichen Theologie und der Moral* ('Nghiên cứu về tính rõ ràng của các định lí cơ sở của thần học tự nhiên và đạo đức'). Kant viết khi so sánh phương pháp của hình học và triết học:[83]

> Nếu như người ta so sánh phương pháp của triết học (*Weltweisheit*) với [phương pháp của hình học] thì nó hoàn toàn khác biệt. Các kí hiệu của sự khảo lự/trầm tư triết học không bao giờ có thể là gì khác ngoài từ ngữ, thứ trong tổ hợp (*Zusammensetzung*) của chúng không thể cho thấy những khái niệm thành phần (*Teilbegriff*) mà từ đó toàn bộ ý niệm, thứ mà từ ngữ gợi ra, được cấu thành; từ ngữ trong sự liên kết của chúng cũng không có khả năng vạch ra mối quan hệ của những tư tưởng triết

83 Xem tại đây. Nguyên văn: 'Vergleicht man hiermit das Verfahren der Weltweisheit, so ist es davon gänzlich unterschieden. Die Zeichen der philosophischen Betrachtung sind niemals etwas anders als Worte, die weder in ihrer Zusammensetzung die Theilbegriffe, woraus die ganze Idee, welche das Wort andeutet, besteht, anzeigen, noch in ihren Verknüpfungen die Verhältnisse der philosophischen Gedanken zu bezeichnen vermögen. Daher man bei jedem Nachdenken in dieser Art der Erkenntniß die Sache selbst vor Augen haben muß und genöthigt ist, sich das Allgemeine in abstracto vorzustellen, ohne dieser wichtigen Erleichterung sich bedienen zu können, daß man einzelne Zeichen statt der allgemeinen Begriffe der Sachen selbst behandle' (AA 2:278–9).

> học. Bởi vậy, người ta trong khi suy tư thuộc chủng loại tri thức này phải có đối tượng ở ngay trước mắt và bị cưỡng bách phải hình dung cái phổ biến (*das Allgemeine*) một cách trừu tượng (*in abstracto*) mà không thể sử dụng sự làm giảm gánh nặng (*Erleichterung*) quan trọng sau, đó là xử lí các kí hiệu riêng biệt thay vì những khái niệm tổng quát của những vấn đề.

Hoặc tại một vài đoạn văn sau đó:

> Trong triết học nói chung và trong siêu hình học nói riêng thì những từ ngữ có được ý nghĩa (*Bedeutung*) của nó thông qua ngữ dụng (*Redegebrauch*), trừ khi ý nghĩa đã được xác định chính xác hơn thông qua giới hạn logic. Tuy nhiên, khá thường xảy ra là chỉ một từ được sử dụng cho những khái niệm rất giống nhau nhưng mặc dù vậy vẫn chứa đựng một sự khác biệt đáng kể; do đó mà người ta, mỗi khi áp dụng một khái niệm mà ngay cả khi sự gọi tên (*Benennung*) nó [khái niệm] theo ngữ dụng trông có vẻ hoàn toàn phù hợp, phải chú ý với sự cẩn trọng lớn, rằng liệu đó có phải là cùng một khái niệm đang được kết nối với chính cùng một kí hiệu ở đây hay không.[84]

Như vậy là Kant có chú ý đến vấn đề ngôn ngữ chứ không 'hoàn toàn bỏ qua' như ông NHL đã viết, dù đúng là Kant đã không bàn luận nhiều về chủ đề này. Một cách nổi tiếng, Kant cũng đã tranh luận với Herder về vai trò của ngôn ngữ trong tư duy. Sau này Kant cũng quay trở lại chủ đề ngôn ngữ trong một số tác phẩm sau này của mình, chẳng hạn như trong *Phê phán lí tính thuần tuý*. Cuốn *Klassiker der Sprachphilosophie: Von Platon*

84 Xem tại đây. Nguyên văn: 'In der Philosophie überhaupt und der Metaphysik insonderheit haben die Worte ihre Bedeutung durch den Redegebrauch, außer in so fern sie ihnen durch logische Einschränkung genauer ist bestimmt worden. Weil aber bei sehr ähnlichen Begriffen, die dennoch eine ziemliche Verschiedenheit versteckt enthalten, öfters einerlei Worte gebraucht werden, so muß man hier bei jedesmaliger Anwendung des Begriffs, wenn gleich die Benennung desselben nach dem Redegebrauch sich genau zu schicken scheint, mit großer Behutsamkeit Acht haben, ob es auch wirklich einerlei Begriff sei, der hier mit eben demselben Zeichen verbunden worden'.

bis Noam Chomsky ('Những tác gia kinh điển của triết học ngôn ngữ: Từ Platon đến Noam Chomsky') viết, dù Kant không có 'triết học ngôn ngữ được triển khai chi tiết và liên quán, không có một triết gia thời hiện đại nào đã có ảnh hưởng lớn hơn ông đến triết học ngôn ngữ' (tr. 233) và bước ngoặt ngôn ngữ (*linguistic turn*) trong triết học của thế kỉ vừa qua là một sự khuếch trương bước ngoặt Copernicus của Kant (tr. 255).

Nếu như ông NHL không biết về chủ đề mình đang viết hoặc không chắc chắn lắm về kiến thức của mình thì ông NHL luôn có thể tra cứu tài liệu, chẳng hạn như tra cứu Google với các từ khoá 'Kant', 'problem of language', 'philosophy of language' v.v. Điều khó hiểu nhất vẫn là không biết tại sao ông NHL có thể viết một cách rất tự tin về những gì mà mình hoàn toàn không biết hoặc không hiểu, như trong trường hợp này là Kant và khái niệm 'Pháp' trong 'lục trần' của triết học Phật giáo.

IV. SỬ TÍNH TRONG TRIẾT HỌC KANT

Ông NHL mở đầu mục 4 của mình với những câu sau đây:

> Đâu là sử tính trong triết học Kant? Ở đó, hoàn toàn không có sự hiện diện của thời tính, của nhịp điệu biến cố trong thời thế, của những con người lịch sử, và cả những điều thông hiểu về những ngu dốt sai lầm của nhân loại. Không như Hegel đã muốn kiến tạo một thiên bi sử cho giòng ý thức nhân loại qua văn minh và thời đại để biện minh cho một tinh thần thế giới qua thời gian; thì trái lại, Kant đứng yên một nơi, nhìn xem và đánh giá thế gian như là quang cảnh đơn sơ của khu phố nhỏ của mình.

Ông NHL đang bàn về triết học thì bỗng nhiên lôi những chi tiết mang tính tiểu sử vào, mặt khác thì ông NHL miêu tả Kant như thể triết gia này là người hàng xóm của ông, người mà ông trực tiếp quen biết: 'Kant đứng yên một nơi, nhìn xem và đánh giá thế gian như là quang cảnh đơn sơ của khu phố nhỏ của mình'. Sao ông NHL biết Kant ở 'một khu phố nhỏ', rằng

đó là một nơi 'có quang cảnh đơn sơ'? Ông từng đến thăm nhà và gặp Kant rồi chăng?

Kant sinh ra và sống ở Königsberg, nơi ông miêu tả là 'một thành phố lớn, trung tâm của một vương quốc', nơi có hoạt động giao thương, giao lưu văn hoá thuận lợi nhờ các con sông và vị trí đắc địa, 'một thành phố như thế này, như Königsberg bên sông Pregel, có thể được lấy làm một chỗ thích hợp để mở mang kiến thức con người cũng như kiến thức thế gian'.[85] Nhà của Kant nằm gần lâu đài Phổ-lỗ-sĩ, trung tâm của thành phố, dù không rõ là 'quang cảnh' nơi đây có 'đơn sơ' hay không, nhưng chắc chắn là nơi Kant ở không phải là một 'khu phố nhỏ'.

Từ trái sang phải: Tranh vẽ ngôi nhà hai tầng của Kant (vẽ năm 1842), phần nhà một tầng bên trái toà nhà là giảng đường tại gia của Kant, có thể nhìn thấy đằng sau, phần giữa bên trái bức hình, là lâu đài Königsberg. Hình bên cạnh là không ảnh chụp khu phố cổ của Königsberg năm 1925, với trung tâm là lâu đài Königsberg, có thể nhận ra phần lâu đài được minh hoạ trong tranh vẽ nhà Kant. Tất cả các công trình này đều đã bị phá huỷ.[86]

85 Kant I., AA, VII, 120.

86 Nguồn hình ảnh, [1], [2]

Nếu bỏ qua vấn đề trên, thì toàn bộ đoạn văn viết về Kant trên của ông NHL cũng không có một chi tiết nào đúng. Kant biết rõ về tình hình lịch sử thế giới vào thời của ông, nhất là Cách mạng Pháp. Chứng kiến cuộc cách mạng đang dần dần trở nên đẫm máu và kinh hoàng hơn bao giờ hết này, Kant hẳn đã quá đỗi quen thuộc về 'những ngu dốt sai lầm của nhân loại'. Kant viết như sau về lịch sử, trong cuốn *Idee zu einer allgemeinen Geschichte in weltbürgerlicher Absicht* ('Ý niệm hướng đến một lịch sử tổng quát trong ý đồ công dân thế giới'):

> Người ta không thể kháng cự lại một sự bất mãn nhất định khi nhìn thấy những gì con người làm được dựng lên trong sân khấu thế giới rộng lớn và [tuy đôi lúc thấy họ] bên cái có vẻ như là trí tuệ trong [trường hợp] đơn lẻ, nhưng cuối cùng, nhìn một cách tổng quát, người ta phát hiện ra rằng tất cả đều được đan dệt từ sự ngu dốt, sự hư vinh ấu trĩ, thường cũng cả sự xấu xa và sự nghiện tàn phá ấu trĩ.[87]

Kant không những biết về những khuyết điểm của con người (ngu dốt, hư vinh, xấu xa, nghiện tàn phá) mà còn nhấn mạnh rằng đây là thứ chiếm ưu thế rõ ràng trong lịch sử loài người, trong khi 'trí tuệ' thì chỉ xuất hiện đây đó nơi những cá nhân đơn lẻ. Tại điểm này, người ta được phép nghi ngờ rằng ông NHL phản biện Kant mà không đọc bất cứ thứ gì mà triết gia này đã viết. Giống như với trường hợp của Hegel, ông chỉ 'đọc' một ít nguyên tác, 'đọc' một ít tài liệu thứ yếu rồi sau đó bắt đầu tưởng tượng với đủ thứ thiên kiến của mình.

Chúng ta sẽ phân tích tiếp nửa sau của đoạn trích:

> Không như Hegel đã muốn kiến tạo một thiên bi sử cho giòng ý thức nhân loại qua văn minh và thời đại để biện minh cho một tinh thần thế

87 Kant, *Idee zu einer allgemeinen Geschichte in weltbürgerlicher Absicht*. Nguyên văn: 'Man kann sich eines gewissen Unwillens nicht erwehren, wenn man ihr Thun und Lassen auf der großen Weltbühne aufgestellt sieht und bei hin und wieder anscheinender Weisheit im Einzelnen doch endlich alles im Großen aus Thorheit, kindischer Eitelkeit, oft auch aus kindischer Bosheit und Zerstörungssucht zusammengewebt findet'.

> giới qua thời gian; thì trái lại, Kant đứng yên một nơi, nhìn xem và đánh giá thế gian như là quang cảnh đơn sơ của khu phố nhỏ của mình.

Không phải đến Hegel, Kant đã là người quan niệm lịch sử của nhân loại là sự tiến bộ hướng đến tự do. Như có thể tóm tắt từ những câu đầu bài luận *Idee*, lịch sử là sự 'tự thuật' (*Erzählung*) những 'hiện tượng' (*Erscheinung*) của 'sự tự do của ý chí' (*Freiheit des Willens*), là 'sự phát triển chậm rãi những khuynh hướng nguyên hữu [của con người]' ('langsame Entwicklung der ursprünglichen Anlagen'). Lịch sử nên tiến bộ tới một trạng thái mà con người có thể chung sống trong tự do ngoại tại, để cho con người có thể phát triển toàn bộ sức lực và khuynh hướng của mình. Sự chung sống này hiện thực hoá chính mình trong nhà nước pháp quyền (nhà nước công chính, *gerechter Staat*), thứ sẽ chấm dứt bạo quyền và sự man rợ nơi con người. Mục đích của lịch sử nằm ở chỗ thiết lập những nhà nước pháp quyền và một sự chung sống hợp pháp, công chính giữa những nhà nước với nhau.[88]

Ngày nay, người ta nhớ đến Hegel với câu nói: 'Lịch sử thế giới là sự tiến bộ trong ý thức về tự do – một sự tiến bộ mà chúng ta phải nhận ra trong tính tất yếu của nó'.[89] Nhưng không phải chờ tới Hegel, quan điểm triết học coi lịch sử như một quá trình đi tới tự do đã được bàn đến bởi Kant rồi, dù tất nhiên là ông không triển khai nó thành một hệ thống đồ sộ như Hegel. Thậm chí, một người sẽ không thể hiểu được trọn vẹn Hegel nếu như trước đó không biết đến Kant và những vấn đề mà triết học của ông đặt ra. Loại bỏ hoàn toàn 'triết học lịch sử' của Kant rồi sau đó hỏi 'Đâu là sử tính trong triết học Kant?' là một điều hết sức nực cười. Những điều mà ông NHL tưởng là Kant không biết thì thực ra là Kant đã nói về chúng, chỉ là ông NHL đã không tìm hiểu trước khi phản biện một cách cẩu thả mà thôi.

---

88 Höffe, Otfried (2007), *Immanuel Kant*, C. H. Beck Verlag, tr. 250.

89 Nguyên văn: 'Die Weltgeschichte ist der Fortschritt im Bewußtsein der Freiheit – ein Fortschritt, den wir in seiner Notwendigkeit zu erkennen haben', trích từ *Vorlesungen über die Philosophie der Weltgeschichte*.

Đang nói về sử tính, bỗng nhiên ông NHL nhảy sang lĩnh vực luân lí rồi hỏi một câu không liên quan là 'Có phải đạo đức luận của Kant muốn tách rời thực tại thế gian ra khỏi biên độ lý thuyết vì ông ta biết rằng nó không thể áp dụng được?', sau khi đã trích lại một câu mà ông NHL tưởng là trong cuốn *Phê phán lí tính thực hành* nhưng thực ra không phải. Song do phần này được xây dựng trên một hiểu biết sai lầm của ông NHL về triết học lịch sử và luân lí học của Kant nên không cần phải phân tích thêm ở đây nữa. Chúng tôi thậm chí còn không chắc nửa sau của phần 4 này thực sự có liên quan gì đến triết học của Kant hay không.

V. HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ CỦA KANT

Ông NHL viết trong mục 6:

> Kant đề ra những công thức mệnh lệnh cho cá nhân, nhưng không bàn gì đến một lý tưởng cho nhân loại. Triết học lịch sử và chính trị của Kant là tập hợp những công thức gần như toán học cho những ý niệm về hòa bình, về xã hội dân sự – nhưng không phác họa một chân lý tối hậu cho sử tính. (...) Tuy nhiên, cho những triết nhân thao thức đi tìm con lộ giải thoát cho nhân loại thì Kant chỉ là một tiếng kèn tỉnh thức để soi chiếu chính tự thân chứ không trả lời những vấn nạn khúc mắc thế gian.

Như đã nhắc đến trong mục trước, Kant có phác thảo triết học lịch sử chứ không phải không 'phác họa một chân lý tối hậu cho sử tính'. Bên cạnh đó, đoạn văn này tự nó đã chứa đựng mâu thuẫn, ông NHL viết, Kant 'không trả lời những vấn nạn khúc mắc thế gian', chỉ có thể giúp ích cho 'soi chiếu chính tự thân', nhưng ngay trước đó thì ông phê bình 'triết học lịch sử và chính trị của Kant'. Vậy là Kant thực sự có viết về chính trị, xã hội, chứ đâu phải không 'trả lời những vấn nạn khúc mắc thế gian', chỉ bàn về vai trò của mỗi cá nhân?

Ngoài ra, phê bình 'triết học lịch sử và chính trị của Kant là tập hợp những công thức gần như toán học cho những ý niệm về hòa bình, về xã hội dân sự' là một phê bình rất khó hiểu và chủ quan. Thế nào là những

'công thức gần như toán học'? Văn bản liên quan đến chính trị nổi tiếng nhất của Kant có lẽ là *Zum ewigen Frieden. Ein philosophischer Entwurf* ('Hướng tới nền hoà bình vĩnh cửu. Một phác thảo triết học'), trong đó Kant nêu ra một số điều mục tiên quyết để một nền hoà bình trường tồn giữa các quốc gia có thể trở thành hiện thực, một số điều mục ở đây là:

> 1. Không có hiệp ước hoà bình nào có giá trị khi mà hiệp ước đó được thực hiện với một sự dự trữ bí mật nguyên vật liệu cho một cuộc chiến trong tương lai.
> 2. Không có một quốc gia độc lập nào, bất cứ lớn hay nhỏ, có thể bị thu đắc bởi một quốc gia khác thông qua thừa kế, trao đổi, buôn bán hoặc trao tặng.

Và có lẽ nổi tiếng nhất là điều mục thứ 5:

> 5. Không một quốc gia nào được phép can thiệp bằng vũ lực vào hiến pháp và chính quyền của một quốc gia khác.

Những điều mục này 'toán học' ở chỗ nào?

Mặt khác, không ai có thể phủ định rằng văn bản như *Zum ewigen Frieden* đã gây một ảnh hưởng lớn đến chính trị thế giới. Nổi bật nhất, những ý tưởng của Kant đóng vai trò quan trọng và có tính nền tảng trong sự thành lập của Hội Quốc Liên (League of Nations) và sau đó là Liên Hiệp Quốc (United Nations). Ví dụ, phản ánh rõ ràng những tư tưởng của Kant, điều 2. của chương I Hiến chương Liên Hợp Quốc có viết:[90]

> Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế nhằm chống lại sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ hay nền độc lập chính trị của bất kỳ quốc gia nào cũng như bằng cách khác trái với những mục đích của Liên hợp quốc.

90 Tham khảo thêm tại đây. Bản dịch tiếng Việt tại đây.

Ngay cả các văn bản triết học không liên quan trực tiếp đến chính trị của Kant cũng có những tư tưởng ảnh hưởng trực tiếp đến những vấn đề chính trị, xã hội. Ví dụ, Kant viết trong cuốn *Đặt cơ sở*:[91]

> Trong vương quốc của mục đích (*Reich der Zwecke*), mọi thứ có giá trị (*Preis*) hoặc tôn nghiêm (*Würde*). Đối với thứ gì có giá trị, người ta có thể đặt vào vị trí của nó một cái gì đó khác làm cái tương đương (*Äquivalent*); trái lại, thứ gì cao hơn tất cả giá trị, do vậy không cho phép cái tương đương gì cả, thứ đó có tôn nghiêm.

Tư tưởng này của Kant được vọng lại một cách rõ rệt trong điều đầu tiên của *Cơ bản pháp Cộng hoà liên bang Đức quốc* (*Grundgesetz für die Bundesrepublik Deutschland*):

> Die Menschenwürde ist unantastbar.
>
> *Tôn nghiêm của con người là bất khả xâm phạm.*

Như vậy, triết học của Kant rõ ràng đã và vẫn đang có một ảnh hưởng rõ ràng đến các vấn đề cơ bản của con người, chính trị và xã hội, đâu phải là dửng dưng trước 'những vấn nạn khúc mắc thế gian' như ông NHL viết?

Nhưng vẫn là lối viết văn rất tự tin về những gì mình không hề biết, ông NHL viết trong mục 7:

> Đọc Kant, ta không có một hứng khởi cảm xúc về thế gian, về lịch sử, về con người, về cuộc sống gian khổ – dù may ra ta chỉ tìm được niềm hoan lạc tri thức thuần lý. Cầm sách Kant trên tay ta chỉ muốn hiểu hết, đọc đến trang cuối cho xong. Chỉ có những giáo sư chuyên ngành về Kant mới cần đến chúng cho nhu cầu giáo khoa. Sách của Kant, như là các bản Việt ngữ của BVNS, dù là những công trình dịch thuật tuyệt hảo, vẫn còn là một công án cho ý chí học hỏi, điều mà giới trẻ trí thức thời nay ít ai kham nỗi.

---

91 Nguyên văn: 'Im Reiche der Zwecke hat alles entweder einen *Preis*, oder eine *Würde*. Was einen Preis hat, an dessen Stelle kann auch etwas anderes, als *Äquivalent*, gesetzt werden; was dagegen über allen Preis erhaben ist, mithin kein Äquivalent verstattet, das hat eine Würde'. Xem tại đây.

Có buồn cười lắm không khi ông NHL, chưa từng thực sự hiểu những gì Kant viết, nếu thực sự ông có đọc triết gia này, lại đi phê bình 'đọc Kant, ta không có một hứng khởi cảm xúc về thế gian, về lịch sử, về con người, về cuộc sống gian khổ – dù may ra ta chỉ tìm được niềm hoan lạc tri thức thuần lý'. Đây là triết học Kant qua cái nhìn méo mó của một người chưa từng đọc hiểu triết gia này như ông NHL, chứ đâu phải là triết học Kant được đánh giá khách quan và khoa học. Chỉ nêu một ví dụ đối lập để xoá bỏ những cliché mà ông NHL viết về Kant. Giáo sư Kurt Huber, thành viên của nhóm chống Quốc Xã có tên Hoa hồng trắng (*Weiße Rose*), đã nhắc đến định ngôn lệnh thức của Kant trong những lời cuối cùng tại phiên toà xét xử mình:

> Là một công dân Đức, một giáo sư Đức và một con người chính trị, tôi nhìn nhận việc tham gia vào định hình lịch sử nước Đức, phát hiện và đấu tranh chống lại những tổn hại rõ ràng không chỉ là một quyền, mà còn là một nghĩa vụ đạo đức. (...) Tôi đã tự hỏi mình theo ý nghĩa của định ngôn lệnh thức của Kant, điều gì đã có thể xảy ra nếu như phương châm hành động chủ quan của tôi trở thành một quy luật phổ quát. Chỉ có một câu trả lời cho việc này: Khi đó thì trật tự, sự an toàn, sự tin cậy sẽ quay lại nhà nước của chúng ta.[92]

Ba tháng sau, tháng 7 năm 1943, giáo sư Huber bị xử tử bằng máy chém. Hai tháng trước khi phiên toà xét xử Huber diễn ra, một số thành viên khác của nhóm Hoa hồng trắng là Christoph Probst và hai anh em Scholl cũng đã bị xử chém vì tội phản quốc. Probst khi đó 23 tuổi, Hans Scholl 24 tuổi, còn Sophie Scholl mới 21 tuổi. Nếu thứ duy nhất mà một người thu được khi đọc Kant chỉ là một 'niềm hoan lạc tri thức thuần lý', 'không có một hứng khởi cảm xúc về thế gian, về lịch sử, về con người', điều gì ở Kant đã khiến Kurt Huber đứng lên chống lại sự cai trị của đảng Quốc Xã Đức?

92 Xem nguyên văn tại đây.

VI. KẾT LUẬN CHO BÀI PHẢN BIỆN KANT CỦA GS NHL

Nhìn một cách tổng quát, có thể nói bài phản biện triết học Kant của ông NHL không gì hơn là một trò cười cho những người thực sự có kiến thức về triết gia này. Bên cạnh những đoạn ông NHL suy đoán vô căn cứ, chẳng hạn như 'quang cảnh đơn sơ của khu phố nhỏ', thì là những đoạn văn sai hoàn toàn về kiến thức triết học. Điều này cũng không ngạc nhiên vì như chúng tôi đã chỉ ra trong các phần trước và càng được làm rõ ở phần này, ông NHL không có khả năng đọc hiểu đúng tài liệu triết học bằng tiếng Anh, thể hiện rõ nhất là qua cách ông dịch những gì mà ông đã đọc. Thêm vào đó là một tính cẩu thả không thể chấp nhận đối với một 'giáo sư triết học', ông trích một câu trong tác phẩm *Đặt cơ sở* nhưng lại tưởng mình đang trích tác phẩm *Phê phán lí tính thực hành* vì không đọc lại tiêu đề tài liệu tham khảo mà mình đang dùng. (!) Ông NHL cũng không có một kiến thức gì về những tác phẩm triết học không phải bộ ba 'Phê phán' của Kant. Tuy không đọc gì về Kant, ông NHL không hiểu sao lại phê bình Kant hết đỗi tự tin bằng những từ ngữ như, 'Kant hoàn toàn bỏ qua [vai trò của ngôn ngữ]', 'Đâu là sử tính trong triết học Kant?', 'Vậy thì mệnh lệnh đạo lý làm người sẽ áp dụng cho ai đây?', hay đọc Kant chỉ cho ta một 'niềm hoan lạc tri thức thuần lý'.

Lưu ý, chúng tôi không nói triết học của Kant là một triết học hoàn hảo, không thể phản biện. Đã có rất nhiều triết gia phản biện, thảo luận về những chủ đề lớn trong triết học Kant và những cuộc tranh luận vẫn đang tiếp tục diễn ra cho đến ngày hôm nay. Nhưng một người tối thiểu cũng phải đọc hiểu được những gì Kant viết trước khi phản biện ông. Bài phản biện của ông NHL không phải là phản biện triết học Kant, mà là phản biện cái phiên bản triết học Kant đã bị cắt xén, xuyên tạc, làm biến dạng qua cách 'đọc hiểu' của ông NHL. Người ta sẽ phải tự hỏi, chẳng lẽ kiến thức của một 'giáo sư triết học' có thể tệ đến vậy. Một câu trả lời khẳng định cho câu hỏi trên bây giờ cũng không có gì bất ngờ nữa, nếu như độc giả đã đọc hết toàn bộ các phần đi trước.

E. TỔNG KẾT

Bài viết 'Thông tin Triết học' trên *Tạp chí Triết* số 13 có trích dẫn một câu trong bài viết của TS Dương Ngọc Dũng (DND) về GS Liêm vào năm 2020 như sau:

> Có thể nói mà không sợ mang tiếng quá phóng đại rằng Nguyễn Hữu Liêm đang là Hegel của Việt Nam. Ông đã thổi một luồng sinh khí mới vào một lãnh vực xưa nay vốn vẫn chỉ dành riêng cho một thiểu số đặc biệt. Ông đi thẳng vào những vấn đề triết học mà ông quan tâm nhất: Hegel, Fukuyama, Wilber, và truyền thống huyền học (esoteric tradition) Tây Phương.

Điều thú vị là cách đó gần 30 năm, ông DND đã viết như sau về ông NHL trong cuốn 'Nhận định về các trí thức phật giáo trong nhóm Giao Điểm Hoa Kỳ':[93]

> Tôi muốn tìm hiểu và lật mặt nạ các động cơ tâm lý khiến những kẻ dốt nát, bất tài lại thích đề cập đến những vấn đề tư tưởng, triết học đao to búa lớn. Không hiểu tại sao văn hóa Việt Nam lại có thể dung chứa một đại bộ phận bất hảo, học vấn lai căng chẳng ra gì lại thích viết báo, viết sách nói về những điều mình chưa hề được học hỏi bao giờ, chẳng hạn Nguyễn Hữu Liêm, một người tự cho mình là triết gia, lập thuyết triết học trong khi hoàn toàn dốt nát về triết học Tây Phương (...) (Chương 8, phần a)

hoặc:

> Mục tiêu của chương này là phê bình bài viết "Phê Bình Những Phê Bình về Các Tôn Giáo Dân Tộc" của Lý Khôi Việt (Lê Hiếu Liêm) đăng trong *Tạp chí Triết* số 2 tháng 6 năm 96 do Nguyễn Hữu Liêm làm chủ nhiệm. Đây là một điều kỳ lạ vì Lý Khôi Việt thuộc nhóm Giao Điểm, nhưng khi chúng ta đi vào các bài viết của bản thân Nguyễn Hữu Liêm

93 Phiên bản trực tuyến của cuốn sách này có thể được đọc tại đây.

> là người điều hành trực tiếp *Tạp chí Triết*, chúng ta sẽ không còn ngạc nhiên nữa: bản thân Nguyễn Hữu Liêm cũng như Lý Khôi Việt hay Trần Chung Ngọc cùng chia sẻ những hằn học, đố kỵ nói chung với những trí thức được đào tạo chuyên môn trong lãnh vực của họ và cũng có thái độ sùng bái sự thông kim bác cổ, không hề đi học, nhưng thích lập thuyết dạy dỗ cho toàn thể nhân loại. (Chương 9)

Việc tại sao những quan điểm của ông DND có vẻ mâu thuẫn với nhau nằm ngoài phạm vi bài viết này. Nhưng cũng cần phải được nhắc đến ở đây là ông DND sau này lại *không* khẳng định lại danh hiệu 'Hegel của Việt Nam' của ông NHL, như ông viết trong thư chủ bút *Tạp chí Triết học*, số 6, tháng 10, 2021:[94]

> Thú thật tôi vô cùng cáu tiết với một văn phong ngập tràn lối viết hoa theo kiểu tiếng Đức của tác giả, cộng thêm rất nhiều từ Hán Việt hết sức cồng kềnh và nặng nề. Có lẽ tác giả muốn noi gương Hegel: "Một triết gia vĩ đại phải tra tấn hành hạ những người muốn hiểu ông ta." Chưa biết Nguyễn Hữu Liêm trong tương lai có phải là Hegel của Việt Nam hay không nhưng chắc chắn những ai đọc sách của ông đều phải chấp nhận "bị tra tấn hành hạ."

Hoặc thậm chí có phần châm biếm danh hiệu 'Hegel' này:[95]

> Chẳng hạn ngôn ngữ và truyền thống văn hóa Đức đã sản sinh ra triết học Kant, Hegel, Habermas, Gadamer, Husserl. (...) Còn chúng ta sống trong truyền thống văn hóa Việt Nam mà lại cố gắng nói năng giống như Hegel thì chỉ là làm dáng hay đóng kịch triết học mà thôi.

Nếu đã đọc những gì GS NHL đã viết về triết học được trích trong quyển này thì độc giả có lẽ đã nhận thấy rằng, những miêu tả của ông DND về ông NHL trước kia có vẻ chính xác hơn, như 'thích đề cập đến những vấn đề tư tưởng, triết học đao to búa lớn', 'học vấn lai căng chẳng ra gì lại thích viết báo, viết sách nói về những điều mình chưa hề được học hỏi bao giờ' hay

94 Xin đọc tại đây.

95 Xin đọc bài 'Học Triết như thế nào', *Tạp chí Triết* số 5, tại đây.

'tự cho mình là triết gia, lập thuyết triết học trong khi hoàn toàn dốt nát về triết học Tây Phương'.

Ông NHL không biết tiếng Đức và chữ Hán đứng sau các từ Hán-Việt nhưng lại thích phân tích từ Hán-Việt và tự chế ra những từ Hán-Việt mới, mà những từ này đa phần là vô nghĩa hoặc ít nhất thì không có một ý nghĩa xác định, khiến cho ngay cả ông NHL cũng sử dụng chúng sai lung tung (xem mục B.I). Ông NHL đề cập đến những vấn đề lớn lao như chuyển động của lịch sử thế giới (tức bao gồm Việt Nam, Trung Quốc, Ấn-độ và châu Âu) bằng cách áp dụng triết học Hegel, trong khi ông không hề đọc hiểu đúng được các văn bản của triết gia này bằng tiếng Anh. Chúng tôi có lấy một số đoạn văn ngẫu nhiên được ông NHL dịch mà không có đoạn văn nào ông NHL dịch đúng; những lỗi sai của ông NHL là những lỗi sai cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh, chưa bàn gì tới tư tưởng (xem B.II). Có lẽ ví dụ rõ và khôi hài nhất cho khả năng đọc hiểu tiếng Anh kém cỏi của ông NHL là cách ông đọc triết gia Feyerabend, ông không hề biết triết gia này đang chỉ trích điều gì và có quan điểm gì. Ông lầm tưởng Feyerabend phản bác các nhà khoa học trong bài *The Strange Case of Astrology* đồng nghĩa với việc người này bảo vệ chiêm tinh thuật và liên tục trích dẫn Feyerabend nhằm bảo vệ niềm tin của mình; trong khi chính triết gia này cũng coi chiêm tinh thuật là một trò lừa những người không biết gì. Làm sao một 'giáo sư triết học' có thể có khả năng đọc hiểu văn bản kém đến thế?

Với một khả năng ngôn ngữ như vậy, việc ông NHL không có kiến thức chính xác về triết học là điều không có gì khó hiểu, thứ khó hiểu duy nhất ở đây là không biết động lực nào đã khiến cho ông NHL tự tin nói và viết một cách rất chắc chắn những điều mình không hề biết hay được học, từ những việc nhỏ như phân tích từ Hán-Việt, đọc tiếng Đức, trích *Truyện Kiều* đến những việc lớn hơn như viết bài phê bình triết gia khác hay viết sách để công bố triết thuyết do ông NHL lập ra. Nhưng cơ sở nào để ông NHL lập triết thuyết khi ông không có kiến thức nào về triết học, khoa học tự nhiên, kiến thức lịch sử, văn hoá, địa lí, dù đây có thể là những kiến thức cơ bản nhất (ông NHL áp dụng học thuyết lịch sử của Hegel và tưởng Bồ

Đào Nha nằm ở phía Đông Anh Quốc (!), xem mục C.I). Cách ông NHL viết về con người và văn hoá Việt Nam thì đầy những thiên kiến, những ý kiến chủ quan vô căn cứ và không thiếu màu sắc phân biệt vùng miền. Hình như ông NHL đã có sẵn một hình ảnh méo mó về người Việt Nam rồi sau đó nghĩ ra đủ thứ triết luận và 'dẫn chứng' để biện hộ cho cách nhìn này của ông, chẳng hạn như 'chakra Việt Nam', *Truyện Kiều* phản ánh đời sống tâm linh bi đát của người Việt, vài ca sĩ mà ông NHL chọn ra có thể phản ánh được trình độ 'tâm thức' của cả một dân tộc v.v. Càng đọc và suy nghĩ về những bài viết của ông thì người ta càng nhận ra được càng nhiều sai lầm, mâu thuẫn.

Nói ngắn gọn, ông NHL chưa từng biết gì về triết học thực sự và học thuyết Liêmism của ông không là gì khác ngoài sự tưởng tượng chủ quan của ông.

Trường hợp của ông NHL là một trường hợp thú vị. Những lời mà DND đã viết về ông NHL cách đây gần 30 năm cho đến nay vẫn còn chính xác, hầu như không sai ở điểm nào. Trường hợp của ông NHL cho thấy rõ một điều, một người không thể học triết học chỉ thông qua việc đọc sách và tưởng tượng, khi không được đào tạo ở một cơ sở học thuật đàng hoàng. Và nếu không có ngoại ngữ thì người ta không thể thực sự nắm bắt và đi sâu vào triết học. Ba mươi năm có thể rất dài, nhưng cũng có thể rất ngắn. Như đối với trường hợp của ông NHL, ba mươi năm vừa qua ông không học thêm được một ngoại ngữ nào, kiến thức Anh ngữ cũng vẫn còn hạn chế, còn kiến thức triết học thì chỉ dừng lại ở mức cơ bản nhất. Bài ông NHL 'phản biện' mới được viết vào tháng 4 năm ngoái, do vậy mà nó phản ánh khá đúng trình độ triết học của ông NHL hiện tại. Làm thế nào để giải thích cho hiện tượng giẫm chân tại chỗ trong triết học của ông NHL? Chắc là sẽ phải mượn lời của ngài giáo sư ở chỗ này, đó là ông NHL vẫn còn thiếu 'ngã thể', cái 'năng lực ego' vẫn còn yếu ớt, chưa biết 'suy luận thấu đáo', 'đến nơi đến chốn', nhưng sau một vài lần *awaken* nữa thì ông NHL chắc sẽ học được tiếng Đức và đạt được 'sự tỉnh thức của tri thức' mà ông thường nhắc đến.

Người Đức nói *von Nichts kommt Nichts*, 'chẳng có gì đến từ hư không', trường hợp của ông NHL có lẽ là ví dụ rõ ràng nhất cho câu nói này. Không cố gắng thì người ta không thể đạt được thành tựu gì cả, việc đọc một vài cuốn sách tạp loại nào đó (nhất là về mấy chủ đề như 'tiến hoá' với 'vũ trụ học') chắc chắn là dễ hơn việc kiên trì học một ngoại ngữ cho đến nơi đến chốn, nhưng cái giá phải trả là cuối cùng người ta không biết mình biết thứ gì, thứ mình biết là có đúng hay không. Giá như ông NHL chịu khó đi học và đừng quá tự tin vào khả năng của mình (ông NHL đã viết sách 'khai giải' Hegel từ hơn 30 năm nay, dù ông không biết chút gì về triết gia này) thì giờ đây ông NHL đã có thể có một kiến thức tốt hơn, những gì ông viết có thể sẽ có một giá trị nào đó. Ở thời điểm hiện tại, sẽ là an toàn khi người ta giả định rằng các sách và các bài viết của ông NHL không thể được sử dụng cho bất cứ mục đích khoa học nào cả.

Không có triết gia từ trên trời rơi xuống. Hegel cũng phải đi học, ông phải học và rồi thành thạo tiếng Hi-lạp và tiếng La-tinh (Hegel từ bé đã viết một phần nhật kí của mình bằng ngôn ngữ này); theo một số tài liệu, Hegel cũng biết tiếng Pháp và tiếng Anh. Hegel theo học ở Chủng viện Tübinger rồi đến Đại học Jena, những cơ sở đào tạo tốt bậc nhất vào thời của ông, ông cũng đi nhiều nơi để thu về một hiểu biết sâu sắc về lịch sử, văn hoá và nghệ thuật châu Âu. Ông cũng có kiến thức cả về khoa học tự nhiên cũng như các ngành khoa học xã hội như khoa học pháp luật, kinh tế và lịch sử. Triết học của ông có một cơ sở phát triển vững chắc, kế thừa di sản triết học của Kant và xa hơn là di sản văn hoá-tinh thần của châu Âu nói chung. Không thể nào có chuyện một người không biết bất cứ ngoại ngữ nào, không có kiến thức chuyên môn về bất cứ lĩnh vực nào, từ khoa học tự nhiên cho đến khoa học xã hội-nhân văn, lại đùng một cái trở thành 'triết gia', trở thành 'Hegel của Việt Nam'. Dù vậy thì những tác phẩm của ông NHL cũng không phải là không có giá trị. Nếu như không bị đau đầu vì những thuật ngữ và những khái niệm 'triết học' lộn xộn có đầy trong những tác phẩm này, chúng tôi tin là độc giả sẽ thấy chúng có tính giải trí khá cao, đủ để cho người ta vài tràng cười trên con đường đi đến 'Thời

Quán', 'Trí Huệ' và 'cõi Cao hơn', nơi mà triết gia NHL đang chờ tất cả chúng ta.

VÀI LỜI CUỐI ĐẾN ĐỘC GIẢ

Vẫn như mọi lần trước, chúng tôi dành những lời cuối cùng của bài viết để hướng tới độc giả, vốn là đối tượng mà chúng tôi nhắm đến ngay từ đầu. Chúng tôi viết bài này không phải là vì ông NHL mà là vì những ảnh hưởng tiêu cực mà ông đang gây ra đối với những độc giả đã đọc sách của ông, những người đã lầm tưởng rằng ông NHL có kiến thức triết học thực sự và Liêmism thực sự là một học thuyết triết học. Về phần ông NHL thì chúng tôi tin là ông sẽ không thay đổi gì trong tương lai, nếu như ông tiếp tục nói về triết; mặt khác, với khả năng ngôn ngữ và khả năng đọc hiểu mà ông NHL đã thể hiện trong việc đọc các văn bản triết học thì chúng tôi tin là ông cũng sẽ không thể đọc và hiểu hết những điều đang được đề cập ở đây, giả như ông có đọc bài viết này. Chúng tôi hi vọng rằng độc giả qua bài viết này sẽ biết thêm một chút để nâng cao cảnh giác trước hiện tượng NHL và những hiện tượng tương tự vẫn đang còn hiện diện trong môi trường triết học ở Việt Nam. Cuộc đời của một con người là hữu hạn, nếu như người ta lãng phí thời gian quý giá cho những tác phẩm vô bổ thì sẽ càng có ít thời gian để làm được điều gì đó thực sự có ích cho chính mình và mọi người.

Con đường nào là con đường an toàn nhất để đi đến triết học đối với người Việt Nam? Như đã từng nói nhiều lần trong các bài viết khác nhau, chúng tôi giờ đây vẫn nói với sự chắc chắn cao nhất: con đường đến với triết học xuất phát từ ngôn ngữ. Không thể học triết học mà không giỏi ngôn ngữ. Một người Việt Nam muốn tìm hiểu và nghiên cứu triết học phải biết tiếng Anh, song như vậy là chưa đủ; người học triết nên biết thêm các ngoại ngữ châu Âu lục địa để có thể đọc được nguyên tác và các tài liệu chú giải đi kèm, tiếng Đức thường là lựa chọn tối ưu cho những người học triết, sau đó có thể là tiếng Pháp, tiếng Ý v.v., đối với người Việt Nam thì việc biết tiếng Trung Quốc, hay ít nhất là các thành tố Hán-Việt, là cần thiết để hiểu được chính xác các thuật ngữ triết học được dùng trong tiếng Việt. Chúng

tôi không thấy lí do chính đáng nào để không học ngoại ngữ trước khi học triết học. Chúng tôi, và chắc cũng giống như nhiều độc giả, bỏ qua lí do được nêu ra trong bài 'Học Triết như thế nào?' của ông DND, theo đó thì người Việt Nam không cần học tiếng Đức khi học triết học vì sách tiếng Đức rất đắt, đắt hơn nhiều so với sách tiếng Anh và tiếng Pháp tại Việt Nam, vốn 'tràn ngập với giá rẻ mạt' ở các chợ sách cũ. Lí do này chứa đựng trong nó rất nhiều sai sót, những sai sót mà chúng tôi tin là độc giả sẽ tự nhìn ra được, bên cạnh việc đa số các tài liệu triết học Đức giờ đã được số hoá trên Internet và cung cấp miễn phí đến người học.

Một người vẫn có thể đọc triết mà không có ngoại ngữ, tất nhiên, nhưng khi đó thì người đó hãy lưu tâm rằng kiến thức của mình có một cơ sở rất không chắc chắn vì tài liệu tiếng Việt có thể có nhiều sai sót khi chuyển ngữ, song vấn đề nghiêm trọng hơn ở đây là người này không hề có một công cụ nào để đối chiếu, kiểm tra lại cách hiểu triết học của mình. Chúng ta không cần phải đi sâu vào triết học ngôn ngữ hay thuyên thích học (*hermeneutics*) để biết được rằng ngôn ngữ rất quan trọng trong quá trình học tập, tư duy và truyền đạt thông tin. *Triết học trước khi biết ngoại ngữ và sau khi biết ngoại ngữ là hai thứ khác nhau*. Chúng tôi không muốn nhắc đến một tác giả viết sách triết học, do không thực sự biết bất cứ ngoại ngữ nào và do chưa bao giờ được đào tạo bài bản về triết học, đã hiểu sai hầu như tất cả các văn bản triết học và không có kiến thức thực sự về bộ môn này, dù đã học triết học trong hơn ba mươi năm.

Chúng tôi không viết bài này chỉ với mục đích chỉ ra những điều tiêu cực, tại mỗi lỗi sai, chúng tôi thường dịch lại đoạn văn và chỉ ra cách hiểu đúng của văn bản. Chúng tôi cũng cố gắng cung cấp cho độc giả một vài thông tin về triết học hay văn hoá chính xác hơn đến với độc giả tại những chỗ phù hợp. Nếu đã đọc đến điểm này trong bài, hi vọng độc giả đã có được thêm nhiều kiến thức, niềm vui và đặc biệt là thu hoạch được điều gì đó hữu ích cho hành trình đi đến triết học của chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Dưới đây chỉ liệt kê một số tài liệu tham khảo chính, một số tài liệu chỉ được nhắc đến ít lần sẽ không được liệt kê ở đây. Các nguồn tài liệu tham khảo cũng đã được ghi bằng cước chú ở trong bài viết chính.

CÁC TÁC PHẨM CỦA ÔNG NGUYỄN HỮU LIÊM

Nguyễn Hữu Liêm. 2020. *Phác thảo về một triết học cho lịch sử thế giới*, NXB Hội Nhà Văn.

—. 2018. *Thời tính, Hữu thể và Ý chí – Một luận đề siêu hình học*. NXB Đà nẵng.

—. 2016. *Sử tính và Ý thức: Một triết học cho Sử Việt*, NXB Sống.

—. 1992. *Dân chủ Pháp trị: Luật pháp, Công lý, Tự do và Trật tự xã hội, Biển mới*. Phiên bản online năm 2012 tại đây.

Các bài viết trên *Tạp chí Triết* tại đây.

Các bài viết của ông NHL trên các diễn đàn: *Cái âm điệu tủi thân bi đát (3.9.2003). Xem tại đây.*

Nơi giữa đại hội Việt kiều: Một nỗi bình an (27.11.2009). Xem tại đây.

Từ Lệ Thu đến Hồng Nhung – ba lần chết của nhạc Việt (22.1.2021). Xem tại đây.

CÁC TÁC PHẨM CỦA HEGEL

Hegel, G. W. F.. *Vorlesungen über die Philosophie der Weltgeschichte: Berlin 1822* (K.-H. Ilting, H. N. Seelmann, & K. Brehmer, Eds.). F. Meiner Verlag, 1996.

—. 1807. *Phänomenology des Geistes.* Blackmask Online, 2002. Xem tại đây.

—. *Vorlesungen über die Philosophie der Geschichte*. Reclam Verlag, 1924. Xem tại đây.

—. *Vorlesungen über die Philosophie der Religion*, Berlin, 1832. Xem tại đây.

BẢN DỊCH TIẾNG ANH

Hegel, G. W. F. [1807]. *Phenomenology of Spirit*. translated by A. V. Miller with analysis of the text and foreword by J. N. Findlay: Oxford: Clarendon Press, 1977.

—. *The Philosophy of History*. Batoche Books, Kitchener, 2001 With Prefaces by Charles Hegel and the Translator, J. Sibree, M.A. Xem tại đây.

CÁC TÁC PHẨM KHÁC

Jaspers K. 1949. *The Origin and Goal of History*. Yale University Press, New Haven and London, 1958. Xem tại đây.
—. 2013. *Die maßgebenden Menschen: Sokrates, Buddha, Konfuzius, Jesus.* Piper Taschenbuch.

PHỤ LỤC

GIÁO SƯ NGUYỄN HỮU LIÊM: TRƯỞNG KHOA TRIẾT HỌC ĐẠI HỌC SAN JOSÉ?

Vì không liên quan trực tiếp đến nội dung bài viết nên mục này được đặt trong phụ lục. Chủ đề này lẽ ra sẽ không cần phải được bàn tới, nhưng độc giả sau khi đọc xong bài viết trên hẳn sẽ đặt câu hỏi, tại sao một 'giáo sư triết học' như ông NHL lại có kiến thức ngoại ngữ (bao gồm cả tiếng Anh) và kiến thức triết học có nhiều lỗ hổng như vậy. Những thông tin về học hàm và chức vụ của ông NHL đôi khi không rõ ràng và có phần mâu thuẫn với nhau, vì vậy, phần này sẽ làm rõ và cung cấp thêm một số thông tin về vấn đề này. Những thông tin được liệt kê ở đây đều là những thông tin công khai, có thể dễ dàng tìm kiếm trên Internet, phần này chỉ có vai trò tổng hợp và trình bày lại những thông tin này.

Trên *Tạp chí Triết*, lí lịch hàn lâm của ông NHL được ghi như sau:

> Nguyễn Hữu Liêm: Sinh năm 1955 ở Quảng Trị. Qua Mỹ năm 1975, theo học BS Kinh tế Nông Nghiệp (1978), MPA Quản trị công quyền (1981) , JD Luật khoa (1987), MA Triết học (1997), PhD Triết học (2015). Hiện đang là Giáo sư Chủ nhiệm Khoa Triết tại San Jose City College, California và hành nghề Luật sư ở San Jose. Tác phẩm: *Dân chủ Pháp trị* (1991), *Tự do và Đạo lý* (1996), *Sử tính và Ý thức* (2018), *Thời tính, Hữu thể, Ý chí* (2018), *Cám dỗ Việt Nam* (2018), *Phác thảo một Triết học cho Lịch sử Thế giới* (2019).

Trong các bài báo khác nhau, ông NHL được gọi là 'GS.TS Triết học Nguyễn Hữu Liêm-Trưởng khoa Triết học tại trường Đại học San Jose City College, California' (xem tại đây), hay 'giáo sư chủ nhiệm khoa Triết tại San Jose City College, California, Hoa Kỳ.' (xem tại đây)

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày các thông tin liên quan đến quá trình đào tạo triết học của ông NHL.

Việc miêu tả ông NHL là Giáo sư NHL, Trưởng khoa Triết – Đại học San Jose rất dễ gây hiểu lầm. San Jose City College không phải là một trường đại học theo nghĩa mà người Việt Nam thường nghĩ đến, tức một cơ sở giáo dục đào tạo ở bậc Cử nhân (Bachelor) và cao hơn như Thạc sĩ (Master) hay Tiến sĩ (PhD.). Loại bằng cao nhất mà trường San Jose City College cấp là bằng Associate of Arts hoặc bằng Associate of Science. Bằng Associate (tiếng Hán dịch là 'phó học sĩ'), với thời gian đào tạo thường là 2 năm, là một chứng chỉ học thuật thấp hơn bằng Cử nhân. Sinh viên học xong bằng Associate có thể tiếp tục theo học tại một Đại học thêm một thời gian (thường là khoảng 2 năm) để lấy bằng Cử nhân. Associate Degree trong tiếng Việt có nơi dịch là 'bằng cao đẳng liên kết.' Như vậy, San Jose City College (SJCC) không phải là một đại học như nghĩa mà người Việt Nam thường hiểu, đúng hơn thì nó là một trường cao đẳng.

Chức vụ 'giáo sư' mà ông NHL thường gọi mình do vậy ở đây chỉ nói đến chức vụ giảng dạy đơn thuần, không bao gồm những công việc như nghiên cứu khoa học hay hướng dẫn sinh viên, học viên cao học hay nghiên cứu sinh làm khoá luận/luận văn/luận án tốt nghiệp như thường có trong tiêu chuẩn xét duyệt học hàm 'giáo sư' tại Việt Nam. Cách hiểu danh hiệu 'giáo sư' ở Việt Nam có khác biệt so với thế giới. Ở Việt Nam, học hàm 'Giáo sư' hay 'Phó giáo sư' là do Hội đồng Giáo sư Nhà nước xét duyệt và công nhận, không phải do cơ sở giáo dục hay đại học cấp hay phong. Những người dạy học ở bậc đại học thường chỉ được gọi là 'giảng viên đại học'.

Chức danh 'Trưởng khoa Triết' hoặc đôi khi là 'Chủ nhiệm Khoa Triết' cũng dễ gây nhầm lẫn khi tạo ấn tượng rằng 'khoa Triết' ở đây là một khoa giống như trong đại học ở Việt Nam, chẳng hạn như 'khoa Triết học' của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Trong Catalog Học thuật của trường SJCC chỉ liệt kê các tên của những trưởng phân khoa (Divison) trong ban điều hành nhà trường, không liệt kê các liệt kê chủ nhiệm của từng bộ môn. Tên của ông NHL (Liem, Henry) cũng không có tên chức vụ đặc biệt đi kèm. Điều này có thể là do bên dưới một phân khoa là rất nhiều các bộ môn (department) khác nhau. Chẳng hạn, chỉ tính riêng Phân

khoa Nhân văn, Khoa học Xã hội và Nghệ thuật (Humanities, Social Sciences, & Arts Division) đã có 19 bộ môn nhỏ hơn (Xem tại đây). Người Việt Nam gọi 'department' là 'bộ môn', còn 'faculty' mới là 'khoa', trong một khoa có nhiều bộ môn nhỏ hơn, chẳng hạn, khoa Sinh học (Faculty of Biology) của Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội có 9 bộ môn (*department*, xem tại đây). Việc ông NHL tự gọi mình là 'trưởng khoa' trong các văn bản tiếng Việt có lẽ là một sự đánh tráo khái niệm, vì nơi ông dạy không phải là đại học, không có khoa (faculty) để ông được gọi là 'trưởng khoa', đúng hơn thì ông có thể là 'trưởng bộ môn'.

Một cách ngắn gọn, San Jose City College là một trường cao đẳng, không phải đại học, và ông NHL cũng không phải là giáo sư hay trưởng khoa theo nghĩa mà những tên gọi này được sử dụng ở Việt Nam. Nếu theo cách hiểu các học vị ở Việt Nam thì người ta có thể gọi ông một cách chính xác hơn là 'giảng viên cao đẳng' và 'trưởng bộ môn'.

VỀ BẰNG TIẾN SĨ 'TRIẾT HỌC' CỦA GS NHL

Ông NHL giới thiệu mình lấy bằng 'PhD. Triết học' vào năm 2015. Thêm một thông tin thì ông lấy bằng tiến sĩ Triết học ở California Institute of Integral Studies (CIIS). Tuy nhiên, trường này không cung cấp chương trình đào tạo tiến sĩ Triết học (Philosophy), mà chỉ có chương trình đào tạo tiến sĩ với cái tên nghe 'hay hơn' rất nhiều là chương trình tiến sĩ 'Triết học, vũ trụ học và ý thức' (Philosophy, Cosmology, and Consciousness). Tên chương trình đào tạo tiến sĩ này có vẻ như không được thay đổi theo thời gian; chẳng hạn, danh sách các chương trình hậu đại học được liệt kê ở CIIS năm 2015 (xem tại đây) cũng chỉ có chương trình 'Triết học, vũ trụ học và ý thức' là liên quan đến triết học. Đây là chương trình mà ông NHL đã theo học.

Trên bìa luận án tiến sĩ triết học của ông NHL viết:

'A Dissertation Submitted to the Faculty of the California Institute of Integral Studies in Partial Fulfillment of the Requirements for the

Degree of **Doctor of Philosophy in Philosophy and Religion with a concentration in Philosophy, Cosmology, and Consciousness**'

RE-VISIONING THE END OF HISTORY

by

Henry Nguyên Huu Liêm

A Dissertation Submitted to the Faculty
of the California Institute of Integral Studies
in Partial Fulfillment of the Requirements for the Degree of
Doctor of Philosophy in Philosophy and Religion
with a concentration in Philosophy, Cosmology, and Consciousness

California Institute of Integral Studies

Như vậy, bằng PhD. của ông NHL là PhD. trong lĩnh vực *Triết học và Tôn giáo* (tên đầy đủ là 'Triết học và Tôn giáo, với trọng tâm trong Triết học, Vũ trụ học và Ý thức'), *không* phải thuần tuý PhD. Triết học như ông NHL giới thiệu. Tên gọi khác của bằng này là 'PhD. Triết học, Vũ trụ học và Ý thức'. Không biết tại sao ông NHL không ghi tên đầy đủ bằng cấp của mình, với những chủ đề có vẻ rất thú vị khác như 'vũ trụ học' và 'ý thức', hoặc tối thiểu là 'triết học và tôn giáo', mà chỉ ghi mỗi 'triết học'.

Mặt khác, người ta phải đặt câu hỏi ở đây là CIIS lấy cơ sở gì để dạy môn 'vũ trụ học' (*cosmology*) khi trường này không có chuyên gia nào về vật lí, thiên văn học và không có điều kiện vật chất gì để nghiên cứu lĩnh vực này? Để so sánh, môn 'vũ trụ học' thường được giảng dạy và nghiên cứu ở những khoa vật lí, cụ thể là vật lí thiên văn, ở các đại học lớn khác (như ở đây, Đại học Zürich được nhắc đến ở đây gắn với tên tuổi của một số nhà vật lí nổi tiếng như Röntgen, Einstein hay Schrödinger). Người ta cũng được phép

nghi ngờ chất lượng kiến thức 'vũ trụ học' được chuyển tải ở đây khi chứng kiến kiến thức khoa học tự nhiên nói chung của ông NHL và niềm tin mãnh liệt, quyết tâm bảo vệ chiêm tinh thuật (*astrology*) của ông.

Viện CIIS mà ông NHL theo học tiến sĩ cũng là một cơ sở với khá nhiều điều kì lạ đi kèm. Vì CIIS không xuất hiện trong những bảng xếp hạng đại học và viện nghiên cứu quốc tế nổi tiếng nên chúng tôi sẽ sử dụng một số trang xếp hạng quốc tế có đánh giá CIIS và so sánh nó với một đại học Việt Nam để độc giả có thể hình dung rõ hơn về trường này. Chúng tôi chọn 'Đại học Quốc gia Hà Nội' để làm tiêu chuẩn so sánh vì nghĩ rằng trường này có thể được lấy làm đại diện cho chất lượng đào tạo đại học ở Việt Nam. Sau đây là kết quả:

Trang web xếp hạng	Đại học Quốc gia Hà Nội	California Institute of Integral Studies	Nguồn
EduRank	1487/14,131	3173/14,131	[1], [2]
AD Scientific Index	2,713/24,674	7,306/24,674	[1], xem mục Ranking Among All Institutions
UniRank	742/13,900	1956/13.900	[1], [2]

CIIS không xuất hiện trong các bảng xếp hạng khác nổi bật hơn như QS TopUniversities hay Times Higher Education như Đại học Quốc gia Hà Nội. Tất nhiên, các bảng xếp hạng kiểu như trên không bao giờ khách quan hoàn toàn, cùng với một số vấn đề khác, song không thể phủ định là những bảng xếp hạng kiểu này vẫn có khả năng cung cấp cho người xem một đánh giá về những cơ sở giáo dục. Nếu theo những trang đánh giá trên thì CIIS, một cách khá nhất quán, được xếp hạng thấp hơn VNU HN khoảng 1200-1600 bậc nếu chỉ tính các cơ sở giáo dục, nếu tính cả các cơ sở nghiên cứu khác như bệnh viện, công ti v.v thì là khoảng 4500 bậc.

Chương trình Tiến sĩ Tâm lí học (Doctor of Psychology, PsyD) ở CIIS không được công nhận bởi Hiệp hội Tâm lí học Hoa Kì (American

Psychological Association, APA). Chương trình này được công nhận vào năm 2003, nhưng sự công nhận này đã bị rút đi vào năm 2011. Đơn kháng cáo của CIIS vào năm 2012 đã bị bác bỏ. CIIS sau đó đã nộp đơn một lần nữa vào năm 2016 nhưng tự nguyện rút đơn vào năm 2017. CIIS viết trên trang thông tin nhà mình là CIIS tuyên bố độc lập và không cần APA công nhận nữa ('*we have officially and decisively declared ourselves independent from the APA*.' xem tại đây), không quên an ủi những học viên của mình là học viên vẫn có thể lấy giấy phép hành nghề ở California với chương trình không được công nhận bởi APA ('*And we can still offer our students all the learning and experiences needed to prepare them to sit for licensure in the state of California (which does not require APA for licensure) and many other states.*').

Để biết đánh giá mới nhất của học viên về cơ sở giáo dục này, xin xem tại đây. Ngoại trừ một đánh giá 5 sao, đại đa số các đánh giá được viết trong thời gian gần đây đều cho CIIS từ 1 đến 2 sao. Độc giả có thể đọc qua những *review* của những học viên đã học tại cơ sở này.

Một bài *review* mà chúng tôi nghĩ nên được quan tâm đặc biệt là review của Daniella K. (xem tại đây), đây là một review rất chi tiết và được cập nhật trong một thời gian dài (khoảng một năm). Có thể coi đây là một học sinh điển hình của ngôi trường này. Kết thúc bài *review* gần đây, cô viết:

> I seriously hope that my review and updates save future students from supporting and becoming victimized by this program. There is no other way to say it but that. What CIIS sells is nothing short of a scam.
> *Tôi thực sự hi vọng rằng bài review và những cập nhật của tôi sẽ cứu những học sinh tương lai khỏi ủng hộ và bị biến thành nạn nhân bởi chương trình này. Không có cách nào khác để nói về chuyện này. Thứ mà CIIS bán không khác gì một trò lừa bịp.*

Trước đó (8.1.2022), Daniella K. viết về các cáo buộc rằng các giáo sư và giảng viên ở CIIS có hành vi quấy rối tình dục các học viên nữ:

> I'd like to update that Ive recently been privy to new information, of action thats been taken from students against professors and TA's that

were sexually inappropriate with students, grooming them into therapeutic relationships outside of class where they were provided psychedelic psychotherapy. During these psychedelic sessions these female students were groped, manipulated, and forced to push past their boundaries, and even have a romantic relationship with the CIIS employee. This particular TA also tried to get me to join his 'psychedelic underground group' and do therapy on me too, so I have first hand experience with these allegations. When these employees were reported to the Integral Counseling Program, the students were gaslit and reposted feeling 'managed' instead of the school taking appropriate action and acknowledging the abuse. This was exactly how I felt anytime I brought any other issue to administration.

Im sincere in saying, this school is beyond messed up. Stay far far away.

Tôi muốn cập nhật rằng gần đây tôi đã biết được thông tin mới về hoạt động của sinh viên trước các giáo sư và trợ lí giảng dạy có hành vi tình dục không phù hợp với sinh viên, dụ dỗ họ vào các mối quan hệ trị liệu bên ngoài lớp học, nơi họ được cung cấp liệu pháp tâm lí thức thần (psychedelic psychotherapy). Trong các buổi trị liệu thức thần này, những sinh viên nữ này đã bị sờ mó, thao túng và buộc phải vượt qua ranh giới của mình, thậm chí còn có quan hệ lãng mạn với nhân viên CIIS. Có một trợ giảng cũng đã cố gắng dụ tôi tham gia 'nhóm underground thức thần' của anh ta và trị liệu cho tôi, vì vậy nên tôi có kinh nghiệm trực tiếp với những cáo buộc này. Khi những nhân viên này bị báo cáo với Integral Counseling Program, các sinh viên đã bị gaslighted và phản hồi cảm giác 'bị quản lí' thay vì nhà trường có hành động thích hợp và thừa nhận hành vi lạm dụng. Đây chính xác là cảm giác của tôi bất cứ khi nào tôi trình bày bất kì vấn đề nào khác với ban quản lí.

Thành thật mà nói, ngôi trường còn hơn cả hỗn loạn. Hãy tránh thật là xa.

Trước đó, Daniella K. viết:

> CIIS markets themselves as progressive with out of the box degrees, but its really a degree mill teaching extremist ideologies that are harmful. (...) If you speak out against their teachings then you're called a racist and attacked by the teacher and students and told to rewrite your papers (cancel culture). There is a constant attack culture and students are always yelling at each other in class. (...)
> They teach toxicity that is harming society. What's scary is that they are successful in brainwashing students. Go to a school that first and foremost teaches good clinical psychology, CIIS is not this. (...) So glad to be done with this toxic university.
> *CIIS tự quảng cáo mình là cấp tiến với các bằng cấp không theo khuôn mẫu, nhưng thực chất đó là một lò bằng cấp dạy các hệ tư tưởng cực đoan độc hại. (...) Nếu bạn lên tiếng phản đối những lời dạy của họ thì bạn sẽ bị gọi là kẻ phân biệt chủng tộc, bị giáo viên và sinh viên tấn công và bị yêu cầu viết lại bài luận (đây là cancel culture). Ở đây có văn hoá tấn công liên tục và sinh viên luôn la hét với nhau trong lớp. (...)*
> *Họ dạy những điều độc hại đang làm tổn thương xã hội. Điều đáng sợ là họ thành công trong việc tẩy não sinh viên. Hãy đến một ngôi trường mà ở đó, trên hết, dạy tâm lí học lâm sàng tốt, CIIS không phải nơi đó. (...) Thật vui là tôi đã thoát khỏi cái đại học độc hại này.*

Đây không phải bình luận duy nhất viết rằng CIIS là một 'chỗ cấp bằng giả' hay 'lò bằng cấp' ('diploma mill' hay 'degree mill'). Ví dụ như bài review của Michael O. ở đây:

> I would highly recommend that any student thinking of attending this place should consider the poor online review seen at Studentreviews.com.
> This smells a great deal like a diploma mill, rather than a highly honed educational experience.
> *Tôi thực sự khuyến nghị bất kì sinh viên nào đang nghĩ đến việc theo học tại nơi này nên cân nhắc bài review online kém cỏi được thấy trên Studentreviews.com.*

Chỗ này có mùi rất giống một 'lò bằng cấp', thay vì một trải nghiệm giáo dục được trau chuốt kĩ lưỡng

Một bình luận khác của Yalda S. (10/31/2021) trong mục những bình luận bị ẩn đi viết:

> This is the most terrible university you will ever find. I was a doctorate student of clinical psychology there, the amount of racism among profs are so high specially the jewish ones, they have a grudge against others, that you cant even stand it, before the first semester, I dropped out of the school.
> *Đây là đại học tệ hại nhất mà bạn có thể tìm ra. Tôi là nghiên cứu sinh tâm lí học lâm sàng ở đây, và sự phân biệt chủng tộc của các giáo sư là cực kì cao, đặc biệt là những người Do-thái, họ thù ghét lẫn nhau đến độ bạn sẽ không thể chịu được, trước khi kết thúc học kì đầu tiên, tôi bỏ học.*

Một bình luận trước đó khá lâu của David C. (9/20/2014) viết:

> As for the school accepting almost everyone, regardless of the student's ability to satisfy the "academic rigor" of CIIS, it is true that this school will admit just about anyone. It would seem they want or need the tuition and will sacrifice standards of academic integrity for it.
> (...)
> *Về việc trường này chấp nhận hầu hết mọi người, bất luận khả năng của học sinh để đáp ứng 'sự nghiêm ngặt học thuật' của CIIS, thì đúng là trường này sẽ nhận gần như là bất cứ ai. Có vẻ như họ muốn hoặc cần học phí và sẽ hi sinh các tiêu chuẩn về liêm chính học thuật vì điều đó.*

Những sự việc như quấy rối học sinh hay thao túng tâm lí không phải là hiếm gặp tại CIIS. Từng có hai giáo sư ở CIIS (Angana Chatterji và Richard Shapiro) bị sa thải, liên quan đến việc thao túng tâm lí học sinh và tạo ra một giáo phái (*cult*) ở trong trường này. Xin đọc thêm tại đây.

Nếu độc giả muốn biết thêm một số bình luận về chương trình Ph.D Triết học, Vũ trụ học và Ý thức mà ông NHL đã theo học, có thể tham khảo thảo luận trên Reddit tại đây, hoặc về CIIS nói chung ở đây, hoặc ở

đây (‘Is CIIS basically a scam/waste of money?’ ‘Có phải CIIS cơ bản là một trò lừa đảo, phí tiền’, mới được đăng vào ngày 6.3.2025).

Trên đây chỉ là một vài thông tin xoay quanh ngôi trường này, nơi mà không thiếu những miêu tả là ‘scam’ (‘lừa đảo’), ‘red flag’ (‘cờ đỏ’) hay ‘diploma mill’ (nơi cấp bằng giả, ‘lò bằng cấp’), chưa tính đến những bê bối xảy ra tại khuôn viên CIIS. Nếu biết được những điều này rồi thì người ta sẽ dần hiểu tại sao một người với kiến thức như ông NHL lại lấy được bằng PhD. ‘Triết học, Vũ trụ học và Ý thức’ (được ông NHL ‘giản hoá’ thành ‘PhD. Triết học’) ở ngôi trường này.

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CỦA ÔNG NHL

Luận án tiến sĩ (LATS) của ông NHL có thể được tải xuống từ ProQuest với tài khoản của trường đại học phù hợp. Luận án của ông liên tục trích dẫn và đề cập đến các tác phẩm của hai người hướng dẫn ông là Richard Tarnas và Sean Kelly (cả hai người này đều không có chuyên môn gì về triết học), số lượng trích dẫn của hai người này nhiều hơn hầu hết các tác giả khác. Bên cạnh đó, luận án tiến sĩ của ông NHL cũng có nhiều câu, nhiều đoạn tương đối thú vị, xin chỉ trích dưới đây hai đoạn.

Sau khi nói về Hegel và nhân loại, tự nhiên ông NHL kể chuyện cá nhân giữa luận án. Ở đây có một điều thú vị phải được chỉ ra, đó là ở đây ông NHL có một lỗi typo, PWH (viết tắt cho Philosophy of World History) bị viết thành PWM. Sau này, bản dịch tiếng Việt, chắc chắn phải được thực hiện với sự đồng ý của ông NHL, cũng lặp lại lỗi sai này (xem cước chú 44). Điều này cho thấy phiên bản được đăng trên ProQuest rất nhiều khả năng đã là *phiên bản cuối cùng* của LATS của ông NHL; việc một luận án với những lỗi sai tiếng Đức rất cơ bản và những lỗi sai chính tả rõ ràng vẫn được chấp nhận ở cơ sở này có lẽ đã một lần nữa nói lên ‘chất lượng đào tạo’ ở đây (xin cũng để ý một chi tiết nữa là LATS có lề và dãn dòng rất lớn). Cách trích dẫn của ông NHL cũng không phù hợp với tiêu chuẩn khoa học, nếu như ở đây ông chỉ ghi mỗi PS hay PWM thì làm sao người ta biết được là

ông tham khảo phần nào của tài liệu trích dẫn? Chẳng lẽ phải đọc hết một quyển sách?

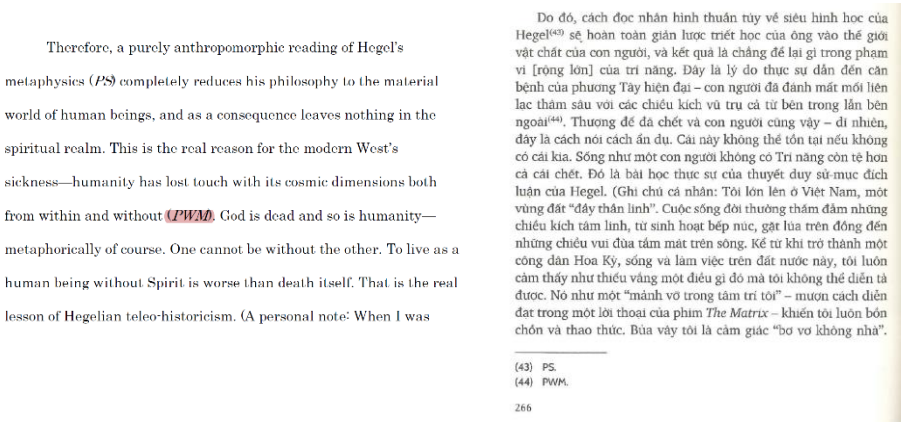

Therefore, a purely anthropomorphic reading of Hegel's metaphysics (*PS*) completely reduces his philosophy to the material world of human beings, and as a consequence leaves nothing in the spiritual realm. This is the real reason for the modern West's sickness—humanity has lost touch with its cosmic dimensions both from within and without (*PWM*). God is dead and so is humanity—metaphorically of course. One cannot be without the other. To live as a human being without Spirit is worse than death itself. That is the real lesson of Hegelian teleo-historicism. (A personal note: When I was

Do đó, cách đọc nhân hình thuần túy về siêu hình học của Hegel[43] sẽ hoàn toàn giản lược triết học của ông vào thế giới vật chất của con người, và kết quả là chẳng để lại gì trong phạm vi [rộng lớn] của trí năng. Đây là lý do thực sự dẫn đến căn bệnh của phương Tây hiện đại – con người đã đánh mất mối liên lạc thâm sâu với các chiều kích vũ trụ cả từ bên trong lẫn bên ngoài[44]. Thượng đế đã chết và con người cũng vậy – dĩ nhiên, đây là cách nói cách ẩn dụ. Cái này không thể tồn tại nếu không có cái kia. Sống như một con người không có Trí năng còn tệ hơn cả cái chết. Đó là bài học thực sự của thuyết duy sử-mục đích luận của Hegel. (Ghi chú cá nhân: Tôi lớn lên ở Việt Nam, một vùng đất "đầy thần linh". Cuộc sống đời thường thấm đẫm những chiều kích tâm linh, từ sinh hoạt bếp núc, gặt lúa trên đồng đến những chiều vui đùa tắm mát trên sông. Kể từ khi trở thành một công dân Hoa Kỳ, sống và làm việc trên đất nước này, tôi luôn cảm thấy như thiếu vắng một điều gì đó mà tôi không thể diễn tả được. Nó như một "mảnh vỡ trong tâm trí tôi" – mượn cách diễn đạt trong một lời thoại của phim *The Matrix* – khiến tôi luôn bồn chồn và thao thức. Bùa vậy tôi là cảm giác "bơ vơ không nhà".

(43) PS.
(44) PWM.

266

Nhưng vẫn không thể hiểu được là tại sao đang nói về Hegel, vũ trụ, con người, Thượng Đế thì bỗng dưng ông NHL lại kể chuyện riêng tư của mình. Chúng tôi xin được trích toàn bộ phần tiếng Anh ở đây (tr. 240, tr. 241).

> A personal note: When I was growing up in Vietnam, the land was "full of gods," so to speak, and daily life was imbued with spiritual dimensions, from cooking and rice harvesting to swimming in the river. Since becoming an American citizen, living as a professional in this country, I have always felt like missing something in my life that I cannot figure out. It acts like a "splinter in my mind"—borrowing the language of the movie The Matrix—that keeps me uneasy and restless. The feeling of being homeless is always with me. I wonder whether this is just a normal nostalgic psychology experienced by an ordinary immigrant being uprooted from his homeland, or am I sharing the Western postmodern psychic emptiness that is being explored in this study?)

Xin trích một đoạn khác trong LATS của ông NHL (tr. 275):

> One of Tarnas's insights is that the postmodern person has recently passed through two significant stirrings of the unconscious: while Freud reveals the personal unconscious, Marx exposed the social unconscious.
> *Một trong những nhận thức sâu sắc của Tarnas là con người hậu hiện đại gần đây đã trải qua hai sự khuấy động quan trọng của vô thức: trong khi Freud khám phá ra vô thức cá nhân thì Marx lại phơi bày vô thức xã hội.*

Nhưng ông NHL đã viết như sau về Freud và Marx (xin đọc tại đây):

> Vì thế, hãy đừng bắt chước và lập lại ngôn từ, khái niệm của Freud – hay Marx – như là những chân lý khoa học – mà thực chất chỉ là thứ khoa học phù thuỷ, những trò dẫu cợt sâu sắc và quyến rủ – vốn đã dãy chết từ lâu trên quê hương của chúng.

Như vậy thì ông NHL cho rằng Marx và Freud là 'thứ khoa học phù thuỷ', 'những trò dẫu cợt sâu sắc và quyến rủ' đang 'dãy chết'. Thế thì đoạn văn này và những đoạn văn dựa vào Freud hoặc Marx trong LATS ông NHL sẽ phải được hiểu như thế nào? Chẳng phải như thế thì chúng không còn giá trị gì nữa?

Ông NHL viết tiếp trong bài nói về Freud như sau:

> Và cuối cùng xin nhắc nhở trí thức thế giới ngoài Âu Mỹ – nhất là ở Việt Nam hiện nay – cũng phải ý thức đến điều này: Freud, cũng như Marx, chỉ là những hiện tượng lý thuyết phát xuất từ ý chí tự kiểm thảo, tự điều chỉnh trong truyền thống trí thức Tây phương – vốn chỉ có giá trị nội tại trong luồng văn minh đó mà thôi.

Nhưng chẳng phải chính ông NHL là người hay đi 'pha trộn', áp dụng lí thuyết phương Tây vào bối cảnh phương Đông (và ngược lại) nhất? Ngay trong LATS của ông NHL thì ông cũng áp dụng Freud và Marx ở các quốc gia châu Á như Trung Quốc hay Việt Nam (tr. 275), điều mà ông 'nhắc nhở' người khác không nên làm.

Nhưng đoạn buồn cười nhất nằm ở một trong những đoạn văn 'Dẫn nhập', trong đó ông NHL viết (tr. 21):

> In terms of its personal significance, this endeavor comes with a long history. I have engaged with Hegel's philosophy for the last thirty years, from the moment I read his Philosophy of History fresh out of college.
> *Về mặt ý nghĩa cá nhân, công trình này có một lịch sử dài. Tôi đã làm việc với triết học Hegel trong vòng ba mươi năm qua, kể từ khoảnh khắc tôi đọc cuốn 'Triết học Lịch sử' khi vừa mới tốt nghiệp.*[96]

Sau khi chứng kiến khả năng đọc hiểu của ông NHL qua những gì ông đã viết và đã dịch (xem phần B.II), chúng tôi chỉ muốn khuyên ông NHL là trong lần tới, hi vọng ông NHL sẽ học tiếng Anh cho tốt trước khi đọc sách triết học của Hegel, nếu không muốn bỏ ra thêm 30 năm nữa để rồi vẫn chẳng biết gì về triết gia này cả.

96 Bản dịch tiếng Việt dịch lệch chỗ này thành 'vào cuối những năm 30 tuổi.'

KIỀU VÀ CHÚA JESUS: MỘT VÀI TRÍCH ĐOẠN TỪ CÁC TÁC PHẨM CỦA ÔNG NHL

KIỀU VÀ CHÚA JESUS

Đoạn sau đây trích từ các trang 374–76 trong cuốn *Sử tính và Ý thức*. Xin tóm tắt, từ câu 'Vầng trăng ai xẻ làm đôi', ông NHL nói Kiều là một năng lực âm tính giống Mặt trăng. Kiều chờ một 'năng thức dương tính' cứu rỗi, mà đại diện là chúa Jesus. Từ Hải cứu Kiều nhưng không đủ năng lực dương tính giống chúa Jesus. Kiều chỉ có thể được cứu bởi chúa Jesus, tức văn minh phương Tây. Vì vậy, sự kiện Pháp xâm lược Việt Nam đã được dự báo trong Truyện Kiều, cụ thể là qua cái âm tính của Kiều và năng lực dương tính của chúa Jesus. Sau đây là toàn văn đoạn trích:

> Nếu ta đọc Kiều từ góc độ thiên văn huyền học (*astro-mysticism*) thì hãy xét câu thơ khi Kiều tiễn người chồng thứ hai, Thúc Kỳ Tâm, rằng: "Vầng trăng ai xẻ làm đôi." Đây là ánh trăng, ánh trăng của phản chiếu, *reflective light*, chứ không có sức mạnh nguyên thủy hay chủ động. Số phận Kiều là của vầng trăng, hoàn toàn thụ động. Trăng là cơ năng tiêu thụ cảm xúc của con người, còn mặt trời tiêu thụ trí tuệ và ý chí. Vầng trăng của số phận Kiều nay bị xẻ làm hai. Một nửa đi theo bình diện đại thể tính của chàng Thúc, một nửa ở lại, "in" sâu vào vòng riêng tư ("gối chiếc") của đời sống cá nhân nàng Kiều. Đây là lúc mà đại thể tính của xã hội, của luân thường từ bỏ Kiều, để Kiều bị hoàn toàn trôi dạt trên bàn cờ xác suất hữu-vô bất định. Số phận Kiều không mang bản sắc định mệnh, mà là của bất thường, của hư không, vì ở đó không có một chủ thể nào với ý chí chủ đích cho đời sống của nàng cả. Kiều đang mong đợi ngày đêm một năng thức dương tính đến từ mặt Trời, *the solar power*, để đem nàng ra khỏi âm tính của mặt trăng. Đó là hiện thân của Chúa Jesus – vốn được coi là một thần thể của *solar power*. Jesus, trong giáo lý đạo Chúa, là "con một" hay là hiện thân của Chúa Trời. Mà Chúa là Tinh thần (*Spirit*), tức là bản sắc của ý chí vươn thoát. Kiều cần có

một ý lực tự-Ngã vươn lên để bước qua khỏi số phận yếu đuối của nàng. Nàng cần có năng lực Tinh thần của mặt Trời dương tính để thoát khỏi âm lực thụ động của mặt trăng. Thân phận của nữ giới, từ thuở tiền sử, kinh nguyệt (*suối trăng*), cảm xúc, diễn ý và thi ca, tư duy, đều bị ảnh hưởng của mặt trăng. Mặt trăng (lunar) chi phối cảm xúc cá nhân và hiện tượng thủy triều. Khi không kiểm soát cảm xúc của mình, cá nhân bị âm tính mặt trăng điều khiển – do đó, được gọi là *lunatic*. Khi trăng tròn đầy vào ngày rằm, âm tính của trăng kích động tâm ý cá nhân cao độ. Đó là một phần của huyền thoại con người chuyển sang thành *werewolf*. Cuộc đời của nàng Kiều hoàn toàn bị chi phối trọn vẹn bởi *lunar power*. Nàng cần năng lực Tinh thần đầy dương tính của mặt Trời đến cứu độ. Khi Tinh thần đến kéo nàng ra khỏi vòng kiểm soát của âm tính mặt trăng thì nàng sẽ thoát khỏi ràng buộc của đạo lý Khổng Mạnh, vốn trói chặt thân phận phụ nữ vào chữ hiếu, chữ tình đầy giới hạn và thụ động – *"Lại mang lấy một chữ tình. Khư khư mình buộc lấy mình vào trong."*

Chúa Jesus nói, *"Kẻ nào đến với Ta mà không ghét bỏ cha mẹ, vợ con, anh em, ngay cả cuộc đời, thì không thể là môn đồ của Ta"* (Luke 14). Khi Kiều tiếp nhận Jesus vào đời, tức là đem năng lực dương tính của mặt Trời, là Tinh thần, thì việc đầu tiên là Kiều phải phá bỏ vòng đạo đức chữ Hiếu của Khổng giáo, để mà đi theo đại thể tính lớn hơn là số phận mà nàng phải thụ động chịu đựng. Chữ Hiếu giới hạn tính mệnh cá nhân vào vòng mặt trăng thụ động, vì nó điều hướng con người vào quá khứ Đã Là, mà Kiều cần phải vượt qua, khi mà cuộc đời và con cháu phải mang triết yếu tính cao hơn. Nếu không phải sinh ra thì mẹ nàng phải chết để Kiều được sống – thần thoại thượng cổ ngược lại. Nơi Kiều, trên số phận, trên thân phận của một người con gái bị trả nợ ân oán, là âm tính của trận luân lưu chiến giữa hai cõi âm và dương, của Nguyệt và Thái Dương. Đạo Phật chỉ cứu độ Kiều ở cuối đời nàng sau khi đã dìm dập Kiều từ buổi thiếu thời khi chữ nghiệp và duyên điều hướng nàng đi theo âm hưởng của mặt trăng. Đạo Khổng là cái nhà tù, cái

khung định mệnh giam hãm Kiều vào trong một trật tự luân thường, mà đời với xã hội Việt Nam đã trở thành một bản năng đạo đức, tức cá nhân đến tập thể – *"Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian."* Kiều đang cần năng lực cứu rỗi của Thái dương mặt Trời, mà biểu tượng và hiện thân là Chúa Jesus.

Kiều đã một lần được cứu rỗi bởi Từ Hải, một cái Ta dương tính của vị anh hùng thời cuộc, từ vóc dáng ngoại hình thân thể đến ý chí vương quyền thế gian. Nhưng Từ Hải là hiện thân của một dương tính chưa có đủ năng lực mặt Trời để có thể cứu mình và cứu Kiều. Lại thêm vướng bận vào chữ tình ngây thơ, mà Kiều là mặt trăng phản chiếu vào Từ Hải, chàng đã bị Hồ Tôn Hiến của thế gian lừa gạt, bị phục kích mà chết đứng chôn chân trong oan nghiệt. Cái khổ của số phận Kiều là của thế gian – và thế gian không thể cứu thế gian, con người không thể cứu con người. *"Thằng mù không thể dẫn dắt hướng đạo cho thằng mù"* – như Jesus đã nói – và cái Ta của Việt tục – chỉ có thể được cứu độ từ một năng lực Tinh thần cao hơn. Đó là hình ảnh mặt Trời đến từ phương Tây.

Đừng nghĩ rằng, hay gán cho trách nhiệm vào các giáo sĩ đạo Chúa muốn vào Việt Nam truyền giáo, hay là thực dân Pháp mang tham vọng lãnh thổ để quốc xâm lăng Việt Nam. Tư duy như thế là chỉ nằm trên bình diện hiện tượng. Lịch sử Việt Nam vốn có rất nhiều, quá nhiều, đối tượng để Ta trách cứ và lên án. Những Bá Đa Lộc, hay Đắc Lộ, hay De Genouilly, hay Napoléon III, hay Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, đều đã không biết họ đã làm gì. *They knew not what they were doing.* Họ chỉ là những cơ năng vô thức trên bàn cờ bao la vĩ đại của Thời Ý. Tất cả những gì đã xảy ra ở Thời Quán chuyển luân trong thế kỷ XIX, giữa Pháp và Việt, đều phát xuất từ tiếng khóc trong vô thức xin cứu rỗi của nàng Kiều muốn được thoát ra khỏi vòng định mệnh khắc nghiệt của truyền thống và xã hội.

CHỮ 'BEING' VÀ PHÊ BÌNH NGÔN NGỮ CỦA ÔNG NHL

Như đã cho thấy trong những phần trước, ông NHL chỉ có kiến thức hạn chế về tiếng Anh và không biết bất cứ ngoại ngữ nào khác. Dù vậy, điều này không ngăn cản ông phát biểu rất tự tin về thuật ngữ được sử dụng trong triết học.

Trích từ trang 60, *Sử tính và Ý thức*:

> Nội dung tinh hoa của triết học Heidegger là hành trình khai mở Being/Sein (Being không thể được dịch ra Việt ngữ vì nó không lột hết ý nghĩa siêu hình của nó. Ở đây, chúng ta để nguyên tiếng Anh.)

Nhưng 'Being' tự nó cũng là một thuật ngữ dịch từ tiếng Đức là 'Sein'. Tại sao dịch 'Sein' sang 'Being' thì đã 'lột hết ý nghĩa siêu hình' rồi, trong khi thực chất thì 'Sein' trong tiếng Đức vẫn khác thuật ngữ được dịch là 'Being' rất nhiều?

Song đây vẫn chưa phải điểm dừng cho những phát biểu vô căn cứ của ông NHL, tại trang 342 ông viết:

> Hãy nhìn vào hiện trạng chuyển ngữ, hay phiên dịch, chẳng hạn, từ Being sang tiếng Việt (Tồn tại, Hữu thể, Hiện hữu, Là) thì TA sẽ thấy sự bất lực của tiếng Hán Nôm khi muốn lột hết ý nghĩa siêu hình của một khái niệm trọng yếu nhất trong triết học Tây phương. Không có từ nào trong tiếng Việt hiện nay cho người học triết một trực giác ý nghĩa cho từ Being cả.

Cũng may cho người Việt là ông NHL chỉ biết tiếng Anh. Mới 'biết' được một ngoại ngữ thôi mà ông đã phát biểu những cụm từ như kiểu 'lột hết ý nghĩa siêu hình' rồi, không biết là khi ông NHL biết nhiều ngoại ngữ hơn thì ông còn có thể nói quá về ý nghĩa siêu hình đến độ nào. Bên cạnh đó, 'tiếng Hán Nôm' là một khái niệm không tồn tại trong khoa học.

SỰ TRÌNH DIỄN CỦA CÁC CHỮ 'THỜI'

Dưới đây xin trích lại một đoạn văn mà ông NHL giải thích quá trình 'tiến hoá', xin độc giả thứ đếm xem trong đây thì bao nhiêu chữ 'thời' xuất hiện và bao nhiêu trong số đó là các từ có nghĩa rõ ràng. Bên cạnh chữ 'thời', hai

chữ yêu thích khác của ông NHL là chữ 'thức' và 'thể', ông có xu hướng lắp các chữ này vào những thuật ngữ bình thường để tạo ra thuật ngữ triết học cho Liêmism. Đoạn sau trích từ trang 71, *Thời tính, Hữu thể và Ý chí*.

> 130. Quy luật tiến hóa trong *Darwinism* chính là nguyên lý Nhân/Quả (causation) của Thời Ý khi sự tác thành của Thời thể nhất thiết bao gồm sự giao hoán của hiện thân vật thể. Mỗi sự kiện Hiện Hữu bắt đầu bằng một năng ý tồn tại trong sự vươn tới của ý chí Khát Sống về một thế đứng phân biệt trong chuỗi dài Thời thể để chính sự kiện thực hữu được trở nên một đơn vị Thời tính. Mỗi hữu thể tồn hữu vì chính mình muốn tồn hữu: năng lực Thời Ý chuyển động trong đơn vị chủ quan để tự nó có khả năng sinh động theo nhu cầu nghiệm thể. Đây chính là chủ trương "tiến hóa sáng tạo" (evolution creatrice) của Henri Bergson để cho rằng phân tính hữu thể chính tự nó đi tìm cho mình một khả thể tồn tại trong năng lực Hiện Hữu chung của vạn vật. Tất cả Hiện Hữu chỉ là trường đổi thay và thuần đổi thay vì Thời Ý chính là năng lực đổi thay: sự giao hoán Thời thể qua quy tắc Nhân/Quả bởi sự kiện tác thành.

SO SÁNH MỘT SỐ ĐOẠN DỊCH TIẾNG ANH CỦA ÔNG NHL

Như đã viết trong phần B.II của bài viết chính, ông không có đủ khả năng ngôn ngữ để có thể đọc hiểu đúng những văn bản triết học bằng tiếng Anh. Phần bổ sung này chỉ đóng vai trò đặt bản dịch của ông NHL bên cạnh các bản dịch tiếng Anh, nguyên tác/bản dịch tiếng Đức để độc giả dễ so sánh hơn.

Nếu so sánh bản dịch tiếng Việt của ông NHL và bản tạm dịch của nhóm Bảo Tích thì có thể dễ dàng phát hiện ra rất nhiều chỗ ông NHL đã dịch sai hoặc tự ý cắt xén nguyên tác trong khi chuyển ngữ.

1. CÁC TRÍCH DẪN TỪ CÁC TÁC GIẢ VÀ TRIẾT GIA KHÔNG PHẢI HEGEL

Bản dịch của ông NHL	Bản dịch của Bảo Tích	Phiên bản tiếng Anh	Phiên bản tiếng Đức (nếu có)
Nguyên lý này đạt đỉnh cao ở Caesar Augustus, và trong sự đối nghịch với ông nhằm đánh lại tình trạng vi phạm nghiêm trọng nguyên lý tinh thần, để mà cái đối trọng phải xuất hiện, tức là tính Vô hạn – *infinity* – một Vô hạn không phủ định hữu hạn mà bao dung nó.	Nguyên lí này đạt tới đỉnh cao của nó ở Caesar Augustus, và đối nghịch với ông ta, đối nghịch với 'sự đứt gãy lớn' trong tinh thần này, cái đối lập của nó đã xuất hiện, cụ thể là tính vô hạn – một tính vô hạn không phủ định cái hữu tận mà bao chứa nó.	This principle reached its consummation in Caesar Augustus, and in opposition to him, to this "great breach" in spirit, there appeared its opposite, namely infinity—an infinity that did not negate finitude but encompassed it.	
Hoán chuyển lớn nhất của nhân loại (ở Thời Trục khi Phật xuất hiện) là năng thức tinh thần hóa (*spiritualisation*). Thái độ vô tư chấp	Sự biến đổi tổng quát này của nhân loại có thể được gọi là 'tinh thần hoá' (*spritualisation*, *Vergeisti-gung*). Sự nắm bắt cuộc đời một	This overall modification of humanity may be termed spiritualisation. The unquestioned grasp on life is loosened, the calm of	Diese gesamte Veränderung des Menschseins kann man Vergeisti-gung nennen. Aus dem unbefragten Innesein des Lebens geschieht die

nhận gánh nặng cuộc đời được nới lỏng, tính yên bình của cực tính (*polarities*) nay trở nên phản khắc và đối nghịch. Con người không còn đóng cửa trong chủ quan tính. Hắn hết chắc mãn về chính mình và từ đó mở ra những khả thể mới và vô hạn. Hắn bắt đầu nghe và hiểu được những gì mà chưa ai nghe nói tới. Cái chưa từng nghe tới nay đã hiện ra. Hắn cùng với Ý thức chủ quan và thế gian, Hữu Thể (*Being*) nay được cảm nhận, nhưng chưa có câu trả lời tối hậu. Câu hỏi lớn vẫn còn đó	cách không nghi ngờ được nới lỏng, sự yên bình của những đối cực trở thành sự bất an của những cặp đối lập và nhị luật bội phản 二律背反 (*antinomies*). Con người không còn đóng kín trong chính mình nữa. Người đó trở nên hết chắc chắn về chính mình và cởi mở trước những khả năng mới và vô hạn. Người đó có thể nghe và hiểu những điều trước đây không ai từng hỏi hoặc từng tuyên bố. Cái chưa từng được nghe tới giờ hiển hiện. Cùng với thế giới của mình và chính mình, con người giờ có thể cảm nhận được sự tồn tại (*Being*), nhưng không phải với quyết định tính: câu hỏi vẫn còn đó.	polarities becomes the disquiet of opposites and antinomies. Man is no longer enclosed within himself. He becomes uncertain of himself and thereby open to new and boundless possibilities. He can hear and understand what no one had hitherto asked or proclaimed. The unheard-of becomes manifest. Together with his world and his own self, Being becomes sensible to man, but not with finality: the question remains.	Lockerung, aus der Ruhe der Polaritäten geht es zur Unruhe der Gegensätze und Antinomien. Der Mensch ist nicht mehr in sich geschlossen. Er ist sich selber ungewiß, damit aufgeschlossen für neue, grenzenlose Möglichkeiten. Er kann hören und verstehen, was bis dahin niemand gefragt und niemand gekündet hatte. Unerhörtes wird offenbar. Mit seiner Welt und sich selbst wird dem Menschen das Sein fühlbar, aber nicht endgültig: die Frage bleibt.
Lần đầu tiên trong Lịch sử nhân loại, triết gia xuất hiện. Con người dám tự lực vào chính mình trên cơ bản cá nhân. Từ các đạo nhân cô độc lãng tử ở Trung Hoa, đến các nhà tu khổ hạnh ở Ấn Độ, hay là triết gia ở Hy Lạp, các đấng tiên tri ở Do Thái, tất cả đều mang một nội dung tâm thức	Lần đầu tiên, các triết gia xuất hiện. Con người đã dám dựa vào chính mình như là các cá nhân. Những ẩn sĩ và những tư tưởng gia chu du ở Trung Quốc, những nhà tu khổ hạnh ở Ấn-độ, những triết gia ở Hi Lạp và những nhà dự ngôn ở Israel thuộc cùng vào một nhóm (*belong*	For the first time philosophers appeared. Human beings dared to rely on themselves as individuals. Hermits and wandering thinkers in China, ascetics in India, philosophers in Greece and prophets in Israel all belong together, however much they may differ from each	Zum erstenmal gab es Philosophen. Menschen wagten es, als Einzelne sich auf sich selbst zu stellen. Einsiedler und wandernde Denker in China, Asketen in Indien, Philosophen in Griechenland, Propheten in Israel gehören zusammen, so sehr sie in Glauben,

chung, dù bao khác biệt và đa dạng, nhưng tư tưởng và lý tưởng của họ cùng của một mẫu số chung. Ở đó, con người bắt đầu soi chiếu chính mình ra với vũ trụ để tìm ra được nguyên ủy mà từ đó hắn có thể vực dậy tự chính mình và với thế gian.	*together*), dù họ có khác nhau nhiều đến thế nào trong những niềm tin của họ, nội dung tư tưởng của họ và khuynh hướng nội tại của họ. Con người cho thấy khả năng có thể, một cách nội tại, đặt mình tương phản với toàn bộ vũ trụ. Người ta đã tìm thấy trong chính mình nguồn gốc mà từ đó người ta có thể tự nâng mình lên cao hơn chính mình và thế giới.	other in their beliefs, the contents of their thought and their inner dispositions. Man proved capable of contrasting himself inwardly with the entire universe. He discovered within himself the origin from which to raise himself above his own self and the world.	Gehalten, innerer Verfassung voneinander unterschieden sind. Der Mensch vermochte es, sich der ganzen Welt innerlich gegenüber-zustellen. Er entdeckte in sich den Ursprung, aus dem er über sich selbst und die Welt sich erhebt.
(...) Socrates 'cảm thấy mình mang một sứ mệnh linh thiêng. Như là một nhà tiên tri, ông rất chắc mãn về công việc của mình, nhưng không như các tiên tri khác, ông không có gì để tuyên ngôn. Không có Thượng đế nào chọn ông và bảo ông phải rao giảng điều gì. Hành trạng của ông chỉ là đi tìm tình thân hữu với con người, mà ông là một. Đặt câu hỏi không ngừng nghỉ, khai mở tất cả những nơi che giấu, ông đòi hỏi không ở ai và không ở chính ông, nhưng chỉ nhất quyết nhấn mạnh đến suy tưởng, vấn hỏi, thử nghiệm, và nhắc	Nhưng ông [Socrates] chứa đầy sự ý thức về lời gọi cho một sứ mệnh linh thiêng. Giống như những nhà tiên tri, ông chắc chắn về lời thiên triệu; không giống họ, ông không quả quyết điều gì cả. Chẳng có Thượng đế nào đã chọn ông để nói cho con người điều mà Ngài ra lệnh. Sứ mệnh của ông là đi tìm kiếm cùng với con người, chính ông cũng là một con người. Là không ngừng đặt câu hỏi, để phơi bày mỗi chỗ ẩn giấu. Không đòi hỏi phải tin vào một điều gì hay tin vào ông, nhưng đòi hỏi tư tưởng, nghi	But he was filled with an awareness of his vocation of a divine mission. Like the Prophets, he was certain of his calling; unlike them, he had nothing to proclaim. No God had chosen him to tell men what He commanded. His mission was only to search in the company of men, himself a man among men. To question unrelentingly, to expose every hiding place. To demand no faith in anything or in himself, but to demand thought, questioning, testing, and so refer man to his own self	Aber er wurde ergriffen von dem Bewußtsein seines Berufes, eines göttlichen Auftrags. Dieses Berufes gewiß, wie die Propheten, hatte er doch nichts zu verkünden wie sie. Kein Gott hat ihn beauftragt, den Menschen zu sagen, was er ihm befahl. Er hatte nichts als den Auftrag, zu suchen mit den Menschen, selber ein Mensch. Er soll unerbittlich fragen, aus jedem Versteck aufscheuchen. Er soll keinen Glauben verlangen an irgend etwas oder an ihn selbst, aber er soll Denken verlangen, Fragen und

từng cá nhân hãy tham chiếu về chính mình	vấn, kiểm tra, và theo cách này thì một người quy chiếu lại chính mình		Prüfen, er soll den Menschen damit auf sich selbst stellen.
Khi mà mạch máu của cá nhân là trung hòa và khoẻ mạnh, và trước khi đi ngủ hắn đã đánh thức khả năng Lý tính để nuôi dưỡng nó bằng tư duy cao đẹp và suy tưởng, tự soi chiếu tâm thức bằng Thiền định; sau khi không ăn uống quá nhiều hay quá ít, nhưng chỉ vừa đủ để có thể ngủ được, nhằm ngăn cản không nhu cầu cơ thể khuấy phá vào các Nguyên lý cao hơn – để hắn đi vào cõi đơn độc thuần trừu tượng, tự do để tư duy và ước vọng đến tri kiến về cõi bất khả tư nghị từ quá khứ, đến hiện tại hay tương lai.	Khi mạch đập của một người là khoẻ mạnh và điều độ, và trước khi đi ngủ người này đã đánh thức những sức mạnh lí trí của mình, nuôi dưỡng chúng bằng những suy nghĩ cao thượng và những tham vấn, làm tâm mình an bình trong suy tưởng; sau khi không chiều chuộng những ham muốn của mình quá nhiều hoặc quá ít, mà chỉ đủ để đưa chúng [những ham muốn] vào giấc ngủ, và ngăn cản chúng, sự vui thú và đau đớn của chúng khỏi ảnh hưởng đến nguyên lí cao hơn-thứ [nguyên lí cao hơn] mà anh ta để trong cái cô độc của sự trừu tượng tuyệt đối, tự do để suy tưởng và khát khao tri thức cái chưa được biết đến, dù là trong quá khứ, hiện tại, hay tương lai. (...)	But when a man's pulse is healthy and temperate, and when before going to sleep he has awakened his rational powers, and fed them on noble thoughts and enquiries, collecting himself in meditation; after having first indulged his appetites neither too much nor too little, but just enough to lay them to sleep, and prevent them and their enjoyments and pains from interfering with the higher principle–which he leaves in the solitude of pure abstraction, free to contemplate and aspire to the knowledge of the unknown, whether in past, present, or future.	
Tự do là sự vượt thắng chướng ngại khách quan và những gì trói buộc...	Tự do là sự vượt qua thứ bên ngoài cưỡng ép tôi. (...) Nhưng tự do	Freedom is the overcoming the external and which coerces me... But	Freiheit ist *Überwindung des Äußeren*, das mich doch bezwingt.

Nhưng tự do còn có nghĩa là sự vượt thắng chính mình. Tự do đồng nghĩa với sự thiết yếu của đời sống nội tâm... Do đó, cái yêu cầu của tự do là sự tác động, không từ phóng túng hay phục tùng mù quáng, mà phải có từ phán đoán.	cũng là sự vượt qua sự chuyên chế của chính mình. Tự do trùng hợp với sự tất yếu của cái chân thật đang hiện hữu bên trong. (...) Yêu cầu đối với tự do, vì thế, là hành động không phải từ sự chuyên chế hay sự phục tùng mù quáng, mà là từ nhận thức sâu sắc. (dịch từ nguyên tác tiếng Đức)	freedom is also the overcoming of one's own arbitrariness. Freedom coincides with the inwardly present necessity of the true... The demand upon liberty is, therefore, to act neither from caprice nor from blind obedience, but from judgement.	(...). Freiheit ist aber auch *Überwindung* der *eigenen Willkür*. Freiheit fällt zusammen mit der innerlich gegenwärtigen Notwendigkeit des Wahren. (...) Der Anspruch an die Freiheit ist daher, weder aus Willkür noch aus blindem Gehorsam zu handeln, sondern aus Einsicht.

2. CÁCH GS NHL HIỂU NHỮNG ĐOẠN VĂN CỦA HEGEL

Bản dịch của ông NHL	Bản dịch của Bảo Tích	Phiên bản tiếng Anh	Nguyên tác tiếng Đức
Quan điểm của người Ấn về mọi vật là chủ nghĩa Universal Pantheism (Thần vật phổ quát) mà trong đó, nội dung của nó là năng lực Tưởng tượng, chứ không là Lý tính. Chỉ có một bản chất thấm nhập vào Tổng thể vạn vật, và tất cả những cá thể tính đều được sinh động hóa trực tiếp vào những năng lực đặc thù.	Thế giới quan của người Ấn-độ hoàn toàn là một thứ phiếm thần luận phổ quát (*allgemeiner Pantheismus*), song là một phiếm thần luận của lực tưởng tượng, chứ không phải của tư tưởng (*Gedanken*). Chỉ có một thực chất (*Substanz*) duy nhất, và tất cả những sự cá thể hoá (*Individualisierung*) đều được trực tiếp ban sức sống (*belebt*) và ban linh hồn (*beseelt*) thành những quyền lực	The Indian view of things is a Universal Pantheism, a Pantheism, however, of Imagination, not of Thought. One substance pervades the Whole of things, and all individualizations are directly vitalized and animated into particular Powers.	Die indische Anschauung ist ganz allgemeiner Pantheismus, und zwar ein Pantheismus der Einbildungskraft, nicht des Gedankens. Es ist eine Substanz, und alle Individualisierungen sind unmittelbar belebt und beseelt zu eigentümlichen Mächten.

	đặc thù.		
Những gì được cảm nhận bởi giác quan được đón tiếp và đưa chúng vào Tổng thể chung vô hạn. Nó không phải là một trạng tính mà trong đó hình thái thẩm mỹ cá thể được giải phóng ra khỏi tổng thể chung để trở nên cá thể đặc thù, nhưng chúng chỉ được phóng tác vào cõi vô hạn và bất định, để từ đó tính thể Linh thiêng hiện thân ra một cách kỳ quặc lạ lùng, mơ hồ, không rõ rệt.	Chất liệu và nội dung của cảm giác chỉ bị tiếp thụ vào trong cái phổ biến và cái bất khả lượng (*das Unermeßliche*) và bị mang vào một cách thô sơ, không được giải phóng thành hình thái đẹp thông qua năng lực tự do của tinh thần và không được lí tưởng hoá trong tinh thần; để cho cái cảm giác được (*das Sinnliche*) đã có thể có tính phục vụ (*dienend*) và là một biểu đạt của tinh thần tự uốn mình thuận theo (*sich anschmiegend*); thay vào đó, nó [cái cảm giác] bị khuếch trương thành cái bất khả lượng và cái cực độ (*das Maßlose*) và cái linh thiêng bởi vậy mà trở nên kì lạ, rắc rối và lố bịch.	The sensuous matter and content are in each case simply and in the rough taken up, and carried over into the sphere of the Universal and Immeasurable. It is not liberated by the free power of Spirit into a beautiful form, and idealized in the Spirit, so that the sensuous might be a merely subservient and compliant expression of the spiritual; but [the sensuous object itself] is expanded into the immeasurable and undefined, and the Divine is thereby made bizarre, confused, and ridiculous.	Der sinnliche Stoff und Inhalt ist in das Allgemeine und Unermeßliche nur aufgenommen und roh hineingetragen und nicht durch die freie Kraft des Geistes zur schönen Gestalt befreit und im Geiste idealisiert, so daß das Sinnliche nur dienend und sich anschmiegender Ausdruck des Geistigen wäre; sondern es ist zum Unermeßlichen und Maßlosen erweitert und das Göttliche dadurch bizarr, verworren und läppisch gemacht.
Đây là những giấc mơ không mang tính biểu ngôn (fables) – một màn kịch mà trí tưởng tượng đưa linh hồn vào cơn say đùa cợt, phóng đãng: tất cả đều bị đánh mất vào hình thái bất định, bị xô đẩy ngang dọc bởi những cơn mơ	Những giấc mơ này không phải là những câu chuyện cổ tích trống rỗng, một màn kịch/trò chơi của lực tưởng tượng để mà trong đó tinh thần lộng hành, trái lại, tinh thần thất lạc (mình) ở trong đó và bị quăng quật tới lui bởi những mộng tưởng	These dreams are not mere fables – a play of the imagination, in which the soul only revelled in fantastic gambols: it is lost in them; hurried to and fro by these reveries, as by something that exists really and seriously for it. It is delivered over to these	Diese Träume sind nicht leere Märchen, ein Spiel der Einbildungskraft, so daß der Geist darin nur umhergaukelte, sondern er ist darin verloren und von diesen Träumereien als von seiner Realität und seinem Ernste hin und her geworfen, er ist

được coi như là sự thật của một thực tại nghiêm trang. Nó bị giao hoán vào những vật thể hữu hạn và được tôn vinh như là Thần đế và ngôi Chúa. Mọi thứ, do đó, – từ mặt Trời, Trăng, ngôi Sao, sông Hằng, sông Indus, thú dữ, hoa dại – mỗi cái là một Thiên chúa.	này, như thể bị quăng tới lui bởi hiện thực và sự nghiêm túc của nó [tinh thần]. Tinh thần bị phó thác cho những thứ có tính hữu hạn này như là những ông chủ và thần linh của nó. Vì vậy mà mọi thứ, mặt trời, mặt trăng, những hòn đá, sông Hằng, sông Ấn, thú vật, hoa lá, tất cả đều là thần linh cho nó.	limited objects as to its Lords and Gods. Everything, therefore – Sun, Moon, Stars, the Ganges, the Indus, Beasts, Flowers – everything is a God to it.	diesen Endlichkeiten preisgegeben als seinen Herren und Göttern. So ist also alles, Sonne, Mond, Steine, der Ganges, Indus, Tiere, Blumen, alles ist ihm ein Gott (...)
Trong việc thần linh hóa mọi sự, mọi vật, mà hệ quả là sự giáng cấp cho cái Linh thiêng, ý niệm về Theanthropy (Thần nhân nhất thể), sự tái sanh của Thượng đế, chưa được nâng lên thành một ý niệm quan yếu. Con chim sáo, con bò, khỉ, chẳng hạn, là hiện thân Thượng đế, nhưng vẫn không vươn cao hơn ra khỏi bản chất thú vật của chúng. Cái Linh thiêng không là một tính thể chủ quan được cá thể hóa, như là một thực tại Tinh thần, mà chỉ là sự thoái hóa xuống cấp độ dung tục và vô nghĩa.	Trong sự thần linh hoá phổ quát đối với mọi thứ hữu hạn này, mà cùng với đó là một sự hạ nhục cái linh thiêng, thì ý tưởng về một sự nhập thể thành người (*Menschwerdung*), hoá thân của Thượng đế, không phải là một tư tưởng quan trọng. Con vẹt, con bò, con khỉ v.v do đó cũng đều là những hoá thân của Thượng đế và không được nâng cao lên khỏi bản chất của chúng. Cái linh thiêng không được cá thể hoá thành chủ thể, thành tinh thần cụ thể, mà bị hạ nhục thành sự xấu xa và sự vô nghĩa.	In this universal deification of all finite existence, and consequent degradation of the Divine, the idea of Theanthropy, the incarnation of God, is not a particularly important conception. The parrot, the cow, the ape, etc., are likewise incarnations of God, yet are not therefore elevated above their nature. The Divine is not individualized to a subject, to concrete Spirit, but degraded to vulgarity and senselessness.	Bei dieser allgemeinen Vergöttlichung alles Endlichen und ebendamit Herabwürdigung des Göttlichen ist die Vorstellung der Menschwerdung, der Inkarnation Gottes nicht ein besonders wichtiger Gedanke. Der Papagei, die Kuh, der Affe usf. sind ebenfalls Inkarnationen Gottes und nicht erhoben über ihr Wesen. Das Göttliche ist nicht zum Subjekte, zum konkreten Geist individualisiert, sondern zur Gemeinheit und Sinnlosigkeit herabgewürdigt.

Vạn vật đều bị cướp mất cái hữu lý, cái tồn hữu hợp lý và đồng nhất trong quy luật nhân quả – (bởi vì chúng ta phải ý thức rằng) con người là của một năng lực mang ý chí tinh tấn từ cơ sở cá thể độc lập, của bản sắc cá tính, và của tự do.	Cũng như vậy, sự vật khuyết thiếu lí trí (*Verstand*), sự tồn tại hữu hạn có tính tương quan của nguyên nhân và kết quả, giống như con người khuyết thiếu tính kiên cố (*Festigkeit*) của sự tồn tại tự do cho chính mình (*freies Fürsichsein*), của cá tính và tự do.	Things are as much stripped of rationality, of finite consistent stability of cause and effect, as man is of the steadfastness of free individuality, of personality, and freedom.	Die Dinge entbehren ebenso des Verstandes, des endlichen zusammenhängenden Bestehens von Ursache und Wirkung, als der Mensch der Festigkeit des freien Fürsichseins, der Persönlichkeit und der Freiheit.
Khi ý thức đã đánh mất sự chắc mãn về chính mình và tất cả những gì về nó, ngay cả về sự công nhận cho điều mất mát này, hay là về cảm nhận trong năng thức tự-Ngã – cả về tinh hoa cũng như là về chính mình, và điều đó là niềm đau cay đắng cho Ngã thức được biểu hiện trong câu nói, "Chúa Trời đã chết."	Đây là ý thức về sự mất mát tất cả tính bản chất (*Wesenheit*) trong xác tín của chính nó, [ý thức] về sự mất mát của ngay cái biết này về chính nó, về sự mất mát của thực chất (*Substanz*) cũng như của bản ngã, đây là nỗi đau mà đã phải thốt lên lời nói khắc nghiệt *rằng Chúa đã chết*.	It is the consciousness of the loss of all essential being in this certainty of itself, and of the loss even of this knowledge about itself – the loss of substance as well as of the Self, it is the grief which expresses itself in the hard saying that 'God is dead'	Es ist das Bewusstsein des Verlustes aller *Wesenheit* in *dieser Gewissheit* seiner und des Verlustes eben dieses Wissens von sich der Substanz wie des Selbsts, es ist der Schmerz, der sich als das harte Wort ausspricht, *dass Gott gestorben ist*.
Trong điều kiện quyền hạn và luật pháp, từ đó, thế giới luân thường đã bị tiêu vong, và thể loại tôn giáo này đã được bước qua trong tâm trạng Bi hài – Comedy. Tâm thức bất hạnh này, một linh hồn tuyệt vọng, chỉ là một sự công nhận về sự thể mất mát này. Nó đã đánh	Như vậy, trong trạng thái pháp luật (*Rechtszustand*), thế giới đạo đức và tôn giáo của chính nó đã chìm vào trong ý thức hài kịch (*komisch*), và ý thức bất hạnh là cái biết về toàn bộ sự mất mát này. Nó đã đánh mất cả giá trị tự thân của cá tính (*Persönlichkeit*) trực tiếp, cũng như của cá tính được	In the condition of right or law, then, the ethical world and the religion of that world are submerged and lost in the comic consciousness, and the Unhappy Consciousness is the knowledge of this total loss. It has lost both the worth it attached to its immediate personality and the	In dem Rechtszustande ist also die sittliche Welt und die Religion derselben in dem komischen Bewusstsein versunken, und das ungluecckliche das Wissen dieses ganzen Verlusts. Sowohl der Selbstwert seiner unmittelbaren Persoenlichkeit ist ihm verloren, als seiner vermittelten, der

mất cả giá trị thế gian với những gì trân quý trên tư cách pháp nhân và trong thể tính tư duy của một kẻ tránh đời. Niềm tin vào quy luật vĩnh hằng từ chúa Trời nay đã im lắng, cũng như các nhà tiên tri cũng trở thành ngu muội – nhưng vẫn giả bộ biết về biến cố thế gian.	trung giới, tức được suy tưởng. Niềm tin vào những quy luật vĩnh hằng của thần linh, như những lời sấm truyền, thứ tuyên bố rằng đã biết cái đặc biệt, đã im bặt.	worth attached to its personality as mediated, as thought. Trust in the eternal laws of the gods has vanished, and the Oracles, which pronounced on particular questions, are dumb.	gedachten. Ebenso ist das Vertrauen in die ewigen Gesetze der Goetter, wie die Orakel, die das Besondre zu wissen taten, verstummt.
Những tượng đài hoành tráng nay là những xác chết đá tảng khi mà linh thiêng của chúng đã biến mất, cùng lúc mà lời kinh cầu chỉ còn là ngôn từ mà chẳng còn ai tin vào. Bàn tiệc thần linh nay không còn thức ăn, đồ uống tinh thần, và từ nơi lễ hội hay trò chơi con người không còn nhận được niềm vui hoan lạc trong cảm thức thống hợp với Chân thể uyên nguyên.	Những bức tượng giờ chỉ là xác chết vì linh hồn làm (chúng) sống đã rời khỏi chúng, cũng như bài tán ca giờ chỉ là những lời nói mà đức tin đã rời khỏi chúng. Những bàn ăn của thần linh không có thức ăn và thức uống tinh thần, và từ những trò chơi và lễ hội thì sự hợp nhất hân hoan giữa ý thức và bản chất thần linh ([*göttliche*] *Wesen*) cũng không quay về (cho ý thức) nữa.	The statues are now only stones from which the living soul has flown, just as the hymns are words from which belief has gone. The tables of the gods provide no spiritual food and drink, and in his games and festivals man no longer recovers the joyful consciousness of his unity with the divine.	Die Bildsäulen sind nun Leichname, denen die belebende Seele, so wie die Hymne Worte, deren Glauben entflohen ist; die Tische der Goetter ohne geistige Speise und Trank, und aus seinen Spielen und Festen kommt dem Bewusstsein nicht die freudige Einheit seiner mit dem [göttlichen] Wesen zurück.
Khi công nhận Trí năng là đóa hoa Hồng trên Thánh giá của Hiện tại để mà hoan hỷ trong Hiện tại – Trực kiến Lý tính này chính là sự Hòa giải với Thực tại,	Nhận ra lí tính như là bông hồng trên thánh giá của hiện tại và vì thế mà vui mừng về điều này, nhận thức hợp lí tính này là sự hoà giải với hiện thực (*Wirklichkeit*), là thứ mà triết	To recognize reason as the rose in the cross of the present, and to find delight in it, is a rational insight which implies reconciliation with reality. This reconciliation	Die Vernunft als die Rose im Kreuze der Gegenwart zu erkennen und damit dieser sich zu erfreuen, diese vernünftige Einsicht ist die Versöhnung mit der Wirklichkeit, welche die

vốn là điều mà Triết học ban cho những ai đi theo tiếng gọi Nội tâm nhằm thấu hiểu.	học ban cho những ai đã một lần đón nhận yêu cầu nội tại là lĩnh hội [bằng khái niệm], và cũng như thế, bảo tồn sự tự do chủ quan trong cái thực chất, cũng như phải đứng với sự tự do chủ quan không phải trong một [mối quan hệ] đặc thù và ngẫu nhiên, mà là ngay trong cái tồn tại tự nó và cho nó (*an sich* và *für sich*).	philosophy grants to those who have felt the inward demand to conceive clearly, to preserve subjective freedom while present in substantive reality, and yet though possessing this freedom to stand not upon the particular and contingent, but upon what is self-originated and self-completed.	Philosophie denen gewährt, an die einmal die innere Anforderung ergangen ist, zu begreifen und in dem, was substantiell ist, ebenso die subjektive Freiheit zu erhalten sowie mit der subjektiven Freiheit nicht in einem Besonderen und Zufälligen, sondern in dem, was an und für sich ist, zu stehen.
Đó là một tiến trình Trở nên tự hữu, một vòng tròn mà Chung cuộc là Chủ đích, và Chung cuộc cũng là sự Bắt đầu; nó trở nên Thực hữu và Hiện thực chỉ khi nào được hành hoạt về một chủ đích mà nó dấn thân vào.	Đó là sự Trở-thành (*Werden*) của chính nó, vòng tròn, thứ tiền giả định kết thúc (*Ende*) của nó là mục đích (*Zweck*) của nó và có kết thúc của nó là khởi điểm, và chỉ thông qua sự thực hiện (*Ausführung*) và kết thúc này mà nó có thực (*wirklich*).	It is the process of its own becoming, the circle that presupposes its end as its goal, having its end also as its beginning ; and only by being worked out to its end, is it actual.	Es ist das Werden seiner selbst, der Kreis, der sein Ende als seinen Zweck voraussetzt und zum Anfange hat, und nur durch die Ausführung und sein Ende wirklich ist.
Lịch sử Thế giới, với tất cả những thay đổi qua bao thiên niên kỷ, là một quá trình Tiến hóa và thực tại hóa cho Tinh thần – đây là tinh yếu của Theodicaea – biện minh từ Chân Tâm trong Sử tính. Chỉ từ trong Trí tuệ thông hiểu này chúng ta mới thấy được sự hóa giải giữa TA và ta, giữa phủ định	Rằng bên dưới màn kịch biến chuyển của những lịch sử/câu chuyện, lịch sử thế giới là quá trình phát triển và sự Trở thành (*das Werden*) thực sự của tinh thần, đó chính là Thần chính luận (*Theodicee*) thực sự, tức sự biện minh chính đáng cho Thượng đế trong lịch sử. Chỉ có cái nhìn sâu sắc/nhận thức	That the History of the World, with all the changing scenes which its annals present, is this process of development and the realization of Spirit — this is the true Theodicaea, the justification of God in History. Only this insight can reconcile Spirit with the History of the World — viz., that what has happened, and is	Daß die Weltgeschichte dieser Entwicklungsgang und das wirkliche Werden des Geistes ist, unter dem wechselnden Schauspiele ihrer Geschichten, – dies ist die wahrhafte Theodicee, die Rechtfertigung Gottes in der Geschichte. Nur die Einsicht kann den Geist mit der Weltgeschichte und der Wirklichkeit

và xác định, giữa Sử ký với Sử lý – rằng những gì đã xảy ra không phải chỉ là tình cờ, vô nghĩa, nhưng mà tất cả đều nằm trong cơ Trời từ Chân thức.	(*Einsicht*) này mới có thể hoà giải tinh thần với lịch sử thế giới và hiện thực, đó là, thứ đã xảy ra và đang xảy ra hằng ngày không những không vắng mặt Thượng đế, mà về bản chất là tác phẩm của chính Ngài.	happening every day, is not only not 'without God,' but is essentially His Work.	versöhnen, daß das, was geschehen ist und alle Tage geschieht, nicht nur nicht ohne Gott, sondern wesentlich das Werk seiner selbst ist.

3. NHỮNG TRÍCH DẪN CỦA KANT

Bản dịch của ông NHL	Bản dịch của Bảo Tích	Phiên bản tiếng Anh	Nguyên tác tiếng Đức
Có hai điều luôn chất đầy mới lạ và ngưỡng mộ trong tâm trí tôi: bầu trời đầy sao phía trên và quy luật đạo đức bên trong.	Hai điều làm tràn đầy tâm tư với một sự thán phục và kính uý càng lúc càng mới và lớn hơn khi càng suy ngẫm thường xuyên và dài lâu về chúng: bầu trời đầy sao trên đầu tôi và quy luật đạo đức trong tôi.	Two things fill the mind with ever new and increasing admiration and awe, the oftener and more steadily we reflect on them: the starry heavens above me and the moral law within me.	Zwei Dinge erfüllen das Gemüt mit immer neuer und zunehmender Bewunderung und Ehrfurcht, je öfter und anhaltender sich das Nachdenken damit beschäftigt: der bestirnte Himmel über mir und das moralische Gesetz in mir.
Ta không thể thông hiểu bản sắc thực tế thiết yếu vô điều kiện của mệnh lệnh đạo đức; nhưng ta vẫn có thể suy thức cái không thể nhận thức được – vì đây là một triết học về lý tính với những giới hạn của nó.	Và như vậy thì quả thực chúng ta không hiểu được tính tất yếu vô điều kiện có tính thực hành của những lệnh thức đạo đức; song chúng ta hiểu được tính không thể hiểu được của chúng, đó là tất cả những gì có thể được đòi hỏi một cách hợp lí ở một triết học mà những nguyên tắc nó nỗ lực đi	And so we do not indeed comprehend the practical unconditional necessity of the moral imperative; yet we do comprehend its incomprehensibility, which is all that can be fairly demanded of a philosophy which in its principles strives to reach the limit of human reason.	Und so begreifen wir zwar nicht die praktische unbedingte *Notwendigkeit* des moralischen Imperativs, wir begreifen aber doch seine Unbegreiflichkeit, welches alles ist, was billigermaßen von einer Philosophie, die bis zur Grenze der menschlichen Vernunft in Prinzipien strebt, gefodert werden kann.

	đến giới hạn lí tính con người. (dịch từ phiên bản tiếng Anh)		
Hãy luôn hành động trên nguyên tắc rằng ta muốn nó có thể trở nên là quy luật hoàn vũ.	Hãy hành *động theo phương châm mà thông qua nó* bạn đồng thời có thể muốn rằng phương châm này trở thành một quy luật phổ quát.	Act only according to that maxim whereby you can at the same time will that it should become a universal law.	Handle nur nach derjenigen Maxime, durch die du zugleich wollen kannst, dass sie ein allgemeines Gesetz werde.
Hãy hành động trên nguyên tắc như thể rằng nó phải là đạo lý hoàn vũ.	Hãy hành động như thể phương châm cho hành động của bạn thông qua ý chí của bạn [được giả định] nên trở thành một định luật tự nhiên phổ quát.	Act as if the maxims of your action were to become through your will a universal law of nature.	Handle so, als ob die Maxime deiner Handlung durch deinen Willen zum allgemeinen Naturgesetze werden sollte.